

**C. CÔNG KHAI CÁC MÔN HỌC CỦA TỪNG KHÓA HỌC, CHUYÊN NGÀNH**

**C1. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông**

**1. Cử nhân Báo chí**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>16</b>		
1	Triết học Mác- Lênin	Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về Triết học Mác - Lênin một cách có hệ thống. Đó là hệ thống tri thức về thế giới; vị trí và vai trò của con người trong thế giới; mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan. Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận khoa học để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, trang bị những kỹ năng cần thiết trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Cung cấp cho sinh viên 6 nội dung lớn. Nội dung đầu tiên của Học phần là giới thiệu khái quát về Kinh tế chính trị Mác - Lênin, từ lịch sử hình thành, phát triển đến đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng... Nội dung thứ hai bao gồm những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường: hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể kinh tế tham gia thị trường. Nội dung thứ ba trình bày những vấn đề cơ bản nhất học thuyết giá trị thặng dư - hòn đá tảng của học thuyết kinh tế C. Mác, bao gồm nguồn gốc, bản chất, các hình thức biểu hiện... của giá trị thặng dư. Nội dung thứ tư trình bày về độc quyền, quan hệ cạnh tranh và độc quyền, độc quyền nhà nước, tác động hai mặt của chúng trong nền kinh tế thị trường. Nội dung thứ năm là kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam, bao gồm khái niệm, tính tất yếu, đặc điểm và những vấn đề cấp thiết phải hoàn thiện. Nội dung thứ sáu là công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam, bao gồm các khái niệm cơ bản, nội dung, điều kiện và định hướng thực hiện cơ bản.	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Cung cấp những kiến thức cơ bản, cốt lõi về những phạm trù, quy luật chính trị- xã hội trong quá trình vận động, phát triển của xã hội loài người từ hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa sang hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và sự vận dụng những quy luật đó trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về Tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 -1930); sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018); những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, cũng như những kinh nghiệm lịch sử được đúc rút từ hoạt động lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng..	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
6	Ngoại ngữ B1		5		
	Tiếng Anh B1	Giúp củng cố từ vựng và cấu trúc ngữ pháp thuộc các chủ đề quen thuộc, thường gặp ở nơi làm việc, trường học, khu vui chơi giải trí, và một số vấn đề xã hội đang được quan tâm như giao thông, văn hóa, thể thao,...	5	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	Tiếng Trung B1	Giúp sinh viên đạt được trình độ HSK cấp 3.	5	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
7	Giáo dục thể chất		4		
8	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		

<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>23</b>		
9	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học, lý thuyết nghiên cứu khoa học và các phương pháp nghiên cứu trong các khoa học khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp người học hiểu được bản chất logic của nghiên cứu khoa học, nắm vững được kỹ năng nghiên cứu khoa học và biết cách trình bày một báo cáo khoa học.</li> <li>- Cung cấp cho sinh viên không chỉ kiến thức về các phương pháp trong nghiên cứu khoa học mà còn trọng tâm vào việc rèn luyện kỹ năng làm đề cương nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình khoa học, kỹ năng trình bày báo cáo khoa học.</li> <li>- Giúp sinh viên mới vào trường phương pháp học tập ở bậc đại học theo phong cách của người nghiên cứu khoa học.</li> </ul>	3	HK4	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
10	Nhà nước và pháp luật đại cương	<p>Giúp sinh viên nắm được những khái niệm, nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật; Những nội dung cơ bản, phổ thông về một số ngành luật cơ bản. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên có được các kỹ năng như: Trả lời câu hỏi, xây dựng phương pháp tư duy đúng đắn trong hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn; Cũng như vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật vào việc tìm hiểu, đánh giá, thực hiện pháp luật trong thực tiễn. Bên cạnh đó, sinh viên cũng sẽ hiểu được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phần, ứng dụng vào việc học tập và cuộc sống, có thể nâng cao ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật, ý thức đạo đức, hiểu biết và thực hành các quyền con người, trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.</p>	2	HK6	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
11	Lịch sử văn minh thế giới	<p>Cung cấp cho sinh viên về sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày các nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh Ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX... ; Trong mỗi nền văn minh sẽ giới thiệu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội-văn hóa tới sự hình thành và phát triển của các nền văn minh ; Trình bày khái quát những nét chủ yếu của tiến trình văn minh và những đóng góp tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học –kỹ thuật, tôn giáo...</p>	3	HK1	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

12	Cơ sở văn hoá Việt Nam	<p>Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về văn hóa như: văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát, từ đó giúp người học có thể lý giải về các khía cạnh của văn hoá Việt Nam như: mối quan hệ giữa con người, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội Việt Nam với văn hoá; những đặc trưng chung của quá trình giao lưu tiếp xúc văn hoá ở Việt Nam và những nét nổi bật của quá trình giao lưu tiếp xúc giữa văn hoá Việt Nam với văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây. Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam cũng giới thiệu cho người học những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam như ngôn ngữ, tôn giáo (Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo, Thiên chúa giáo), tín ngưỡng (tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ Mẫu), lễ hội...; diễn trình của lịch sử văn hoá Việt Nam từ thời tiền sử cho đến nay hay những đặc trưng của các vùng văn hoá trên lãnh thổ Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hoá Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.</p>	3	HK1	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
13	Xã hội học đại cương	<p>Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học, các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, một số lý thuyết và phương pháp xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, cộng đồng và xã hội. Các mối quan hệ xã hội thể hiện ở các cấp độ xã hội khác nhau và phản ánh những đặc trưng xã hội về các mặt hoạt động cơ bản của đời sống xã hội như: kinh tế, chính trị văn hóa và xã hội. Xã hội như một tổng thể có cấu trúc xác định và có thể phân tích theo các tiếp cận cấu trúc, chức năng hay hành động xã hội. Sau khi học xong môn xã hội học đại cương, sinh viên có thể hiểu được một cách khái quát về vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội tổng thể. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.</p>	3	HK4	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

14	Tâm lý học đại cương	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản của tâm lý học như: tâm lý, tâm lý học, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học như: quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn...; quá trình hình thành và phát triển tâm lý người; các đặc điểm, qui luật và cơ chế tâm lý của các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý con người; phân tích và chứng minh vai trò của các yếu tố cơ bản trong sự hình thành và phát triển nhân cách; dự báo các xu hướng, tiềm năng và tiền đề phát triển của khoa học tâm lý trong thế kỉ XXI.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15	Lôgic học đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật lô gích hình thức cơ bản của tư duy như: Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. Từ đó sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy lô gích trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi lô gích của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học cho mình. Học phần không chỉ trang bị cho sinh viên những phương pháp tư duy đúng đắn để có thể phán ánh chân thực đối tượng ở trạng thái đúng im tương đối của đối tượng (mặt hình thức của nó) mà còn cung cấp những cơ sở và nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn nói chung, giúp người học có thể vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác và dùng nó trong hoạt động thực tiễn một cách có hiệu quả. Vì vậy, đây là học phần đã đang và nên là học phần phổ cập và bắt buộc đối với sinh viên ở giai đoạn đại cương trong tất cả các trường đại học.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
16	Tin học ứng dụng	Giúp sinh viên làm chủ được các phần mềm văn phòng MS Word, MS Powerpoint và MS Excel để ứng dụng một cách thuần thục và sáng tạo vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra trong quá trình học tập, nghiên cứu và công việc thực tế sau khi ra trường.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
17	Kỹ năng hỗ trợ		3	HK hè	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/18</b>		

18	Kinh tế học đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kinh tế học hiện đại (Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô). Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế và những phương pháp của khoa học kinh tế. Tiếp đó là phân phân tích cơ bản về một trong những nội dung quan trọng nhất của kinh tế thị trường - cầu, cung, giá cả cân bằng và thực chất của sự điều tiết của cơ chế thị trường cũng như việc Chính phủ tác động vào các thị trường. Trên quan điểm phân tích chi phí và lợi ích, học phần đi sâu giải thích hành vi của doanh nghiệp trên các thị trường nhằm mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận. Học phần dành một phần quan trọng để luận giải các vấn đề của toàn bộ hệ thống kinh tế. Đó là các vấn đề tổng cầu, tổng cung, sản lượng quốc gia, thất nghiệp và lạm phát. Trên nền tảng này, học phần tập trung luận giải việc sử dụng các công cụ chính sách của Chính phủ (chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương) nhằm ổn định và tăng trưởng kinh tế.	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19	Môi trường và phát triển	Giúp sinh viên nắm được các khái niệm về tài nguyên, môi trường và phát triển. Đặc điểm, nguyên nhân, hệ quả của các vấn đề suy thoái và ô nhiễm môi trường, mối quan hệ nhân quả giữa các lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội với môi trường. Học phần giới thiệu các công cụ luật pháp, kinh tế, khoa học công nghệ để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Học phần dành một phần năm thời lượng học tập để sinh viên nghiên cứu và thảo luận về các vấn đề môi trường và mối liên quan giữa các vấn đề môi trường và phát triển trên thế giới và ở Việt Nam với lĩnh vực chuyên ngành học tập của sinh viên.	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
20	Thống kê cho khoa học xã hội	Cung cấp cho sinh viên một số kết quả cơ bản, đơn giản của Thống kê ứng dụng để xử lý hai đại lượng quan trọng, rất hay được dùng trong thực tế: tỷ lệ và trung bình. Đó là bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thiết liên quan đến tỷ lệ, trung bình; so sánh hai giá trị trung bình, so sánh hai tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập giữa hai đại lượng; tương quan và hồi quy giữa hai biến.	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
21	Thực hành văn bản tiếng Việt	Cung cấp các kiến thức cần yếu về văn bản tiếng Việt: chủ đề, kết cấu, lập luận, phép liên kết, cấu tạo đoạn văn, cấu tạo câu giúp cho việc phân tích để tiếp nhận văn bản và tạo lập văn bản đạt hiệu quả giao tiếp.	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

22	Nhập môn năng lực thông tin	Giúp sinh viên nắm được khái niệm “thông tin”, “NLTT”; vai trò của NLTT (trong xã hội phát triển; đối với giáo dục đại học; đối với sinh viên) và các yếu tố tác động đến NLTT của sinh viên (nhận thức; chương trình đào tạo; Phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá; Hoạt động của thư viện; Môi trường học tập và nghiên cứu của sinh viên; sự phối kết hợp giữa giảng viên và cán bộ thư viện). Làm rõ nội hàm khái niệm nhu cầu và nhu cầu thông tin; các định nguồn cung cấp thông tin (truyền thống; trực tuyến và các nguồn cung cấp thông tin khác). Đề cập đến kiến thức và kỹ năng tìm kiếm thông tin (xây dựng chiến lược tìm kiếm; lựa chọn các công cụ tra cứu, Phương thức tra cứu truyền thống và hiện đại; kỹ năng khai thác thông tin và các thao tác khi đọc tài liệu). Đề cập đến khái niệm, vai trò, tiêu chí và quy trình đánh giá thông tin. Phân tích vai trò, hình thức của việc tổ chức, trình bày thông tin; phần mềm và các phần mềm quản lý thông tin cùng vấn đề an ninh, bản quyền và đạo đức trong việc sử dụng thông tin.	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
23	Viết học thuật	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và phương pháp viết học thuật - một kỹ năng quan trọng ở bậc đại học; giúp cho sinh viên nắm được cụ thể các bước cơ bản cũng như các quy tắc cần thiết của quá trình viết học thuật; tạo lập cho sinh viên thói quen tư duy một cách rõ ràng, mạch lạc, chuẩn xác về các chủ đề học thuật; hình thành nên sự tự tin và hứng thú trong việc biểu đạt bản thân qua sự viết.	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
24	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	Giúp sinh viên phát triển tư duy sáng tạo, đồng thời hiểu và ứng dụng quy trình Tư duy thiết (Design thinking) vào thực tiễn. Qua đó, người học phát huy được trí tuệ, tính năng động để đưa ra được những ý tưởng, mô hình giải pháp hoặc sản phẩm phù hợp để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, có sự chuẩn bị năng động nhất cho tương lai cuộc đời mình, có khả năng tự chủ, thích ứng tốt với những yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của thị trường lao động.	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25	Hội nhập quốc tế và phát triển	Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về hội nhập quốc tế và phát triển cũng như vai trò của hội nhập quốc tế đối với phát triển. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức này vào nghiên cứu và làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến hội nhập quốc tế và phát triển.	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

26	Hệ thống chính trị Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về hệ thống chính trị Việt Nam.	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III. Khối kiến thức theo khối ngành</b>			27		
<b>III.1 Các học phần bắt buộc</b>			18		
27	Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		4	HK1	
	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Giúp sinh viên: - Nắm được lượng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp căn bản thuộc các chủ đề quen thuộc như gia đình, các mối quan hệ cá nhân, nơi ở, giải trí, thể thao, các sự kiện trong cuộc sống,...; nắm được các từ vựng cơ bản về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành XHNV như lịch sử, văn hoá, tâm lý, công tác xã hội, giáo dục, kinh tế, truyền thông ... - Phát triển đồng đều các kỹ năng ngôn ngữ với trình độ tương đương bậc hai theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	4	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Giúp cho sinh viên đạt được trình độ HSK cấp 1 và HSKK sơ cấp.	4	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28	Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp về: - Các vấn đề ngữ pháp tiếng Anh nâng cao dành cho sinh viên trình độ trung cấp bao gồm sử dụng từ vựng, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu, lập dàn ý cho bài viết, ...; - Từ vựng cơ bản được sử dụng trong các lĩnh vực xã hội, giao tiếp cá nhân và quan hệ xã hội, các vấn đề được quan tâm như giao thông, kinh tế, môi trường,... - Phương pháp thuyết trình khoa học; - Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp – tương đương bậc ba theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	5	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: - Các mô hình câu (câu mang bổ ngữ trình độ (1)/ kết quả/ số lượng/ thời lượng, câu so sánh, câu nhấn mạnh, câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, câu phức quan hệ giả thiết, tăng tiến, nguyên nhân - kết quả ...); cách sử dụng một số trợ từ, giới từ, phó từ. - Từ vựng cơ bản ở một số lĩnh vực xã hội hàng ngày như học tập, hoạt động hàng ngày, sở thích, đời sống xã hội... - Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở mức độ sơ cấp.	5	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29	Khởi nghiệp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khởi nghiệp. Qua đó, người học có thể hiểu, tự xây dựng và triển khai các kế hoạch khởi nghiệp mà bản thân theo đuổi.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
30	Báo chí truyền thông đại chúng	Cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống, khoa học và hiện đại về truyền thông và qui trình truyền thông; về lịch sử hình thành, phát triển, đặc điểm loại hình của các phương tiện truyền thông đại chúng. Học phần cũng giới thiệu về báo chí như một hoạt động truyền thông đại chúng với vị trí, vai trò trong xã hội, những đặc thù của báo chí trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cũng nắm được vấn đề bản chất của hoạt động báo chí cũng như có được hình dung tổng quan về sự hình thành và xu hướng phát triển của báo chí Việt Nam hiện nay. Ngoài cung cấp kiến thức lý luận, học phần cũng liên hệ chặt chẽ với thực tiễn báo chí truyền thông trong và ngoài nước để làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận; đồng thời vận dụng lý luận để lý giải cho hoạt động thực tiễn.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31	Quan hệ công chúng đại chúng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng như khái niệm, lịch sử hình thành và quá trình phát triển, những mô hình và quy trình Quan hệ công chúng hiện đại và khả năng ứng dụng, những nguyên tắc hoạt động của ngành, đồng thời sinh viên cũng có được hiểu biết về diện mạo của ngành Quan hệ công chúng trên thế giới và ở Việt Nam, thành thạo một số kỹ năng Quan hệ công chúng cơ bản, có thái độ tích cực về nghề Quan hệ công chúng.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/39</b>		

32	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK3	
33	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK3	
34	Mỹ học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Triết học	3	HK3	
35	Nghệ thuật học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK3	
36	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK3	
37	Đại cương về quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK3	
38	Quan hệ đối ngoại Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
39	Lý thuyết hệ thống	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK3	
40	Đạo đức học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Triết học	3	HK3	
41	Nguyên lý lý luận văn học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK3	
42	Thế chế chính trị thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
43	Tâm lý học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK3	
44	Nhập môn Quan hệ quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
<b>IV.</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
45	Lý luận báo chí truyền thông	Giúp sinh viên hiểu được hệ thống lý luận báo chí cách mạng, hiểu và vận dụng được kiến thức về chức năng, nguyên tắc hoạt động, mối quan hệ giữa luật pháp và báo chí, lao động sáng tạo trong hoạt động báo chí, trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của nhà báo đối với hoạt động thực tiễn báo chí ở Việt Nam hiện nay.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

46	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	Cung cấp những kiến thức cơ bản giúp người học nắm được khung pháp lý cơ bản của hoạt động báo chí ở Việt Nam. Giúp xây dựng cho người học có ý thức và có khả năng xác định được những vấn đề pháp luật mà người làm báo chí thường xuyên gặp phải trong quá trình tác nghiệp để phòng tránh việc vi phạm pháp luật, nâng cao kiến thức về pháp luật và tuân thủ pháp luật trong hoạt động tác nghiệp. Học phần cũng giúp người học hiểu và ý thức những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cơ bản của người làm báo. Các văn bản pháp quy như luật báo chí, luật quảng cáo, xuất bản, quyền sở hữu trí tuệ... sẽ được giới thiệu trong Học phần. Các quy định về quyền lợi, nghĩa vụ, đạo đức và trách nhiệm của nhà báo và nhân viên truyền thông, quảng cáo, biên tập viên... sẽ được thảo luận thông qua các nghiên cứu trường hợp trong và ngoài nước.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông	Giúp sinh viên nắm được các phương pháp cơ bản và quy trình thực hiện để đánh giá và giải quyết những vấn đề quan trọng trong lĩnh vực truyền thông đại chúng, bao gồm báo chí và quan hệ công chúng, quảng cáo,..., đặc biệt là phương pháp điều tra xã hội học (survey) và phân tích nội dung sản phẩm truyền thông (content analysis).	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		6/12		
48	Tổ chức và quản trị nội dung tạp chí in và điện tử	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về loại hình tạp chí. Sinh viên hoàn thành học phần có thể nắm được những nguyên tắc chung về tổ chức nội dung và thiết kế hình thức cho một tạp chí phù hợp với tôn chỉ mục đích và đối tượng phục vụ của tạp chí; đồng thời có thể xây dựng được nội dung và hình thức của một số trang hoặc chuyên mục nhất định trên tạp chí; sinh viên có kỹ năng phân loại tạp chí điện tử, tổ chức sản xuất một số phần nội dung trên tạp chí điện tử thuộc nhóm thông tin giải trí và chỉ dẫn.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49	Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bộ máy tòa soạn các cơ quan báo chí truyền thông, giúp cho sinh viên hiểu được chức trách của từng bộ phận, nhân sự trong quy trình vận hành của một cơ quan báo chí truyền thông khâu lập kế hoạch tổ chức sản xuất, biên tập...; Học phần giúp người học nắm rõ đặc điểm lao động nghề nghiệp, phương tiện làm việc và nguồn tin của phóng viên... Từ đó,	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		người học sẽ có kỹ năng làm việc để thích ứng và hòa nhập nhanh với thực tiễn nghề nghiệp ngay cả khi học tập, thực tập và sau khi ra trường..			
50	Lịch sử báo chí Việt Nam và thế giới	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của báo chí và truyền thông trên thế giới và cụ thể tại Việt Nam, cũng như các vấn đề chính của báo chí – truyền thông đương đại.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51	Niên luận	Giúp sinh viên củng cố những kiến thức thuộc khối kiến thức cơ bản, chung của ngành và nhóm ngành đã được học trong các học kì trước đó để nghiên cứu sâu về một đề tài tự chọn hoặc do giảng viên phân công, làm cơ sở xác định hướng nghiên cứu khoa học, lựa chọn hướng chuyên ngành và khoá luận tốt nghiệp. Đồng thời, thông qua việc thực hiện niên luận sinh viên có thêm cơ hội để củng cố sâu hơn về lý luận truyền thông và quan hệ công chúng cũng như tăng thêm sự am hiểu, kết nối với thực tiễn nghề nghiệp.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>			6/36		
52	Chính trị và truyền thông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK6	
53	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK6	
54	Dẫn luận ngôn ngữ học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK6	
55	Các chương trình quan hệ công chúng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK6	
56	Tổ chức sự kiện	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK6	
57	Văn hóa, văn minh phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK6	
58	Văn hóa và xã hội Việt Nam đương đại	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK6	
59	Quyền lực chính trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị	3	HK6	

		học			
60	Phong cách học tiếng Việt	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK6	
61	Lễ hội trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK6	
62	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK6	
63	Các lý thuyết quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK6	
<b>V.</b>	<b>Khối kiến thức theo ngành</b>		<b>50</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>31</b>		
64	Ngôn ngữ báo chí	Giúp sinh viên nắm rõ được vai trò của ngôn ngữ trong báo chí cũng như những đặc thù của ngôn ngữ báo chí so với ngôn ngữ trong các lĩnh vực khác. Từ đó, sinh viên ứng dụng được tri thức về ngôn ngữ báo chí vào việc sử dụng ngôn ngữ trong báo chí, giúp hoàn thiện hơn kỹ năng viết cho báo chí.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
65	Kỹ năng viết cho báo in	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thể loại báo in, các kỹ năng tổ chức tin, bài trong loại hình báo in. Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể nắm vững và vận dụng kiến thức về thể loại báo in và kỹ năng lựa chọn, thu thập, xử lý thông tin và viết bài cho các ấn phẩm báo chí.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66	Kỹ năng viết cho báo điện tử	Cung cấp kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về đặc điểm, tính năng và khả năng truyền thông của một đơn vị báo trực tuyến, sử dụng công nghệ nền tảng là website; Những kiến thức về một số thể loại báo chí thường được sử dụng trên website báo trực tuyến, sự biến đổi thích hợp với loại hình của các thể loại báo chí đó; Phương pháp và các bước cơ bản triển khai viết và sản xuất nội dung tin, bài ảnh, video, âm thanh và các vấn đề liên quan.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

67	Kỹ thuật phát thanh và truyền hình	Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về kỹ thuật sản xuất, phát sóng của các chương trình phát thanh truyền hình; các tiêu chí kỹ thuật cơ bản trong hoạt động sản xuất phát thanh và truyền hình. Sau khi học xong sinh viên có thể tự sự dụng và vận hành các thiết bị ghi âm, ghi hình, bàn dựng..thuộc lĩnh vực kỹ thuật phát thanh - truyền hình	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
68	Kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lý luận phát thanh và truyền hình, những kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình, phương thức sản xuất các chương trình phát thanh- truyền hình hiện đại. Thông qua những bài học, bài giảng, thảo luận trên lớp từ đơn giản đến phức tạp, sinh viên được rèn luyện những kỹ năng xử lý thông tin, các tình huống liên quan đến các chương trình phát thanh và truyền hình hiện đại.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
69	Quản trị nội dung website	Cung cấp kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về đặc điểm, tính năng và khả năng truyền thông của website; Tiêu chí, cách thức triển khai xây dựng ý tưởng và tổ chức các nhóm nội dung phù hợp cho từng loại website và các vấn đề liên quan. Quy trình quản trị nội dung website (nghĩa hẹp): sản xuất, biên tập, phát tán nội dung và phân tích phản hồi. Coi trọng giá trị của công cụ truyền thông website và sự vận dụng hợp lý trong hệ thống các công cụ truyền thông Internet.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
70	Ảnh báo chí	Giúp sinh viên hiểu được bản chất, những đặc điểm, đặc trùn cơ bản của quá trình tác nghiệp ảnh báo chí.Nắm được lý những yêu cầu cơ bản với các thể loại tác phẩm ảnh báo chí và các yếu tố kỹ thuật, tạo hình khi tác nghiệp tác phẩm ảnh báo chí. Nắm được đặc điểm của từng lĩnh vực khi tác nghiệp ảnh báo chí (kinh tế, thời sự, văn hóa, giáo dục, xã hội, giới trẻ...)Vận dụng tốt vào quá trình tác nghiệp trên thực tế với từng thể loại ảnh báo chí trong từng lĩnh vực khác nhau	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
71	Biên tập văn bản báo chí	Giúp sinh viên nắm được những công việc chính của công tác biên tập trong báo chí, cụ thể là kỹ năng biên tập văn bản báo chí, cũng như nhận biết được tầm quan trọng của công tác biên tập đối với sự phát triển của báo chí nói chung.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

72	Báo chí chuyên biệt	Giúp sinh viên nắm bắt được những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực nội dung thông tin, hiểu được đối tượng công chúng mục tiêu và vận dụng được những kỹ năng khai thác, xử lý thông tin, sử dụng ngôn ngữ để làm báo trong từng lĩnh vực báo chí chuyên biệt cụ thể.	4	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
73	Đại cương về kinh tế báo chí truyền thông	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế báo chí truyền thông trong nền kinh tế thị trường như: hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và đặc thù của hoạt động kinh doanh báo chí truyền thông; các phương thức và mô hình hoạt động kinh tế của các phương tiện truyền thông truyền thống cũng như các phương tiện truyền thông mới, mối quan hệ kinh tế giữa các phương tiện truyền thông đại chúng với xã hội. Thông qua học phần này, người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tham gia vào các hoạt động kinh doanh báo chí trong bối cảnh hiện nay. Ngoài ra, học phần còn nhằm góp phần nâng cao nhận thức về trách nhiệm của từng cá nhân đối với sự phát triển lĩnh vực kinh tế báo chí nói riêng cũng như của nền kinh tế đất nước nói chung.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6</b>		
<b>V.2.1</b>	<b>Tự chọn 1: Báo in - Báo điện tử</b>			HK8	
74	Truyền thông đa phương tiện	Cung cấp kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về hệ thống truyền thông đa phương tiện, dữ liệu đa phương tiện, các giao thức trong truyền thông đa phương tiện và các vấn đề liên quan.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
75	Sản xuất ấn phẩm báo chí truyền thông	Cung cấp cho người học nắm vững kiến thức về ấn phẩm truyền thông, quy trình sản xuất một ấn phẩm truyền thông. Quá trình giảng dạy kết hợp lý thuyết và thực hành sẽ hỗ trợ cho sinh viên vận dụng được những kiến thức lý luận vào thực hành sản xuất một ấn phẩm truyền thông cụ thể	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2.2</b>	<b>Tự chọn 2: Phát thanh - truyền hình</b>				

76	Sản xuất chương trình tin tức/thời sự	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về chương trình, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, chương trình tin tức phát thanh, chương trình tin tức truyền hình; quy trình tổ chức và sản xuất một số dạng chương trình tin tức phát thanh, chương trình tin tức truyền hình phổ biến hiện nay. Thông qua những bài tập từ đơn giản đến phức tạp, sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ năng từ ghi âm, ghi hình đến xử lý thông tin trong phát thanh, truyền hình, thực hiện một số các sản phẩm của loại hình phát thanh, truyền hình.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
77	Sản xuất chương trình chuyên đề	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về khái niệm dạng chương trình chuyên đề, đặc điểm, phương thức và quy trình sản xuất chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh, truyền hình. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể phân loại các lĩnh vực chuyên đề, lựa chọn đề tài và xử lý tác phẩm, phù hợp với tính chất, đặc trưng và phong cách của dạng chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh truyền hình hiện nay. Học phần giúp sinh viên có khả năng sáng tạo tác phẩm, sáng tạo format chương trình chuyên đề đáp ứng yêu cầu thực tiễn.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V2.3</b>	<b>Tự chọn 3: Quan hệ công chúng - Quảng cáo</b>		<b>6</b>		
78	Đại cương về quảng cáo	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
79	Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>13</b>		
80	Thực tập thực tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thực tế về hoạt động của một cơ quan báo chí; về biên tập, xây dựng nội dung cũng như hình thức cho một tác phẩm báo chí; công tác phóng viên ở cơ quan mà sinh viên tham gia thực tế; xây dựng được tác phẩm báo chí để đăng, phát trên các loại hình báo chí; về sử dụng các phương tiện kỹ thuật để phục vụ cho việc xây dựng tác phẩm...	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



81	Thực tập tốt nghiệp	Giúp sinh viên có cơ hội tham gia hoạt động tác nghiệp tại cơ quan báo chí, doanh nghiệp hoặc công ty truyền thông; tìm hiểu về mô hình tổ chức của cơ quan, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, trực tiếp quan sát học hỏi kinh nghiệm làm báo, tổ chức và triển khai một số công đoạn hoặc toàn bộ chương trình, chiến dịch truyền thông của cơ quan, doanh nghiệp; học hỏi kinh nghiệm truyền thông nội bộ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp v.v... dưới sự hướng dẫn của nhà quản lý hoặc cán bộ phụ trách truyền thông tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội hoặc địa phương. Sinh viên được tiếp cận thực tế môi trường truyền thông thực tiễn tại cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông, tổ chức doanh nghiệp, vận dụng kiến thức đã tích lũy được trong quá trình học tập để tác nghiệp, giải quyết các tình huống công việc cụ thể, bước đầu sáng tạo các sản phẩm báo chí truyền thông có chất lượng được sử dụng, đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng.	5	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
82	Khoá luận tốt nghiệp		5		
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>			
83	Các loại hình báo chí truyền thông	Giúp sinh viên tổng hợp lại toàn bộ kiến thức về các loại hình báo chí truyền thông đã được học trong khối kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ (báo in, phát thanh, truyền hình, báo ảnh, internet, các hình thức truyền thông mới...) và xu thế phát triển của từng loại hình, từ đó, vận dụng vào thực tiễn để lý giải cho sự vận động và phát triển của ngành báo chí truyền thông	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
84	Lý luận và các thể loại báo chí truyền thông	Giúp sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản của truyền thông đại chúng và hoạt động báo chí, được củng cố kiến thức về các thể loại báo chí truyền thông, đồng thời vận dụng được những kiến thức lý luận vào thực tiễn hoạt động báo chí.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## 2. Cử nhân Báo chí Chất lượng cao theo Thông tư 23

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
-----	-------------	------------------	------------	----------------------	--------------------------------

<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>21</b>		
1	Triết học Mác- Lênin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK3	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2	HK4	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	HK5	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	HK4	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	HK4	
6	Tiếng Anh B1		5	HK3	
7	Tiếng Anh B2	Cung cấp cho SV những kiến thức tổng hợp về: - Các vấn đề ngữ pháp tiếng Anh nâng cao dành cho sinh viên trình độ trung cấp như việc sử dụng từ nối, các cấu trúc diễn đạt phổ biến trong các bài giảng ở bậc đại học, ...; - Những từ vựng được sử dụng trong cuộc sống thường ngày và học tập như sức khỏe, giải trí, các mối quan hệ, các vấn đề khoa học; - Ngữ âm và ngữ điệu được sử dụng trong cuộc hội thoại, tranh luận và các bài giảng.	5	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
8	Giáo dục thể chất	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>23</b>		
10	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	
11	Nhà nước và pháp luật đại cương		2	HK6	
12	Lịch sử văn minh thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK1	

13	Cơ sở văn hoá Việt Nam	(giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK1	
14	Xã hội học đại cương		3	HK4	
15	Tâm lí học đại cương		3	HK1	
16	Lôgic học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK5	
17	Tin học ứng dụng		3	HK1	
18	Kĩ năng bổ trợ		3	HK hè	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/18</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III.</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
28	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4	HK1	
29	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5	HK2	
30	Khởi nghiệp		3	HK7	
31	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK1	
32	Quan hệ công chúng đại cương		3	HK2	
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/39</b>		
33	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK3	
34	Khoa học quản lý đại cương		3	HK3	
35	Nghệ thuật học đại cương		3	HK3	

36	Nhân học đại cương		3	HK3	
37	Mỹ học đại cương		3	HK3	
38	Khoa học quản lý đại cương		3	HK3	
39	Đại cương về quản trị kinh doanh		3	HK3	
40	Quan hệ đối ngoại Việt Nam		3	HK3	
41	Lý thuyết hệ thống		3	HK3	
42	Đạo đức học đại cương		3	HK3	
43	Nguyên lý lý luận văn học		3	HK3	
44	Thế chế chính trị thế giới		3	HK3	
45	Tâm lý học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK3	
<b>IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>			<b>21</b>		
<b>IV.1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>15</b>		
46	Lý luận báo chí truyền thông hiện đại	Giúp SV hiểu được hệ thống lý luận báo chí cách mạng, hiểu và vận dụng được kiến thức về chức năng, nguyên tắc hoạt động, mối quan hệ giữa luật pháp và báo chí, lao động sáng tạo trong hoạt động báo chí, trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của nhà báo đối với hoạt động thực tiễn báo chí ở Việt Nam hiện nay. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK7	
48	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông		3	HK5	

49	Ngôn ngữ báo chí	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK2	
50	Niên luận		3	HK6	
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn(chọn một trong hai định hướng sau):</b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		<i>6/21</i>		
51	Nhập môn Truyền thông chính trị	<p>Giúp SV hiểu và hệ thống hóa được các vấn đề lý luận và thực tiễn của truyền thông chính trị Việt Nam nói riêng và quốc tế nói chung. Nhận thức được mối quan hệ tất yếu giữa truyền thông và chính trị cũng như vai trò của truyền thông trong hệ thống tổ chức quyền lực Nhà nước.</p> <p>Có khả năng tìm hiểu, phân tích, đánh giá thông tin chính trị trên các phương tiện truyền thông và sử dụng truyền thông để truyền tải thông tin chính trị một cách hiệu quả.</p> <p>Có cách nhìn khách quan, khoa học trong việc tiếp nhận và sử dụng thông tin chính trị; ủng hộ các hoạt động truyền thông chính trị đúng đắn, lành mạnh.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
52	Đồ họa và thiết kế ấn phẩm báo chí truyền thông	<p>Giúp SV nắm được các vấn đề cơ bản về quản trị truyền thông, về cấu trúc của ngành công nghiệp truyền thông, cũng như về các chu trình phát triển, chu trình sản xuất và phân phối các sản phẩm truyền thông. Và sinh viên sẽ hiểu về hoạt động quản trị trong các tổ chức truyền thông ở các lĩnh vực khác nhau nhất là khi ngành công nghiệp truyền thông đang thích ứng với những thay đổi nhanh chóng, đặc biệt về phương diện công nghệ và kinh tế.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
53	Thiết kế tương tác và animation đa phương tiện	<p>Giúp SV hiểu được các nguyên tắc, yêu cầu cơ bản trong thiết kế các sản phẩm tương tác và animation đa phương tiện. Người học nắm được cách sử dụng các chương trình phần mềm trong thiết kế, từ đồ họa nói chung, đến tương tác đa phương tiện.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
54	Văn hóa truyền thông đại chúng	<p>Giúp SV hiểu được khái niệm văn hoá đại chúng và mừng trọng ra các không gian của văn hoá đại chúng. Sinh viên phân tích được vai trò của truyền thông đối với văn hoá đại chúng. Sinh viên biết cách đặt vấn đề mang tính văn hoá - xã hội khi sáng tạo một tác phẩm báo chí.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

55	Tác nghiệp báo chí trong tình huống khẩn cấp	Giúp SV nắm được những khái niệm căn bản về các tình huống khẩn cấp trong công việc của nhà báo, biết cách xử lý từng tình huống để đảm bảo an toàn cho bản thân và hoàn thành được công việc lấy tin.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56	Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	2	HK6	
57	Lịch sử báo chí Việt Nam và thế giới		4	HK6	
<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>			6/30		
58	Tâm lý học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK6	
59	Văn hóa, văn minh phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK6	
60	Văn hóa và xã hội Việt Nam đương đại	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK6	
61	Quyền lực chính trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK6	
62	Lễ hội trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK6	
63	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK6	
64	Các lý thuyết về quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK6	
65	Chính trị và truyền thông	Cung cấp các kiến thức để SV nắm vững đặc điểm của chính trị, truyền thông và mối quan hệ giữa chính trị và truyền thông trong đời sống chính trị của Việt Nam và thế giới. Kiến thức của học phần giúp sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá các tin tức chính trị và biết sử dụng truyền thông một cách hiệu quả trong quá trình hoạt động chính trị, có thái độ khách quan, trung thực trong nhìn nhận mối quan hệ chính trị và truyền thông, ủng hộ xu hướng truyền thông lành mạnh, đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

66	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK6	
67	Dẫn luận ngôn ngữ học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK6	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức theo ngành</b>		<b>56</b>		
<b>IV.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>31</b>		
68	Kỹ năng viết cho báo in	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	
69	Ảnh báo chí		3	HK3	
70	Kỹ năng viết cho báo điện tử		3	HK6	
71	Kỹ thuật phát thanh và truyền hình		3	HK4	
72	Kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình		4	HK5	
73	Báo chí chuyên biệt về nội chính	Nắm bắt được những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực nội dung thông tin, hiểu được đối tượng công chúng mục tiêu và vận dụng được những kỹ năng khai thác, xử lý thông tin, sử dụng ngôn ngữ để làm báo trong từng lĩnh vực báo chí chuyên biệt về nội chính.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
74	Báo chí chuyên biệt về kinh tế	Cung cấp một cái nhìn tổng quan về báo chí chuyên biệt, bổ sung kiến thức về các hoạt động kinh tế và sự chuyển hoá kiến thức này vào việc viết tin bài. Thông qua Học phần sinh viên rèn luyện các kỹ năng đặc thù cho việc viết tin kinh tế: thẩm định và phân tích nguồn tin kinh tế; đọc và chuyển hóa các dữ liệu thống kê kinh tế thành tin bài cho đại chúng; vẽ bảng biểu kinh tế cho tin bài; các chỉ số và phương pháp lập luận cơ bản dành cho thông tin kinh tế.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
75	Báo chí chuyên biệt về văn hóa - xã hội	Cung cấp một cái nhìn tổng quan về báo chí chuyên biệt, bổ sung kiến thức về các hoạt động văn hóa xã hội và sự chuyển hoá kiến thức này vào việc viết tin bài. Thông qua Học phần sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, thẩm định nguồn tin văn hoá-xã hội.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

76	Ứng dụng truyền thông đa phương tiện	Hiểu được khái niệm, đặc thù, đặc trưng của lĩnh vực truyền thông đa phương tiện, những khái niệm và nguyên lý kỹ thuật, tính năng đa phương tiện. Người học hiểu được bối cảnh truyền thông hội tụ, văn hóa hội tụ, kinh tế và công nghệ hội tụ, trong đó, truyền thông đa phương tiện đóng vai trò then chốt làm thay đổi tính chất truyền tải thông tin. Học phần cũng trang bị những kiến thức mang tính ứng dụng của truyền thông đa phương tiện trong các ngành, lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là báo chí.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
77	Các vấn đề xã hội và góc tiếp cận báo chí	Hiểu được các vấn đề xã hội cơ bản tại Việt Nam. Sinh viên biết cách đặt vấn đề mang tính xã hội khi sáng tạo một tác phẩm báo chí.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>12</b>		
<b>V.2.1 Tự chọn 1: Báo chí</b>			<b>12</b>		
78	Sáng tạo sản phẩm báo chí hiện đại	Nắm được các kỹ năng xây dựng, thiết kế nội dung và triển khai tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí truyền thông hiện đại	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
79	Truyền thông thị giác	Cung cấp cho SV những kiến thức nền tảng, cơ bản, khái quát liên quan tới các thông điệp truyền thông được chuyển tải bằng kênh nhìn. Từ việc cung cấp các lý thuyết và những vấn đề lý luận cơ bản, học phần hướng tới việc rèn luyện những kỹ năng tư duy thị giác và vận dụng vào những trường hợp cụ thể, đơn giản để phân tích và sáng tạo tác phẩm thị giác	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
80	Dẫn chương trình phát thanh - truyền hình	Cung cấp những kiến thức chuyên biệt về nghiệp vụ dẫn chương trình phát thanh - truyền hình Có kỹ năng căn bản để dẫn dắt, điều hành một chương trình phát thanh/truyền hình. Nắm được các đặc điểm của nghề nghiệp, các phương tiện làm việc, hiểu rõ phẩm chất, yêu cầu đối với người dẫn chương trình phát thanh/ truyền hình. Từ đó, sinh viên có khả năng thực hiện tốt vai trò của người dẫn dắt trong các chương trình phát thanh hoặc truyền hình.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



81	Sản xuất chương trình phát thanh - truyền hình	Cung cấp cho SV những kiến thức về chương trình phát thanh và truyền hình, phương thức và quy trình sản xuất chương trình cơ bản. Thông qua các bài tập thực hành trên lớp, trong studio và ngoài hiện trường, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức lý luận được trang bị, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, biên tập thông tin để tổ chức sản xuất những nội dung chương trình phát thanh, truyền hình theo phương thức hiện đại.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2.2 Tự chọn 2: Truyền thông đa phương tiện</b>			<b>12</b>		
82	Quản trị nội dung website	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK8	
83	Đại cương Truyền thông mạng xã hội	Hiểu được khái niệm, đặc thù, đặc trưng của truyền thông xã hội, mối quan hệ tương tác giữa truyền thông xã hội và báo chí. Người học có thể vận dụng các kiến thức để khai thác thông tin từ mạng xã hội cho sản xuất tác phẩm báo chí, và/hoặc xây dựng các chiến lược truyền thông thông qua phương tiện truyền thông xã hội.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
84	Ứng dụng báo chí trên thiết bị di động	Giúp SV hiểu được khái niệm, đặc thù, đặc trưng của mạng truyền thông di động, đặc biệt là mối quan hệ giữa loại hình điện thoại di động thông minh (smart phone), mạng Internet, và báo chí. Người học có thể vận dụng các kiến thức để khai thác, tác nghiệp, biên tập, sản xuất nội dung tác phẩm báo chí bằng/trên loại thiết bị di động smartphone.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
85	Sáng tạo siêu tác phẩm báo chí đa phương tiện	Giúp SV nắm được quy trình thiết kế được 1 siêu tác phẩm báo chí đáp ứng được tiêu chuẩn về nội dung và hình thức.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2.3 Tự chọn 3: Quan hệ công chúng - Quảng cáo</b>			<b>12</b>		
86	Đại cương về quảng cáo	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK8	
87	Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng		3	HK8	
88	Tổ chức sự kiện		3	HK8	
89	Các chương trình quan hệ công chúng		3	HK8	

<b>V.2.4 Tự chọn 4: Quản trị truyền thông</b>			<b>12</b>		
90	Nguyên lý quản trị truyền thông	Giúp SV nắm được các vấn đề cơ bản về quản trị truyền thông, về cấu trúc của ngành công nghiệp truyền thông, cũng như về các chu trình phát triển, chu trình sản xuất và phân phối các sản phẩm truyền thông. Và sinh viên sẽ hiểu về hoạt động quản trị trong các tổ chức truyền thông ở các lĩnh vực khác nhau nhất là khi ngành công nghiệp truyền thông đang thích ứng với những thay đổi nhanh chóng, đặc biệt về phương diện công nghệ và kinh tế.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
91	Đại cương về Kinh tế báo chí truyền thông	Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về kinh tế báo chí truyền thông trong nền kinh tế thị trường như: hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và đặc thù của hoạt động kinh doanh báo chí truyền thông; các phương thức và mô hình hoạt động kinh tế của các phương tiện truyền thông truyền thống cũng như các phương tiện truyền thông mới, mối quan hệ kinh tế giữa các phương tiện truyền thông đại chúng với xã hội. Giúp SV biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tham gia vào các hoạt động kinh doanh báo chí trong bối cảnh hiện nay. Ngoài ra, học phần còn nhằm góp phần nâng cao nhận thức về trách nhiệm của từng cá nhân đối với sự phát triển lĩnh vực kinh tế báo chí nói riêng cũng như của nền kinh tế đất nước nói chung.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
92	Báo chí truyền thông trong hoạt động lãnh đạo và quản lý	Cung cấp cho SV kiến thức chuyên sâu về vai trò của báo chí truyền thông trong công tác lãnh đạo, quản lý, đặt trong bối cảnh hệ thống chính trị ở Việt Nam. Sinh viên được trang bị phương pháp luận và kỹ năng để phân tích, đánh giá các vấn đề, tình huống, và trường hợp điển hình trong hoạt động của báo chí, truyền thông phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý, từ cấp độ nhà nước, bộ/ngành, cho đến tổ chức, doanh nghiệp.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
93	Quản trị và xử lý khủng hoảng truyền thông	Giúp SV hiểu được vai trò của quản trị truyền thông và xử lý khủng hoảng trong thực tiễn hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, ... Sinh viên nắm chắc các khái niệm về khủng hoảng, phân tích được bản chất và phân loại các cuộc khủng hoảng, hiểu và phân tích được vai trò của truyền thông trong xử lý khủng hoảng, liệt kê và phân tích các bước trong quy trình xử lý khủng hoảng. Đồng thời, sinh viên được trau dồi, rèn luyện để có kỹ năng vênhận diện	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		các dấu hiệu để xác định cuộc khủng hoảng sắp xảy ra, xây dựng các bước cơ bản trong xử lý khủng hoảng, phát ngôn trong khủng hoảng, và kỹ năng xây dựng mối quan hệ với báo chí.			
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và khóa luận/ sản phẩm tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>13</b>		
94	Thực tập chuyên môn	<p>Giúp SV có cơ hội đến thăm và học hỏi kinh nghiệm tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công ty truyền thông; tìm hiểu về mô hình tổ chức của cơ quan, chức năng nhiệm vụ của bộ phận phụ trách truyền thông, trực tiếp quan sát học hỏi kinh nghiệm tổ chức và triển khai một số công đoạn hoặc toàn bộ chương trình, chiến dịch truyền thông của cơ quan, doanh nghiệp; học hỏi kinh nghiệm truyền thông nội bộ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp v.v... dưới sự hướng dẫn của nhà quản lý hoặc cán bộ phụ trách truyền thông tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội hoặc địa phương.</p> <p>Giúp SV được tiếp cận thực tế môi trường truyền thông tại cơ sở để chuẩn bị cho thời gian thực tập tốt nghiệp tiếp theo sẽ bắt tay vào làm việc tại bộ phận truyền thông của các cơ quan tổ chức hoặc công ty truyền thông theo sự phân công, hướng dẫn của cơ quan nơi thực tập.</p>	3	HK4	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
95	Thực tập tốt nghiệp	<p>Giúp SV có cơ hội tham gia hoạt động tác nghiệp tại cơ quan báo chí, doanh nghiệp hoặc công ty truyền thông; tìm hiểu về mô hình tổ chức của cơ quan, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, trực tiếp quan sát học hỏi kinh nghiệm làm báo, tổ chức và triển khai một số công đoạn hoặc toàn bộ chương trình, chiến dịch truyền thông của cơ quan, doanh nghiệp; học hỏi kinh nghiệm truyền thông nội bộ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp v.v... dưới sự hướng dẫn của nhà quản lý hoặc cán bộ phụ trách truyền thông tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội hoặc địa phương.</p> <p>Giúp SV được tiếp cận thực tế môi trường truyền thông thực tiễn tại cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông, tổ chức doanh nghiệp, vận dụng kiến thức đã tích lũy được trong quá trình học tập để tác nghiệp, giải quyết các tình huống công việc cụ thể, bước đầu sáng tạo các sản phẩm báo chí truyền thông có chất lượng được sử dụng, đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng.</p>	5	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

96	Khoá luận tốt nghiệp		5	HK8	
	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		5		
97	Các loại hình báo chí truyền thông	Giúp SV tổng hợp lại toàn bộ kiến thức về các loại hình báo chí truyền thông đã được học trong khối kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ (báo in, phát thanh, truyền hình, báo ảnh, internet, các hình thức truyền thông mới...) và xu thế phát triển của từng loại hình, từ đó, vận dụng vào thực tiễn để lý giải cho sự vận động và phát triển của ngành báo chí truyền thông.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
98	Lý luận và các thể loại báo chí truyền thông	Hệ thống lại toàn bộ kiến thức cơ quả ngành, sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản của truyền thông đại chúng và hoạt động báo chí, được củng cố kiến thức về các thể loại báo chí truyền thông, đồng thời vận dụng được những kiến thức lý luận vào thực tiễn hoạt động báo chí.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

### 3. Cử nhân Quan hệ công chúng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>16</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III.</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4	HK1	
	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		4	HK1	

28	Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5	HK2	
	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5	HK2	
	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5	HK2	
29	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK7	
30	Báo chí truyền thông đại cương		3	HK1	
31	Quan hệ công chúng đại cương		3	HK2	
<b>III.2 Các học phần tự chọn</b>			<b>9/39</b>		
32	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK3	
33	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK3	
34	Mỹ học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Triết học	3	HK3	
35	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK3	
36	Đại cương về quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK3	
37	Nhập môn Quản trị văn phòng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK3	
38	Dẫn luận ngôn ngữ học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK3	
39	Đạo đức học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Triết học	3	HK3	
40	Nghệ thuật học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK3	
41	Lý thuyết hệ thống	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK3	

42	Tâm lý học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK3	
43	Nhập môn Quan hệ quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
<b>IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>			15		
<b>IV.1. Các học phần bắt buộc</b>			9		
44	Lý luận báo chí truyền thông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK2	
45	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông		3	HK4	
46	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông		3	HK3	
<b>IV.2. Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau)</b>			6		
<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>			6/15		
47	Ngôn ngữ báo chí	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK3	
48	Truyền thông Marketing	Cung cấp kiến thức về bản chất và chức năng truyền thông marketing trong kế hoạch marketing, nguyên nhân làm gia tăng vai trò truyền thông marketing trong việc hoạch định và thực hiện chương trình truyền thông khuyến mại, hoạt động marketing trên các công cụ truyền thông và ứng dụng các công cụ đó trong quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing, cách đánh giá hiệu quả hoạt động của các chiến lược truyền thông marketing.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49	Niên luận	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK5	
50	Các lý thuyết quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK6	
51	Ngữ dụng học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK6	
<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>			6/27		

52	Quản trị xung đột	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
53	Kĩ năng đàm phán		3	HK6	
54	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK6	
55	Văn hóa, văn minh phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK6	
56	Các vấn đề toàn cầu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK6	
57	Phong cách học tiếng Việt	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK6	
58	Lịch sử tư tưởng phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK6	
59	Ảnh báo chí	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK6	
60	Kỹ thuật phát thanh và truyền hình		3	HK6	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức theo ngành</b>		<b>49</b>		
<b>V.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>30</b>		
61	Lý luận về quan hệ công chúng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về quan hệ công chúng như những lý thuyết quan hệ công chúng, mối liên hệ giữa các lý thuyết truyền thông cơ bản và lý thuyết quan hệ công chúng, hiểu được thực tiễn phát triển của ngành đồng thời vận dụng những kiến thức lý luận đã học để lý giải những vấn đề của thực tiễn. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cũng có những kiến thức nền tảng để tiếp thu các kiến thức chuyên sâu của ngành quan hệ công chúng.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

62	Xây dựng và phát triển thương hiệu	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương tiện truyền thông nói chung, truyền thông đại chúng nói riêng, như khái niệm, đặc điểm, bản chất và chức năng xã hội, thế mạnh và hạn chế cũng như cách thức tiếp cận, khai thác các kênh truyền thông này cho hoạt động nghề nghiệp; mô hình nhân cách chủ thể truyền thông; những khuyến nghị về cách thức giao tiếp, ứng xử.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
63	Các chương trình quan hệ công chúng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến lược, chiến thuật xây dựng các chương trình quan hệ công chúng. Thông qua các bài tập thực tế, sinh viên được rèn các kỹ năng nghiên cứu, phân tích tình hình, xây dựng kế hoạch quan hệ công chúng cho các dạng chương trình quan hệ công chúng cơ bản.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64	Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên tắc và kỹ năng cơ bản để viết và truyền tải một thông điệp PR cho phù hợp với công chúng mục tiêu và hoạt động truyền thông. Thông qua những bài tập cụ thể, sinh viên có thể được rèn luyện khả năng tư duy, sáng tạo, lựa chọn phong cách viết phù hợp với công chúng hoặc mục tiêu của hoạt động truyền thông.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
65	Tổ chức sự kiện	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự kiện và hoạt động tổ chức sự kiện như khái niệm, phân loại sự kiện, về thị trường tổ chức sự kiện ở Việt Nam; tìm kiếm, xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức sự kiện, bao gồm việc xây dựng chiến lược cho các loại hình sự kiện khác nhau, viết đề án tổ chức sự kiện, thiết kế, lập dự toán ngân sách và lên kế hoạch quảng bá cho sự kiện; cách thức thực hiện các hạng mục công việc, các hoạt động trong sự kiện, quản lý các vấn đề và xử lý tình huống trong sự kiện, đánh giá hiệu quả sự kiện cũng như những vấn đề cần làm sau khi tổ chức sự kiện.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66	Đại cương về quảng cáo	Cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về quảng cáo và các chiến dịch truyền thông; đồng thời cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu bản chất hoạt động quảng cáo cũng như những quy trình sáng tạo thông điệp quảng cáo, xây dựng chiến dịch truyền thông cơ bản; bước đầu phát huy khả năng sáng tạo trong xây dựng một số thông điệp quảng cáo hay chiến dịch truyền thông.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
67	Truyền thông đa phương tiện	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	



68	Quản trị nội dung website		3	HK7	
69	Thuyết trình và phát ngôn trước công chúng	Cung cấp kiến thức về đặc thù của truyền thông bằng lời nói trong sự so sánh với các hình thức truyền thông khác, vai trò của các hoạt động thuyết trình, phát ngôn trong truyền thông liên cá nhân và các hoạt động xã hội; vai trò của thuyết trình và phát ngôn trước công chúng trong các hoạt động PR; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động thuyết trình và phát ngôn trước công chúng; và các phương pháp thuyết trình và phát ngôn trước công chúng.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
70	Quan hệ báo chí	Cung cấp kiến thức về đặc thù của truyền thông bằng lời nói trong sự so sánh với các hình thức truyền thông khác, vai trò của các hoạt động thuyết trình, phát ngôn trong truyền thông liên cá nhân và các hoạt động xã hội; vai trò của thuyết trình và phát ngôn trước công chúng trong các hoạt động PR; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động thuyết trình và phát ngôn trước công chúng; và các phương pháp thuyết trình và phát ngôn trước công chúng.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>6/24</b>		
71	Xây dựng kế hoạch truyền thông	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về xây dựng kế hoạch truyền thông (QHCC) như: khái niệm kế hoạch truyền thông, các loại hình kế hoạch truyền thông, quy trình xây dựng và tiêu chí đánh giá kế hoạch truyền thông, những yếu tố ảnh hưởng đến việc lập kế hoạch truyền thông trong thực tế, quản lý nguy cơ phòng ngừa khủng hoảng trong xây dựng kế hoạch truyền thông ... Thông qua các bài tập thực hành, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu, phân tích để nắm bắt nhu cầu (insight) của khách hàng, sản phẩm, công chúng...; các kỹ năng xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông phù hợp với các nhóm khách hàng trong thực tiễn (viết, thuyết trình, xây dựng ngân sách kế hoạch QHCC...) cũng như đánh giá và làm báo cáo.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

72	Văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp, cụ thể là khái niệm về văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp, vai trò và các thành phần của văn hóa doanh nghiệp; cách thức xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp, các dạng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân; đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp... Học phần cũng cung cấp kiến thức, kỹ năng về truyền thông nội bộ, gồm các khái niệm cơ bản, nội dung, các kỹ thuật và công cụ chủ yếu của truyền thông nội bộ, ứng dụng truyền thông nội bộ trong một số lĩnh vực hoặc mô hình tổ chức tiêu biểu.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
73	Chiến dịch quan hệ công chúng	Cung cấp cho sinh viên cơ hội được áp dụng các kiến thức cơ bản đã được học trong các học phần trước của chương trình đào tạo cử nhân QHCC vào thực tiễn hoạt động QHCC. Sinh viên sẽ được tiếp cận với các khái niệm, nội dung, quy trình cơ bản về chiến dịch QHCC, từ đó xây dựng và triển khai một chiến dịch QHCC cụ thể cho một khách hàng có thật (do nhóm SV tự chọn hoặc do GV giới thiệu từ các PR agency, cơ quan, tổ chức...). Kết thúc học phần, nhóm sinh viên sẽ trình bày toàn bộ quá trình, kết quả xây dựng và triển khai chiến dịch QHCC đó cho GV, khách hàng, và đại diện một số chuyên gia trong thực hành QHCC.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
74	Kỹ năng viết cho báo in	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK5	
75	Kỹ năng viết cho báo điện tử		3	HK6	
76	Sản xuất ấn phẩm báo chí truyền thông		3	HK6	
77	Lý luận và các thể loại báo chí truyền thông		3	HK6	

78	Truyền thông về các tác phẩm văn học, nghệ thuật	Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về văn học, nghệ thuật gồm đặc trưng, bản chất, nguồn gốc và quá trình phát triển, phương pháp truyền thông về các tác phẩm văn học nghệ thuật và những vấn đề liên quan; giúp người học nắm được đặc trưng của một số loại hình nghệ thuật cụ thể và quá trình sáng tác, thưởng thức, phê bình, giới thiệu và quảng bá, thu hút công chúng cho một tác phẩm văn học nghệ thuật.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>13</b>		
79	Thực tập, thực tế	Cung cấp cho sinh viên cơ hội tìm hiểu thực tế mô hình tổ chức và hoạt động của bộ phận truyền thông của một vài cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp tiêu biểu, hoặc các công ty cung cấp dịch vụ truyền thông chuyên nghiệp. Sinh viên sẽ được giới thiệu về thông tin cơ bản về nơi đến thực tế, về các chương trình PR cơ bản mà cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp đó đã triển khai để đạt được mục tiêu của mình. Sinh viên cũng sẽ được học hỏi những kinh nghiệm thực tế trong hành nghề PR của đơn vị thực tế.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
80	Thực tập tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên cơ hội tìm hiểu và thực hành trong thực tế về mô hình tổ chức và hoạt động của bộ phận truyền thông/ QHCC của một cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp, hoặc một công ty cung cấp dịch vụ truyền thông chuyên nghiệp (PR agency). Sinh viên sẽ được giới thiệu, làm quen với công việc thực tế tại nơi thực tập, tham gia trực tiếp vào các chương trình, hoạt động PR cơ bản mà cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp đó đã và đang triển khai để tập sự việc áp dụng kiến thức đã học vào trong thực tiễn. Sinh viên cũng sẽ được học hỏi những kinh nghiệm thực tế, rèn luyện tinh thần, thái độ và đạo đức nghề nghiệp trong hành nghề PR của đơn vị thực tập để có thể tự tin về khả năng hành nghề PR một cách chuyên nghiệp.	5	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
81	Khoá luận tốt nghiệp		5	HK7 hoặc HK8	
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>					
82	Lý luận và thực tiễn quan hệ công chúng	Cung cấp cho sinh viên cơ hội được hệ thống hóa toàn bộ chương trình đào tạo của ngành cả về lý luận và thực tiễn đã được học. Từ đó, sinh viên có thể hiểu sâu sắc những yếu tố cốt lõi nhất về lý luận nền	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		tăng cho ngành học, vận dụng chúng để xây dựng và triển khai một chương trình, chiến dịch QHCC cụ thể cho một khách hàng.			
83	Quan hệ công chúng ứng dụng	Cung cấp cho sinh viên cơ hội được ứng dụng một cách linh hoạt, sáng tạo toàn bộ hệ thống kỹ năng đã được cung cấp trong toàn bộ chương trình đào tạo của ngành mà sinh viên đã được học. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng chúng để xây dựng và triển khai một chương trình, chiến dịch QHCC cụ thể cho một khách hàng trong nhiều loại chương trình, chiến dịch quan hệ công chúng khác nhau.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## C2. Khoa Khoa học chính trị

### 1. Cử nhân Chính trị học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>16</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
27	Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1			HK2	
	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1			HK2	
28	Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2			HK3	
	Tiếng Trung cho khoa		5	HK3	

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	học xã hội và nhân văn 2				
29	Khởi nghiệp		3	HK3	
30	Chính trị học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng, cách tiếp cận của chính trị học; giúp sinh viên bước đầu biết vận dụng để hiểu, để có thái độ ứng xử chính trị đúng trong đời sống.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31	Thế chế chính trị thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/39</b>		
32	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	
33	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
34	Lịch sử Việt Nam đại cương	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện về tiến trình lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay. Những sự kiện, vấn đề, nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam sẽ được lần lượt trình bày, phân tích, đánh giá. Đây là những kiến thức cơ sở, nền tảng giúp người học tiếp cận nhiều môn khoa học thuộc các lĩnh vực của khoa học xã hội và nhân văn. Môn học rèn luyện sinh viên khả năng biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu; rèn luyện kỹ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử	3	HK4	
35	Nhập môn Quan hệ quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK4	
36	Quan hệ công chúng đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK4	
37	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trang bị cho người học về những vấn đề chung về Hiến pháp, bao gồm khái niệm Hiến pháp, hình thức chính thể, chế độ kinh tế, chính sách văn hóa – xã hội, an ninh quốc phòng, quyền con người và quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, chế độ bầu cử, cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương, cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, hệ thống tòa án, hệ thống viện kiểm sát, chính quyền địa phương bao gồm hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
38	Dân số học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
39	Tâm lý học chính trị	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được tâm lý học chính trị là gì?,	3		

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các hiện tượng, các cơ chế vận hành các qui luật tâm lý, tâm lý xã hội của cá nhân và nhóm người trong hoạt động chính trị, nắm được tâm lý của nhân cách chính trị và các nhóm chính trị trong xã hội (tư duy, ý thức, tâm trạng, thái độ, quan hệ chính trị...), sự ảnh hưởng của các yếu tố tới chính trị, nhân cách người làm chính trị. Trên cơ sở các kiến thức, kĩ năng được học người học có thể nâng cao hiệu quả hoạt động chính trị và giải quyết được các tình huống trong công việc và cuộc sống.			
40	Xã hội học tôn giáo	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK5	
41	Thực hành nghiên cứu xã hội	Học phần cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng, cách thức vận dụng tri thức khoa học xã hội cho việc giải quyết một vấn đề cụ thể của thực tế xã hội, thông qua việc thiết kế nghiên cứu, tổ chức thu thập, xử lý và phân tích thông tin trong nghiên cứu một đề tài, 1 dự án nghiên cứu xã hội cụ thể.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42	Nhân học chính trị	Học phần trang bị cho sinh viên có được những hiểu biết cơ bản về vai trò, vị trí của nhân học chính trị trong chính trị hàng ngày, những khái niệm chính, đối tượng, phạm vi, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của nhân học chính trị.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK5	
44	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK5	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
45	Đảng chính trị	Học phần giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất về đảng chính trị. Từ cái chung của đảng chính trị, đảng chính trị cầm quyền, sẽ đi vào một vấn đề cụ thể hơn, đó là vấn đề Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46	Khoa học tổ chức	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
47	Chính trị và chính sách	Học phần hướng tới việc giới thiệu cho người học mối quan hệ cơ bản giữa chính trị và các chính sách, cũng như nội dung cơ bản trong	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy trình chính sách. Từ đó, giúp người học hiểu hơn về phương thức hoạt động cũng như kết quả kỳ vọng từ một quy trình chính sách.			Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b><i>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</i></b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		6/18		
48	Địa chính trị	Học phần cung cấp cho học viên những tri thức lý luận và thực tiễn của khoa học địa chính trị; biết vận dụng các tri thức địa chính trị để phân tích, giải thích quan hệ chính trị quốc gia và quốc tế; giúp hình thành tư duy phân tích và dự báo chính trị.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49	Chính trị học so sánh	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về thể chế và văn hoá chính trị của các nước trên thế giới thông qua nghiên cứu một số quốc gia điển hình ở các khu vực địa chính trị và văn hoá chính trị quan trọng của thế giới hiện nay.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50	Chính trị Việt Nam thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Trang bị cho sinh viên kiến thức về quá trình hình thành và phát triển thể chế chính trị Việt Nam hiện đại, đặc điểm thể chế chính trị Việt Nam hiện nay và phương hướng xây dựng, kiện toàn thể chế chính trị Việt Nam đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51	Chính sách đối ngoại của Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan tới việc hoạch định chính sách đối ngoại, đặc điểm đối ngoại ở Việt Nam trước năm 1945, và đặc biệt là quá trình hoạch định cũng như những chính sách đối ngoại cơ bản của Việt Nam từ năm 1945 đến nay. Qua môn học sinh viên có thể phân tích và đánh giá được những chính sách đối ngoại cơ bản ở Việt Nam ảnh hưởng như thế nào đối với quá trình phát triển của đất nước.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52	Văn hóa chính trị Việt Nam	Học phần Văn hóa chính trị Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa chính trị nói chung và thực tiễn văn hóa chính trị Việt Nam nói riêng. Qua quá trình học tập học phần này, sinh viên có thể hiểu và vận dụng các kiến thức đã học trong quá trình công tác sau khi ra trường	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53	Chính sách công của Việt Nam	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhất về: khoa học chính sách công (đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu); đặc điểm, vai trò của chính sách công; các loại chính sách công; quy trình chính	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sách, hoạch định, thực thi và phân tích chính sách công của Việt Nam; một số nét cơ bản về chính sách công của Việt Nam; nội dung của một số chính sách công cơ bản của Việt Nam hiện nay.			
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/15		
54	Các vấn đề toàn cầu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK7	
55	Hệ thống pháp luật Việt Nam		3	HK7	
56	Chính trị khu vực Đông Bắc Á	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK7	
57	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á và Nam Á		3	HK7	
58	Luật quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK7	
<b>V</b>	<b>Khởi kiến thức ngành</b>		<b>43</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
59	Quyền lực chính trị	Trang bị cho sinh viên những kiến thức kiến thức cơ bản, cách tiếp cận của chính trị học về quyền lực và quyền lực chính trị; giúp sinh viên bước đầu biết vận dụng lý thuyết về quyền lực chính trị để phân tích, giải quyết các quan hệ quyền lực chính trị trong đời sống xã hội.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60	Lịch sử học thuyết chính trị	Trang bị cho sinh viên các tri thức, tư tưởng, quan điểm, học thuyết chính trị cơ bản. Qua đó sinh viên có kỹ năng hệ thống hóa các quan điểm, đánh giá các hiện tượng, kế thừa các thành tựu tri thức chính trị của nhân loại.	3		
61	Phương pháp nghiên cứu chính trị học	Trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp nghiên cứu chính trị học, bước đầu thực hành kỹ năng nghiên cứu, diễn giải kết quả nghiên cứu chính trị học	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62	Chính trị và truyền thông	Học phần cung cấp các kiến thức để sinh viên nắm vững đặc điểm của chính trị, truyền thông và mối quan hệ giữa chính trị và truyền thông trong đời sống chính trị của Việt Nam và thế giới. Kiến thức của học phần giúp sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá các tin tức chính trị và biết sử dụng truyền thông một cách hiệu quả trong quá trình hoạt động chính trị, có thái độ khách quan, trung thực trong nhìn nhận mối quan hệ chính trị và truyền thông, ủng hộ xu hướng	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		truyền thông lành mạnh, đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.			
63	Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh	Học phần nghiên cứu hệ quan điểm Hồ Chí Minh về chính trị, về sự vận động và phát triển trong chính tư duy nhận thức Hồ Chí Minh về chính trị, về những đóng góp lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với lịch sử chính trị Việt Nam hiện đại và một số vận dụng nhằm phát triển hơn nữa nền chính trị Việt Nam hiện nay.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64	Nhập môn Chính trị quốc tế	Học phần cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về những vấn đề chính trị đang diễn ra trên thế giới bằng cách cung cấp các khái niệm để phân tích những tương tác chính trị của các quốc gia và các tổ chức chính trị trên thế giới. Môn học cũng đề cập tới các vấn đề lớn và các xu hướng chính trị lớn trên thế giới như xung đột sắc tộc và tôn giáo, hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa, bất bình đẳng, dân chủ và an ninh, cũng như vai trò của các tổ chức quốc tế.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>10/43</b>		
65	Chính sách đối ngoại của các nước lớn	Giúp sinh viên nắm được những nội dung chính trong chính sách đối ngoại của một số nước lớn để từ đó nhận thức một cách cơ bản ảnh hưởng của các nước lớn đến xu thế vận động của thế giới cũng như khái quát quan hệ của Việt Nam với những nước này.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66	Phụ nữ, chủ nghĩa nữ quyền và chính trị	Học phần giới thiệu một cách tổng quát về vấn đề phụ nữ trong chính trị qua lăng kính của các tư tưởng vị nữ trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây, các phong trào nữ quyền và làn sóng nghiên cứu nữ quyền trong lịch sử thế giới hiện đại cũng như các lý thuyết nữ quyền chủ yếu. Ngoài ra, môn học quan tâm đến truyền thống đề cao địa vị người phụ nữ trong lịch sử Việt Nam cũng như những rào cản đối với sự phát triển của người phụ nữ trong xã hội truyền thống	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
67	Phương pháp viết bài luận và thuyết trình chính trị	Sinh viên được trang bị các kiến thức và kỹ năng cơ bản để có khả năng chuẩn bị và trình bày bài luận/bài thuyết trình chính trị.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
68	Quan hệ chính trị quốc tế	Học phần trang bị một cách hệ thống, toàn diện và cập nhật về các mối quan hệ chính trị giữa các quốc gia và khu vực, giữa các chủ thể chính trị từ nhà nước đến phi nhà nước, từ đó bổ sung kiến thức, nâng cao hiểu biết về thế giới, nhận thức về tầm quan trọng của chính trị và có trách nhiệm đối với thế giới mà chúng ta đang sống.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
69	Thực hành văn bản chính trị	Học phần trang bị các kiến thức để sinh viên nắm vững các loại hình văn bản được sử dụng trong hoạt động của các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam; những yêu cầu chung đối với văn bản chính trị và kỹ năng soạn thảo một số văn bản chính trị quan trọng và phổ biến. Kiến thức của môn học giúp sinh viên khi ra trường có khả năng đọc, hiểu và thực hành soạn thảo được một số văn bản chính trị thông thường theo nhiệm vụ được giao.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
70	Nhập môn Hồ Chí Minh học	Học phần nghiên cứu chính thể cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh, với những đóng góp và giá trị về lý luận và thực tiễn mà Hồ Chí Minh đã kiến tạo nên, đóng vai trò là nền tảng và định hướng cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có tác động, ảnh hưởng ở tầm thế giới, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì sự tiến bộ và phát triển của nhân loại.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
71	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trang bị cho người học quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân như là cơ sở lý luận và phương pháp luận để nhận thức đúng bản chất của nhà nước pháp quyền nói chung, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng nhằm đề xuất phương hướng và các giải pháp tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
72	Phương pháp tiếp cận và xử lý tình huống chính trị	Học phần Phương pháp tiếp cận và xử lý tình huống chính trị trang bị cho người học nhận thức đúng và biết cách xử lý khi tình huống chính trị xảy ra, có phương pháp tiếp cận đúng, nắm vững nguyên tắc, quy trình, giải pháp và có kỹ năng xử lý phù hợp với những tình huống cụ thể. Đặc biệt là học phần giúp cho người học có thêm khả năng chủ động phòng ngừa để không xảy ra tình huống chính trị gây tổn hại cho đời sống xã hội.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
73	Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam	Trang bị cho người học kiến thức cơ bản, khái quát về vai trò của Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
74	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về	Học phần trang bị cho người học những hiểu biết căn bản, có hệ thống về những quan điểm tổng quát của chủ nghĩa Mác - Lênin và Hồ Chí Minh về chính trị; bối cảnh ra đời và những tư tưởng chính trị	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	chính trị	Cơ bản trong các tác phẩm kinh điển/tiêu biểu của chủ nghĩa Mác - Lênin và Hồ Chí Minh; giá trị của những tư tưởng đó trong kho tàng lý luận chính trị của nhân loại và trong giai đoạn hiện nay. Môn học còn góp phần xây dựng, rèn luyện năng lực và kỹ năng khoa học cho sinh viên; góp phần hình thành và củng cố trong sinh viên thái độ khoa học, ý thức trách nhiệm công dân trước các vấn đề đặt ra trong đời sống chính trị đất nước và thế giới, đặc biệt là trong lĩnh vực tư tưởng chính trị.			
75	Hệ thống chính trị và pháp luật Hoa Kỳ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị của Mỹ, các nhánh quyền lực của hệ thống chính trị Mỹ từ cấp trung ương đến cấp chính quyền địa phương.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
76	Hệ thống chính trị và pháp luật châu Âu	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hệ thống chính trị và pháp luật Châu Âu, ở cả cấp độ quốc gia và cấp độ Liên minh Châu Âu. Qua đó sinh viên sẽ có kiến thức tổng quát về hệ thống chính trị Châu Âu bao gồm các yếu tố cấu thành, cách thức các quốc gia Châu Âu vận hành và quản lý Nhà nước, cách thức Liên minh Châu Âu được quản lý cũng như cách những chủ thể này chi phối và kiểm soát các vấn đề nội bộ của mình trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bên cạnh đó bức tranh tổng quát về hệ thống pháp luật Châu Âu cũng sẽ được cung cấp trước khi sinh viên tiếp cận với một số lĩnh vực pháp luật điển hình cụ thể.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
77	Đàm phán quốc tế	Giúp sinh viên cũng nắm được vị trí và vai trò của đàm phán quốc tế đối với quan hệ quốc tế nói chung; sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về đàm phán quốc tế như định nghĩa, các thuật ngữ cơ bản, những quy tắc bắt buộc, những kỹ năng cần thiết của đàm phán.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
78	Xã hội học chính trị	Học phần Xã hội học chính trị sẽ cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về xã hội học chính trị, về đối tượng của môn học, về quá trình hình thành và phát triển của xã hội học chính trị, một số khái niệm và nội dung cơ bản của xã hội học chính trị, một số nét đặc thù của xã hội học chính trị Việt Nam. Qua đó sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn xã hội hiện nay.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
79	Bầu cử	Học phần trang bị cho sinh viên được những kiến thức về bầu cử ở Việt Nam và một số nước, từ đó xác định được thái độ chính trị đúng đắn và bước đầu có kỹ năng tham gia tổ chức hoạt động bầu cử.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
V.3	<i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		15		
80	Thực tập chuyên môn	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về thực tiễn đời sống chính trị, qua đó củng cố những kiến thức đã được học trên giảng đường, rèn luyện các phương pháp và kỹ năng tiếp cận và nghiên cứu chính trị học đã được trang bị, bước đầu làm quen với môi trường tác nghiệp sau khi ra trường	5	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
81	Thực tập tốt nghiệp	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về thực tiễn đời sống chính trị, qua đó củng cố những kiến thức đã được học trên giảng đường, rèn luyện các phương pháp và kỹ năng tiếp cận và nghiên cứu chính trị học	5	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
82	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu	5	HK8	
	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>				
83	Chính trị học - Những vấn đề cơ bản	Giúp sinh viên củng cố, hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về tri thức, phương pháp, kỹ năng của chuyên ngành chính học	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
84	Chính trị Việt Nam - Những vấn đề cơ bản	Giúp sinh viên nắm chắc, có hệ thống, kiến thức về những vấn đề cơ bản của chính trị Việt Nam	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

### C3. Khoa Đông phương học

#### 1. Cử nhân Đông Nam Á học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	<b>Khối kiến thức chung</b>		16		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
II	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		29		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
III.	<b>Khối kiến thức theo</b>		24		

	<b>khối ngành</b>				
III.1	<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>		<b>18</b>		
27	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4	HK1	
28	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5	HK2	
29	Khởi nghiệp		3	HK5	
30	Lịch sử - văn hóa và tư tưởng phương Đông	Sinh viên nhớ được các đặc điểm chính về các thời kỳ lịch sử, tư tưởng phương Đông cũng như các thành tố tiêu biểu của văn hóa - văn minh Ấn Độ, Trung Quốc, Ai Cập, Lưỡng Hà, Đông Nam Á. Sinh viên hiểu được một số vấn đề còn đang tranh luận trong nghiên cứu và biết phân tích, đánh giá, lý giải các sự kiện lịch sử, tư tưởng, văn hóa, văn minh phương Đông trong quá khứ và hiện tại. Bên cạnh đó, sinh viên có ý thức tôn trọng, bảo vệ sử liệu, các di tích lịch sử, văn hóa văn minh quốc gia và nhân loại.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31	Phát triển kinh tế Đông Á	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế, phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, giúp sinh viên hiểu và phân tích được các vấn đề thực tiễn về sự phát triển kinh tế và quan hệ kinh tế quốc tế của các nước Đông Á. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên bước đầu có những cách nhìn nhận riêng đối với một số vấn đề kinh tế Đông Á, biết cách phân tích các nguồn lực và thực tiễn phát triển kinh tế khu vực Đông Á, biết rút ra mối quan hệ giữa vấn đề chính sách và quan hệ kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của kinh tế khu vực Đông Á.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
III.2	<b><i>Các học phần tự chọn</i></b>		<b>6/24</b>		
32	Khu vực học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
33	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK3	
34	Quan hệ công chúng đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK3	
35	Nhập môn Quan hệ quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
36	Nhập môn khoa học du	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị	3		

	lich	dịch vụ du lịch và lữ hành		HK3	
37	Nhập môn Quản trị văn phòng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK3	
38	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK3	
39	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK3	
<b>IV.</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>13</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>7</b>		
40	Nhập môn Đông Nam Á học	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về địa dư học khu vực Đông Nam Á (gồm địa tự nhiên, địa nhân văn) và từng quốc gia Đông Nam Á. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên hiểu và quan tâm đến lịch sử hình thành, phát triển của Đông Nam Á học, xác định được mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu cùng một số thành tựu trong Đông Nam Á học.	2	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41	Lịch sử Đông Nam Á	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về lịch sử khu vực Đông Nam Á như các đặc điểm chính và các sự kiện lịch sử tiêu biểu trong mỗi thời kỳ phát triển. Học phần giúp sinh viên vận dụng được kiến thức lịch sử này để liên hệ, phân tích, đánh giá những sự kiện lịch sử trong khu vực đang diễn ra, đồng thời qua đó rút ra được các kinh nghiệm lịch sử ở các nước trong khu vực đối với sự phát triển của đất nước mình.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42	Văn hóa Đông Nam Á	Sinh viên được trang bị những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu văn hóa Đông Nam Á, nhớ và đánh giá được các thời kì phát triển của văn hóa Đông Nam Á, những thành tố và thành tựu chủ yếu của từng thời kì. Ngoài ra, sinh viên hiểu, phân tích, lý giải các hiện tượng văn hoá đã và đang diễn ra, cắt nghĩa được nhận định “Việt Nam là một Đông Nam Á thu nhỏ”. Sinh viên cũng được rèn luyện các kỹ năng như đọc, viết, phân tích, tổng hợp tài liệu, biết cách làm việc nhóm, nâng cao tính khoan dung văn hóa và phê bình những hành vi vô văn hóa	2	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6</b>		

	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		6/15		
43	Thế chế chính trị các nước Đông Nam Á	Sinh viên hiểu và nắm vững các khái niệm cơ bản về thế chế chính trị, lịch sử phát triển và các nội dung cơ bản về thế chế chính trị ở các nước Đông Nam Á (từ Hiến pháp đến đặc điểm, tổ chức và hoạt động của thế chế chính trị của các nước Đông Nam Á), có thể so sánh được những điểm giống và khác nhau trong thế chế chính trị của các nước trong khu vực và dự đoán sự vận động và phát triển của các thế chế này trong tương lai. Thông qua học phần, sinh viên biết ứng xử văn minh đối với những quan điểm chính trị khác biệt.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44	Các dân tộc ở Đông Nam Á	Cung cấp những kiến thức cơ bản về các tộc người ở Đông Nam Á, giúp người học hiểu được cội rễ lịch sử, các quan hệ tộc người ở khu vực cũng như tiếp cận được kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa nhà nước, tộc người và phát triển, đặc biệt là những thách thức liên quan đến vấn đề tộc người trong quá trình phát triển ở mỗi quốc gia và ở cả khu vực Đông Nam Á. Người học từ đây có ý thức tìm hiểu và có thái độ tôn trọng văn hóa các dân tộc, đặc biệt là các dân tộc thiểu số	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
45	Tôn giáo ở Đông Nam Á	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu tôn giáo Đông Nam Á, quá trình du nhập, vai trò và đặc điểm của các tôn giáo ở khu vực. Học phần cũng làm rõ tác nhân thúc đẩy các tôn giáo phát triển tại Đông Nam Á, giúp người học đánh giá vị trí, vai trò của tôn giáo trong đời sống văn hóa, chính trị, xã hội khu vực, từ đó thúc đẩy ý thức khoan dung tôn giáo và coi trọng các giá trị văn hóa tôn giáo của người học.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46	Người Hoa ở Đông Nam Á	Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản liên quan đến việc nghiên cứu người Hoa ở Đông Nam Á, những đặc điểm chủ yếu của lịch sử di cư, đặc trưng văn hóa tín ngưỡng cũng như vai trò kinh tế, xã hội của người Hoa ở các nước trong khu vực. Qua đó, sinh viên lý giải được những mâu thuẫn giữa người Hoa với các tộc người bản địa và bước đầu đánh giá được chính sách của các nhà nước ở Đông Nam Á đối với cộng đồng người Hoa sinh sống tại các quốc gia này.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47	Văn học nghệ thuật ở các nước Đông Nam Á	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về quá trình phát triển, các thể loại và các đặc điểm nổi bật của văn học - nghệ thuật Đông	3		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		Nam Á. Sinh viên bước đầu phân tích được ảnh hưởng văn học nghệ thuật nước ngoài đến văn học nghệ thuật Đông Nam Á và các giá trị mang tính bản địa, đánh giá được vai trò, ý nghĩa của văn học nghệ thuật khu vực, biết coi trọng và có ý thức bảo vệ, tôn vinh di sản văn hóa vật chất/tinh thần của khu vực.		HK7	Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/24		
48	Tổ chức văn phòng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK4	
49	Quản trị nhân sự văn phòng		3	HK4	
50	Văn hóa du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK4	
51	Marketing du lịch		3	HK4	
52	Tổ chức sự kiện	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK4	
53	Các vấn đề toàn cầu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK4	
54	Phát triển cộng đồng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
55	Tâm lý học giao tiếp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK4	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>56</b>		
<b>V.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>31</b>		
	<b>Tiếng Anh</b>		25		
56	Tiếng Anh chuyên ngành - Văn hóa Đông Nam Á	Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các vấn đề văn hóa của Đông Nam Á; cung cấp các bài nghe về các chủ đề làm sáng rõ các chủ điểm liên quan đến các vấn đề của văn hóa Đông Nam Á; cung cấp các chủ đề nói và viết liên quan đến nhiều quốc gia khác để sinh viên có thể so sánh, hiểu hơn bản chất, đặc điểm của văn hóa Đông Nam Á. Học phần giúp sinh viên nhận thức và thiết lập kỹ năng đọc hiểu để thu thập thông tin, kỹ năng viết luận; kỹ năng nghe hiểu, kỹ năng trình bày, tranh luận, thuyết trình bằng tiếng Anh. Học phần còn nhằm thúc đẩy sự hứng thú và tự tin khi sử dụng tiếng Anh chuyên ngành, nâng cao ý thức tôn trọng văn hóa Đông Nam Á.	4	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



57	Tiếng Anh chuyên ngành - Chính trị Đông Nam Á	- Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng liên quan đến chuyên ngành chính trị và khả năng kết hợp với các cấu trúc ngữ pháp trình độ tương đương; Giúp sinh viên hiểu và vận dụng có phân biệt các cách diễn đạt các vấn đề liên quan đến chính trị nói chung và chính trị Đông Nam Á nói riêng, đồng thời có khả năng đánh giá riêng về các chủ đề chính trị được đề cập trong học phần. Bên cạnh đó, học phần củng cố các kỹ năng đọc hiểu để thu thập thông tin, kỹ năng viết luận; kỹ năng nghe hiểu, kỹ năng trình bày, tranh luận, thuyết trình về các vấn đề chính trị bằng tiếng Anh.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
58	Tiếng Anh chuyên ngành - Kinh tế Đông Nam Á	Học phần cung cấp các chủ đề, khối lượng từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp, các bài nghe, các chủ đề nói và viết liên quan đến các vấn đề kinh tế nói chung và kinh tế của Đông Nam Á. Học phần giúp sinh viên vận dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề này, đồng thời có thể so sánh, hiểu hơn bản chất, đặc điểm của kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59	Tiếng Anh chuyên ngành - Lịch sử Đông Nam Á	Sinh viên phải nhớ và hiểu các từ khóa, các thuật ngữ, các khái niệm tiếng Anh về lịch sử, các vấn đề sử luận, phân kỳ lịch sử và các mẫu ngữ pháp liên quan đến chủ đề lịch sử. Sinh viên cần nắm vững được bối cảnh thời đại và các vấn đề lịch sử thông qua cuộc đời của các nhân vật làm nên lịch sử Đông Nam Á. Sinh viên áp dụng được các mẫu ngữ pháp, từ vựng chuyên ngành vào viết luận và hội thoại, thuyết trình để trao đổi về vấn đề lịch sử được đề cập trong các bài khóa. Đồng thời, sinh viên được nâng cao các kỹ năng đọc, viết và nghe, nói tiếng Anh trong về các chủ đề liên quan đến lịch sử.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60	Tiếng Anh chuyên ngành - Xã hội Đông Nam Á	Sinh viên nhớ và sử dụng thành thạo vốn từ vựng, thuật ngữ liên quan đến xã hội và biết kết hợp với các cấu trúc ngữ pháp trình độ tương đương. Sinh viên hiểu và vận dụng có phân biệt các cách diễn đạt bằng tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến xã hội ở Đông Nam Á. Sinh viên cũng có khả năng tổng hợp được nội dung chính và đưa ra đánh giá riêng về các chủ đề này. Đồng thời, sinh viên được củng cố thêm kỹ năng đọc hiểu để thu thập thông tin, kỹ năng viết luận; kỹ năng nghe hiểu, kỹ năng trình bày, tranh luận, thuyết trình các chủ đề về xã hội bằng tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên biết cách khai thác thông tin về chủ đề xã hội Đông Nam Á trong sách, báo và các phương tiện thông tin khác.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

	<b>Tiếng bản địa khu vực</b>		6/12		
	<i>(Bắt buộc lựa chọn 1 trong 2 thứ tiếng)</i>				
61	Tiếng Thái sơ cấp 1	Sinh viên có kiến thức sơ bộ về ngữ âm tiếng Thái Lan; cụ thể là kiến thức về các đơn vị ngữ âm và chữ viết của tiếng Thái Lan, từ đó biết cách áp dụng vào việc phát âm tiếng Thái Lan được nhanh và đúng, viết chữ Thái Lan được thuần thục và đẹp. Sinh viên nắm chắc các kỹ năng đọc, nói và viết tiếng Thái Lan ở mức độ cơ sở. Trên cơ sở đó, sinh viên có ý thức tôn trọng di sản ngôn ngữ và chữ viết của Thái Lan.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62	Tiếng Thái sơ cấp 2	Sinh viên có kiến thức sơ bộ về từ và câu của tiếng Thái Lan, sử dụng được các cấu trúc từ và câu đơn giản để đọc, viết, dịch và trao đổi bằng tiếng Thái Lan theo các chủ đề giao tiếp trong cuộc sống đời thường. Sinh viên cũng rèn luyện được các kỹ năng đọc, nói và viết tiếng Thái Lan ở mức độ cơ bản.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
63	Tiếng Indonesia sơ cấp 1	Học phần Tiếng Indonesia sơ cấp 1 yêu cầu sinh viên thuộc bảng chữ cái tiếng Indonesia, nhớ phát âm và cách viết; nghe và nói được bằng tiếng Indonesia những mẫu câu đơn giản ở những chủ đề như chào hỏi khi mới gặp, giới thiệu bản thân, bạn bè, gia đình, nói về giờ giấc, miêu tả, giới thiệu về các con vật xung quanh, các món ăn, biết cách hỏi và chỉ đường, miêu tả các hoạt động thường ngày, tả các đặc điểm nhận dạng một người, học một số bài hát đơn giản. Đồng thời, sinh viên đọc hiểu và viết được các đoạn văn ngắn gọn, đơn giản về các chủ đề đã học. Bên cạnh đó, sinh viên bước đầu luyện tập theo phát âm và ngữ điệu của người bản địa và có hứng thú với ngôn ngữ và văn hóa Indonesia.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64	Tiếng Indonesia sơ cấp 2	Học phần trang bị cho sinh viên vốn từ/cụm từ trong các chủ đề như gia đình, công việc hàng ngày, khi mua bán, sở thích, công việc, nghề nghiệp, đi tham quan du lịch, tập thể dục... Sinh viên nói và nghe và đọc hiểu được với nội dung dài hơn, số lượng từ phong phú hơn, biết sử dụng thêm các liên từ, từ chỉ phương hướng, tiền tố... Sinh viên phát âm chuẩn xác hơn và tăng sự tự nhiên trong ngữ điệu (dựa theo phát âm và ngữ điệu của người bản địa), đồng thời có ý thức nâng cao trình độ tiếng Indonesia và hứng thú với ngôn ngữ và văn hóa Indonesia.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
65	Địa lý nhân văn và kinh	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản	3		Thường xuyên: 10%

	tế Đông Nam Á	trong nghiên cứu địa lý nhân văn và kinh tế các nước Đông Nam Á, giới thiệu tổng quan đặc điểm địa lý- kinh tế - xã hội của từng nước trong khu vực Đông Nam Á. Học phần đòi hỏi sinh viên phải phân tích, lý giải được những tương đồng, khác biệt giữa địa lý nhân văn – kinh tế của khu vực Đông Nam Á với một khu vực nào đó ở châu Á, và giữa các nước Đông Nam Á. Ngoài ra, sinh viên cần biết so sánh và đánh giá chính sách của các nhà nước ở Đông Nam Á về việc sử dụng không gian địa lý cho sự phát triển kinh tế xã hội.		HK4	Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66	Cộng đồng ASEAN	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của ASEAN từ khi mới là một tổ chức khu vực cho đến khi thành lập Cộng đồng ASEAN. Sinh viên cần phân tích, lý giải được lý do dẫn đến quyết định thành lập Cộng đồng ASEAN, nhớ và hiểu được các đặc điểm chính trong từng trụ cột của Cộng đồng ASEAN. Đồng thời, sinh viên cần biết phân tích, đánh giá những thành tựu, hạn chế cũng như những thách thức của Cộng đồng ASEAN, có ý thức xây dựng Cộng đồng ASEAN và quan tâm đến vai trò cũng như sự hội nhập của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>15/30</b>		
67	Tiếng Indonesia trung cấp 1	Sinh viên được trang bị thêm các từ vựng, các chủ đề trong giao tiếp và ứng xử văn hóa, mở rộng khả năng nói, đọc hiểu, trong đó sử dụng các cấu trúc ngữ pháp thông dụng (thể hiện thời quá khứ, tương lai, hiện tại tiếp diễn, câu cầu khiến...). Sinh viên có khả năng nghe những bài nghe, hội thoại dài và tốc độ nhanh hơn, đồng thời có khả năng nói một cách trôi chảy và tự nhiên hơn so với trình độ A2. Ngoài ra, sinh viên còn được gia tăng kiến thức hiểu biết và sự ham mê khám phá ngôn ngữ và văn hóa Indonesia.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
68	Tiếng Indonesia trung cấp 2	Học phần đòi hỏi sinh viên: - Mở rộng vốn từ và các chủ đề về văn hóa, chính trị, xã hội, ngoại giao... - Bước đầu sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp phức tạp - Tăng khả năng nghe ở các bài nghe dài với các từ, cụm từ và ngữ pháp phức tạp hơn - Có kỹ năng nói rõ ràng, trôi chảy một số vấn đề, phản ứng nhanh và đúng trước các tình huống nhất định	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách tìm các từ khóa và tóm lược các ý chính của bài đọc hiểu dài, nhiều câu ghép</li> <li>- Có kỹ năng viết đơn từ, nhận xét, đánh giá, viết mô tả theo các chủ đề đa dạng, biết giới thiệu và kết luận khi viết một đoạn văn</li> <li>- Hiểu thêm về văn hóa Indonesia</li> </ul>			
69	Tiếng Thái trung cấp 1	Sinh viên có những kiến thức nâng cao hơn về ngữ âm tiếng Thái Lan, từ loại tiếng Thái Lan, các đơn vị ngữ âm và chữ viết của tiếng Thái Lan, từ đó áp dụng vào việc phát âm tiếng Thái Lan được nhanh hơn và đúng hơn, viết chữ Thái Lan được thuần thục hơn và đẹp hơn. Sinh viên có thể sử dụng tiếng Thái Lan thông qua 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở trình độ trung cấp, tức nhớ được nhiều từ vựng và mẫu câu hơn trước. Sinh viên có thể sử dụng đúng và tốt các từ loại tiếng Thái Lan trong giao tiếp và dịch thuật.	3	HK4	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
70	Tiếng Thái trung cấp 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên phải có những kiến thức nâng cao hơn nữa từ loại tiếng Thái Lan gồm: động từ, tính từ, giới từ, liên từ.</li> <li>- Sinh viên có thể sử dụng tiếng Thái Lan thông qua 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở trình độ trung cấp, tức nhớ được nhiều từ vựng và mẫu câu hơn trước.</li> <li>- Sinh viên có thể sử dụng đúng và tốt các từ loại tiếng Thái Lan trong giao tiếp và dịch thuật.</li> </ul>	3	HK5	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
71	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	Sinh viên nhớ được một cách khái quát về lịch sử quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á, hiểu, phân tích và đánh giá được bối cảnh lịch sử diễn ra các quan hệ của khu vực Đông Nam Á với các đối tác bên ngoài trên các lĩnh vực quan hệ (kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội), kết quả đạt được cũng như những rào cản hoặc thách thức đặt ra cho Đông Nam Á trong mối quan hệ đó. Bên cạnh đó, sinh viên đánh giá, so sánh được mối quan hệ của các nước Đông Nam Á với các đối tác khác nhau trong bối cảnh hiện nay, từ đó rút ra được các bài học kinh nghiệm cho sự phát triển của khu vực nói chung và của Việt Nam nói riêng. Sinh viên cũng đánh giá được vai trò của Việt Nam trong hội nhập khu vực, những thuận lợi và thách thức đối với Việt Nam trong tiến trình này.	3	HK5	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
72	Di cư và di chuyển lao động ở các nước ASEAN	- Sinh viên được trang bị các lý thuyết trong nghiên cứu về di cư, di chuyển lao động và khái quát các làn sóng di cư từng diễn ra trong lịch sử ở khu vực Đông Nam Á. Sinh viên nhớ và hiểu được	3		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		căn nguyên, thực trạng các hiện tượng hoặc các làn sóng di cư diễn ra ở Đông Nam Á từ khi ASEAN thành lập (năm 1967 cho đến nay), đồng thời đánh giá được những đóng góp của người di cư đối với lịch sử phát triển của khu vực, những hệ lụy về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội do người di cư đem lại, cũng như bước đầu biết tìm hiểu, đề xuất những giải pháp để khắc phục những hệ quả tiêu cực do vấn đề di cư gây ra. Sinh viên có nhận thức về thực tế và khả năng di chuyển lao động trong khu vực, đặc biệt dưới tác động của sự hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN.		HK6	
73	Biển Đông và sông Mekong ở Đông Nam Á	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng trong nghiên cứu khu vực biển, sông Mekong; các mô hình phát triển kinh tế biển, sông; tình hình các cộng đồng mưu sinh dựa trên sông Mekong và biển Đông; các bất đồng và tranh chấp sông, biển giữa các quốc gia có liên quan và những cơ chế, những lực lượng hiện có để giải quyết xung đột. Sinh viên được cung cấp phương pháp phân tích, lý giải, đánh giá và đưa ra những nhận định các vấn đề một cách logic.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
74	Phát triển du lịch ở các nước ASEAN	Trang bị cho người học những thuật ngữ, khái niệm, phạm trù và triết lý cơ bản của du lịch, đồng thời giúp cho người học có được những kiến thức cơ bản về tiềm năng, thực trạng, xu hướng và triển vọng phát triển du lịch ở một số nước Đông Nam Á trong bối cảnh hội nhập khu vực và thế giới.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
75	Lịch sử văn hóa xã hội các nước Đông Nam Á lục địa	Sinh viên nhớ và hiểu các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu lịch sử, văn hóa – xã hội các nước Đông Nam Á lục địa; các mốc lịch sử quan trọng, các đặc trưng văn hóa, xã hội nổi bật của các quốc gia Đông Nam Á lục địa. Sinh viên hiểu các vấn đề còn đang tranh luận trong nghiên cứu lịch sử, văn hoá - xã hội của các quốc gia Đông Nam Á lục địa và quan điểm của các nhà nghiên cứu, đồng thời đánh giá được các vấn đề lịch sử, văn hoá - xã hội nổi bật của các quốc gia Đông Nam Á lục địa.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
76	Lịch sử văn hóa xã hội các nước Đông Nam Á hải đảo	- Sinh viên nhớ, hiểu và phân tích được những đặc điểm cơ bản về lịch sử, văn hóa, xã hội các nước Đông Nam Á hải đảo từ truyền thống đến hiện đại cũng như đánh giá được những thành công, hạn chế và thách thức của các quốc gia này trong quá trình phát triển. Từ đó, sinh viên có thể liên hệ một số vấn đề tương đồng và rút ra kinh nghiệm tham khảo cho Việt Nam.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

V.3	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>10</b>		
77	Niên luận	Học phần giúp sinh viên tập dượt nghiên cứu về một trong những vấn đề thuộc lĩnh vực Đông Nam Á học: Văn hóa – xã hội, lịch sử, kinh tế, chính trị, tôn giáo, ngôn ngữ... Đông Nam Á. Sinh viên hiểu và áp dụng cách thức triển khai nghiên cứu một vấn đề, cách thức viết báo cáo nghiên cứu, cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo, nguồn trích dẫn, biết cách đặt mục tiêu nghiên cứu, lựa chọn đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề, biết phương pháp nghiên cứu phù hợp, biết giải quyết nội dung vấn đề nghiên cứu và đưa ra kết luận. Học phần là bước đầu chuẩn bị cho việc làm khóa luận tốt nghiệp của sinh viên và các nghiên cứu khác sâu hơn.	2	HK5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá cách lựa chọn vấn đề, nội dung, cấu trúc nghiên cứu, cách diễn đạt: 50%</li> <li>- Đánh giá cách thu thập tài liệu, phương pháp nghiên cứu: 30%</li> <li>- Đánh giá cách sử dụng tài liệu tham khảo và hình thức trình bày: 20%</li> </ul>
78	Thực tập thực tế	Thông qua quá trình thực tập, sinh viên hiểu được những vấn đề thực tiễn liên quan đến các lĩnh vực văn hóa - xã hội, lịch sử, kinh tế, chính trị, tôn giáo, ngôn ngữ ... ở Đông Nam Á. Sinh viên biết áp dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tập, thực tế để có thể thực hành nghiên cứu điền dã, thực hành các kỹ năng làm việc (thu thập, xử lý thông tin hoặc số liệu điều tra; quan sát và thực hành cách giao tiếp, trao đổi công việc, cách thực hiện nhiệm vụ công việc được giao...) và học hỏi thêm cách thức, kinh nghiệm làm việc khác ở các văn phòng, tổ chức, doanh nghiệp mà sinh viên thực tập. Sinh viên biết nhận xét, đánh giá tình hình hoạt động và các vấn đề có liên quan đến Đông Nam Á học ở cơ quan thực tập, có kỹ năng viết báo cáo quá trình thực tập (bao gồm việc tổng hợp, phân tích thông tin, số liệu, đánh giá vấn đề, đưa ra khuyến nghị) và có ý thức làm việc nghiêm túc, nhiệt tình, cẩn trọng, mềm dẻo và linh hoạt trong các công việc được giao.	3	HK7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm chuyên cần trong thực tập, thực tế: 30%</li> <li>- Bài thu hoạch sau thực tập, thực tế: 70%</li> </ul>
79	Khóa luận tốt nghiệp		5	HK8	
	<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>				
80	Một số vấn đề thách thức của Đông Nam Á đương	Học phần củng cố nhận thức và hiểu biết của sinh viên về một số vấn đề thách thức nổi cộm của khu vực trong lĩnh vực kinh	2		<ul style="list-style-type: none"> <li>Thường xuyên: 10%</li> <li>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</li> </ul>

	đại	tế, lao động, an ninh chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường... Đồng thời, học phần cũng trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, đánh giá các chiến lược, kế hoạch của các chính phủ, các tổ chức xã hội trong và ngoài khu vực trong việc giải quyết các thách thức nói trên.		HK8	Thi cuối kỳ: 60%
81	Cơ hội và tiềm năng phát triển của khu vực Đông Nam Á trong thời kỳ hội nhập khu vực	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về xu thế, yêu cầu hội nhập khu vực và toàn cầu, về cơ hội và tiềm năng phát triển của các quốc gia Đông Nam Á nói chung (đặc biệt là ASEAN) cũng như từng quốc gia Đông Nam Á nói riêng trên các lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, an ninh - chính trị, văn hóa xã hội... để đáp ứng xu thế hội nhập khu vực - quốc tế hiện nay và trong tương lai.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## 2. Ngành Đông phương học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>16</b>		
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK1	
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2	HK2	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	HK2	
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	HK3	
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	HK3	
6.	Ngoại ngữ B1		5		
	Tiếng Anh B1		5		
	Tiếng Trung B1		5		
	Tiếng Hàn B1	Nắm được ý chính khi nghe và đọc các văn bản chuẩn về những chủ đề quen thuộc, thường gặp ở nơi làm, trường học, khu vui chơi giải trí...; Xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy đến khi đi đến những nơi sử dụng ngôn ngữ đó; Tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về chủ đề quen thuộc, phù hợp với sở thích cá nhân; Miêu tả những trải nghiệm, sự kiện, ước mơ, hi vọng, ước muốn và	5		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		lí giải gọn gàng cho các ý kiến và kế hoạch được vạch ra.			
	Tiếng Thái B1	Nắm được ý chính khi nghe và đọc các văn bản chuẩn về những chủ đề quen thuộc, thường gặp ở nơi làm việc, trường học, khu vui chơi giải trí, v.v... Xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy đến khi đi đến những nơi sử dụng ngôn ngữ đó. Tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về chủ đề quen thuộc, phù hợp với sở thích cá nhân. Miêu tả những trải nghiệm, sự kiện, ước mơ, hi vọng, ước muốn và lý giải được cho các ý kiến và kế hoạch được vạch ra.	5		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
7.	Giáo dục thể chất		4		
8.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	8		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III.</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>24</b>		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
10.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		4		
11.	Tiếng Thái Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Hiểu được những chỉ dẫn, những biển thông báo, hoặc thông tin ở mức độ đơn giản. Giao tiếp trong những tình huống gần gũi với cuộc sống ở mức độ đơn giản. Hoàn thành những biểu mẫu đơn giản; viết bức thư ngắn và đơn giản chứa đựng những thông tin liên quan đến thời gian, ngày tháng và nơi chốn, viết đoạn văn ngắn về các chủ đề liên quan đến đời sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, v.v.	4		Bài kiểm tra tiến độ số 1: 20 % Bài kiểm tra tiến độ số 2: 20 % Bài kiểm tra kết thúc học phần-Viết:60 %
12.	Tiếng Hàn Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên củng cố và nắm vững được những cấu trúc ngữ pháp trong nội dung từng bài học, nhớ được khoảng 300 từ vựng rồi vận dụng để viết các đoạn văn ngắn khoảng 70~120 chữ, thực hiện được các đoạn hội thoại thông dụng. Cụ thể là đối với kỹ năng đọc và viết, sinh viên sẽ đọc hiểu dịch, viết được những bài viết theo các chủ đề đa dạng ở mức độ sơ cấp 1 từ tiếng	4		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		Hàn sang tiếng Việt và ngược lại. Đối với kỹ năng nghe và nói, sinh viên sẽ trình bày mạch lạc, đúng ngữ pháp được ý kiến của mình về một vấn đề nhất định. Sinh viên sẽ có thể giao tiếp được bằng tiếng Hàn trong các tình huống giao tiếp đơn giản và cần thiết trong cuộc sống hàng ngày.			
13.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	5		
14.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
15.	Tiếng Thái Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	<i>Kết thúc học phần, sinh viên có thể:</i> Hiểu được những câu và cách diễn đạt phổ biến với các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả một cách đơn giản về bản thân và các hoạt động, những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mình.	5		Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
16.	Tiếng Hàn Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên củng cố và nắm vững được những cấu trúc ngữ pháp trong nội dung từng bài học, nhớ được khoảng 500 từ vựng rồi vận dụng để viết các đoạn văn ngắn khoảng 100~150 chữ, thực hiện được các đoạn hội thoại thông dụng. Cụ thể là đối với kỹ năng đọc và viết, sinh viên sẽ đọc hiểu dịch, viết được những bài viết theo các chủ đề đa dạng ở mức độ sơ cấp 2 từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại. Đối với kỹ năng nghe và nói, sinh viên sẽ trình bày mạch lạc, đúng ngữ pháp được ý kiến của mình về một vấn đề nhất định. Sinh viên sẽ có thể giao tiếp được bằng tiếng Hàn trong các tình huống giao tiếp đơn giản và cần thiết trong cuộc sống hàng ngày.	5		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
17.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK6	
18.	Văn hóa, văn minh phương Đông	Sinh viên phải nắm được một số đặc điểm và thành tố văn hóa tiêu biểu của văn hóa – văn minh Ấn Độ, Trung Quốc, Ai Cập, Lưỡng Hà, Đông Nam Á.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/45</b>		
19.	Khu vực học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK2	

20.	Lịch sử phương Đông	Sinh viên phải nhớ được các thời kì chính của lịch sử Phương Đông, đặc điểm của từng thời kì, các sự kiện và nhân vật tiêu biểu. Sinh viên cần hiểu được một số vấn đề còn đang tranh luận trong nghiên cứu lịch sử Phương Đông, Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nên bước đầu có những cách nhìn nhận riêng đối với một số vấn đề lịch sử.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
21.	Tiếng Việt và các ngôn ngữ phương Đông	Học phần này có mục tiêu nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tiếng Việt và các ngôn ngữ phương Đông. Về tiếng Việt, đó là những kiến thức cơ sở về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Về các ngôn ngữ phương Đông, đó là những kiến thức cơ sở về các ngữ hệ, các loại hình ngôn ngữ chủ yếu ở phương Đông, về vấn đề tiếp xúc ngôn ngữ ở phương Đông, vấn đề chính sách ngôn ngữ của một số quốc gia ở phương Đông, trong đó có Việt Nam.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
22.	Lịch sử tư tưởng phương Đông	Trang bị cho sinh viên những tri thức về sự hình thành, đặc điểm và quá trình phát triển của tư tưởng triết học phương Đông thời cổ, trung đại. Từ đó thấy được giá trị và ảnh hưởng của triết học đến sự phát triển của lịch sử, xã hội các nước phương Đông nói riêng và thế giới nói chung.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
23.	Đại cương về quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3		
24.	Thông tin học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lí thông tin	3		
25.	Công tác xã hội đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3		
26.	Tâm lí học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lí học	3		
27.	Nhập môn Quản trị văn phòng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3		
28.	Luật quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3		
29.	Tâm lí học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lí học	3		
30.	Văn hoá tổ chức	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học	3		
31.	Đại cương về sở hữu trí	quản lý	3		

	tuệ				
32.	Chính sách công của Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3		
33.	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
<b>IV.</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>11</b>		
	<b>(Sinh viên chọn một trong hai nhóm)</b>				
	<i>Nhóm ngành Đông Bắc Á</i>		<i>11</i>		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>5</b>		
34.	Quan hệ quốc tế Đông Bắc Á	Nhớ và tóm tắt được những đặc trưng chính của quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á Nhớ và miêu tả khái quát những tổ chức, cơ cấu hợp tác quốc tế trong khu vực. So sánh và trình bày được về mối quan hệ giữa tình hình nội chính với chính sách ngoại giao của các quốc gia, vùng lãnh thổ trong khu vực qua từng giai đoạn lịch sử. Lý giải và đánh giá được mối quan hệ quốc tế giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trong khu vực.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Kinh tế Đông Bắc Á	Nhớ và tóm tắt được những đặc trưng chính của tình hình kinh tế ở khu vực Đông Bắc Á Nhớ và miêu tả khái quát những tổ chức, cơ cấu hợp tác kinh tế trong khu vực Đông Á Khái quát được đặc trưng và hệ quả của mô hình kinh tế Đông Bắc Á Lý giải và đánh giá được mối quan hệ quốc tế trong quá trình phát triển kinh tế của từng quốc gia Đông Bắc Á cũng như toàn bộ khu vực Đông Á	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Các học phần tự chọn</i>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		<b>6</b>		
36.	Chính trị khu vực Đông Bắc Á	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị của các nước trong khu vực Đông Á và tình hình chính trị trong khu vực này, để khi viết khóa luận tốt nghiệp sẽ có được sự tiếp cận	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		từ góc độ chính trị học, giúp việc phân tích vấn đề được toàn diện hơn. Sinh viên làm quen với một số thuật ngữ liên quan đến chính trị, phân tích được tình hình chính trị trong khu vực Đông Bắc Á để từ đó có thêm sự liên hệ khi lý giải, đánh giá và dự đoán về quan hệ ngoại giao, quan hệ kinh tế của khu vực này cũng như trong sự hợp tác với các khu vực, cộng đồng các nước khác trên thế giới. Sinh viên có cái nhìn đúng đắn về tình hình chính trị, mối quan hệ chính trị của các nước trong khu vực nói riêng và toàn khu vực nói chung.			
37.	Tôn giáo khu vực Đông Bắc Á	Giúp sinh viên có những hiểu biết căn bản về nguồn gốc, tư tưởng chính, sự truyền bá, bản địa hóa của các tôn giáo ra khu vực Đông Bắc Á và tình hình các tôn giáo ở khu vực Đông Bắc Á hiện nay. Trên cơ sở những hiểu biết cơ bản về các tôn giáo ở các nước Đông Bắc Á, sinh viên có thể phân tích, so sánh giữa các nước và đưa ra những nhận định riêng của mình về xu hướng phát triển của các tôn giáo ở Đông Bắc Á trong tương lai.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		<b>6/21</b>		
38.	Nghiệp vụ thư ký	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lý văn phòng	3	HK6	
39.	Kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3		
40.	Kỹ năng quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
41.	Pháp luật về lao động và việc làm		3	HK5	
42.	Nhãn hiệu và các chỉ dẫn thương mại khác		3		
43.	Quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp		3		
44.	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3		
	<b>Nhóm ngành Đông Nam Á và Nam Á</b>		<b>11</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>5</b>		
45.	Tổng quan khu vực Nam	Sinh viên làm quen với khu vực Nam Á và Đông Nam Á trong	3	HK5	Thường xuyên: 10%

	Á và Đông Nam Á	<p>khung cảnh có tính toàn cầu, nhấn mạnh vào những dân tộc trong vùng.</p> <p>Sinh viên cần biết đánh giá đúng về sự đa dạng văn hoá và xã hội của khu vực Nam Á và Đông Nam Á cũng như những sự kiện lịch sử chính nhờ việc tiếp cận các tài liệu gốc hay những bài nghiên cứu (thông qua bản dịch), xem phim tư liệu và tham dự những bài giảng của các chuyên gia là khách mời của học phần (nếu có).</p> <p>Học phần tiếp cận các vấn đề có tính tổng quan về địa lý, văn hoá, xã hội và lịch sử khu vực Nam Á và Đông Nam Á, nhấn mạnh những truyền thống tôn giáo, nghệ thuật và văn hoá từ thời tiền sử đến đương đại qua các tài liệu và phương pháp khác nhau.</p> <p>Học phần cho phép: 1. Sinh viên làm quen với khu vực Nam Á và Đông Nam Á trong khung cảnh có tính toàn cầu, nhấn mạnh vào những tộc người địa phương ở mỗi vùng. 2. Sinh viên có khả năng diễn giải, phân biệt và phân tích những sự kiện trong văn hoá và lịch sử qua bài tập giữa kỳ và tiểu luận cuối kỳ.</p> <p>Sau khi học, sinh viên cần biết đánh giá đúng về sự đa dạng văn hoá và xã hội của khu vực Nam Á và Đông Nam Á cũng như những sự kiện lịch sử chính nhờ việc tiếp cận các tài liệu gốc hay những bài nghiên cứu (thông qua bản dịch), xem phim tư liệu và tham dự những bài giảng của các chuyên gia là khách mời của học phần.</p>			<p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
46.	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á và Nam Á	<p>Cung cấp khối kiến thức cơ bản, những vấn đề trọng yếu về quan hệ quốc tế tại khu vực Đông Nam Á và Nam Á</p> <p>Khái quát và phân tích cụ thể mối quan hệ giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á, Nam Á trong các tổ chức khu vực như ASEAN và SAARC.</p> <p>Tìm hiểu mối quan hệ giữa khu vực Đông Nam Á, Nam Á với các quốc gia lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc...</p> <p>Giới thiệu mối quan hệ giữa khu vực Đông Nam Á, Nam Á với các tổ chức tiểu khu vực...</p>	2	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		<b>6</b>		
47.	Tôn giáo ở Nam Á và Đông Nam Á	<p>Sau khi học học phần này sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về vấn đề tôn giáo nói chung. Trên cơ sở đó sinh viên sẽ được biết về tình hình tôn giáo ở khu vực Nam Á và Đông Nam Á từ xa</p>	3	HK4	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		xưa cho đến nay. Đó là các tôn giáo: Hindu giáo; Phật giáo; Hồi giáo; Đạo Jain; Đạo Sikh; Đạo Thiên chúa. Khi học đến mỗi tôn giáo trên đây sinh viên đều phải nắm được quá trình hình thành và phát triển, đặc điểm, tổ chức và vai trò của mỗi tôn giáo. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị vốn kiến thức về các tôn giáo này khi nó ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á để tạo thành mỗi một tôn giáo của từng quốc gia Đông Nam Á không hoàn toàn giống với Ấn Độ.			
48.	Ngôn ngữ - tộc người Nam Á – Đông Nam Á	Những khái niệm cơ bản về ngôn ngữ - tộc người Nam Á - Đông Nam Á Các ngữ hệ chủ yếu ở Nam Á – Đông Nam Á Tình hình nghiên cứu ngôn ngữ - tộc người Nam Á – Đông Nam Á trên thế giới và Việt Nam hiện nay Những thành tựu đã đạt được và những vấn đề cấp bách đang được đặt ra Sinh viên cần hiểu được những vấn đề đang còn tranh luận trong giới nghiên cứu về ngôn ngữ - tộc người Nam Á – Đông Nam Á.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		<b>6/21</b>		Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự như nhóm ngành Đông Bắc Á
<b>V.</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>				
	<i>(Sinh viên chọn 1 trong 4 hướng ngành)</i>				
	<b>Trung Quốc học</b>		<b>51</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>41</b>		
49.	Nhập môn nghiên cứu Trung Quốc	Sinh viên nắm được một số khái niệm cơ bản trong nghiên cứu Hán học và Trung Quốc học, tiến trình lịch sử, các xu hướng chính của Hán học và Trung Quốc học thế giới, các thành tựu nghiên cứu và tác phẩm tiêu biểu.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Địa lý Trung Quốc	Sinh viên phải nắm vững những tri thức cơ sở về vị trí địa lý, môi trường tự nhiên, các khu vực hành chính của Trung Quốc trong mối tương quan với các nước trong khu vực. Sinh viên cần hiểu được tính đặc trưng khu vực và tính phức tạp đan	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>xen của địa lý cư dân và môi trường Trung Quốc, biết cách phân tích và đánh giá đúng đắn, khách quan, khoa học đối với chính sách dân tộc, dân số của Trung Quốc</p> <p>Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nên bước đầu có những cách nhìn nhận riêng đối với vấn đề phân vùng và đặc điểm của từng vùng trên lãnh thổ Trung Quốc đại lục, Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan.</p>			
51.	Lịch sử Trung Quốc	<p>Sinh viên hiểu và nhớ vững được tình hình cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong mỗi thời kỳ lịch sử của Trung Quốc, cụ thể như các sự kiện chính, nhân vật tiêu biểu, bối cảnh, đặc điểm của mỗi giai đoạn lịch sử, các bài học kinh nghiệm... Bên cạnh đó, sinh viên cần nắm được các vấn đề nghiên cứu, quan điểm tiếp cận và phương pháp nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.</p> <p>Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên bước đầu có biết tìm hiểu, tiếp cận và triển khai nghiên cứu đối với một vấn đề cụ thể có liên quan đến lĩnh vực nội dung chuyên môn được học, đồng thời có thể đưa ra những cách nhìn nhận riêng đối với một số vấn đề lịch sử.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
52.	Văn hóa Trung Quốc	<p>Sinh viên được trang bị một số tri thức cơ bản về một số thành tố của văn hoá truyền thống của Trung Quốc như: Hệ thống tông pháp, gia tộc và tên họ của người Trung Quốc, tư tưởng học thuật, tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán lễ hội, ngôn ngữ và chữ viết, kiến trúc và điêu khắc truyền thống, các loại hình nghệ thuật truyền thống...</p>	2	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
53.	Tiếng Hán nâng cao 1	<p>Tăng thêm 1000 đơn vị từ vựng Tiếng Hán cơ bản (Tăng từ 2500 từ ở chương trình Tiếng Hán 2 lên 3500 từ ở chương trình Tiếng Hán 3)</p> <p>Củng cố, bổ sung các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, học cách sử dụng 90 từ ngữ trọng điểm, cách so sánh, phân biệt và cách sử dụng của 78 cặp từ ngữ gần nghĩa thuộc cấp độ C, D</p>	4	HK4	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
54.	Tiếng Hán nâng cao 2	<p>Sinh viên tiếp nhận được khoảng 1500 đơn vị từ vựng Tiếng Hán cơ bản.</p> <p>Hiểu được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cách sử dụng các từ ngữ trọng điểm, cách so sánh, phân biệt và cách sử dụng của các cặp từ</p>	4	HK4	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		ngữ gần nghĩa thuộc cấp độ C, D.			
55.	Tiếng Hán nâng cao 3	Cung cấp cho người học vốn từ vựng, thành ngữ, quán ngữ cơ bản thường được sử dụng trong một số tình huống giao tiếp nghe- nói được đưa ra trong bài học; Cung cấp cho người học những cấu trúc câu và cách diễn đạt thường dùng trong những tình huống giao tiếp nghe nói xác định được đưa ra trong bài học.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Tiếng Hán nâng cao 4	Sau khi học môn Tiếng Trung nâng cao 4, sinh viên sẽ nắm được những từ ngữ, kết cấu câu thường gặp trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa, du lịch, chính trị, ngoại giao, tôn giáo tín ngưỡng, vấn đề giới trẻ hiện đại của Trung Quốc. Trên cơ sở này, sinh viên có thể đọc hiểu, dịch tài liệu về lĩnh vực trên; có thể nghe dịch viết hoặc nghe dịch nói các nội dung chính các bản tin, phóng sự, phỏng vấn... về lĩnh vực trên. Điều này giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Trung Quốc chuyên ngành và các kiến thức của chuyên ngành. Có nền tảng để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến dịch thuật trong quá trình học tập tại trường và công tác sau này. Tiếp thu được khối lượng từ vựng, kết cấu biểu đạt thường gặp trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa, du lịch, chính trị, ngoại giao, tôn giáo tín ngưỡng, vấn đề giới trẻ hiện đại của Trung Quốc. Tiếp thu được những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa, du lịch, chính trị, ngoại giao, tôn giáo tín ngưỡng, vấn đề giới trẻ hiện đại của Trung Quốc.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
57.	Tiếng Hán chuyên ngành (Văn hóa)	Sau khi học môn Tiếng Trung chuyên ngành 1, sinh viên sẽ nắm được những từ ngữ, kết cấu câu thường gặp trong lĩnh vực văn hóa Trung Quốc qua các chủ đề như lễ nghĩa của người Trung Quốc, tư tưởng quan niệm của người Trung Quốc, tập tục dân gian của người Trung Quốc, tập tục lễ tết của người Trung Quốc, tập tục vòng đời của người Trung Quốc, tập tục xã hội của người Trung Quốc. Trên cơ sở này, sinh viên có thể thao tác được các kỹ năng về đọc, dịch tài liệu; đọc thuyết trình nội dung tài liệu; đọc và viết tóm tắt hay nhận xét đánh giá nội dung tài liệu. Điều này giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Trung Quốc chuyên ngành và các kiến thức của chuyên ngành có liên quan. Có nền tảng để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến dịch thuật tài liệu, viết báo cáo, triển khai nghiên	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		cứ các đề tài liên quan ở mức độ vừa và nhỏ trong quá trình học tập tại trường và công tác sau này. Tiếp thu được khối lượng từ vựng, kết cấu biểu đạt thường gặp trong lĩnh vực văn hóa Trung Quốc. Tiếp thu được những kiến thức cơ bản về Văn hóa Trung Quốc.			
58.	Tiếng Hán chuyên ngành (Kinh tế)	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ được trang bị thêm khoảng 1000 từ và các mẫu câu tiếng Hán có liên quan tới lĩnh vực thương mại, thuật ngữ chuyên ngành thương mại, qua đó sinh viên có thể sử dụng tiếng Hán ở trình độ trung hoặc cao cấp tham gia vào các công việc liên quan tới thương mại như phiên dịch, thư kí, tham gia nghiên cứu với nhà tuyển dụng Trung Quốc và Việt Nam. Thông qua các hoạt động trên lớp cụ thể, sinh viên có thể tự tin trong làm việc nhóm, tranh luận, thuyết trình hoặc có thể tham gia thực tập thực tế tại các công ty để từ đó củng cố kiến thức và tích lũy kinh nghiệm hơn trong lĩnh vực kinh tế thương mại.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Tiếng Hán chuyên ngành (Chính trị, xã hội)	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ được trang bị thêm khoảng 500 từ mới và các mẫu câu tiếng Hán có liên quan tới lĩnh vực chính trị, xã hội Trung Quốc, cụ thể hiểu rõ về thể chế chính trị, chính sách đối nội, đối ngoại của Trung Quốc. Đồng thời, thông qua học phần này, sinh viên nắm được một cách khái quát tình hình cơ bản của xã hội Trung Quốc đương đại như cải cách quản lý xã hội, chính sách xóa đói giảm nghèo, vấn đề an sinh xã hội và giải quyết việc làm...	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60.	Tiếng Hán chuyên ngành (Lịch sử)	Sinh viên hiểu và nhớ được tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử của Trung Quốc. Nắm vững từ vựng chuyên ngành và các mẫu câu tiếng Hán có liên quan tới lĩnh vực lịch sử, để từ đó có thể biểu đạt các suy nghĩ của mình khi cần trình bày hoặc thảo luận một số vấn đề về lịch sử nói chung và lịch sử Trung Quốc nói riêng	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>10/20</b>		
61.	Kinh tế Trung Quốc	Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về thương mại quốc tế. Tiếp đó, học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết căn bản về tình hình phát triển ngoại thương giữa ASEAN và Trung	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Quốc qua các thời kì lịch sử trong thế kỉ XX. Nhưng tập trung vào quan hệ thương mại này từ giữa những năm 1990s trở đi.			
62.	Tiếng Hán cổ đại	Sau khi học học phần này, sinh viên hiểu được lịch sử hình thành và phát triển của tiếng Hán cổ đại, sự khác biệt cơ bản giữa tiếng Hán cổ đại và tiếng Hán hiện đại, nhận rõ vai trò của tiếng Hán cổ đại trong nghiên cứu lịch sử, văn học, văn hóa, tư tưởng Trung Quốc. Trên cơ sở nắm được những kiến thức cơ bản về tiếng Hán cổ đại, sinh viên có thể tiếp cận, đọc hiểu và dịch được các văn bản Hán ngữ cổ đại thông thường. Sinh viên nhớ được vốn từ vựng cơ bản, các cấu trúc ngữ pháp, cách dùng các từ và thuật ngữ trong Hán ngữ cổ đại.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
63.	Chính sách ngoại giao của Trung Quốc và quan hệ Việt Nam - Trung Quốc	Sinh viên <i>phải</i> nắm được đặc điểm cơ bản trong quan hệ đối ngoại của Trung Quốc thời cổ, cận đại. Sinh viên <i>phải</i> nắm được khái quát về quan hệ đối ngoại của Trung Quốc, đặc điểm từng giai đoạn trong quan hệ đối ngoại của Trung Quốc. Sinh viên <i>phải</i> nắm được khái quát về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc, đặc điểm từng giai đoạn và các sự kiện tiêu biểu Sinh viên bước đầu làm quen với một số thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Trung.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64.	Triết học Trung Quốc	Sau khi học học phần này sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, phổ quát về lịch sử tư tưởng của các học phái triết học Trung Quốc, hiểu được các khái niệm, phạm trù triết học căn bản của các học phái, về đặc sắc tư tưởng của từng thời kì, việc phân kì lịch sử phát triển, các tác gia, tác phẩm triết học tiêu biểu của từng thời kì lịch sử.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
65.	Tiến trình văn học Trung Quốc	Sau khi học học phần này sinh viên sẽ nắm được tiến trình phát triển của văn học Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại, nhớ được những thể loại văn học, tác gia và tác phẩm tiêu biểu cho mỗi thời kỳ. Hiểu được ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn hóa- xã hội Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66.	Ngôn ngữ tộc người	Sinh viên phải nhớ được những khái niệm cơ bản thuộc về ngôn ngữ	2		Thường xuyên: 10%

	Trung Quốc	<p>-dân tộc nói chung và ngôn ngữ -dân tộc ở Trung Quốc nói riêng; Cảnh huống ngôn ngữ - dân tộc ở Trung Quốc; Quan điểm, chính sách và sự thực thi chính sách về ngôn ngữ ở Trung Quốc; Sự phân bố chức năng giữa ngôn ngữ quốc gia tiếng Hán với 55 ngôn ngữ dân tộc thiểu số.</p> <p>Sinh viên cần hiểu được những vấn đề đang còn thảo luận trong giới nghiên cứu về vấn đề ngôn ngữ - dân tộc ở Trung Quốc.</p> <p>Sinh viên phải lí giải được: Trung Quốc là một quốc gia thống nhất, đa dân tộc và đa ngôn ngữ với chính sách ngôn ngữ - dân tộc là “thống nhất trong đa dạng và đa dạng trong sự thống nhất”.</p>			<p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
67.	Kinh tế, xã hội Đài Loan	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản các vấn đề về tiến trình phát triển kinh tế – xã hội Đài Loan kể từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai đến nay. Học phần được trình bày dựa trên lý thuyết về tăng trưởng kinh tế hiện đại; lý thuyết “vốn xã hội”... nhằm tạo cho sinh viên có cách tiếp cận căn bản, cập nhật theo đúng chuyên ngành học của mình. Trên cơ sở cách tiếp cận chung, học phần sẽ hướng tới mục tiêu giúp sinh viên nắm được các giai đoạn và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đài Loan; những thành tựu và hạn chế trong quá trình xây dựng kinh tế - xã hội... Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về Đài Loan; nắm được những nguyên nhân cơ bản tạo nên thành công của Đài Loan; những khó khăn, thách thức mà Đài Loan sẽ phải đối mặt trên con đường phát triển; những bài học kinh nghiệm bổ ích rút ra từ mô hình phát triển của Đài Loan. Đồng thời, song song với việc giúp sinh viên nắm được bức tranh toàn cảnh về một Đài Loan trong quá khứ và hiện tại; học phần còn hướng tới cung cấp cho sinh viên một “cách nhìn gợi mở” khi bước đầu tự đưa ra những đánh giá về triển vọng phát triển kinh tế - xã hội của Đài Loan và khả năng hợp tác kinh tế - văn hóa giữa Đài Loan và Việt Nam trong thập niên tiếp theo của thế kỷ XXI.</p>	2		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
68.	Quan hệ kinh tế Trung Quốc – ASEAN	<p>Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về quan hệ kinh tế quốc tế. Tiếp đó, học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết căn bản về tình hình phát triển ngoại thương giữa ASEAN và Trung Quốc qua các thời kì lịch sử trong thế kỉ XX. Nhưng tập trung vào quan hệ thương mại này từ giữa những năm 1990s trở đi.</p>	2		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

69.	Thể chế chính trị - xã hội Trung Quốc	Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về thương mại quốc tế. Tiếp đó, học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết căn bản về tình hình phát triển ngoại thương giữa ASEAN và Trung Quốc qua các thời kì lịch sử trong thế kỉ XX. Nhưng tập trung vào quan hệ thương mại này từ giữa những năm 1990s trở đi.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
70.	Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN		2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Ấn Độ học</b>		<b>51</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>41</b>		
71.	Nhập môn Nghiên cứu Ấn Độ	Cần biết khái quát về tiến trình phát triển của ngành Ấn Độ học, Cần biết thân thế và sự nghiệp của những nhà nghiên cứu Ấn Độ học nổi tiếng trên thế giới và tại Ấn Độ. Cần biết về nội dung học của từng học phần, từng chuyên đề trong Bộ môn Ấn Độ học. Nên biết những biến đổi trong quan điểm về Ấn Độ học giai đoạn cận hiện đại tại Ấn Độ. Mở rộng nghiên cứu và biết thêm về động cơ phía sau những nghiên cứu về Ấn Độ học, những trường phái và phương pháp nghiên cứu Ấn Độ học.	2	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
72.	Lịch sử Ấn Độ	Sinh viên hiểu được các quá trình lịch sử, các nền văn minh và triều đại trong lịch sử Nam Á. Phải nhớ được các trường phái nghiên cứu lịch sử Ấn Độ, các thời kì chính, giai đoạn của lịch sử Ấn Độ, đặc điểm của từng thời kì, các sự kiện và nhân vật tiêu biểu Sinh viên cần hiểu được các vấn đề còn đang tranh luận trong nghiên cứu lịch sử Ấn Độ và quan điểm của các nhà nghiên cứu. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nên bước đầu có những quan điểm riêng đối với một số vấn đề lịch sử. Có khả năng so sánh đối chiếu Lịch sử Nam Á với lịch sử các quốc gia khác trên thế giới đặc biệt là trong mối quan hệ giao lưu với vùng Đông Nam Á.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
73.	Văn hóa Ấn Độ	Cần biết khái quát về tiến trình văn hoá Ấn Độ, những thành tố tạo nên văn hoá Ấn Độ và đặc điểm của văn hoá Ấn Độ. Nên biết những biến đổi về văn hoá trong giai đoạn hiện đại hoá và	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ tại Ấn Độ.			
74.	Địa lý Ấn Độ	<p>Cần biết khái quát về lịch sử hình thành và cấu trúc của xã hội Ấn Độ.</p> <p>Cần mô tả được đặc trưng thống nhất trong đa dạng của xã hội Ấn Độ.</p> <p>Nên biết những biến đổi của xã hội Ấn Độ trong giai đoạn hiện đại hoá và toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ tại Ấn Độ.</p> <p>Mở rộng so sánh những vấn đề được đặt ra trong mối quan hệ với các dân tộc anh em tại Ấn Độ vốn có số lượng rất lớn và sự đa dạng rất phức tạp và phong phú của nhân tố tộc người, tôn giáo và ảnh hưởng của chúng tới xã hội Ấn Độ hiện nay.</p> <p>So sánh, liên hệ với Việt Nam để chỉ ra những nét tương đồng và khác biệt đồng thời đánh giá những bài học kinh nghiệm cho hai nước</p>	2	HK3	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
75.	Tiếng Anh nâng cao 1	<p>Sinh viên học về hệ thống ngữ pháp tiếng Anh. Đặc biệt chú trọng về dấu hiệu nhận biết, cách dùng và bài tập áp dụng để học viên có thể tự cải thiện vốn từ vựng cũng như nắm vững các kiến thức về ngữ pháp và cách sử dụng các thì trong tiếng Anh và các dạng thức ngữ pháp khác.</p> <p>Sinh viên đạt được vốn từ vựng tương đối phong phú về các đề tài phổ thông cũng như chuyên môn.</p> <p>Sinh viên có khả năng giao tiếp ở mức lưu loát, đã có thể nghe, đọc để hiểu được quan điểm, tình cảm, thái độ của người nói hay viết.</p>	4	HK4	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
76.	Tiếng Anh nâng cao 2	<p>Cần biết những vấn đề ngữ pháp nâng cao của tiếng Anh</p> <p>Cần nắm vững các kỹ năng đọc hiểu nâng cao của tiếng Anh, có thể đọc các loại văn bản khác nhau.</p> <p>Sinh viên phải nắm vững các kỹ năng nghe nâng cao của tiếng Anh có thể giao tiếp tương đối tốt bằng tiếng Anh</p>	4	HK5	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
77.	Tiếng Anh nâng cao 3	<p>Phân tích cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp trong các bối cảnh cụ thể.</p> <p>Cung cấp khối lượng từ vựng xung quanh những chủ điểm nhất định.</p>	4	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
78.	Tiếng Anh nâng cao 4	<p>Sinh viên được củng cố vốn từ vựng trong các tình huống giao tiếp cũng như trao đổi bằng văn bản thông qua các chủ đề về lịch sử, văn hóa, xã hội.</p>	4	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		Sinh viên phải nắm được các cấu trúc câu, cấu trúc đoạn, kết cấu toàn bài luận cùng với các dạng đơn, thư, văn bản giao dịch trong mọi lĩnh vực khoa học và đời sống. Sinh viên nắm chắc một số hiện tượng ngữ pháp nâng cao để đọc, hiểu văn bản và ứng dụng được những quy tắc chung trong các văn bản này.			
79.	Tiếng Anh chuyên ngành (Lịch sử)	Sinh viên vận dụng tốt toàn bộ hệ thống ngữ pháp tiếng Anh. Sinh viên sử dụng thành thạo vốn từ vựng tương đối phong phú về chuyên ngành lịch sử; Sinh viên có khả năng giao tiếp ở mức lưu loát, đã có thể nghe, đọc để hiểu được quan điểm, thái độ của người nói hay viết. Sinh viên có kiến thức về lịch sử Ấn Độ để thuyết trình các chủ đề có liên quan đến Ấn Độ	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
80.	Tiếng Anh chuyên ngành (Văn hóa)	Cung cấp các chủ đề, khối lượng từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các vấn đề văn hóa của Ấn Độ. Cung cấp các bài nghe, các chủ đề nói và viết để làm sáng rõ các chủ điểm liên quan đến các vấn đề văn hóa- nghệ thuật Ấn Độ. Cung cấp bài nghe, các chủ đề nói và viết liên quan đến nhiều quốc gia khác để sinh viên có thể so sánh, hiểu hơn bản chất, đặc điểm của văn hóa - nghệ thuật Ấn Độ.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
81.	Tiếng Anh chuyên ngành (Kinh tế)	Cung cấp các chủ đề, khối lượng từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các vấn đề kinh tế nói chung và kinh tế của Ấn Độ. Cung cấp các bài nghe, các chủ đề nói và viết để làm sáng rõ các chủ điểm liên quan đến các vấn đề kinh tế Ấn Độ. Cung cấp bài nghe, các chủ đề nói và viết liên quan đến nhiều quốc gia khác để sinh viên có thể so sánh, hiểu hơn bản chất, đặc điểm của kinh tế Ấn Độ.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
82.	Tiếng Anh chuyên ngành (Chính trị-Xã hội)	Cung cấp các chủ đề, khối lượng từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các vấn đề chính trị - xã hội của Ấn Độ. Cung cấp các bài nghe, các chủ đề nói và viết để làm sáng rõ các chủ điểm liên quan đến các vấn đề chính trị - xã hội và Ấn Độ. Cung cấp bài nghe, các chủ đề nói và viết liên quan đến nhiều quốc gia khác để sinh viên có thể so sánh, hiểu hơn bản chất, đặc điểm của chính trị - xã hội Ấn Độ.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>10/20</b>		

83.	Phong tục tập quán Ấn Độ	<p>Cần biết và mô tả được những phong tục tập quán của văn hoá Ấn Độ như tang ma, cưới xin, xây nhà, sinh con, hành hương, thờ cúng tổ tiên...</p> <p>Nên biết những biến đổi những phong tục tập quán đó trong giai đoạn hiện đại hoá và toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ tại Ấn Độ. Tuy tập trung vào phong tục tập quán, nghi lễ của những người theo Hindu giáo vì họ chiếm tới gần 82% dân số Ấn Độ nhưng để giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát và hợp lý, chúng tôi sẽ mở rộng so sánh những vấn đề được đặt ra trong mối quan hệ với các dân tộc anh em tại Ấn Độ vốn có số lượng rất lớn và sự đa dạng rất phức tạp và phong phú.</p>	2	HK4	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
84.	Quan hệ đối ngoại của Ấn Độ và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ	<p>Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về Chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung, quan hệ đối ngoại của Ấn Độ với một số các quốc gia nói riêng.</p> <p>Giới thiệu và tập trung vào khối kiến thức có liên quan đến Quan hệ đối ngoại của Ấn Độ và Việt Nam</p>	2	HK5	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
85	Triết học Ấn Độ	<p>Sinh viên phải thao tác được các khái niệm triết học cơ bản trong nghiên cứu lịch sử triết học Ấn Độ nói chung và triết học Phật giáo nói riêng.</p> <p>Sinh viên phải nắm được nội dung cơ bản của một số trường phái triết học Ấn Độ điển hình thuộc thời kì cổ đại và trung đại, nhất là triết học Phật giáo.</p> <p>Sinh viên cần hiểu được cấu trúc của các vấn đề thuộc lịch sử triết học Ấn Độ nói chung và lịch sử triết học Phật giáo riêng.</p> <p>Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có được những kiến thức cơ bản về triết học Ấn Độ như một hệ thống triết học đặc trưng của phương Đông trong thời kỳ cổ đại và trung đại.</p>	2	HK4	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
86.	Kinh tế Ấn Độ	<p>Cần biết khái quát về tiến trình phát triển kinh tế của Ấn Độ, những nguyên nhân và đặc điểm của tiến trình phát triển đó.</p> <p>Cần nắm được những nội dung chính trong sự phát triển kinh tế của Ấn Độ, nhất là những ngành và lĩnh vực hoạt động kinh tế chủ yếu như nông nghiệp, công nghiệp, khoa học - kỹ thuật, dịch vụ, kinh tế đối ngoại bao gồm ngoại thương, đầu tư nước ngoài, viện trợ, du lịch.</p> <p>Cần biết những đổi mới trong tiến trình cải cách và triển vọng của nền kinh tế Ấn Độ.</p>	2	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		Nên biết những vấn đề còn tồn tại trong nền kinh tế Ấn Độ. Nên biết những mặt mạnh, mặt yếu của nền kinh tế Ấn Độ so với các nền kinh tế khác.			
87.	Tiến trình văn học Ấn Độ	Cần biết khái quát về tiến trình văn học Ấn Độ, những thành tố tạo nên văn học Ấn Độ và đặc điểm của văn học Ấn Độ. Cần biết các tác giả tác phẩm tiêu biểu nhất của văn học Ấn Độ. Nên biết những biến đổi về văn học Ấn Độ trong giai đoạn hiện đại hoá và toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ tại Ấn Độ. Để giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát và hợp lý, chúng tôi sẽ mở rộng so sánh những vấn đề được đặt ra trong văn học Ấn Độ cùng mối quan hệ với văn học của các dân tộc anh em tại Ấn Độ vốn có số lượng rất lớn và đa dạng.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
88.	Chính trị Ấn Độ	Cần biết khái quát về hệ thống chính trị tại Ấn Độ, những thành tố tạo nên chính trị Ấn Độ, nguyên tắc hoạt động và đặc điểm của hệ thống chính trị Ấn Độ. Nên biết những biến đổi về chính trị (cả đối nội và đối ngoại) trong giai đoạn hiện đại hoá và toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ tại Ấn Độ.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
89.	Xã hội Ấn Độ	Cần biết khái quát về lịch sử hình thành và cấu trúc của xã hội Ấn Độ. Cần mô tả những đặc điểm đa dạng cũng như những nét hợp nhất của xã hội Ấn Độ. Nên biết những biến đổi của xã hội Ấn Độ trong giai đoạn hiện đại hoá và toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ tại Ấn Độ. Mở rộng so sánh những vấn đề được đặt ra trong mối quan hệ với các dân tộc anh em tại Ấn Độ vốn có số lượng rất lớn và sự đa dạng rất phức tạp và phong phú.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
90.	Nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật biểu diễn Ấn Độ	Sinh viên phải nhớ được những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu nghệ thuật Ấn Độ, các thời kì phát triển của nghệ thuật Ấn Độ và những thành tựu chủ yếu của từng thời kì, các thành tố chính yếu nhất của nghệ thuật Ấn Độ. Sinh viên cần hiểu được những vấn đề đang còn tranh luận trong giới nghiên cứu về nghệ thuật Ấn Độ. Sinh viên phải cắt nghĩa được một nhận định của các nhà nghiên cứu: “Ấn Độ là một người khổng lồ mà một chân đặt trên trường	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		quốc tế và chân kia bắt nguồn sâu sắc từ đất làng, mang lại hai thể giới khác nhau về cơ bản trong cùng một lĩnh vực”.			
91.	Tôn giáo Ấn Độ	Sinh viên phải nhớ được các khái niệm cơ bản về tôn giáo nói chung và tôn giáo ở Ấn Độ nói riêng; Sinh viên cần hiểu được các vấn đề còn đang tranh luận trong nghiên cứu tôn giáo Ấn Độ và quan điểm của các nhà nghiên cứu; Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nên bước đầu có những quan điểm riêng đối với một số vấn đề tôn giáo đang nóng bỏng trong khu vực và trên thế giới.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
92.	Ngôn ngữ tộc người Ấn Độ	Sinh viên cần nắm được bức tranh tổng quan về các ngôn ngữ hiện đang được sử dụng tại Ấn Độ: đa dạng, phức tạp, độc đáo. Khái quát về các tộc người tại Ấn Độ: đa dạng, nhiều vẻ. Những biến đổi lớn lao và sâu sắc của ngôn ngữ và tộc người Ấn Độ kể từ sau độc lập (năm 1947). Chính sách ngôn ngữ và dân tộc của chính phủ Ấn Độ, vấn đề đa ngôn ngữ. Nhận thức được vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển quốc gia và khối đoàn kết thống nhất dân tộc.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Korea học</b>		<b>51</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>41</b>		
93.	Nhập môn nghiên cứu Korea	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: khu vực, khu vực học, các phương pháp nghiên cứu khu vực học nói chung và Hàn Quốc học nói riêng với tư cách là một đối tượng của nghiên cứu khu vực học, đất nước học. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên các thông tin liên quan đến lịch sử hình thành, phát triển, thực trạng của ngành Hàn Quốc học trên thế giới, tại Hàn Quốc và Việt Nam. Đồng thời, giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, chung nhất về Hàn Quốc trên các khía cạnh khác nhau; chỉ ra những vấn đề cơ bản còn tranh luận trong nghiên cứu Hàn Quốc học, quan điểm của các nhà nghiên cứu tiêu biểu và tác phẩm của họ và định hướng cho sinh viên các lĩnh vực nghiên cứu về Korea/ Hàn Quốc và phương pháp tiếp cận cần thiết.	2	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
94.	Địa lý Hàn Quốc	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về địa lý Hàn Quốc - về đặc điểm tự nhiên, cư dân, đơn vị hành chính và điều kiện môi trường hiện nay của Hàn Quốc trong sự biến đổi chung của thế giới. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng tri thức về địa	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		lý Hàn Quốc và bán đảo Hàn vào học tập và nghiên cứu một số lĩnh vực khác có liên quan như địa - lịch sử, địa - kinh tế, địa - văn hóa...			
95.	Lịch sử Korea	Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu lịch sử Hàn Quốc, các thời kì chính của lịch sử Hàn Quốc, đặc điểm của từng thời kì, các sự kiện và nhân vật tiêu biểu. Đồng thời, môn học cũng chỉ ra và lý giải các vấn đề còn đang tranh luận trong nghiên cứu lịch sử Hàn Quốc và quan điểm của các nhà nghiên cứu. Bước đầu hình thành cho sinh viên cách nhìn nhận riêng đối với một số vấn đề lịch sử của Hàn Quốc.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
96.	Văn hóa Korea	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: văn hóa, xã hội, các phương pháp nghiên cứu văn hóa, một số lý thuyết về văn hóa. Sinh viên phải hiểu được các đặc trưng văn hóa của Hàn Quốc và sự biến đổi của văn hóa qua các thời kỳ lịch sử. Sự biến đổi này do tác động của xã hội trong mỗi giai đoạn khác nhau vì xã hội là mô thức phản ánh văn hóa và cũng có mối quan hệ chặt chẽ với văn hóa. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu được những tranh luận trong vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại của Hàn Quốc.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
97.	Tiếng Hàn nâng cao 1	Môn học lấy đối tượng là những sinh viên đã học tiếng Hàn cơ bản. Mục tiêu đề ra là cung cấp cho người học thêm khoảng 200 từ mới của trình độ trung cấp giúp người học sử dụng thành thạo các biểu hiện ngữ pháp để áp dụng cho phần đọc hiểu giúp người học hiểu và dịch được nội dung bài đọc. Đồng thời hướng người học ứng dụng hệ thống từ vựng và ngữ pháp của mỗi bài một linh hoạt để viết bài luận tiếng Hàn ngắn khoảng 150 đến 250 chữ. Bên cạnh đó, môn học mong muốn cung cấp thêm cho người học những kỹ năng đọc hiểu, tóm tắt, thuyết trình, tranh luận trên cơ sở nội dung bài đọc.	4	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
98.	Tiếng Hàn nâng cao 2	Môn học lấy đối tượng là những sinh viên đã học tiếng Hàn trình độ nâng cao 1. Mục tiêu đề ra là cung cấp cho người học thêm khoảng 200 từ mới của trình độ trung cấp giúp người học sử dụng thành thạo các biểu hiện ngữ pháp mới thông qua các bài đọc cụ thể. Sau đó, sinh viên có thể vận dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học để viết các bài luận tiếng Hàn ngắn khoảng 200-300 chữ. Bên cạnh đó, môn học mong muốn cung cấp thêm cho người học những	4	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		kỹ năng đọc hiểu, tóm tắt, thuyết trình, tranh luận trên cơ sở nội dung bài đọc.			
99.	Tiếng Hàn nâng cao 3	Hình thành được hệ thống tri thức mới về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp ở trình độ cao hơn (trung cấp 2, tương đương trình độ cấp 4). Bổ sung vốn từ vựng trung cấp bậc 2 khoảng 400 từ. Có khả năng nghe hiểu và nói hội thoại dài theo 15 chủ đề với lượng từ vựng và ngữ pháp qui định trong chương trình. Biết cách phát âm đúng ngữ điệu bản xứ. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ hoàn toàn có thể giao tiếp tiếng Hàn ở các tình huống sinh hoạt thường nhật.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
100.	Tiếng Hàn nâng cao 4	Ghi nhớ các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp xuất hiện trong môn bài đọc, vận dụng để viết các bài luận tiếng Hàn ngắn khoảng 400-500 chữ theo chủ đề liên quan tới cuộc sống thường nhật và công việc như: thời trang, xin việc, lễ tết, cưới xin, chế độ giáo dục... Đọc hiểu, dịch được những bài viết về các vấn đề thời sự, xã hội tương đối chuyên sâu ở mức độ trung cấp 2 từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
101.	Tiếng Hàn chuyên ngành 1 (Lịch sử)	Môn học tiếng Hàn chủ đề về lịch sử nhằm hướng người học nắm được các thuật ngữ tiếng Hàn về lịch sử ở các ngành lịch sử thế giới, lịch sử Hàn Quốc và lịch sử Việt Nam. Cung cấp các kiến thức về lịch sử qua các thời kỳ chủ yếu thông qua các sự kiện lịch sử mang tính bước ngoặt và các nhân vật lịch sử trên thế giới.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
102.	Tiếng Hàn chuyên ngành 2 (Văn hóa)	Sinh viên phải nắm vững và vận dụng một cách linh hoạt, chính xác các cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng đã học tương đương tiếng Hàn cấp 4. Bổ sung thêm vốn từ vựng thuộc các lĩnh vực văn hóa, lịch sử Nắm được các những kiến thức về văn hóa, lịch sử, xã hội của Việt Nam và Hàn Quốc thông qua các kênh thông tin và ứng dụng vào các bài học theo nội dung cụ thể.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
103.	Tiếng Hàn chuyên ngành 3 (Kinh tế)	Môn học được giảng dạy bằng tiếng Hàn dành cho sinh viên có trình độ tiếng Hàn tương đương trung cấp, đưa ra các kiến thức cơ bản nhất về kinh tế đặc biệt là tìm hiểu về quan hệ và xu hướng thương mại Việt Nam Hàn Quốc thông qua phân tích các tài liệu cập nhật bằng tiếng Hàn. Môn học cũng hướng tới thực hành xử lý các tình huống trong giao tiếp thương mại, viết thư tín-báo cáo thương mại trong doanh nghiệp và trực tiếp nêu các ý tưởng và xây dựng mô	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		hình kinh doanh đơn giản.			
104.	Tiếng Hàn chuyên ngành 4 (Chính trị - xã hội)	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên hiểu và nhớ được những từ vựng, cấu trúc ngữ pháp thường gặp trong lĩnh vực chính trị xã hội Hàn Quốc qua các chủ đề cụ thể. Đồng thời, rèn luyện các thao tác và kỹ năng về đọc, dịch tài liệu hay cũng như thuyết trình về nội dung có liên quan đến lĩnh vực chính trị xã hội Hàn Quốc. Điều này giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Hàn chuyên ngành và các kiến thức nền về chuyên ngành chính trị xã hội. Kết thúc học phần, sinh viên có nền tảng để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thuyết trình, dịch tài liệu, viết báo cáo hoặc triển khai nghiên cứu các đề tài liên quan ở mức độ vừa và nhỏ trong quá trình học tập tại trường và công tác sau này.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>10/24</b>		
105.	Đối dịch Hàn - Việt	Áp dụng được các kiến thức tiếng Hàn đã học kết hợp với các lý thuyết dịch để thực hành dịch xuôi, ngược văn bản ở các lĩnh vực khác nhau. Hiểu, vận dụng thực hành được các lý thuyết trong phiên dịch, xử lý nhanh các tình huống phiên dịch thực tế. Mở rộng thêm nhiều vốn từ vựng tiếng Hàn ở các lĩnh vực đa dạng, áp dụng linh hoạt ngữ pháp cũng như văn phong tiếng Hàn một cách tự nhiên vào các tình huống dịch.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
106.	Lý thuyết Hàn ngữ học hiện đại	Học phần trang bị những kiến thức chuyên sâu về Hàn ngữ học - một ngành trong nghiên cứu về Korea học. Sinh viên được tiếp cận với các khái niệm, hiện tượng ngôn ngữ đặc thù có trong tiếng Hàn, có khả năng tư duy, ứng dụng vào trong việc học tập và nghiên cứu tiếng Hàn, đối chiếu với tiếng Việt. Có khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn, cụ thể hóa trong việc học tập và làm các công việc có liên quan đến tiếng Hàn.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
107.	Quan hệ quốc tế Hàn Quốc	Sinh viên phải nắm được các mối quan hệ đối ngoại chính của Hàn Quốc, đặc điểm của quan hệ quốc tế Hàn Quốc trong từng thời kỳ lịch sử đối với từng đối tác quan hệ; đặc điểm, các mốc phát triển chính và thực trạng của mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc..... Sinh viên phải nắm được những nhân tố, điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, địa lý... ảnh hưởng đến các chính sách đối ngoại của Hàn Quốc. Sinh viên nắm được những quan điểm khác nhau và bước đầu có những quan điểm riêng về một số vấn đề trong quan hệ quốc tế của	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Hàn Quốc.			
108.	Thế chế chính trị Hàn Quốc	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở, sự hình thành và chuyển biến của nền chính trị và thế chế chính trị Hàn Quốc, những vấn đề cơ bản của nền chính trị, các đảng phái và hệ thống đảng phái chính trị Hàn Quốc cũng như ảnh hưởng của nó tới Hàn Quốc trong lịch sử và hiện tại, các thành phần khác của hệ thống chính trị Hàn Quốc như hiến pháp, pháp luật và các cơ quan pháp luật, cơ quan hành chính, các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế và vai trò, tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế Hàn Quốc.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
109.	Thuyết trình về Hàn Quốc học	Sinh viên biết cách trình bày ý kiến của mình bằng tiếng Hàn một cách có hệ thống, chặt chẽ và logic. Sinh viên biết cách nêu ý kiến, bảo vệ ý kiến của bản thân, phản bác ý kiến, tiếp nhận các ý kiến... khi phát biểu và thảo luận. Sinh viên nắm vững và vận dụng được một cách linh hoạt và chính xác các cấu trúc ngữ pháp, vốn từ vựng và biểu hiện thường dùng trong thuyết trình và thảo luận tiếng Hàn. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học về Hàn Quốc để xây dựng nội dung thuyết trình bằng tiếng Hàn. Sinh viên hình thành hệ thống kiến thức về Hàn Quốc trên cơ sở tư duy bằng tiếng Hàn.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
110.	Kinh tế Hàn Quốc	Cung cấp khối kiến thức cơ bản về quá trình phát triển kinh tế của Hàn Quốc từ thời kỳ phục hồi sau chiến tranh đến nay. Cung cấp kiến thức cơ bản về quan hệ kinh tế của Việt Nam - Hàn Quốc. Tham chiếu với nghiên cứu kinh tế Việt Nam.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
111.	Văn học Hàn Quốc	Mục tiêu của học phần là cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức cơ bản nhất và khái quát nhất về quá trình phát triển và đặc trưng của văn học Hàn Quốc qua các thời kỳ. Mục tiêu này được thể hiện qua các nội dung cụ thể của từng tuần học. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ hiểu tổng quan về văn học Hàn Quốc với những đặc điểm nổi bật. Sinh viên sẽ được tiếp cận với các tác giả tác phẩm tiêu biểu của mỗi thời kỳ của lịch sử văn học. Việc nâng cao và rèn luyện các kỹ năng như tìm kiếm tài liệu, đọc và phân tích tài liệu, chuẩn bị báo cáo, thuyết trình và tự tin thể hiện ý kiến của mình cũng là một trong những mục tiêu của môn học.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

112.	Tư tưởng và tôn giáo Hàn Quốc	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về sự hình thành, du nhập, lịch sử phát triển, đặc trưng cơ bản của tư tưởng, tôn giáo Hàn Quốc và ảnh hưởng của nó ở Hàn Quốc trong lịch sử và hiện tại; từ đó giúp người học nhận thức được về tình hình tư tưởng, tôn giáo Hàn Quốc hiện đại và có khả năng dự báo về khuynh hướng diễn biến của nó. Trên cơ sở ấy, học phần giúp người học có thái độ đúng đắn, khách quan về các tôn giáo và tư tưởng ở Hàn Quốc và vị thế, vai trò của nó đối với kinh tế, xã hội và văn hóa Hàn Quốc. Những kiến thức của học phần nhằm giúp người học hiểu rõ về tư tưởng, tôn giáo với tư cách một bộ phận của văn hóa Hàn Quốc. Đó là nền tảng cơ bản mà người học có thể tiếp tục học, nghiên cứu và ứng dụng vào các hoạt động khoa học và thực tiễn khác.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
113.	Quan hệ liên Triều	Môn học đặt mục tiêu giới thiệu chung về lý thuyết quan hệ quốc tế, cung cấp các mô tả về hoạt động đối ngoại chính của Hàn Quốc, đặc điểm của quan hệ quốc tế Hàn Quốc trong từng thời kỳ lịch sử đối với từng đối tác quan hệ; đặc điểm, các mốc phát triển chính và thực trạng của mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc...; lý giải những nhân tố, điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, địa lý... ảnh hưởng đến các chính sách đối ngoại của Hàn Quốc và phân tích quan hệ quốc tế của Hàn Quốc dưới góc nhìn của một số lý thuyết quan hệ quốc tế nhằm chỉ ra những quan điểm khác nhau về vấn đề này; giúp sinh viên bước đầu có những quan điểm riêng về một số vấn đề trong quan hệ quốc tế của Hàn Quốc.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
114.	Hán Hàn cơ sở	Cung cấp kiến thức có tính chất nhập môn về từ vựng Hán Hàn, cả về phương diện lý thuyết và thực hành. Giúp sinh viên hiểu được lý thuyết giới thiệu chung về đặc điểm của từ Hán-Hàn, luyện tập kỹ năng viết chữ Hán, cách nhận diện, phân biệt được âm đọc và giải nghĩa được chữ Hán trong từ vựng Hán Hàn - các từ cơ bản có trong đời sống ngôn ngữ hàng ngày, xếp theo trình tự từ dễ đến khó.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
115.	Văn hóa đại chúng Hàn Quốc	Sinh viên cần trang bị những hiểu biết cơ bản về văn hoá, văn hóa đại chúng. Cần nắm vững khái niệm, giới thuyết, những quan niệm khác nhau đã được đề xuất. Chọn cho mình một cách hiểu với nội dung và luận cứ cho cách hiểu lựa chọn. Sinh viên cần hiểu được toàn cảnh văn hoá đại chúng Hàn Quốc với các loại hình, bộ phận cấu thành, đặc điểm nội dung của chúng.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Sinh viên cần hiểu được nét đặc trưng văn hoá đại chúng Hàn và hiểu được những ảnh hưởng, tác động của văn hóa đại chúng Hàn Quốc với các nước trong khu vực đặc biệt là tới Việt Nam.			
116.	Phong tục tập quán Hàn Quốc	<p>Tìm hiểu những nét chính của phong tục tập quán Hàn Quốc như tang ma, cưới xin, xây nhà, sinh con, thờ cúng tổ tiên, hnah hương... bên cạnh những vấn đề lý luận chung về tiến trình lịch sử văn hoá và các thành tố văn hoá chính.</p> <p>Nâng cao vốn hiểu biết của sinh viên về tiếng Hàn vì nhiều tài liệu tham khảo được viết bằng tiếng Hàn cũng như nhiều phần học qua tiếng Hàn.</p>	2		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
	<b>Thái Lan học</b>		<b>51</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>41</b>		
117.	Nhập môn nghiên cứu Thái Lan	<p>Người học phải nắm được những vấn đề cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của ngành Thái Lan học trên thế giới và Việt Nam.</p> <p>Người học phải nắm được một số thành tựu nổi bật trong các lĩnh vực nghiên cứu như lịch sử, văn hóa – xã hội, kinh tế - chính trị, tôn giáo, ngôn ngữ, văn học – nghệ thuật... của ngành Thái Lan học cả trên thế giới và Việt Nam với đối tượng nghiên cứu là đất nước Thái Lan.</p>	2		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
118.	Lịch sử Thái Lan	<p>Sinh viên phải nắm vững những kiến thức chung về đất nước, con người và các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử của Thái Lan.</p> <p>Sinh viên phải có những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của tộc người Thái nói chung và người Thái ở Thái Lan nói riêng. Đồng thời trên cơ sở đó sinh viên nắm vững thêm về lịch sử truyền thống Thái Lan và tính cách của người Thái Lan.</p> <p>Sinh viên phải được trang bị những kiến thức cần có về các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử Thái Lan được thể hiện qua các giai đoạn lịch sử từ cổ đại đến hiện đại. Thông qua các giai đoạn lịch sử, sinh viên cần được trang bị các kiến thức khác về văn hoá, văn học, Phật giáo, phong tục và lễ hội.... nhằm tăng thêm sự hiểu biết về con người và đất nước Thái Lan.</p> <p>Từ những nhận thức về lịch sử Thái Lan, người học có thể có một cái nhìn hệ thống, toàn diện về sự hình thành và phát triển của đất nước này và nhất là những bài học lịch sử góp phần vào việc thúc đẩy Thái Lan tiến lên trên con đường phát triển hiện đại, qua đó liên</p>	2		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		hệ với Việt Nam.			
119.	Văn hóa Thái Lan	<p>Sinh viên phải có kiến thức chung về đất nước và con người của Thái Lan.</p> <p>Sinh viên phải có những kiến thức cơ bản về tộc người Thái nói chung và người Thái ở Thái Lan nói riêng.</p> <p>Sinh viên cần nắm được những đặc trưng về xã hội truyền thống Thái Lan và tính cách của người Thái Lan.</p> <p>Sinh viên cần hiểu được những đặc trưng về văn hóa truyền thống của Thái Lan được thể hiện qua các lĩnh vực như: Phật giáo, phong tục và lễ hội, ngôn ngữ và chữ viết, văn học, kiến trúc và điêu khắc truyền thống, sân khấu truyền thống.</p>	3		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
120.	Địa lý Thái Lan	<p>Sinh viên phải nắm được các kiến thức cơ bản về đặc điểm địa lý Thái Lan bao gồm điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đặc trưng địa lý các vùng miền và địa lý nhân văn.</p> <p>Trên cơ sở đó, sinh viên cần có cái nhìn tổng quát và hệ thống về đất nước và con người Thái Lan cũng như phân tích được những ảnh hưởng của địa lý đối với sự phát triển của Thái Lan trong khu vực và trên thế giới.</p>	2		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
121.	Tiếng Thái nâng cao 1	<p>Sinh viên cần nắm được những vấn đề cơ bản về ngôn ngữ học tiếng Thái Lan trong đó có các vấn đề về ngôn ngữ như ngữ âm, âm vị, chữ viết, từ vựng và cấu tạo từ, phân loại vốn từ, các vấn đề về cụm từ và câu.</p> <p>Sinh viên cần hiểu được các vấn đề về lý thuyết tiếng Thái để vận dụng vào việc học các môn tiếng Thái nâng cao và chuyên ngành nhằm đạt được kết quả tốt nhất.</p>	4		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
122.	Tiếng Thái nâng cao 2	<p>Sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Thái Lan ở cấp độ cao hơn với vốn từ đa dạng hơn.</p> <p>Sinh viên nắm vững về các đơn vị ngữ âm và chữ viết tiếng Thái Lan, từ đó phát âm chuẩn và nhanh hơn</p> <p>Hiểu về văn hoá-xã hội và con người Thái Lan qua nội dung các bài đọc hiểu</p>	4		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
123.	Tiếng Thái nâng cao 3	<p>Sinh viên cần nắm được những kiến thức về một số từ loại của tiếng Thái Lan như tính từ, giới từ và liên từ; các thức và thể của động từ.</p> <p>Từ đó, áp dụng những kiến thức này vào việc thực hành học tiếng</p>	4		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>



		Thái Lan qua các bài hội thoại ngắn, đọc và dịch các bài đọc với mức độ dài hơn và khó hơn mức sơ cấp. Hiểu được những nét đẹp văn hoá và con người Thái Lan qua từng bài học			
124.	Tiếng Thái nâng cao 4	Người học nhớ được lớp từ và các mẫu câu thông dụng dùng để giao tiếp hàng ngày trong cuộc sống và công việc cũng như cách nói theo các chủ đề văn hóa – xã hội, kinh tế - chính trị bằng tiếng Thái Lan. Người học phải nắm được cách sử dụng từ và các mẫu câu trong giao tiếp hàng ngày và cách nói theo các chủ đề văn hóa – xã hội, kinh tế - chính trị bằng tiếng Thái Lan.	4		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
125.	Tiếng Thái chuyên ngành (Văn hóa - Xã hội 1)	Sinh viên cần nắm được các kiến thức ngữ pháp về các cụm từ trong tiếng Thái Lan gồm cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. Sinh viên cần hiểu được cấu trúc câu trong tiếng Thái Lan. Sinh viên cần nắm được các kiến thức về văn hóa – xã hội của Thái Lan thông qua các bài đọc hiểu.	4		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
126.	Tiếng Thái chuyên ngành (Văn hóa - Xã hội 2)	Sinh viên nhớ được lớp từ và các mẫu câu thông dụng dùng để giao tiếp hàng ngày trong cuộc sống và công việc cũng như cách trình bày theo các chủ đề văn hóa – xã hội, giải trí, nghệ thuật... bằng tiếng Thái Lan ở trình độ nâng cao. Sinh viên phải nắm được cách sử dụng từ và các mẫu câu trong giao tiếp hàng ngày và cách thuyết trình theo các chủ đề văn hóa – xã hội, giải trí, nghệ thuật... bằng tiếng Thái Lan ở trình độ nâng cao.	4		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
127.	Tiếng Thái chuyên ngành (Kinh tế)	Sinh viên có thêm những kiến thức về một số đơn vị ngôn ngữ trên từ; đó là cụm từ, câu và thành phần nổi trong câu. Ngoài cụm danh từ và cụm động từ đã biết, môn học tiếp tục cung cấp những kiến thức tiếp theo về cụm động từ rồi đến cụm tính từ và sau đó là câu. Sinh viên cần sử dụng được những từ vựng cần thiết về kinh tế và áp dụng nhóm vốn từ này trong các chủ đề cụ thể.	4		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
128.	Tiếng Thái chuyên ngành (Chính trị)	Sinh viên nắm được những đơn vị ngôn ngữ là các loại câu trong tiếng Thái Lan. Từ đó có khả năng xây dựng câu mạch lạc và chặt chẽ. Sinh viên được trang bị thêm vốn từ đa dạng về chủ đề chính trị để	4		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		nâng cao khả năng diễn đạt, thuyết trình và phân biện về các chủ đề có liên quan.			
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>10/20</b>		
129.	Lịch sử Đông Nam Á	Sinh viên nhớ và đánh giá được các đặc điểm chính trong mỗi thời kỳ phát triển của lịch sử khu vực Đông Nam Á với những sự kiện tiêu biểu diễn ra trong khu vực hay tại một số quốc gia. Sinh viên biết vận dụng kiến thức lịch sử đã học để phân tích, đánh giá những sự kiện lịch sử trong khu vực đang diễn ra.	3		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
130.	Văn hóa Đông Nam Á	Sinh viên phải nhớ được những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu văn hóa Đông Nam Á, các thời kì phát triển của văn hóa Đông Nam Á và những thành tựu chủ yếu của từng thời kì, các thành tố chính yếu nhất của văn hóa Đông Nam Á. Sinh viên cần hiểu được những vấn đề đang còn tranh luận trong giới nghiên cứu về văn hóa Đông Nam Á. Sinh viên phải cắt nghĩa được một nhận định khá quen thuộc của các nhà nghiên cứu: “Việt Nam là một Đông Nam Á thu nhỏ”.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
131.	Quan hệ quốc tế của Thái Lan và Quan hệ Thái Lan - Việt Nam	Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản về truyền thống đối ngoại, những chính sách và thành tựu về đối ngoại của Thái Lan. Sau khi hoàn thành xong học phần, sinh viên cần hiểu rõ hơn Thái Lan đã làm những gì để giữ được quyền độc lập dân tộc, tránh được các cuộc chiến tranh xâm lược, tận dụng các cơ hội trong các mối quan hệ quốc tế để phát triển đất nước. Ngoài ra, sinh viên cần có những hiểu biết về quá trình phát triển mối quan hệ hợp tác giữa Thái Lan và Việt Nam trải qua từng giai đoạn lịch sử từ năm 1976 đến nay.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
132.	Thái Lan trên con đường phát triển hiện đại	Sinh viên nắm được những kiến thức chung về đất nước và con người của Thái Lan, lịch sử khái quát về quá trình phát triển kinh tế và xã hội của Thái Lan. Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội Thái Lan nói riêng và mối quan hệ của nó với các nền kinh tế xã hội khu vực và thế giới nói chung. Đồng thời trên cơ sở đó, sinh viên nắm vững thêm về tiến trình phát triển của kinh tế xã hội Thái Lan trong bối cảnh liên kết khu vực và toàn cầu hóa. Sinh viên có được kiến thức cơ bản về quá trình xây dựng và phát	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		triển về các mặt kinh tế, xã hội của Thái Lan từ khi Thái Lan tiến hành công cuộc canh tân đất nước cho đến nay.			
133.	Thực hành thuyết trình bằng tiếng Thái Lan	Sinh viên phải nắm được những kiến thức bổ sung về lịch sử, địa lý, văn hóa, xã hội, du lịch, kinh tế, nghề nghiệp của Thái Lan thông qua các bài viết được trích dẫn từ các cuốn sách, các trích đoạn phim tài liệu, các chương trình truyền hình của Thái Lan. Sinh viên cần nắm được các điểm đặc trưng về lịch sử, địa lý, văn hóa, xã hội, du lịch, kinh tế, nghề nghiệp của Thái Lan để thuyết trình lại và liên hệ đến Việt Nam.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
134.	Phật giáo ở Thái Lan	Sinh viên phải nắm được một số kiến thức chung, cơ bản về Phật giáo. Sinh viên phải hiểu cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm của từng tông phái Phật giáo ở Thái Lan. Sinh viên phải hiểu được vai trò của Phật giáo đối với xã hội và nền văn hóa truyền thống của Thái Lan. Sinh viên phải hiểu được vai trò của Phật giáo là một yếu tố rất quan trọng của nền văn hóa truyền thống Thái đồng thời Phật giáo cũng đã góp phần tích cực thúc đẩy Thái Lan tiến lên trên con đường phát triển hiện đại.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
135.	Nhà nước và hệ thống chính trị Thái Lan	Sinh viên phải nắm được những đặc điểm cơ bản của nhà nước và hệ thống chính trị của Thái Lan kể từ khi nhà nước Thái Lan đầu tiên hình thành cho tới nhà nước Thái Lan ngày nay, từ chế độ quân chủ chuyên chế đến chế độ quân chủ lập hiến. Sinh viên phải biết được vai trò của hệ thống chính trị trong quá trình quản lý điều hành đất nước để đưa đất nước Thái Lan phát triển về mọi mặt.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
136.	Kinh tế Đông Nam Á	Sinh viên cần nắm vững các kiến thức cơ bản về: Sự hình thành, biến đổi cơ cấu kinh tế Đông Nam Á từ khi các nước này giành được độc lập từ sự thống trị của các nước Phương Tây đến nay. Mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các nước ASEAN. Chủ nghĩa khu vực về kinh tế của các nước ASEAN. Liên kết và hội nhập kinh tế ASEAN. Những cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của các nước ASEAN trong bối cảnh mới.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Hiểu rõ tính đặc thù của môn kinh tế Đông Nam Á trong mối liên hệ với môn kinh tế học nói chung, khu vực học nói riêng.			
137.	Tiến trình văn học Thái Lan	Sinh viên phải nắm được kiến thức cơ bản về những đặc trưng của văn học Thái Lan từ xưa cho đến nay; những phong cách văn học truyền thống của người Thái Lan thông qua các tác phẩm văn học đặc sắc của Thái Lan qua các thời kỳ. Sinh viên phải hiểu được tiến trình của nền văn học Thái Lan từ thời kì Sukhothai đến hiện đại. Sinh viên phải nắm được nội dung chính của các tác phẩm văn học lớn nổi tiếng của Thái Lan.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
138.	Nghệ thuật Thái Lan	Sinh viên phải nắm được kiến thức cơ bản về các phong cách nghệ thuật truyền thống của Thái Lan thông qua các công trình kiến trúc và điêu khắc Phật giáo. Sinh viên cần phải hiểu được những đặc điểm chung và riêng của từng phong cách kiến trúc và điêu khắc Phật giáo của Thái Lan qua các giai đoạn lịch sử. Sinh viên cần hiểu được sự ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến quá trình xây dựng và phát triển nền nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc truyền thống của Thái Lan	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>9</b>		
139.	Niên luận	Tập duyệt nghiên cứu một trong những vấn đề thuộc lĩnh vực Đông Phương học: Văn hóa - xã hội, lịch sử, kinh tế, chính trị, tôn giáo, ngôn ngữ... Hiểu và áp dụng cách thức triển khai nghiên cứu một vấn đề, cách thức viết báo cáo nghiên cứu, cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo, nguồn trích dẫn, bước đầu chuẩn bị cho việc làm khóa luận tốt nghiệp và các nghiên cứu khác sâu hơn.	2	HK5	Đánh giá cách lựa chọn vấn đề, nội dung, cấu trúc nghiên cứu, cách diễn đạt: 50% - Đánh giá cách thu thập tài liệu, phương pháp nghiên cứu: 30% - Đánh giá cách sử dụng tài liệu tham khảo và hình thức trình bày: 20%
140.	Thực tập, thực tế	Hiểu được những vấn đề thực tiễn liên quan đến các lĩnh vực văn	2	HK7	- Điểm chuyên cần

		hóa - xã hội, lịch sử, kinh tế, chính trị, tôn giáo, ngôn ngữ ... ở châu Á. Nhận xét, đánh giá được tình hình hoạt động và các vấn đề có liên quan đến các nước châu Á ở địa bàn, cơ quan, doanh nghiệp mà sinh viên đang thực tập, thực tế.			trong thực tập, thực tế: 30% - Bài thu hoạch sau thực tập, thực tế: 70%
141.	Khóa luận tốt nghiệp		5	HK7	
	<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chung cho sinh viên toàn ngành</i>				
142.	Phương Đông trong toàn cầu hóa	Biết khái quát về tiến trình toàn cầu hóa, các thành tố bị ảnh hưởng cũng như đặc điểm của những ảnh hưởng toàn cầu hóa đối với phương Đông. Biết các phương diện tiêu biểu nhất của ảnh hưởng toàn cầu hóa đối với phương Đông. Biết những xu hướng biến đổi, mô hình, đặc điểm cũng như chính sách đối phó của các chính phủ trong giai đoạn hiện đại hóa và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ tại phương Đông.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>(Sinh viên chọn 1 học phần ứng với hướng ngành đang học)</i>				
	<b>Trung Quốc học</b>				
143.	Trung Quốc đương đại	Cung cấp và củng cố cho người học vốn từ vựng và tri thức cập nhật trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa Giúp người học làm quen với thể thức và phương pháp thuyết trình, hùng biện theo chủ đề, phục vụ cho việc tham dự hội nghị, hội thảo, giảng dạy và nghiên cứu Trung Quốc học.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Ấn Độ học</b>				
144.	Ấn Độ đương đại	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những vấn đề nổi bật trong giai đoạn đương đại Ấn Độ như tôn giáo; văn hóa-xã hội; kinh tế - chính trị ... Kết hợp chặt chẽ giữa việc học ngôn ngữ và tiếp thu kiến thức chuyên ngành, phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu Ấn Độ học. Sinh viên phải nắm được các vấn đề cơ bản về những xu hướng mới	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		trong tôn giáo, văn hóa-xã hội hay kinh tế-chính Án Độ đương đại; Sinh viên cần hiểu được các vấn đề còn đang tranh luận trong nghiên cứu Án Độ đương đại và quan điểm của các nhà nghiên cứu; Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nên bước đầu có những quan điểm riêng đối với một số vấn đề đang nóng bỏng trong khu vực và trên thế giới trong mối quan hệ với Án Độ.			
	<b><i>Korea học</i></b>				
145.	Xã hội Hàn Quốc	Sinh viên phải cái nhìn tổng thể về xã hội Hàn Quốc hiện đại được tính từ năm 1945 theo cách phân kỳ của lịch sử cho tới hiện nay. Sinh viên cần hiểu các khái niệm mang tính chuyên môn của môn học. Nắm được tình hình xã hội Hàn quốc và những đặc trưng của nó qua từng thời kỳ. Hiểu được sự biến đổi của xã hội Hàn Quốc hiện đại gắn liền với lịch sử của từng chính quyền cùng với quá trình phát triển kinh tế. Sau khi học xong môn học sinh viên cần nắm được những vấn đề của xã hội Hàn Quốc hiện đại, đặc biệt là những điểm tranh luận trong nghiên cứu xã hội Hàn Quốc của các học giả. Bước đầu hình thành được những đánh giá theo cách suy nghĩ của riêng mình cho mỗi vấn đề.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b><i>Thái Lan học</i></b>				
146.	Ngôn ngữ và tộc người Thái ở Đông Nam Á	Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản về sự phân bố dân cư của các tộc người thuộc nhóm Thái ở Đông Nam Á như ở khu vực Đông Nam Á hiện nay có những tộc người nào thuộc nhóm Thái, họ định cư ở đâu, họ có một quá trình di cư như thế nào. Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản về sự phân bố ngôn ngữ của các tộc người thuộc nhóm Thái ở Đông Nam Á như hiện nay ở Đông Nam Á có những ngôn ngữ nào là những ngôn ngữ thuộc nhóm Thái, những ngôn ngữ đó được phân bố như thế nào, các ngôn ngữ thuộc nhóm Thái có những đặc điểm chung gì và có những đặc điểm gì khác biệt.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

### 3. Ngành Hàn Quốc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
-----	-------------	------------------	------------	----------------------	--------------------------------

<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>16</b>		
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK1	
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2	HK2	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	HK2	
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	HK3	
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	HK3	
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Hàn B1	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên vận dụng được vốn từ vựng khoảng 400 từ và những cấu trúc ngữ pháp để thực hiện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương trình độ Topik 4. Thông qua những bài đọc hiểu người học không những biết được sinh hoạt thực tế của người Hàn Quốc mà còn hiểu về cách tư duy của người Hàn Quốc. Thông qua phần viết với các dạng bài như dịch, điền từ vào chỗ trống, viết bài theo chủ đề... người học sẽ được nâng cao kỹ năng viết. Thông qua phần nghe nói, sinh viên sẽ có được khả năng nghe hiểu và hội thoại theo 15 chủ đề với lượng từ vựng và ngữ pháp quy định trong chương trình. Sinh viên cần biết cách phát âm chính xác và đúng ngữ điệu bản xứ. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ hoàn toàn có thể giao tiếp tiếng Hàn ở các tình huống sinh hoạt cần thiết trong cuộc sống thường nhật.	5	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>				
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
8.	Tiếng Hàn cho khoa học xã hội và nhân văn 1	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên củng cố và nắm vững được những cấu trúc ngữ pháp trong nội dung từng bài học, nhớ được khoảng 300 từ vựng rồi vận dụng để viết các đoạn văn ngắn khoảng	4	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		70~120 chữ, thực hiện được các đoạn hội thoại thông dụng. Cụ thể là đối với kỹ năng đọc và viết, sinh viên sẽ đọc hiểu dịch, viết được những bài viết theo các chủ đề đa dạng ở mức độ sơ cấp 1 từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại. Đối với kỹ năng nghe và nói, sinh viên sẽ trình bày mạch lạc, đúng ngữ pháp được ý kiến của mình về một vấn đề nhất định. Sinh viên sẽ có thể giao tiếp được bằng tiếng Hàn trong các tình huống giao tiếp đơn giản và cần thiết trong cuộc sống hàng ngày.			
9.	Tiếng Hàn cho khoa học xã hội và nhân văn 2	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên củng cố và nắm vững được những cấu trúc ngữ pháp trong nội dung từng bài học, nhớ được khoảng 500 từ vựng rồi vận dụng để viết các đoạn văn ngắn khoảng 100~150 chữ, thực hiện được các đoạn hội thoại thông dụng. Cụ thể là đối với kỹ năng đọc và viết, sinh viên sẽ đọc hiểu dịch, viết được những bài viết theo các chủ đề đa dạng ở mức độ sơ cấp 2 từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại. Đối với kỹ năng nghe và nói, sinh viên sẽ trình bày mạch lạc, đúng ngữ pháp được ý kiến của mình về một vấn đề nhất định. Sinh viên sẽ có thể giao tiếp được bằng tiếng Hàn trong các tình huống giao tiếp đơn giản và cần thiết trong cuộc sống hàng ngày.	5	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
10.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
11.	Khu vực học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3		
12.	Nhập môn Nghiên cứu Hàn Quốc	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: khu vực, khu vực học, các phương pháp nghiên cứu khu vực học nói chung và Hàn Quốc học nói riêng với tư cách là một đối tượng của nghiên cứu khu vực học, đất nước học. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên các thông tin liên quan đến lịch sử hình thành, phát triển, thực trạng của ngành Hàn Quốc học trên thế giới, tại Hàn Quốc và Việt Nam. Đồng thời, giới thiệu cho sinh viên	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		những hiểu biết cơ bản, chung nhất về Hàn Quốc trên các khía cạnh khác nhau; chỉ ra những vấn đề cơ bản còn tranh luận trong nghiên cứu Hàn Quốc học, quan điểm của các nhà nghiên cứu tiêu biểu và tác phẩm của họ và định hướng cho sinh viên các lĩnh vực nghiên cứu về Korea/ Hàn Quốc và phương pháp tiếp cận cần thiết.			
III.2	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/33</b>		
13.	Lịch sử phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK3	
14.	Tiếng Việt và các ngôn ngữ phương Đông		3	HK3	
15.	Văn hóa, văn minh phương Đông		3	HK3	
16.	Kinh tế Đông Bắc Á		3	HK3	
	Chính trị khu vực Đông Bắc Á		3	HK3	
17.	Nhập môn quản trị văn phòng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK3	
18.	Văn hóa du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK3	
19.	Tâm lý học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK3	
20.	Văn hoá tổ chức	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK3	
21.	Tâm lý học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK3	
22.	Nghệ thuật học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK3	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>19</b>		

<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>10</b>		
23.	Lí thuyết Hàn ngữ hiện đại	Học phần trang bị những kiến thức chuyên sâu về Hàn ngữ học - một ngành trong nghiên cứu về Korea học. Sinh viên được tiếp cận với các khái niệm, hiện tượng ngôn ngữ đặc thù có trong tiếng Hàn, có khả năng tư duy, ứng dụng vào trong việc học tập và nghiên cứu tiếng Hàn, đối chiếu với tiếng Việt. Có khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn, cụ thể hóa trong việc học tập và làm các công việc có liên quan đến tiếng Hàn.	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
24.	Tiếng Hàn nâng cao 1	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên vận dụng được vốn từ vựng khoảng 400 từ và những cấu trúc ngữ pháp để thực hiện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương trình độ Topik 4. Thông qua những bài đọc hiểu người học không những biết được sinh hoạt thực tế của người Hàn Quốc mà còn hiểu về cách tư duy của người Hàn Quốc. Thông qua phần viết với các dạng bài như dịch, điền từ vào chỗ trống, viết bài theo chủ đề....người học sẽ được nâng cao kỹ năng viết. Thông qua phần nghe nói, sinh viên sẽ có được khả năng nghe hiểu và hội thoại theo 15 chủ đề với lượng từ vựng và ngữ pháp quy định trong chương trình. Sinh viên cần biết cách phát âm chính xác và đúng ngữ điệu bản xứ. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ hoàn toàn có thể giao tiếp tiếng Hàn ở các tình huống sinh hoạt cần thiết trong cuộc sống thường nhật.	4	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25.	Tiếng Hàn nâng cao 2	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên ghi nhớ và sử dụng linh hoạt các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp xuất hiện trong các phần nghe, nói, đọc, viết ở trình độ tương đương Topik 5. Với kỹ năng đọc thì sinh viên có khả năng đọc hiểu, dịch sang tiếng Việt nội dung bài học. Với kỹ năng viết thì sinh viên có thể viết và trình bày bài luận tiếng Hàn ngắn khoảng 400-500 chữ theo chủ đề liên quan tới. Với kỹ năng nghe thì sinh viên có thể nghe hiểu nội dung liên quan đến sinh hoạt thường nhật ở mức độ khó hoặc công việc chuyên môn. Với kỹ năng nói thì có thể hội thoại, trình bày ý kiến của bản thân và tranh luận được với bạn học về chủ đề liên quan.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

IV.2	<b>Khối kiến thức chuyên sâu của ngành</b>		<b>6/18</b>		
26.	Tiếng Hàn chuyên ngành (Lịch sử)	Môn học tiếng Hàn chủ đề về lịch sử nhằm hướng người học nắm được các thuật ngữ tiếng Hàn về lịch sử ở các ngành lịch sử thế giới, lịch sử Hàn Quốc và lịch sử Việt Nam. Cung cấp các kiến thức về lịch sử qua các thời kỳ chủ yếu thông qua các sự kiện lịch sử mang tính bước ngoặt và các nhân vật lịch sử trên thế giới.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
27.	Tiếng Hàn chuyên ngành (Thương mại)	Môn học được giảng dạy bằng tiếng Hàn dành cho sinh viên có trình độ tiếng Hàn tương đương trung cấp, đưa ra các kiến thức cơ bản nhất về thương mại đặc biệt là tìm hiểu về quan hệ và xu hướng thương mại Việt Nam Hàn Quốc thông qua phân tích các tài liệu cập nhật bằng tiếng Hàn. Môn học cũng hướng tới thực hành xử lý các tình huống trong giao tiếp thương mại, viết thư tín-báo cáo thương mại trong doanh nghiệp và trực tiếp nêu các ý tưởng và xây dựng mô hình kinh doanh đơn giản.	3		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Tiếng Hàn chuyên ngành (Văn hóa)	Sinh viên phải nắm vững và vận dụng một cách linh hoạt, chính xác các cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng đã học tương đương tiếng Hàn cấp 4. Bổ sung thêm vốn từ vựng thuộc các lĩnh vực văn hóa, lịch sử Nắm được các những kiến thức về văn hóa, lịch sử, xã hội của Việt Nam và Hàn Quốc thông qua các kênh thông tin và ứng dụng vào các bài học theo nội dung cụ thể.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Tiếng Hàn chuyên ngành (Chính trị - Xã hội)	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên hiểu và nhớ được những từ vựng, cấu trúc ngữ pháp thường gặp trong lĩnh vực chính trị xã hội Hàn Quốc qua các chủ đề cụ thể. Đồng thời, rèn luyện các thao tác và kỹ năng về đọc, dịch tài liệu hay cũng như thuyết trình về nội dung có liên quan đến lĩnh vực chính trị xã hội Hàn Quốc. Điều này giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Hàn chuyên ngành và các kiến thức nền về chuyên ngành chính trị xã hội. Kết thúc học phần, sinh viên có nền tảng để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thuyết trình, dịch tài liệu, viết báo cáo hoặc triển khai nghiên cứu	3		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		các đề tài liên quan ở mức độ vừa và nhỏ trong quá trình học tập tại trường và công tác sau này.			
30.	Tiếng Hàn chuyên ngành (Du lịch)	Môn học tập trung luyện 4 kỹ năng nghe nói đọc viết tiếng Hàn: Nghe được các hội thoại, nắm bắt và xử lý thông tin nhanh, tóm tắt được nội dung nghe liên quan đến du lịch; Thông qua thảo luận, làm việc nhóm, luyện khả năng nói trước đám đông, cách xử lý tình huống cách hỏi đáp thông tin, sử dụng văn phong lịch sự, sử dụng chính xác kính ngữ tiếng Hàn; Luyện kỹ năng đọc hiểu các bài về địa danh du lịch và luyện viết theo chủ đề. Môn học chuyên sâu thực hành các tình huống của ngành dịch vụ du lịch.	3		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Tiếng Hàn chuyên ngành (Báo chí truyền thông)	Môn học tiếng Hàn cao cấp với chủ đề truyền thông báo chí cung cấp cho người học ngữ pháp và lượng từ vựng chuyên ngành báo chí. Người học được tiếp cận tiếng Hàn qua các chủ đề về chính trị kinh tế, xã hội, văn hóa lịch sử, khoa học và môi trường, sức khỏe... Ngoài các nội dung lý thuyết, người học trực tiếp thực hiện các kí sự, làm phóng sự truyền hình liên quan tới các chủ đề của môn học.	3		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
IV.3	<b>Kiến thức liên ngành</b>				
V	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>47</b>		
V.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>25</b>		
32.	Địa lí Hàn Quốc	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về địa lý Hàn Quốc - về đặc điểm tự nhiên, cư dân, đơn vị hành chính và điều kiện môi trường hiện nay của Hàn Quốc trong sự biến đổi chung của thế giới. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng tri thức về địa lý Hàn Quốc và bán đảo Hàn vào học tập và nghiên cứu một số lĩnh vực khác có liên quan như địa - lịch sử, địa - kinh tế, địa - văn hóa...	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	Xã hội Hàn Quốc	Mục tiêu của học phần là cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về xã hội Hàn Quốc hiện đại tính từ năm 1945 đến nay. Sinh viên phải hiểu được các khái niệm mang tính chuyên môn về xã hội, biết được tình hình xã hội Hàn Quốc và những đặc trưng của từng thời kỳ. Đồng thời, sinh viên hiểu được sự biến đổi của xã hội Hàn	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Quốc hiện đại gắn liền với lịch sử của từng chính quyền cùng với quá trình phát triển kinh tế. Từ đó, bước đầu hình thành được những đánh giá theo cách suy nghĩ của riêng mình cho mỗi vấn đề. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu được những vấn đề của xã hội Hàn Quốc hiện đại, đặc biệt là những điểm tranh luận trong nghiên cứu xã hội Hàn Quốc.			
34.	Văn hóa Hàn Quốc	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: văn hóa, xã hội, các phương pháp nghiên cứu văn hóa, một số lý thuyết về văn hóa. Sinh viên phải hiểu được các đặc trưng văn hóa của Hàn Quốc và sự biến đổi của văn hóa qua các thời kỳ lịch sử. Sự biến đổi này do tác động của xã hội trong mỗi giai đoạn khác nhau vì xã hội là mô thức phản ánh văn hóa và cũng có mối quan hệ chặt chẽ với văn hóa. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu được những tranh luận trong vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại của Hàn Quốc.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Lịch sử Hàn Quốc	Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu lịch sử Hàn Quốc, các thời kì chính của lịch sử Hàn Quốc, đặc điểm của từng thời kì, các sự kiện và nhân vật tiêu biểu. Đồng thời, môn học cũng chỉ ra và lý giải các vấn đề còn đang tranh luận trong nghiên cứu lịch sử Hàn Quốc và quan điểm của các nhà nghiên cứu. Bước đầu hình thành cho sinh viên cách nhìn nhận riêng đối với một số vấn đề lịch sử của Hàn Quốc.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
36.	Tiếng Hàn nâng cao 3	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên củng cố và nắm vững các cấu trúc ngữ pháp xuất hiện trong học phần với nội dung thể hiện qua các kỹ năng ở mức độ chuyên sâu tương đương Topik 6. Hiểu và nhớ được từ và cụm từ chuyên môn với khối lượng khoảng 250 từ theo các lĩnh vực. Đọc hiểu, dịch và viết được những bài viết theo các chủ đề đa dạng. Sinh viên có khả năng nêu ý kiến hoặc thuyết trình về một vấn đề hay chủ đề nhất định một cách mạch lạc. Có thể đọc hiểu được sách, báo bằng tiếng Hàn không quá chuyên sâu.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

37.	Đối dịch Hàn - Việt	Áp dụng được các kiến thức tiếng Hàn đã học kết hợp với các lý thuyết dịch để thực hành dịch xuôi, ngược văn bản ở các lĩnh vực khác nhau. Hiểu, vận dụng thực hành được các lý thuyết trong phiên dịch, xử lý nhanh các tình huống phiên dịch thực tế. Mở rộng thêm nhiều vốn từ vựng tiếng Hàn ở các lĩnh vực đa dạng, áp dụng linh hoạt ngữ pháp cũng như văn phong tiếng Hàn một cách tự nhiên vào các tình huống dịch.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
38.	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Hàn	Môn học đặt mục tiêu rèn luyện cho sinh viên kỹ năng trình bày ý kiến của mình về một vấn đề nào đó bằng tiếng Hàn một cách có hệ thống, chặt chẽ và logic. Trên cơ sở nắm vững và vận dụng được một cách linh hoạt và chính xác các cấu trúc ngữ pháp, vốn từ vựng và biểu hiện thường dùng trong thuyết trình và thảo luận tiếng Hàn sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học về Hàn Quốc để xây dựng nội dung thuyết trình bằng tiếng Hàn. Rèn luyện các kỹ năng tiếng trong việc nêu ý kiến, bảo vệ ý kiến của bản thân, phản bác ý kiến, tiếp nhận các ý kiến... khi phát biểu và thảo luận. Từ đó, hình thành cách tư duy và thể hiện bản thân bằng tiếng Hàn.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
39.	Giao tiếp liên văn hóa Hàn-Việt	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự tương đồng và khác biệt giữa hai nền văn hóa Hàn Quốc và Việt Nam. Môn học giúp sinh viên nhận ra tầm quan trọng của yếu tố <i>văn hóa</i> được thể hiện trong giao tiếp liên văn hóa ở môi trường kinh doanh đa văn hóa ngày nay. Môn học còn cung cấp các kiến thức về các phạm trù văn hóa, phi ngôn ngữ trong các nền văn hóa, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của con người... để sinh viên xây dựng cho bản thân độ nhạy bén văn hóa (cultural intelligence Quotient = CQ) như một năng lực (competence) bắt buộc trong môi trường làm việc toàn cầu (global workplace) ngày nay. Sinh viên sẽ ứng dụng được các hiểu biết đó vào trường hợp cụ thể là văn hóa Việt Nam, văn hóa Hàn Quốc.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>12/22</b>		
40.	Nghệ thuật Hàn Quốc	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về lịch	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		sử phát triển và những đặc trưng cơ bản và thành tựu của nghệ thuật Hàn Quốc. Giúp sinh viên thông qua tiếp cận trực quan với các giá trị nghệ thuật Hàn Quốc có thể phân tích đánh giá, so sánh những điểm tương đồng và dị biệt với nghệ thuật của Việt Nam, phục vụ cho việc học tập và công việc sau này.			Thi cuối kỳ: 60%
41.	Quan hệ liên Triều	Môn học đặt mục tiêu giới thiệu chung về lý thuyết quan hệ quốc tế, cung cấp các mô tả về hoạt động đối ngoại chính của Hàn Quốc, đặc điểm của quan hệ quốc tế Hàn Quốc trong từng thời kỳ lịch sử đối với từng đối tác quan hệ; đặc điểm, các mốc phát triển chính và thực trạng của mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc...; lý giải những nhân tố, điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, địa lý... ảnh hưởng đến các chính sách đối ngoại của Hàn Quốc và phân tích quan hệ quốc tế của Hàn Quốc dưới góc nhìn của một số lý thuyết quan hệ quốc tế nhằm chỉ ra những quan điểm khác nhau về vấn đề này; giúp sinh viên bước đầu có những quan điểm riêng về một số vấn đề trong quan hệ quốc tế của Hàn Quốc.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Đọc hiểu tác phẩm văn học Hàn Quốc	Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên tìm hiểu về đất nước và con người Hàn Quốc qua lăng kính văn học vì đây là điều cần thiết và thú vị. Mỗi tác phẩm văn học là một chỉnh thể quan trọng trong đời sống văn học, và là một phạm trù quan trọng của lý luận văn học trong việc hiểu về hoạt động sáng tác và tiếp nhận văn học. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với những tác phẩm văn học tiêu biểu của Hàn Quốc từ thời kỳ cận đại đến đương đại đã được dịch sang tiếng Việt. Kỹ năng đọc, phân tích, so sánh, phê bình... được rèn luyện và nâng cao qua từng nội dung bài học sẽ giúp sinh viên hiểu đúng về những tác phẩm văn học được lựa chọn nói riêng và văn học Hàn Quốc nói chung.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Di sản văn hóa Hàn Quốc	Hiểu được lịch sử, văn hóa, tôn giáo liên quan tới các di sản văn hóa của Hàn Quốc được học. Sinh viên có thể phân biệt được các loại hình di sản văn hóa thế giới, thống kê và gọi tên được các di sản văn hóa Hàn Quốc được Unesco công nhận. Vận dụng được các kiến thức về đặc trưng di sản văn hóa Hàn quốc để phục vụ cho học	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		tập nâng cao và công việc sau này.			
44.	Văn hoá doanh nghiệp Hàn Quốc	Môn học đặt mục tiêu cung cấp một số khái niệm về doanh nghiệp, văn hóa doanh nghiệp nói chung và Hàn Quốc nói riêng; cung cấp tri thức chung về văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc trong công tác tổ chức và quản lý sản xuất nhằm giúp sinh viên hiểu và ứng dụng được các nguyên tắc, công cụ hỗ trợ trong quá trình triển khai nghiệp vụ doanh nghiệp.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
45.	Hán - Hàn cơ sở	Cung cấp kiến thức có tính chất nhập môn về từ vựng Hán Hàn, cả về phương diện lý thuyết và thực hành. Giúp sinh viên hiểu được lý thuyết giới thiệu chung về đặc điểm của từ Hán-Hàn, luyện tập kỹ năng viết chữ Hán, cách nhận diện, phân biệt được âm đọc và giải nghĩa được chữ Hán trong từ vựng Hán Hàn - các từ cơ bản có trong đời sống ngôn ngữ hàng ngày, xếp theo trình tự từ dễ đến khó.	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Tư tưởng và tôn giáo Hàn Quốc	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về sự hình thành, du nhập, lịch sử phát triển, đặc trưng cơ bản của tư tưởng, tôn giáo Hàn Quốc và ảnh hưởng của nó ở Hàn Quốc trong lịch sử và hiện tại; từ đó giúp người học nhận thức được về tình hình tư tưởng, tôn giáo Hàn Quốc hiện đại và có khả năng dự báo về khuynh hướng diễn biến của nó. Trên cơ sở ấy, học phần giúp người học có thái độ đúng đắn, khách quan về các tôn giáo và tư tưởng ở Hàn Quốc và vị thế, vai trò của nó đối với kinh tế, xã hội và văn hóa Hàn Quốc. Những kiến thức của học phần nhằm giúp người học hiểu rõ về tư tưởng, tôn giáo với tư cách một bộ phận của văn hóa Hàn Quốc. Đó là nền tảng cơ bản mà người học có thể tiếp tục học, nghiên cứu và ứng dụng vào các hoạt động khoa học và thực tiễn khác.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Thể chế chính trị Hàn Quốc	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở, sự hình thành và chuyên biến của nền chính trị và thể chế chính trị Hàn Quốc, những vấn đề cơ bản của nền chính trị, các đảng phái và hệ thống đảng phái chính trị Hàn Quốc cũng như	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		ảnh hưởng của nó tới Hàn Quốc trong lịch sử và hiện tại, các thành phần khác của hệ thống chính trị Hàn Quốc như hiến pháp, pháp luật và các cơ quan pháp luật, cơ quan hành chính, các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế và vai trò, tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế Hàn Quốc.			
48.	Kinh tế và xã hội tiêu dùng Hàn Quốc	Môn học hướng tới giới thiệu chung về quá trình phát triển kinh tế của Hàn Quốc, qua đó rút ra đặc trưng cơ bản của phát triển kinh tế và sự biến đổi của xã hội tiêu dùng Hàn Quốc trong từng giai đoạn lịch sử; lý giải những nhân tố, điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, địa lý... ảnh hưởng đến các chính sách phát triển kinh tế và xã hội tiêu dùng của Hàn Quốc. Theo đó, môn học khái quát mối quan hệ kinh tế Việt Nam – Hàn Quốc, giúp sinh viên bước đầu có thêm kiến thức và quan điểm riêng về một số vấn đề trong nghiên cứu kinh tế và xã hội tiêu dùng của Hàn Quốc.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Quan hệ quốc tế Hàn Quốc	Cung cấp bức tranh tổng thể về quan hệ của Hàn Quốc với các quốc gia trong khu vực và thế giới qua các thời kỳ lịch sử từ cổ đại đến hiện đại. Trong đó, tập trung phân tích những yếu tố quyết định việc hình thành các mối quan hệ của Hàn Quốc với các đối tác quan hệ chủ yếu và những kết quả đạt được. Đặc biệt, môn học tập trung vào các mối quan hệ có tính chất chi phối đối với sự phát triển và định hình của Hàn Quốc trong lịch sử phát triển chung của trật tự thế giới như chính sách quan hệ đối với bốn cường quốc thế giới là: Mỹ, Nhật, Nga, Trung Quốc. Ngoài ra, môn học cũng dành một phần để đề cập tới đặc điểm, thực trạng và triển vọng của quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc.	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Lịch sử văn học Hàn Quốc	Mục tiêu của học phần là cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức cơ bản nhất và khái quát nhất về quá trình phát triển và đặc trưng của văn học Hàn Quốc qua các thời kỳ. Mục tiêu này được thể hiện qua các nội dung cụ thể của từng tuần học. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ hiểu tổng quan về văn học Hàn Quốc với những đặc điểm nổi bật. Sinh viên sẽ được tiếp cận với các tác giả tác phẩm tiêu biểu của mỗi thời kỳ của lịch sử văn học. Việc nâng cao và rèn	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		luyện các kỹ năng như tìm kiếm tài liệu, đọc và phân tích tài liệu, chuẩn bị báo cáo, thuyết trình và tự tin thể hiện ý kiến của mình cũng là một trong những mục tiêu của môn học.			
<b>V.3</b>	<b><i>Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i></b>		10		
51.	Niên luận	Tập duyệt nghiên cứu một trong những vấn đề thuộc lĩnh vực Hàn Quốc học: Văn hóa - xã hội, lịch sử, kinh tế, chính trị, tôn giáo, ngôn ngữ... Hiểu và áp dụng cách thức triển khai nghiên cứu một vấn đề, cách thức viết báo cáo nghiên cứu, cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo, nguồn trích dẫn, bước đầu chuẩn bị cho việc làm khóa luận tốt nghiệp và các nghiên cứu khác sâu hơn.	2	HK5	Tiểu luận
52.	Thực tập, thực tế	Hiểu được những vấn đề thực tiễn liên quan đến các lĩnh vực văn hóa - xã hội, lịch sử, kinh tế, chính trị, tôn giáo, ngôn ngữ... Nhận xét, đánh giá được tình hình hoạt động và các vấn đề có liên quan đến Hàn Quốc ở địa bàn, cơ quan, doanh nghiệp mà sinh viên đang thực tập, thực tế.	3	HK6	Tiểu luận
53.	Khóa luận tốt nghiệp	Có kiến thức tổng quan về tư liệu trong nghiên cứu Hàn Quốc Có kiến thức về các loại hình tư liệu, ưu và nhược điểm của từng loại hình tư liệu Có kiến thức cơ bản về viết một bài luận nghiên cứu	5	HK8	Khoá luận
	<b><i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i></b>		<b>5</b>		
54.	Ứng dụng tiếng Hàn tổng hợp	Môn học tập trung cung cấp và hướng dẫn cách sử dụng các thuật ngữ chuyên môn thông dụng trong tiếng Hàn vào các tình huống thực tế; giúp sinh viên xử lý được các thông tin có tính chuyên môn sâu bằng tiếng Hàn; vận dụng vốn kiến thức tiếng Hàn vào việc khai thác và sử dụng tài liệu nghiên cứu; hướng dẫn cách trình bày bằng tiếng Hàn các vấn đề có tính học thuật hoặc có tính quy phạm	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		trong các tình huống, yêu cầu thực tế.			
55.	Hàn Quốc đương đại	Là môn thay thế tốt nghiệp, môn học cung cấp cho sinh viên một cái nhìn cập nhật, toàn diện về các vấn đề hiện tồn của các khía cạnh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Hàn Quốc đương đại. Môn học cũng phân tích bối cảnh, căn nguyên của những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra xu thế phát triển của Hàn Quốc trên nhiều phương diện. Từ đó, hình thành cho sinh viên cách nhìn biện chứng, kỹ năng so sánh, đối chiếu với thực trạng và các vấn đề của các lĩnh vực tương ứng của Việt Nam. Khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể cập nhật, hiểu và bàn luận về các vấn đề lĩnh vực nghiên cứu về Hàn Quốc và phương pháp tiếp cận cần thiết, cũng như xác định lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp phù hợp với bản thân sau khi tốt nghiệp.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

#### C4. Khoa Văn học

##### 1. Cử nhân Hán Nôm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Trung B1		5		

<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>		<b>18</b>		
8.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
10.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
11.	Hán Nôm cơ sở	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về mặt nhận thức chung về Hán Nôm; vai trò của Hán Nôm trong truyền thống ngữ văn Việt Nam; lịch sử diễn tiến của chữ Hán và chữ Nôm; nắm được các quy tắc viết và cấu tạo của chữ Hán và chữ Nôm; nhớ được một lượng chữ Hán và ngữ pháp căn bản để đọc hiểu được những bài đọc bản Hán Nôm sơ đẳng; nhận thức và phát huy tốt vai trò của từ Hán - Việt trong tiếng Việt. Phiên dịch thuần thục những bài đọc bản Hán văn đã được học cũng như những bài đọc bản Hán văn phổ thông có cấu trúc văn phạm tương đồng như trong học phần; viết chính tả những bài đọc bản đã được học thông qua nội dung học phần. Người học có thái độ đam mê, yêu thích học phần; có ý thức trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống.	3	HK1	
12.	Độc bản Hán Nôm	Học phần sẽ cung cấp hệ thống độc bản được trích tuyển thuộc các sách Tiểu học bao gồm cả Trung Quốc và Việt Nam, có tính chất nâng cao về Hán Nôm. Nội dung là sự tổng hợp hệ thống bài đọc bản từ nhiều lĩnh vực khác nhau như: Nho học, văn chương, lịch sử, địa lý, phong tục, cách trí, Phật giáo,...; các phương thức diễn đạt ý nghĩa ngữ pháp (thực từ, hư từ) trong Hán văn ở mức độ nâng cao, thông qua những bài đọc bản cụ thể. Từ đó, tăng cường hệ thống từ vựng chữ Hán, thêm nữa nâng cao vốn văn hoá truyền thống của Việt Nam cũng như Trung Quốc thông qua các bài đọc bản.	3	HK2	

III.2	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/39</b>		
13.	Dẫn luận ngôn ngữ học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK4	
14.	Lịch sử Việt Nam đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lịch sử	3	HK4	
15.	Nghệ thuật học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK4	
16.	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	
17.	Mỹ học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Triết học	3	HK4	
18.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
19.	Phong cách học tiếng Việt	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK4	
20.	Văn học Việt Nam đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK4	
21.	Tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu văn học Việt Nam: lý thuyết và ứng dụng		3	HK4	
22.	Folklore và văn hoá dân tộc		3	HK4	
23.	Lịch sử phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK4	
	Văn hóa, văn minh phương Đông		3	HK4	
24.	Viết sáng tạo	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK4	
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>	<b>15</b>		
<b>IV.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>9</b>		
25.	Văn tự học Hán Nôm	Người học có khả năng vận dụng những tri thức cơ bản nhất của văn tự học đại cương và văn tự học chữ Hán, chữ Nôm cho việc nắm bắt và học nhanh chữ Hán, chữ Nôm từ góc nhìn văn tự học.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

26.	Tin học Hán Nôm	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên phải có một phong kiến thức căn bản những tri thức về công nghệ thông tin, mạng và máy tính ứng dụng vào lĩnh vực Hán Nôm nhằm phục vụ công tác học tập, nghiên cứu và phát huy giá trị văn hóa Hán Nôm. Ứng dụng công nghệ trong việc chế bản, tạo phong, tra cứu Hán Nôm; nắm được các kỹ năng trong việc cài đặt các phần mềm Hán Nôm; nắm được các phương thức tìm kiếm thông tin, tìm kiếm tài liệu liên quan đến ngành học trong các Thư viện điện tử ở trong nước cũng như trên thế giới... nhằm nâng cao năng lực mạng máy tính cũng như khả năng chủ động trong học tập và nghiên cứu.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
27.	Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo	Học phần này nhằm giúp sinh viên tiếp cận với tư tưởng Nho, Phật, Đạo thông qua các văn bản trực tiếp viết bằng Hán văn. Mục tiêu quan trọng nhất là trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về tư tưởng triết học, những triết lý nhân sinh của ba học thuyết, những điểm tương đồng và dị biệt giữa Nho- Phật và Đạo. Từ sự hiểu biết căn bản và có hệ thống về Nho Phật Đạo, sinh viên có thể có điều kiện để hiểu sâu hơn về nội dung các văn bản Hán Nôm cổ trung đại của Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho sinh viên vốn từ ngữ, các khái niệm thường dùng nhất của ba học thuyết, những đoạn văn, những cách nói, những điển tích điển cố có gốc từ Nho, Phật, Đạo thường xuất hiện trong các văn bản Hán văn cổ trung đại.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>		<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>	<b>6</b>		
		<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>	<i>6/12</i>		
28.	Giới thiệu và phân tích kho sách Hán Nôm	Người học có khả năng vận dụng những tin tức và tri thức về sự hình thành các kho sách Hán Nôm được trình bày trong học phần cho việc nhận thức tổng thể về các kho sách Hán Nôm cả trên phương diện số lượng cũng như chất lượng, làm cơ sở cho sự tìm kiếm các tài liệu Hán Nôm cần thiết.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Giáo dục và khoa cử Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục và khoa cử Việt Nam, bao gồm thể chế giáo dục khoa cử, thuật ngữ khoa cử và văn chương khoa cử, tăng cường kiến thức văn hóa nền cho chuyên môn Hán Nôm.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

30.	Tổng quan về sử tịch Hán Văn	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản của các loại hình sử tịch viết bằng Hán văn: Các thể biên niên, kỷ truyện, kỷ sự bản mật; thông sử, đoạn đại sử; điển chế... bước đầu tiếp cận, minh giải các văn bản sử tịch Hán văn tiêu biểu.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Giới thiệu các tài liệu tra cứu Hán Nôm	Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên một số loại hình tài liệu, công cụ tra cứu Hán Nôm bao gồm: Tự điển, Từ điển, Loại thư, Chính thư của Trung Quốc và Việt Nam qua tài liệu in giấy và các công cụ tra cứu trực tuyến. Học phần giúp sinh viên nắm được khái niệm, tính chất, công năng của từng loại hình tài liệu, công cụ tra cứu và phân biệt được chúng. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để chủ động tra cứu các tài liệu, công cụ phù hợp với công việc học tập, nghiên cứu của mình. Đồng thời, sinh viên tự xây dựng được năng lực phân tích, đánh giá tính chất, công năng, hạn chế của các tài liệu, công cụ tra cứu (in giấy, trực tuyến) tiếp xúc được trong quá trình làm việc.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
		<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>	6/15		
32.	Văn học Việt Nam thế kỉ X-XVII	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về lịch sử văn học Việt Nam giai đoạn thế kỷ 10-17 từ khái niệm, phân kỳ, đặc trưng của văn học trung đại đến quy luật phát triển của văn học trung đại, đặc điểm của từng thời kỳ văn học, các tác gia, tác phẩm, thể loại, ngôn ngữ, đặc trưng thẩm mỹ tương ứng với các thời kỳ. Từ đó, sinh viên khả năng nghiên cứu và bảo tồn di sản văn hóa dân tộc; có thể tham gia giới thiệu văn học Việt Nam ra nước ngoài; đồng thời, có thể tham gia trực tiếp vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề của văn hóa - văn học truyền thống trong đời sống văn hóa - văn học đương đại...	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	Văn học Việt Nam thế kỉ XVIII-XIX	Cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về văn học Việt Nam thế kỉ XVIII – XIX và mở rộng kiến thức đó trong bối cảnh chung của văn học Việt Nam trung đại nói riêng và văn học Việt Nam nói chung. Rèn luyện ở sinh viên khả năng hiểu, nhận thức, lập luận, biện giải, phân tích, đánh giá, so sánh trong tương quan với các vấn đề thuộc văn học Việt Nam thế kỉ XVIII – XIX với văn học Việt Nam thế kỉ X – XVII và văn học Việt Nam thế kỉ XX.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Hình thành ở sinh viên tinh thần tự chủ, độc lập trong suy nghĩ, biết trân trọng các giá trị tiến bộ trong truyền thống văn học dân tộc, có khả năng tư duy khách quan trong đánh giá di sản văn học, văn hóa dân tộc.			
34.	Điển phạm trong văn học Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức lý thuyết về điển phạm trong văn học và các hướng nghiên cứu về điển phạm trên thế giới. Từ đó, người học sẽ tiếp cận lịch sử văn học Việt Nam từ góc nhìn của lý thuyết về điển phạm, các quá trình điển phạm hóa và giải điển phạm của đã diễn ra cũng như các điển phạm đã được xác lập trong tiến trình phát triển của nền văn học Việt Nam. Học phần này qua đó sẽ cung cấp cho người học kỹ năng nghiên cứu và bảo tồn di sản văn hóa dân tộc; tham gia giới thiệu văn học Việt Nam ra nước ngoài; đồng thời, có thể tham gia trực tiếp vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề của văn hóa - văn học truyền thống trong đời sống văn hóa - văn học đương đại bằng thái độ khách quan và khoa học	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Văn học Trung Quốc cổ đại	Trang bị kiến thức cơ bản về văn học Trung Quốc cổ đại liên quan mật thiết với chuyên ngành Hán Nôm như các thể loại và thể tài, các tác giả - tác phẩm tiêu biểu, quan niệm văn học v.v, qua đó giúp người học nhận diện sự tương đồng và dị biệt của Hán văn Trung Quốc cổ đại và Hán văn Việt Nam thời trung đại, cũng như quá trình tiếp nhận, quy luật tiếp nhận; qua đó phiên dịch và diễn dịch đúng các văn bản tác phẩm chữ Hán, chữ Nôm ở Việt Nam; ngoài ra, học phần còn hướng tới mục tiêu vận dụng phương pháp hệ thống, phương pháp so sánh v.v để thực hiện các đề tài nghiên cứu theo hướng văn hóa, văn học so sánh ở tầm khu vực; có thái độ trân trọng đúng mức, khách quan khoa học đối với thành tựu văn hóa của dân tộc Trung Hoa; mở rộng tầm nhìn, đổi mới quan niệm về quan hệ văn hóa - văn học giữa các quốc gia, tránh căn bệnh chủ quan võ đoán, tự thị và tự ti, tránh sa vào quan điểm dân tộc cực đoan.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
36.	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam	Trang bị cho người học tri thức về nguồn sử liệu, về một số nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam cũng như các phương pháp sưu tầm, phân loại và phê phán sử liệu.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành</b>	<b>53</b>		
<b>V.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>34</b>		
37.	Văn bản học Hán Nôm	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành Hán Nôm những kiến thức cơ bản về lý thuyết văn bản học nói chung và văn bản học Hán Nôm nói riêng; những hiểu biết về nguồn gốc, quá trình phát triển và lưu giữ di sản Hán Nôm Việt Nam. Học phần giúp cho sinh viên nắm được những kỹ năng, phương pháp nghiên cứu quá trình truyền bản của các văn bản cổ, phân tích những dị biệt qua các bản sao và đặc điểm các bản sao, nhằm xây dựng cơ sở khoa học để xác định giá trị chân thực của văn bản và những nguyên tắc khi công bố văn bản Hán Nôm. Học phần giúp sinh viên có ý thức về tầm quan trọng của công tác văn bản học trước khi đi vào các thao tác minh giải và công bố văn bản, hình thành thái độ khách quan và khoa học khi tiếp cận với văn bản Hán Nôm.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
38.	Ngữ pháp văn ngôn	Người học biết được tri thức tổng quan và hệ thống về ngữ pháp văn ngôn. Hiểu được các đơn vị cơ bản của ngữ pháp văn ngôn. Biết được khái quát tình hình nghiên cứu ngữ pháp văn ngôn trước và trong thế kỷ XX cũng như một số công trình nghiên cứu chủ yếu. Vận dụng được kiến thức đã học từ học phần vào việc tạo các câu đúng ngữ pháp văn ngôn. Phân tích được quan hệ ngữ pháp, các hiện tượng ngữ pháp văn ngôn đặc thù, từ đó giải mã chuẩn xác các văn bản Hán văn cổ của Việt Nam và Trung Quốc. Hiểu được vai trò của ngữ pháp văn ngôn đối với việc đọc hiểu các văn bản Hán văn cổ của Việt Nam và Trung Quốc.	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

39.	Tứ thư 1 (Luận ngữ - Mạnh Tử)	Sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về mặt văn bản của hai bộ <i>Luận ngữ</i> và <i>Mạnh tử</i> về phương diện ngôn ngữ và nghĩa lý, tăng cường về vốn từ ngữ và ngữ pháp Hán văn cổ, bổ sung tri thức về điển chương chế độ, văn hoá cổ, văn học, triết học... Sinh viên có thể vận dụng kiến thức của học phần vào việc minh giải, khai thác văn bản <i>Luận ngữ</i> và <i>Mạnh tử</i> , tạo nền tảng để học tiếp các học phần khác và lên bậc học cao hơn. Sinh viên có ý thức về tầm quan trọng của các văn bản kinh điển nói chung, Luận ngữ và Mạnh tử nói riêng trong việc học tập và nghiên cứu Hán Nôm.	4	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Tứ thư 2 (Đại học - Trung dung)	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về mặt văn bản của hai sách <i>Đại học</i> và <i>Trung dung</i> trong Tứ thư, minh giải được văn bản cả về phương diện ngôn ngữ và nghĩa lý, vận dụng được vào phiên dịch và khai thác văn bản Hán Nôm.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Ngũ kinh 1 (Thi - Thư)	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về mặt văn bản của hai bộ <i>Kinh Thi</i> và <i>Kinh Thư</i> . Tăng cường về vốn từ ngữ và ngữ pháp Hán văn cổ, nắm được đặc điểm ngôn ngữ trong các thư tịch về <i>Thi</i> , về <i>Thư</i> , bổ sung tri thức về điển chương chế độ, văn hoá cổ, văn học, triết học...; Minh giải được một số thiên quan trọng trong <i>Kinh Thi</i> và <i>Kinh Thư</i> cả về phương diện ngôn ngữ và nghĩa lý, từ đó có thể vận dụng vào việc minh giải, khai thác văn bản Hán Nôm của Việt Nam, tạo nền tảng vững chắc để học tiếp các học phần khác và lên bậc học cao hơn. Nhận thức được tầm quan trọng của các kinh điển Nho gia đối với việc học tập và nghiên cứu Hán Nôm.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Ngũ kinh 2 (Lễ - Dịch)	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về mặt văn bản của hai bộ <i>Kinh Lễ</i> và <i>Kinh Dịch</i> , minh giải được một số thiên, quẻ quan trọng trong <i>Kinh Lễ</i> và <i>Kinh Dịch</i> cả về phương diện ngôn ngữ và nghĩa lý, tăng cường về vốn từ ngữ và ngữ pháp Hán văn cổ, nắm được đặc điểm ngôn ngữ trong các thư tịch và <i>Lễ</i> , về <i>Dịch</i> , bổ sung tri thức về điển chương chế độ, văn hoá cổ, văn học, triết học... để có thể vận dụng được vào minh giải, khai thác văn bản Hán Nôm, tạo nền tảng để học tiếp các học phần khác và lên bậc học cao hơn.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

43.	Ngũ kinh 3 (Xuân Thu - Tả truyện)	<p>Học phần cung cấp cho người học những tri thức Kinh học cơ bản về <i>Xuân thu</i> và <i>Tam truyện</i> (<i>Tả truyện</i>, <i>Công Dương truyện</i>, <i>Cốc Luong truyện</i>) như bút pháp, thể lệ, vi ngôn – đại nghĩa, cùng những tri thức liên quan đến văn hoá, lịch sử, điển chương chế độ... của thời kỳ Xuân Thu. Thông qua các độc bản cụ thể được tuyển giảng, người học nắm được một lượng chữ Hán, đặc trưng Hán văn của <i>Xuân thu – Tả truyện</i>, cũng như nội dung và ý nghĩa tư tưởng trong mối quan hệ với các vấn đề lịch sử, xã hội, văn hóa của thời Xuân Thu. Từ đó, người học có thể chủ động vận dụng những tri thức đã học vào việc giải độc <i>Xuân thu – Tả truyện</i>. Phân tích, đánh giá được những vấn đề liên quan xuất hiện trong văn bản Hán Nôm.</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
44.	Hán văn Việt Nam thế kỉ X - XIV	<p>- Nhận thức được những nét chính yếu nhất về bối cảnh xã hội ngôn ngữ của giai đoạn thế kỷ X-XIV, vai trò của chữ Hán, Hán văn, văn bản Hán văn trong bối cảnh xã hội ngôn ngữ đó. - Thông qua các độc bản cụ thể, người học nắm được một lượng chữ Hán, văn phạm Hán cũng như nội dung và ý nghĩa của các độc bản Hán văn Việt Nam trong mối quan hệ với các vấn đề lịch sử, xã hội, văn hóa của một giai đoạn dài đến 5 thế kỷ.</p>	3	HK2	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
45.	Hán văn Việt Nam XV - XVIII	<p>- Nhận thức được những nét chính yếu về bối cảnh xã hội ngôn ngữ của giai đoạn thế kỷ XV-XVIII, vai trò của chữ Hán, Hán văn, văn bản Hán văn trong bối cảnh xã hội ngôn ngữ đó. - Thông qua các độc bản cụ thể, người học nắm được một lượng chữ Hán, văn phạm Hán cũng như nội dung và ý nghĩa của các độc bản Hán văn Việt Nam trong mối quan hệ với các vấn đề lịch sử, xã hội, văn hóa của 4 thế kỷ trên.</p>	3	HK3	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

46.	Hán văn Việt Nam XIX - XX	Giúp cho người học nhận thức được những nét chính yếu nhất về Hán văn thế kỷ XIX- XX trong tiến trình Hán văn Việt Nam. Thông qua các đọc bản cụ thể, cung cấp cho người học lượng chữ Hán, văn phạm Hán cũng như nội dung và ý nghĩa của các đọc bản trong mối quan hệ với các vấn đề lịch sử, xã hội, văn hóa của một giai đoạn cuối cùng trong tiến trình Hán văn Việt Nam thời phong kiến cũng như những thập niên đầu của thời Pháp thuộc. Đồng thời, giúp sinh viên nắm được những kỹ năng, phương pháp minh giải các văn bản Hán văn trong giai đoạn thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, phân tích để nhận định được về đặc trưng của các phong cách sáng tác Hán văn giai đoạn này.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Văn bản chữ Nôm	Người học biết được các thể loại văn bản chữ Nôm một cách hệ thống trong quá trình lịch sử từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX. Thực hành đọc, phiên âm chữ Nôm trong các văn bản chữ Nôm khắc in, viết tay với lối viết đa dạng, để củng cố kiến thức đã học về Văn tự học, âm vận học chữ Nôm. Nhận biết, phân biệt được các hình thức thể loại văn bản chữ Nôm. Thuần thục trong việc phân tích, giải mã văn bản chữ Nôm. Biết được những đặc điểm, tính chất của chữ Nôm thể hiện qua mô hình cấu trúc chữ Nôm trong văn bản chữ Nôm ở những giai đoạn khác nhau. Vận dụng vào việc tìm hiểu quá trình phát triển của tiếng Việt. Đọc thông và viết đúng chữ Nôm Nâng cao hiểu biết về giá trị của những văn bản chữ Nôm đối với lịch sử và văn hóa Việt Nam. Trân trọng giá trị di sản chữ Nôm.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>		<b><i>Các học phần tự chọn</i></b>	<b><i>9/18</i></b>		
48.	Từ chương học Hán Nôm	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ cơ bản của từ chương học, các phương thức từ chương học thông dụng, vận dụng được vào việc minh giải văn bản Hán Nôm.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Đường thi - Cổ văn	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được những tri thức cơ bản về cổ thi và cổ văn Trung Quốc. <b>Về cổ thi</b> - tiêu biểu là thơ Đường: nắm được thể loại, thể tài, ngữ điển; nhận diện đặc trưng thẩm mỹ của cổ thi Trung Quốc đời Đường; qua đó, có thể tìm	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>hiểu sự lưu biến của cổ thi Trung Quốc sau đời Đường, việc tiếp nhận cổ thi Trung Quốc nói chung, thơ Đường nói riêng tại Việt Nam. <b>Về cổ văn</b>, nắm được diện mạo, các đại diện cũng như các bước phát triển của cổ văn Trung Quốc, các đặc trưng phong cách của tản văn tiếng Hán theo tiến trình lịch sử, ảnh hưởng của tản văn lịch đại Trung Quốc đối với tản văn trong Hán văn Việt Nam; tăng vốn chữ nghĩa, điền cố và nhận thức ngữ văn cũng như các nhận thức về từ chương học.</p> <p>Học phần có thể giúp sinh viên vận dụng tri thức cổ thi - cổ văn vào việc đọc và giải mã văn bản cổ thi cổ văn Trung Quốc, giải mã văn bản Hán văn Việt Nam, từ đó làm tốt hơn công tác bảo tồn và khai thác di sản Hán Nôm của dân tộc ta.</p>			
50.	Tản văn triết học Tống - Minh	<p>Học phần giới thiệu cho sinh viên các văn bản thảo luận về các vấn đề triết học của các nhà Nho thời kỳ Tống Minh ở Trung Quốc. Thông qua việc giải mã văn bản, nhớ từ, hiểu nghĩa lý, học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tư tưởng, học thuyết các triết gia lớn tiêu biểu thời kỳ Tống Minh Trung Quốc như Chu Đôn Di, Trình Hạo, Trình Di, Trương Tải, Chu Hy, Lục Cửu Uyên, Vương Dương Minh... Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những phạm trù cơ bản của triết học Tống Minh thuộc cả hai phái Lý học và Tâm học, những đặc điểm nổi bật của văn bản Hán văn cổ bạch thoại đời Tống, những hiện tượng ngữ pháp tiêu biểu... Học phần cũng gợi ý cho sinh viên tìm hiểu những ảnh hưởng của Nho học Tống Minh tới các nhà Nho Việt Nam thể hiện trong các trước tác còn lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
51.	Thực hành văn bản Hán Nôm	<p>Thông qua thực hành đọc văn bản dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên nắm được các thao tác xử lý văn bản, nắm được đặc trưng và có thể phiên dịch được một số loại hình văn bản Hán Nôm thường dùng trong đời sống xã hội Việt Nam truyền thống với nhiều dạng đặc thù về văn bản, ngữ ngôn, văn tự, thể thức trình bày... Biết cách tra cứu các công cụ thư và tài liệu có liên quan phục vụ cho việc giải mã văn bản Hán Nôm, tăng cường khả năng minh giải văn bản Hán Nôm, củng cố và bổ sung kiến thức về văn tự Hán Nôm, văn bản Hán Nôm, văn hoá cổ...</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
52.	Chữ Tờ	Sau khi hoàn thành học phần nhằm, sinh viên nắm được ở mức độ	3	HK6	Thường xuyên: 10%

		tổng quan về tư tưởng triết học, các nhân vật, các tác phẩm tiêu biểu, sự hình thành, phát triển và ảnh hưởng của các học phái thời Tiên Tần như Đạo gia, Danh gia, Mặc gia, Pháp gia, Âm dương gia... Học phần giúp sinh viên tăng cường vốn tri thức về từ ngữ và ngữ pháp Hán văn cổ, nắm được đặc điểm phong cách của loại hình văn bản Chư Tử và những vấn đề điển chương chế độ, văn hoá...hàm chứa trong các văn bản đó. Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc minh giải các văn bản Hán Nôm. Đồng thời phân tích được các văn bản liên quan, tạo nền tảng để học tiếp các học phần khác và lên bậc học cao hơn.			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Tình tuyển Hán văn Phật giáo	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về di sản Hán văn Phật giáo nói chung và Hán văn Phật giáo Việt Nam nói riêng (quá trình hình thành, phát triển; một số loại hình tiêu biểu; đặc điểm Hán văn Phật giáo theo loại hình; hiện trạng của di sản Hán văn Phật giáo Việt Nam; ý nghĩa của việc nghiên cứu Hán văn Phật giáo trong công tác học tập, nghiên cứu Hán Nôm ...). Sinh viên nắm được được một lượng tri thức Phật học cơ bản, làm quen với các từ ngữ, ngữ pháp đặc trưng mang phong cách của Hán văn Phật giáo. Vận dụng được những kiến thức đã học vào việc khai thác, xử lý các văn bản Hán văn Phật giáo. Đồng thời có thể phân tích được các văn bản này.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.3</b>		<b><i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i></b>	<b>10</b>		
54.	Thực tập	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được tiếp xúc với văn bản Hán Nôm trong đời sống thực tế, biết cách thu thập tư liệu (in rập văn bia, ván khắc, sao chép và chụp ảnh hoành phi, câu đối...), biết áp dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành để chuyển mã và giải mã văn bản.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Phân tích văn bản Hán văn	Người học có khả năng vận dụng những thao tác của khoa phân tích văn bản cho việc phân tích các văn bản Hán văn trên nhiều phương diện (văn bản học, thể thức của văn bản, các vấn đề được văn bản) nhằm tìm ra tính thông tin từ văn bản.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

56.	Phân tích văn bản chữ Nôm	Người học hiểu được các đặc trưng chủ yếu của một văn bản chữ Nôm qua việc vận dụng các thao tác và thủ pháp phân tích văn bản Chữ Nôm theo các góc nhìn văn bản học, văn tự học, ngôn ngữ học, thư mục học, văn hóa học, tôn giáo học, sử liệu học, ngữ văn học; từ đó có thể phân tích và đánh giá về hình thức và nội dung văn bản chữ Nôm, chuyển mã và giải mã văn bản, nêu bật được các giá trị ngôn ngữ, văn tự, lịch sử, văn hóa thể hiện qua văn bản chữ Nôm.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
-----	---------------------------	--	---	-----	--

## 2. Cử nhân Văn học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
8.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		

III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
10.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		5		
11.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
14.	Nguyên lí lí luận văn học	Học phần có mục tiêu góp phần đào tạo cử nhân Văn học và các ngành dần làm công tác nghiên cứu, giảng dạy văn học ở các bậc học THPT, cao đẳng, đại học; theo dõi và quản lí hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật.... Sinh viên sau khi hoàn thiện Học phần được cung cấp kiến thức nền tảng để có khả năng nghiên cứu văn học, nghệ thuật; có thể làm công tác phê bình, tham gia giới thiệu văn học Việt Nam ra nước ngoài; đồng thời, có thể tham gia trực tiếp vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề của văn hóa - văn học trong đời sống văn hóa - văn học đương đại...	3	HK3	
15.	Nghệ thuật học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để nắm được nguồn gốc và đặc trưng của nghệ thuật, nhận biết được các giai đoạn trong lịch sử nghệ thuật phương Tây và phương Đông. Đồng thời, học phần giúp sinh viên nắm được đặc trưng của các loại hình nghệ thuật cụ thể và sự tương tác giữa chúng. Từ việc trang bị những kiến thức đó, học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích, thưởng thức và phê bình một tác phẩm nghệ thuật; cũng như có thái độ khách quan khi nhận định, đánh giá các hiện tượng nghệ thuật.	3	HK4	
III.2	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/39</b>		
16.	Dẫn luận ngôn ngữ học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK4	
17.	Lịch sử Việt Nam đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lịch sử	3	HK4	
18.	Nghệ thuật học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK4	



19.	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	
20.	Mỹ học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Triết học	3	HK4	
21.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
22.	Phong cách học tiếng Việt	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK4	
23.	Hán Nôm cơ sở	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Hán Nôm	3	HK4	
24.	Văn học Việt Nam đại cương	Sinh viên hoàn thiện Học phần có thể tham gia giới thiệu văn học Việt Nam ra nước ngoài; khai thác giá trị của văn học dân tộc ứng dụng trong đời sống đương đại, đồng thời, có thể tham gia trực tiếp vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề của văn hóa - văn học truyền thống trong đời sống văn hóa - văn học đương đại từ nền tảng tri thức được cung cấp.	3	HK4	
25.	Văn hóa, văn minh phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK4	
26.	Quan hệ công chúng đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK4	
27.	Ngôn ngữ báo chí	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	
28.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>	<b>15</b>		
<b>IV.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>9</b>		
29.	Tác phẩm và loại thể văn học	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm, đặc điểm, sự biểu hiện của các thành tố tạo nên tác phẩm văn học: nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, nhân vật, tính cách, cốt truyện...); hình thức (ngôn ngữ, kết cấu, các biện pháp thể hiện...), giúp sinh viên nắm vững được những đặc trưng cơ bản, những đặc điểm thi pháp nổi bật của từng thể loại: thơ, truyện, ký và kịch để đánh giá trên cơ sở khoa học các hiện tượng văn học.	4	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

30.	Văn học dân gian Việt Nam	Học phần này nhằm giúp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về các thể loại, các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam, đồng thời cung cấp những kỹ năng mang tính thực hành của các nghề nghiệp liên quan đến văn hóa dân gian như nghiên cứu văn học, văn hóa dân gian, quản lý văn hóa, truyền thông... Học phần này cũng luyện cho sinh viên kỹ năng đọc, tra cứu, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, trình bày kết quả nghiên cứu, thuyết trình và trao đổi các vấn đề khoa học về văn học dân gian, nghiên cứu điền dã trong lĩnh vực văn học, văn hóa dân gian, ứng dụng văn học, văn hóa dân gian vào các công việc thực tiễn để giúp cho sinh viên có thể khai thác tối ưu tri thức về văn hóa dân gian trong nghề nghiệp tương lai của họ.	5	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>		<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>	<b>6</b>		
		<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>	<i>6/24</i>		
31.	Xã hội học nghệ thuật	Đây là một học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về phương pháp nghiên cứu, được giảng dạy song hành cùng các học phần cung cấp kiến thức lịch sử văn học dân tộc và khu vực. Cùng với những tiếp cận hình thức – thi pháp, các tiếp cận tâm lý học, tiếp cận xã hội học là một trong những tiếp cận quan trọng nhất trong nghiên cứu văn học nghệ thuật. Đây cũng là một trong những tiếp cận có truyền thống lâu đời và gắn bó chặt chẽ với mỹ học Mác xít. Về bản chất, đó là một lĩnh vực nghiên cứu văn học nghệ thuật (phân biệt với những nghiên cứu xã hội học về các hiện tượng văn hoá) soi sáng hiện tượng văn học nghệ thuật trong mối quan hệ với văn cảnh xã hội sinh thành nên nó. Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có được kiến thức có hệ thống về lập trường nghiên cứu cơ bản của xã hội học nghệ thuật; hệ thống khái niệm và những hướng nghiên cứu chính của xã hội học nghệ thuật, lịch sử các tư tưởng mang tính xã hội luận về văn học nghệ thuật, đồng thời hình thành nên được một cách đọc (hiểu theo nghĩa rộng) văn bản văn học nghệ thuật. Những kiến thức và kỹ năng này có thể giúp ích cho người học trong tương lai khi họ công tác trong lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu văn học nghệ thuật, báo chí, xuất bản và đặc biệt là quản lý văn học nghệ thuật.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

32.	Văn học Bắc Mỹ - Latin	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên bức tranh khái quát về văn học Bắc Mỹ và Mỹ Latin, trong đó trọng tâm là văn học Mỹ, trên các bình diện tiến trình văn học sử lẫn một số chủ đề trọng điểm. Các nội dung văn học không được tìm hiểu tách rời mà ngược lại, được đặt trong bối cảnh chung về văn hoá, chính trị, xã hội và được tiếp cận từ góc độ liên ngành.</p> <p>Trên cơ sở cung cấp nền tảng kiến thức này, học phần sẽ giúp sinh viên hình thành các kỹ năng tư duy hệ thống và liên ngành khi nhìn nhận và đánh giá các hiện tượng văn học, văn hoá. Tinh thần khách quan, tư duy phê phán và vượt lên những giới hạn quốc gia – dân tộc để có cái nhìn so sánh, xuyên quốc gia, liên khu vực, toàn cầu (văn học Hoa Kỳ trong mối quan hệ với văn học Mỹ Latin và văn học thế giới,...) cũng là các mục tiêu về mặt thái độ mà học phần này giúp sinh viên hướng tới.</p>	3	HK5	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
33.	Văn học Nam Á	<p>Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa về các thể loại văn học xuất hiện ở khu vực Nam Á và các đặc điểm của tiến trình văn học của các quốc gia thuộc khu vực này trong tiến trình biến động của lịch sử, chính trị và văn hóa. Học phần tái hiện lại tiến trình phát triển của các trào lưu, trường phái sáng tác và lý luận phê bình lan tỏa từ trung tâm là Ấn Độ sang các quốc gia xung quanh và mô tả sự hình thành, phát triển của những thể loại mới xuất hiện trong tiến trình văn học khu vực (qua 4000 năm) với những tác gia lớn, lý giải sự hình thành của những tác phẩm tiêu biểu nhất. Đặt các tác phẩm văn học cụ thể trong mối tương quan với các dạng thức sáng tạo nghệ thuật khác cũng như triết học và tôn giáo, học phần định vị sự phát triển của các thể loại văn học truyền thống trong khu vực, chỉ ra các đặc trưng của quá trình hiện đại hóa văn học ở các quốc gia Nam Á.</p> <p>Tựu chung lại, sinh viên cần thống kê và hệ thống hóa được những giá trị của văn hóa, văn học khu vực Nam Á (Ấn Độ, các quốc gia Đông Nam Á và các nước thuộc khu vực Trung Cận Đông) và quá trình vận động của các giá trị đó từ truyền thống đến hiện đại.</p>	3	HK5	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

34.	Nhập môn nghiên cứu và phương pháp giảng dạy văn học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu văn học và giảng dạy văn học, những vấn đề lý thuyết, những thao tác thực hành cần thiết cho sinh viên ngữ văn, cho những người nghiên cứu, giảng dạy văn học, giúp sinh viên biết phân tích, đánh giá trên cơ sở khoa học các hiện tượng văn học.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam: lý thuyết và ứng dụng	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về các khuynh hướng mang tính liên ngành trong nghiên cứu văn học Việt Nam từ cả phương diện lý thuyết và ứng dụng. Người học sẽ được tìm hiểu các lý thuyết cơ bản đã được ứng dụng trong nghiên cứu văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay và sự tác động của các điều kiện xã hội và văn hoá tới sự phát triển của các khuynh hướng đó. Trên cơ sở những hiểu biết trên, các thành tựu của từng khuynh hướng nghiên cứu sẽ được phân tích để cho thấy hình dung toàn cảnh về nghiên cứu văn học Việt Nam trên các hướng tiếp cận mang tính liên ngành.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
36.	Folklore và văn hóa dân tộc	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về folklore (văn hóa dân gian) và về văn hóa dân tộc đồng thời giúp sinh viên nhận diện mối quan hệ qua lại mật thiết giữa folklore và văn hóa dân tộc trong suốt tiến trình lịch sử. Thông qua thực hành nghiên cứu những thành tựu cơ bản của folklore và văn hóa dân tộc, sinh viên có khả năng nhận diện, đánh giá những hiện tượng văn hóa, thành tựu văn hóa, nhất là thành tựu văn học dân gian, thành tựu văn học viết thông qua việc đặt những hiện tượng văn hóa, những thành tựu văn hóa đó trong mối liên hệ qua lại mật thiết giữa folklore và văn hóa dân tộc.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
37.	Tổng quan văn học thế giới	Học phần cung cấp cho người học kiến thức mang tính hệ thống và tổng quan về sự phát triển của văn học thế giới qua các thời kỳ từ cổ đại đến nay, đồng thời khái quát các đặc điểm phát triển cơ bản của từng vùng văn học qua các thời kỳ dưới các tác động của các yếu tố văn hóa, lịch sử, xã hội.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
38.	Hán văn Việt Nam	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành Hán Nôm những kiến thức diện mạo của nền văn học viết bằng chữ Hán của Việt Nam qua các giai đoạn: Hán văn thế kỉ X – hết thế kỉ XIV; Hán văn thế kỉ XV – nửa đầu thế kỉ XVIII; Hán văn nửa cuối thế	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		ki XVIII – hết thế kỉ XIX, các khuynh hướng sáng tác, các thể loại của Hán văn trung đại (chiếu, biểu, hịch, cáo, tự, thơ luật...), đặc trưng phong cách sáng tác của các tác gia Hán văn tiêu biểu. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng giải mã các văn bản Hán văn trong chương trình, nhận biết đặc trưng phong cách thể loại cũng như những hiện tượng ngữ pháp Hán ngữ căn bản.			
39.	Giáo dục và khoa cử Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục và khoa cử Việt Nam, bao gồm thể chế giáo dục khoa cử, thuật ngữ khoa cử và văn chương khoa cử, tăng cường kiến thức văn hóa nền cho chuyên môn Hán Nôm.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Tiếng Việt trên phương diện nghe nhìn	Hiểu được các thuật ngữ tiếng Việt phổ thông dùng trên các phương tiện nghe nhìn; Nắm được một cách khái quát những kiến thức về cấu trúc, cách thức trình bày những nội dung khác nhau trên phương tiện nghe nhìn; 3. Biết được những kiến thức về nhiều mặt như lịch sử, văn hoá, du lịch...tin tức thời sự diễn ra ở Việt Nam cũng như ở khắp nơi trên thế giới.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Ngữ dụng học	Giúp sinh viên tiếp cận và bước đầu tìm hiểu về một phân ngành nghiên cứu độc lập trong ngôn ngữ học. Xác định được vị trí và vai trò của Ngữ dụng học trong nghiên cứu Ngôn ngữ học nói chung và trong sự phân biệt với các phân ngành nghiên cứu khác của Ngôn ngữ học nói riêng. Nắm được những khái niệm và những vấn đề lý thuyết cơ bản của Ngữ dụng học. Có thể áp dụng lý thuyết vào phân tích những hiện tượng ngữ dụng cụ thể.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Viết sáng tạo	Học phần có mục tiêu giúp sinh viên có tư duy sáng tạo, có kỹ năng viết và sản xuất nội dung liên quan đến viết. Sinh viên được trang bị kiến thức về các thể loại viết sáng tạo và quy trình sáng tạo mang tính chuyên nghiệp, công nghiệp và có kỷ luật. Mục tiêu của học phần là sinh viên có thể đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng và có thể làm tốt công việc liên quan đến sáng tạo nội dung trong thời đại 4.0.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Lý luận phê bình nghệ thuật	Học phần hướng đến cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lý luận phê bình nghệ thuật. Trước tiên, học phần giới thiệu cho sinh	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		<p>viên các khái niệm cơ bản, có tính chất nền tảng như: lý luận, lý thuyết, phê bình, nghiên cứu... Sau đó, học phần trang bị cho người học những kiến thức như: vị trí của phê bình trong đời sống của tác phẩm nghệ thuật, các đặc điểm của phê bình nghệ thuật, các dạng bài phê bình, cấu trúc của bài phê bình. Từ đó, sinh viên sẽ có cái nhìn toàn cảnh về loại bài phê bình nghệ thuật.</p> <p>Bên cạnh đó, một mục tiêu quan trọng khác của học phần, nếu không muốn nói là mục tiêu quan trọng nhất, là hình thành nên cho người học một hệ thống kỹ năng có tính nền tảng để viết bài phê bình nghệ thuật. Sinh viên sẽ được hướng dẫn nhận diện các phần của bài phê bình, cũng như được hướng dẫn cách lựa chọn đề tài, viết từng phần, và viết một bài phê bình tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh.</p>			Thi cuối kỳ: 60%
44.	Nhập môn nghệ thuật điện ảnh	<p>Học phần hướng đến cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của điện ảnh; các giai đoạn của quy trình sản xuất phim, từ khi ý tưởng được hình thành cho đến khi bộ phim được công chúng đón nhận; các kiến thức có tính nền tảng để phân tích phim về phương diện nội dung cũng như hình thức; các kiến thức về các loại hình phim và các thể loại chính của phim hư cấu (phim truyện). Tựu chung lại, sinh viên cần hiểu những kiến thức về quá trình sản xuất phim, lịch sử điện ảnh thế giới và việc phân tích phim.</p> <p>Học phần cũng hướng đến trang bị cho sinh viên các kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá một bộ phim. Từ đó, học phần muốn giúp cho sinh viên có thái độ trân trọng đúng mức đối với các tác phẩm điện ảnh thuộc các giai đoạn, các nền điện ảnh, các tác giả khác nhau.</p>	2	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

45.	Văn học Việt Nam thế kỉ X - XVII	<p>Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về lịch sử văn học Việt Nam giai đoạn thế kỷ 10-17 từ khái niệm, phân kỳ, đặc trưng của văn học trung đại đến quy luật phát triển của văn học trung đại, đặc điểm của từng thời kỳ văn học, các tác gia, tác phẩm, thể loại, ngôn ngữ, đặc trưng thẩm mỹ tương ứng với các thời kỳ. Từ đó, sinh viên khả năng nghiên cứu và bảo tồn di sản văn hóa dân tộc; có thể tham gia giới thiệu văn học Việt Nam ra nước ngoài; đồng thời, có thể tham gia trực tiếp vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề của văn hóa - văn học truyền thống trong đời sống văn hóa - văn học đương đại...</p>	3	HK2	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
46.	Văn học Việt Nam thế kỉ XVIII - XIX	<p>Cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về văn học Việt Nam thế kỉ XVIII – XIX và mở rộng kiến thức đó trong bối cảnh chung của văn học Việt Nam trung đại nói riêng và văn học Việt Nam nói chung. Rèn luyện ở sinh viên khả năng hiểu, nhận thức, lập luận, biện giải, phân tích, đánh giá, so sánh trong tương quan với các vấn đề thuộc văn học Việt Nam thế kỉ XVIII – XIX với văn học Việt Nam thế kỉ X – XVII và văn học Việt Nam thế kỉ XX. Hình thành ở sinh viên tinh thần tự chủ, độc lập trong suy nghĩ, biết trân trọng các giá trị tiến bộ trong truyền thống văn học dân tộc, có khả năng tư duy khách quan trong đánh giá di sản văn học, văn hóa dân tộc.</p>	3	HK3	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
47.	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	<p>Học phần nhằm góp phần đào tạo cử nhân làm công tác nghiên cứu văn học và một số lĩnh vực có liên quan đến văn học (giảng dạy văn học ở các bậc học PTTH, Cao đẳng, Đại học; theo dõi, quản lí văn hoá, văn nghệ nói chung và văn học nói riêng; biên tập viên trong các nhà xuất bản; viết báo về văn học nghệ thuật...). Sinh viên hoàn thiện học phần được cung cấp khả năng nghiên cứu, bảo tồn di sản văn học dân tộc (mà văn học 1900 – 1945 là một bộ phận); giới thiệu văn học Việt Nam ra nước ngoài; đồng thời có khả năng phát hiện, phân tích, lí giải, đánh giá các hiện tượng của văn hoá – văn học truyền thống trong đời sống văn học đương đại.</p>	3	HK4	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

48.	Văn học Việt Nam từ 19454 đến nay	Đây là học phần cuối cùng trong hệ thống các học phần trang bị kiến thức văn học sử về văn học Việt Nam cho sinh viên ngành Văn học. Vì thế, mục tiêu của học phần là vừa giúp cho sinh viên có được kiến thức cụ thể về văn học Việt Nam từ 1945 đến nay, vừa có được cái nhìn tổng kết, khái quát về lịch sử văn học dân tộc trong tính toàn thể để có thể giảng dạy, nghiên cứu văn học, làm công tác theo dõi và quản lý văn học nghệ thuật, công tác báo chí, truyền thông... Sinh viên hoàn thành học phần được trang bị tri thức, kỹ năng, thái độ để nghiên cứu các thành tựu đã được xác lập của văn học dân tộc đồng thời chủ động tiếp cận, phê bình, giới thiệu, tổng kết các giá trị mới trong đời sống văn học đương đại	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Văn học Trung Quốc	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về lịch sử văn học Trung Quốc trong tiến trình vận động lâu dài từ thời thượng cổ cho đến hiện đại, qua đó giúp người học hiểu được sự hình thành, diễn tiến và đặc trưng của các thể loại, thể tài, cũng như quá trình hình thành, vận động, phát triển và đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật của văn học Trung Quốc; nắm được những tác giả - tác phẩm tiêu biểu, những thành tựu đóng góp cho lịch sử văn học Trung Quốc; từ đó tạo nền tảng tri thức về văn hóa văn học Trung Quốc, giúp người học hoàn thiện hiểu biết về văn học nước ngoài, đồng thời cũng chỉ cho người học thấy được sự ảnh hưởng của các thể loại, thể tài, trường phái, hiện tượng... của văn học Trung Quốc đối với văn học nước nhà trong quá khứ cũng như tình hình tiếp nhận văn học Trung Quốc tại Việt Nam.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Văn học châu Âu	Mục tiêu chung của học phần là trang bị những kiến thức cơ bản về văn học châu Âu từ cổ đại đến hiện đại trong từng giai đoạn phát triển.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Văn học Nga	Mục tiêu chung của học phần là trang bị những kiến thức cơ bản về bức tranh văn học Nga thế kỷ XIX, thế kỷ XX và đầu thế kỉ XXI trong từng giai đoạn phát triển chủ yếu của nó trên các phương diện: hệ vấn đề, các motif nhân vật, những khuynh hướng phong cách; về cá tính sáng tạo của một số tác gia tiêu biểu.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



52.	Huyền thoại học và huyền thoại Việt Nam	<p>Học phần này nhằm giúp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về huyền thoại học và huyền thoại Việt Nam, nhận biết những lý thuyết về huyền thoại trên thế giới, những vấn đề cơ bản của huyền thoại học, sự vận động của huyền thoại trong đời sống đương đại, đồng thời hiểu biết về các huyền thoại chính của các tộc người ở Việt Nam.</p> <p>Học phần này cũng giúp cho sinh viên thực hành kỹ năng đọc, tra cứu, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, trình bày kết quả nghiên cứu, thuyết trình và trao đổi các vấn đề khoa học về huyền thoại và nhận biết khả năng ứng dụng huyền thoại trong đời sống đương đại.</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
53.	Nho giáo và văn học dân tộc	<p>Học phần cung cấp cho người học những nét chủ yếu nhất nội dung của học thuyết Nho giáo, một trong ba học thuyết quan trọng (tam giáo) từng chi phối lịch sử phương Đông hàng nghìn năm, hình dung sơ bộ lịch sử phát triển của học thuyết; tác động qua lại giữa Nho giáo và các học thuyết triết học – chính trị xã hội- tôn giáo khác từng tồn tại trong lịch sử khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam. Từ đó, học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử Nho giáo ở Việt Nam và hình dung cơ bản về lịch sử văn chương Nho giáo ở Việt Nam. Học phần còn có mục tiêu nhìn nhận đúng đắn về lịch sử văn học dân tộc, tiếp thu và kế thừa có phê phán đối với di sản văn học quá khứ.</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
54.	Nguyễn Trãi, Nguyễn Du trong lịch sử văn học Việt Nam	<p>Cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hai tác gia lớn: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du và mở rộng kiến thức đó trong bối cảnh chung của văn học Việt Nam trung đại nói riêng và văn học khu vực.</p> <p>Rèn luyện ở sinh viên khả năng hiểu, nhận thức, lập luận, biện giải, phân tích, đánh giá, so sánh các vấn đề thuộc loại hình tác giả, phương pháp nghiên cứu tiểu sử, mối quan hệ giữa cá nhân tiêu biểu và thời đại.</p> <p>Hình thành ở sinh viên tinh thần tự chủ, độc lập trong suy nghĩ, biết trân trọng các giá trị tiến bộ trong truyền thống văn học dân tộc, có khả năng tư duy khách quan trong đánh giá di sản văn học, văn hóa dân tộc.</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

55.	Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại	<p>Sinh viên nhận diện được tổng quan về thơ Việt Nam thế kỷ XX qua các giai đoạn phát triển chính gắn với các thế hệ nhà thơ: Phan Bội Châu, Tản Đà, Trần Tuấn Khải... Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bính, Tế Hanh, Tố Hữu... Trần Mai Ninh, Nguyễn Đình Thi, Hoàng Trung Thông, Chính Hữu, Thôi Hữu, Hữu Loan, Hồng Nguyên... Lê Anh Xuân, Nguyễn Khoa Điềm, Thu Bồn, Phạm Tiến Duật, Bằng Việt, Xuân Quỳnh, Lưu Quang Vũ, Ý Nhi, Thanh Thảo, Nguyễn Duy... Thế hệ các nhà thơ trẻ sau 1975. Sự vận động của thơ ở các cấp độ: sự nối tiếp các kiểu nhà thơ, sự vận động của cái tôi trong thơ trữ tình, sự vận động của thể loại, sự vận động của ngôn ngữ thơ. Học phân tào cho sinh viên một cái nhìn hệ thống về sự vận động của thơ Việt Nam thế kỷ XX. Từ đó sinh viên có thể vận dụng lý thuyết và thao tác khoa học vào việc nghiên cứu một giai đoạn thơ cụ thể nào đó, một quá trình của một nền thơ nào đó: Cách hội tụ tư liệu, sắp xếp, phân loại, đối chiếu, thống kê, so sánh, dự kiến định hướng lý thuyết, triển khai luận điểm, phân tích, nhận định, khái quát. Học phân đòi hỏi tiếp cận thể loại từ hai phương diện lý thuyết và thực tiễn, vì vậy, sinh viên cần có thái độ độc lập suy nghĩ và cần cù, trung thực trong quá trình thu thập tài liệu, thống kê, xây dựng biểu mẫu phục vụ cho nhận xét, khái quát. Học phân cũng tạo cho sinh viên một tinh thần chủ động, tìm tòi, khả năng “phát sáng” trong những vấn đề tưởng như đã quen thuộc khi có một phương pháp khoa học thích hợp. Sinh viên hiểu được những vấn đề lý thuyết và lịch sử thể loại truyện ngắn trong văn học thế giới và Việt Nam (Quan niệm về truyện ngắn với tư cách một thể loại văn học quan trọng trong tiến trình văn học nói chung; nguồn gốc truyện ngắn; đặc trưng cơ bản của truyện ngắn; các kiểu truyện ngắn; sự phát triển của truyện ngắn dân tộc thế kỉ XX). Sinh viên hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và thế giới trong tiến trình phát sinh và phát triển truyện ngắn Việt Nam với ý nghĩa là một thể loại thể hiện “hồn cốt văn học dân tộc”.</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
56.	Truyện ngắn - lý thuyết và thực tiễn thể loại	<p>Sinh viên hiểu được những vấn đề lý thuyết và lịch sử thể loại truyện ngắn trong văn học thế giới và Việt Nam (Quan niệm về truyện ngắn với tư cách một thể loại văn học quan trọng trong tiến</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

		<p>trình văn học nói chung; nguồn gốc truyện ngắn; đặc trưng cơ bản của truyện ngắn; các kiểu truyện ngắn; sự phát triển của truyện ngắn dân tộc thế kỉ XX). Sinh viên hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và thế giới trong tiến trình phát sinh và phát triển truyện ngắn Việt Nam với ý nghĩa là một thể loại thể hiện “hồn cốt văn học dân tộc”. Gắn lí thuyết với thực tiễn, học với hành tạo cho sinh viên kĩ năng vận dụng lí thuyết để giải quyết những vấn đề của thực tiễn văn học. Đối với những sinh viên có năng khiếu sáng tác văn học (đặc biệt là truyện ngắn) học phần gợi mở những hướng tiếp cận văn bản của một tác phẩm “tự sự cỡ nhỏ” từ đó phát huy năng khiếu cá nhân trong sáng tạo nghệ thuật. Học phần sẽ củng cố niềm tin và sự yêu mến đối với thể loại truyện ngắn dân tộc vốn có thành tựu nhiều thể kỉ trong tiến trình văn học dân tộc từ trung đại đến hiện đại.</p>			
57.	Truyện thơ Đông Nam Á	<p>Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa về truyện thơ trong mối tương quan so sánh với các thể loại văn học xuất hiện ở khu vực Đông Nam Á và các đặc điểm của tiến trình văn học của các quốc gia thuộc khu vực này trong tiến trình biến động của lịch sử, chính trị và văn hóa dẫn đến sự hình thành thể loại. Học phần tái hiện lại tiến trình phát triển của cácnhóm truyện thơ với những tác gia lớn, lý giải sự hình thành của những tác phẩm tiêu biểu nhất. Đặt các tác phẩm văn học cụ thể trong mối tương quan với các dạng thức sáng tạo nghệ thuật khác cũng như triết học và tôn giáo, học phần định vị sự phát triển của các thể loại văn học đã đạt tới đỉnh cao trong khu vực, chỉ ra các đặc trưng của quá trình hiện đại hóa văn học ở các quốc gia Đông Nam Á trong sự phát triển của thể loại này.</p> <p>Tựu chung lại, sinh viên cần thống kê và hệ thống hóa được những giá trị của văn hóa, văn học qua truyện thơ ở khu vực Đông Nam Á và quá trình vận động của thể loại này từ truyền thống đến hiện đại.</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

58.	Tiếp nhận thơ Đường tại Việt Nam	Hoàn thiện bức tranh văn học sử theo quan điểm của văn học so sánh, cụ thể là quá trình giao lưu và tiếp nhận văn học giữa hai nước Việt - Trung. Đối với văn học Trung Quốc, học phần này trước tiên lựa chọn thơ Đường làm đối tượng nghiên cứu. Sau khi đã tìm hiểu thành tựu sáng tác ở học phần trước, ở học phần này, chúng tôi mở rộng diện khảo sát sang cả tiếp nhận, trước hết là phác họa bức tranh tiếp nhận của độc giả ở Trung Quốc, sau đó và chủ yếu là trực tiếp hướng tới độc giả ở Việt Nam; hy vọng việc hoàn thiện từng bước bức tranh về tiếp nhận thơ Đường sẽ giúp giải quyết không chỉ vấn đề thực tiễn mà còn cả vấn đề lý luận về văn học sử.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Tiểu thuyết phương Tây thế kỷ XX - Một số khuynh hướng và đặc điểm	Mục tiêu chung của học phần là trang bị kiến thức cơ bản về tiểu thuyết phương Tây thế kỷ XX trên các phương diện: về những khuynh hướng; về tác phẩm của một số tiểu thuyết gia tiêu biểu.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60.	Thơ Pháp và những vấn đề lý luận	Hiểu và nắm được bản chất của thơ; Nắm được kiến thức về đặc điểm quá trình vận động của thơ Pháp từ cổ điển đến hiện đại; sinh viên được trang bị về lý thuyết phê bình thơ song song với thực hành (trên lớp, ở nhà, làm tiểu luận, niên luận, khóa luận tốt nghiệp).	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
61.	Những vấn đề văn học Trung Quốc đương đại	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học Trung Quốc đương đại, trong đó tập trung vào một số vấn đề nổi bật nhất của giai đoạn văn học này: sự phân kỳ và các giai đoạn phát triển, sự xuất hiện của những sáng tác của các nhà văn nữ, các tác động của ý thức hệ, kinh tế thị trường, truyền thông hiện đại tới sự phát triển của văn học, giới thiệu những tác giả tác phẩm tiêu biểu, có đóng góp quan trọng cho giai đoạn.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Toàn cầu hóa và văn học di dân từ đầu thế kỷ XX	Học phần này cung cấp cho sinh viên bức tranh khái quát về một bộ phận văn học đặc thù gắn với những đặc trưng của thời kỳ toàn cầu hóa: văn học di dân từ đầu thế kỷ 20 đến nay. Văn học di dân ở đây được hiểu ở cả hai khía cạnh: tác giả của nó xét về căn cước được xếp vào nhóm “di dân,” và các chủ đề của nó nói đến các vấn đề của cộng đồng di dân.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

63.	Folklore và văn hóa đại chúng	<p>Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về lý thuyết và phương pháp nghiên cứu folklore (văn hóa dân gian) và văn hóa đại chúng, giúp cho người học hình dung được bức tranh tổng thể về lĩnh vực nghiên cứu folklore và văn hóa đại chúng, từ đó bước đầu có khả năng ứng dụng các lý thuyết, phương pháp được học vào việc tiếp cận, giải quyết các vấn đề, các hiện tượng văn hóa dân gian, văn hóa đại chúng trong đời sống đương đại.</p> <p>Học phần này cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thảo luận, trình bày kết quả nghiên cứu các vấn đề về văn hóa dân gian và văn hóa đại chúng. Học phần cũng giúp sinh viên có được kỹ năng cơ bản về việc thực hiện nghiên cứu điền dã, kỹ năng giải quyết vấn đề với các lĩnh vực thực tiễn về văn hóa dân gian và văn hóa đại chúng để có thể tiếp tục triển khai những công việc liên quan về văn hóa dân gian và văn hóa đại chúng sau khi tốt nghiệp.</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
64.	Di tích văn hóa dân gian	<p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các di tích văn hóa dân gian tiêu biểu trên lãnh thổ Việt Nam. Đây là học phần ngoài việc trang bị những kiến thức, kỹ năng chung về nghiên cứu di tích văn hóa dân gian còn trang bị những kiến thức liên ngành liên quan trực tiếp đến tín ngưỡng, văn nghệ dân gian, nghề truyền thống dân gian,...Người học có thể vận dụng những kiến thức kỹ năng trên khi làm các nghề nghiệp như truyền thông, du lịch, tổ chức sự kiện,...</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
65.	Sự kiện văn hóa dân gian	<p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tổ chức sự kiện nói chung và tổ chức sự kiện văn hóa dân gian nói riêng. Học phần giúp cho người học làm quen với những kỹ năng nghiên cứu, thiết kế sự kiện văn hóa dân gian một cách khoa học, có tính toán đến nhu cầu của các bên liên quan. Người học có được nền tảng tốt về tổ chức những sự kiện liên quan đến tín ngưỡng, văn nghệ dân gian, những sự kiện văn hóa đương đại có sử dụng chất liệu văn hóa dân gian... Sau khóa học, người học có khả năng chủ động thiết kế, dàn dựng, tổ chức sự kiện liên quan đến văn hóa dân gian, văn nghệ dân gian,....</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

66	Văn học Việt Nam trong tiến trình hình thành căn tính dân tộc	Trên cơ sở những hiểu biết nền tảng về văn học, tộc người, dân tộc, ý thức hệ, văn hoá và căn tính dân tộc, học phần sẽ cung cấp cho người học kiến thức về mối quan hệ giữa văn học viết và căn tính dân tộc, xét trong chiều lịch đại và chiều đồng đại. Với tư cách một bộ phận của văn hoá dân tộc, văn học đã chịu quy định như thế nào của những giá trị văn hoá dân tộc đồng thời, đã có đóng góp gì vào tiến trình hình thành căn tính dân tộc và qua đó góp phần vào sự cố kết dân tộc với tư cách một “cộng đồng tương tượng” như hình dung của các sử gia và những nhà nghiên cứu văn hoá hiện đại.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
67.	Điện phạm trong văn học Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức lý thuyết về điện phạm trong văn học và các hướng nghiên cứu về điện phạm trên thế giới. Từ đó, người học sẽ tiếp cận lịch sử văn học Việt Nam từ góc nhìn của lý thuyết về điện phạm, các quá trình điện phạm hóa và giải điện phạm của đã diễn ra cũng như các điện phạm đã được xác lập trong tiến trình phát triển của nền văn học Việt Nam.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
68.	Giới trong văn học Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về vấn đề giới trong văn học nói chung và vấn đề giới trong văn học Việt Nam Việt Nam nói riêng. Rèn luyện ở sinh viên khả năng hiểu, nhận thức, lập luận, biện giải, phân tích, đánh giá, so sánh vấn đề giới thuộc văn học Việt Nam thế kỉ X – XIX với văn học Việt Nam thế kỉ XX. Hình thành ở sinh viên tinh thần tự chủ, độc lập trong suy nghĩ, biết trân trọng các giá trị tiến bộ trong vấn đề giới, có khả năng tư duy khách quan trong đánh giá di sản văn học, văn hóa dân tộc.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
69.	Dịch văn học: lý thuyết và ứng dụng	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa về lý thuyết dịch thuật và các khái niệm có liên quan (diễn ngôn, phong vực, văn hóa...); những vấn đề chính của nghiên cứu dịch thuật đặt trong tiến trình lịch sử của lý thuyết dịch thuật từ trước thế kỷ XX đến nay. Sinh viên có được các kỹ năng để phân biệt dịch liên ngữ (đặc biệt dịch văn học) với dịch nội ngữ và dịch liên ký hiệu; phân biệt đặc trưng của các lý thuyết triết học về dịch thuật. Sinh viên áp dụng các lý thuyết dịch thuật cơ bản, các mô hình dịch thuật để thực hành trên những văn bản cụ thể, với ngoại ngữ đã được tiếp	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>cận trong quá trình học. Ghi nhớ và phân cấp các tiêu chí của các đường lối nghiên cứu dịch thuật trên thế giới, sinh viên đưa ra quan điểm phê phán và đánh giá 3mức độ thành công của các bản dịch đã được công bố.</p> <p>Tựu chung lại, sinh viên cần hiểu những biến đổi của lý thuyết dịch thuật và vận dụng những kiến thức văn hóa, văn học sử được trang bị để dịch liên ngữ với những tác phẩm văn học cụ thể theo một số phong cách dịch khác nhau.</p>			
70.	Nhập môn văn học so sánh	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm văn học so sánh; diễn tiến của văn học so sánh trong mối liên hệ với sự phát triển của các trường phái lí luận phê bình quan trọng từ đầu thế kỉ 20 đến nay; văn học so sánh trong mối quan hệ với văn học thế giới (world literature) và nghiên cứu dịch (translation studies).	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
71.	Lý thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại trong phân tích tác phẩm	- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm văn học so sánh; diễn tiến của văn học so sánh trong mối liên hệ với sự phát triển của các trường phái lí luận phê bình quan trọng từ đầu thế kỉ 20 đến nay; văn học so sánh trong mối quan hệ với văn học thế giới (world literature) và nghiên cứu dịch (translation studies).	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
72.	Chuyển thể kịch bản trong nghệ thuật điện ảnh	Mục tiêu chung của học phần là giúp sinh viên xác định và diễn giải được một cách chi tiết về quá trình chuyển thể, những nguyên tắc và phương thức tạo nên một kịch bản điện ảnh từ một tác phẩm văn học (cụ thể ở đây là tác phẩm văn xuôi tự sự). Từ đó, học phần trang bị cho người học những kiến thức lý luận và kĩ năng thực tiễn của công việc chuyển thể kịch bản, bước đầu có thể chuyển thể và viết được những yếu tố cơ bản của một kịch bản như: synopsis, treatment, outline...	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
73.	Văn học và các loại hình nghệ thuật khác	Trang bị kiến thức cho sinh viên về bản chất, đặc trưng cùng chức năng của văn học nghệ thuật với tư cách là một loại hình nghệ thuật đặc biệt trong thế giới các nghệ thuật của con người. Đặt trong sự so sánh về loại hình tư duy và cảm hứng sáng tạo, văn chương hiện ra như một nghệ thuật ngôn từ độc đáo song cũng rất phổ biến, gần gũi với đời sống mỗi cá nhân, học phần qua đó giúp sinh viên có khả năng thâm nhập vào các loại hình nghệ thuật khác	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		với tư cách là người sáng tác, tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển những ưu thế của văn chương trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ nói chung. Học phần góp phần tạo lập cho sinh viên thói quen tư duy một cách rành mạch, linh động trong nghiên cứu và phê bình cũng như giảng dạy các tác phẩm văn học và tác phẩm nghệ thuật khác.			
74.	Những khuynh hướng cơ bản trong văn hóa nghệ thuật thế kỷ XX	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự vận động của văn hóa nghệ thuật thế giới thế kỷ XX qua những không gian và di sản văn hóa của chúng. Qua học phần này, người học sẽ được rèn luyện kỹ năng phân tích hệ thống và so sánh loại hình về một hiện tượng văn hóa nghệ thuật. Học phần hướng đến bồi dưỡng thị hiếu thẩm mỹ, kích thích nhu cầu khám phá các giá trị đạo đức-tinh thần của văn hóa nghệ thuật thế giới, góp phần hình thành ý thức về môi trường văn hóa của chính bản thân người học.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
75.	Đặc điểm lịch sử văn học Việt Nam	Học phần cung cấp kiến thức mang tính khái quát và tổng hợp về đặc điểm lịch sử văn học Việt Nam từ Trung đại sang Cận - Hiện đại và Đương đại. Sau khi hoàn thiện học phần này, sinh viên sẽ có được một hệ thống kiến thức cơ bản, hoàn chỉnh về đặc điểm lịch sử văn học viết Việt Nam hơn mười thế kỉ, chia thành hai thời đại lớn là Trung đại và Hiện đại. Học phần hướng tới giúp sinh viên hình thành khả năng vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích, đánh giá, so sánh các vấn đề của văn học sử cũng như những vấn đề mới phát sinh của lịch sử văn học dân tộc. Qua đây, học phần cũng góp phần định hình ở sinh viên thái độ khách quan, đúng mực và nghiêm túc trước các vấn đề của ngành nghiên cứu văn học nói chung và nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam Trung đại và Hiện đại nói riêng.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



76.	Tiến trình vận động lý luận văn học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình vận động của lí luận văn học Việt Nam từ trung đại đến hiện đại. Giúp sinh viên hiểu biết và lí giải được sự tương tác của các nguồn văn hóa phương Đông và phương Tây đối với lí luận văn học Việt Nam, đặc biệt là lí luận văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay. Trên cơ sở tri thức về tiến trình vận động của lí luận văn học, sinh viên có kỹ năng viết tốt các tiểu luận văn học về tác giả, tác phẩm và trào lưu trong cách nhìn lịch sử cụ thể và quá trình tương tác, từ đó có thái độ trân trọng với văn học dân tộc.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
-----	-------------------------------------	---	---	-----	--

**C5. Khoa Khoa học quản lý**  
**1. Cử nhân Khoa học quản lý**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
8.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		

	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
10.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		5		
11.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
14.	Khoa học quản lý đại cương	Trang bị cho người học hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý, các yếu tố tác động đến quản lý; đối tượng, phương pháp, đặc điểm, ý nghĩa của khoa học quản lý; mối quan hệ của khoa học quản lý với các khoa học khác; điều kiện kinh tế - xã hội và tiền đề lý luận cho sự ra đời của khoa học quản lý; các phẩm chất, năng lực cần có của người quản lý cũng như cách thức để đạt được những phẩm chất và năng lực ấy; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý; các chức năng quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; thông tin trong quản lý. Đồng thời, hình thành kỹ năng trong công tác quản lý ở những lĩnh vực cụ thể	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15.	Lý thuyết hệ thống	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về lịch sử phát triển của lý thuyết hệ thống, các cách tiếp cận khác nhau về hệ thống qua từng giai đoạn và ý nghĩa ứng dụng, cách phân tích hệ thống và hình thành tư duy hệ thống trong xử lý các vấn đề chính sách, quản lý trong quá trình thực tập, nghiên cứu và hình thành định hướng nghề nghiệp sau này.	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/33</b>		
16.	Kỹ năng quản lý	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các kỹ năng cơ bản của một nhà quản lý ở mọi cấp như: kỹ năng lập kế hoạch,	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		kỹ năng thiết kế tổ chức, kỹ năng giao việc, kỹ năng tạo động lực làm việc, kỹ năng đánh giá hoàn thành công việc, kỹ năng đàm phán, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng tổ chức và điều hành họp. Thông qua đó người học được trang bị mô hình thực hiện các kỹ năng trong công việc quản lý để có thể học, thực hành và bước đầu có ý thức vận dụng vào công việc trong tương lai.			
17.	Tâm lý học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK 5	
18.	Đại cương về quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK 5	
19.	Văn hoá tổ chức	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, cấu trúc, biểu hiện của văn hoá tổ chức, tạo cơ sở lý thuyết cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu hơn về văn hóa tổ chức, phát triển những kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng văn hoá tổ chức trong thực tiễn.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
20.	Thực tập thực tế 1	Học phần thực tập thực tế trang bị cho sinh viên những hiểu biết thực tiễn về hệ thống, phân tích được các phần tử trong hệ thống, mô hình hoá được một hệ thống cụ thể khi thực tập tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau...	3	HK4	
21.	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK4	
22.	Chính sách công của Việt Nam		3	HK4	
23.	Chính sách xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
24.	Nhập môn Quản trị văn phòng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK4	
25.	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lý thông tin	3	HK4	
26.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK 5	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		

27.	Hành chính học đại cương	Trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về hành chính, nguyên tắc tổ chức hành chính công và hành chính tư, cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành bộ máy hành chính, mối quan hệ giữa hệ thống hành chính với các hệ thống khác trong bộ máy nhà nước, chức năng hành chính, thể chế hành chính, nhân lực hành chính (cán bộ, công chức, viên chức hành chính), quyết định hành chính, cải cách hành chính	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Đại cương về sở hữu trí tuệ	Trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về sở hữu trí tuệ, nguyên tắc bảo hộ tự động và nguyên tắc bảo hộ độc lập, pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và thực thi quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Khoa học chính sách	Khoa học chính sách là một môn học thuộc khối kiến thức cơ sở và rất cần thiết đối với sinh viên nhóm ngành quản lý. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách, hiệu lực của một chính sách, tác động phân hoá xã hội của chính sách và phản ứng xã hội trước chính sách. Môn học cũng đặc biệt chú ý phần kỹ năng và quá trình chuẩn bị quyết định một chính sách. Sau khi học xong môn học này, người học có thể làm tốt công việc của một chuyên viên chính sách và người lãnh đạo quyết định chính sách.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		<i>6/12</i>		
30.	Quản lý biến đổi	Học phần Quản lý biến đổi trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: bản chất của biến đổi và quản lý biến đổi, nguyên tắc và phương pháp quản lý biến đổi, quy trình và các chiến lược cơ bản về quản lý biến đổi, những trở ngại đối với quản lý biến đổi, quản lý rủi ro và khủng hoảng để bước đầu có thể đưa ra được giải pháp hữu hiệu cho công tác quản lý biến đổi ở một tổ chức cụ thể. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học phát triển những kỹ năng đánh giá, kiểm soát quá trình biến đổi của tổ chức trong thực tiễn và có nhận thức đúng đắn về các quá trình biến đổi trong tổ chức	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Thực tập thực tế (2)	Học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận thực tế, nhận diện và giải thích được các mô hình tổ chức hành chính, mục tiêu và phương tiện thực hiện mục tiêu của một tổ chức, kế hoạch, lập kế hoạch cho việc vận hành một tổ chức, phong cách quản lý trong một tổ	3	HK 6	

		chức cụ thể như cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau...			
32.	Kỹ năng đàm phán	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đàm phán, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, vai trò của đàm phán; các phương pháp/kỹ thuật đàm phán cơ bản và nâng cao, các hình thức đàm phán; quy trình, nguyên tắc và cách thức đánh giá thành công của đàm phán. Ngoài ra, học phần cung cấp và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện việc sử dụng các kỹ thuật phục vụ đàm phán như: phân tích SWOT; thu thập thông tin bằng các kỹ thuật BATNA, ZOPA; các phương pháp thuyết phục, trí tuệ cảm xúc, giải quyết mâu thuẫn, .v.v. Học phần tập trung vào các tình huống đàm phán để tăng thời lượng thực hành của sinh viên, giúp sinh viên từng bước hình thành kỹ năng đàm phán để có khả năng áp dụng trong thực tiễn công việc sau này.	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	Quản trị xung đột	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị xung đột, bao gồm khái niệm xung đột, phân loại xung đột, nguyên nhân dẫn đến xung đột, tác động của xung đột, khái niệm quản trị xung đột, nguyên tắc quản trị xung đột, phương pháp quản trị xung đột, trình tự quản trị xung đột, kết quả quản trị xung đột và quản trị xung đột một số lĩnh vực cụ thể như quản trị xung đột kinh tế, quản trị xung đột văn hóa, quản trị xung đột môi trường.	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/12		
34.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK 6	
35.	Đạo đức công vụ	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK 6	
36.	Xã hội học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK 6	
37.	Các vấn đề toàn cầu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK 6	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>53</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>22</b>		

38.	Lịch sử tư tưởng quản lý	Trang bị kiến thức cơ bản của Lịch sử tư tưởng quản lý, hình thành kỹ năng nghiên cứu và vận dụng các lý thuyết vào hoạt động thực tiễn, tạo cơ sở lý thuyết cho việc học tập các môn học trong chương trình, hình thành kỹ năng tổng kết thực tiễn, có năng lực khái quát và phát triển lý luận quản lý từ thực tiễn	3	HK 4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
39.	Khoa học tổ chức	Học phân cung cấp kiến thức về các lý thuyết và quy luật cơ bản của Khoa học tổ chức; các loại hình tổ chức và cơ chế vận hành của các loại tổ chức; quyền lực và xung đột trong tổ chức; văn hóa tổ chức; thiết kế tổ chức; đánh giá tổ chức và các kỹ năng về phân tích, đánh giá tổ chức, thiết kế mô hình tổ chức thích ứng với điều kiện kinh tế - xã hội và công nghệ hiện đại.	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Văn hoá và đạo đức quản lý	Học phân trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, cấu trúc, biểu hiện của văn hoá quản lý và đạo đức quản lý, tạo cơ sở lý thuyết cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu hơn về văn hóa và đạo đức quản lý, hình thành kỹ năng nghiên cứu, vận dụng và phát triển lý luận quản lý vào thực tiễn.	3	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Lý thuyết quyết định	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết quyết định như đặc trưng của quá trình ra quyết định, chủ thể và đối tượng của quyết định, môi trường ra quyết định, kỹ thuật ra quyết định, quy trình ra quyết định, đánh giá và thẩm định quyết định... Qua đó học phân giúp người học có thể vận dụng trong việc ra các quyết định ở những lĩnh vực và cấp độ quản lý khác nhau; rèn luyện tư duy phân tích và ra quyết định xử lý các tình huống trong thực tiễn cuộc sống và công việc, gắn với mục tiêu phát triển của tổ chức hay hoạt động quản lý.	3	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Khoa học và công nghệ luận	Học phân trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học, sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới công nghệ, năng lực công nghệ, hoạt động khoa học và công nghệ, quản lý khoa học và công nghệ. Từ đó giúp người học nhận biết bản chất và chức năng của hoạt động KH&CN; hệ thống tri thức khoa học, quy luật hình thành và phát triển của các bộ môn khoa học, cầu nối giữa nghiên cứu và đổi mới công nghệ, tầm quan trọng và ý nghĩa của KH&CN đối với sự phát triển kinh tế-xã hội. Từ các kiến thức về phân tích đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, lập kế hoạch, ra quyết định quản lý trong hoạt động KH&CN người học bước đầu tiếp cận quá trình hoạch định chính sách, phân tích, đánh	3	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		giá chính sách KH&CN.			
43.	Quản lý khoa học và công nghệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nghiên cứu khoa học, đánh giá nghiên cứu khoa học, quản lý công nghệ, đánh giá công nghệ nhằm giúp họ có thể vận dụng kiến thức nền tảng trong quá trình ra các quyết định quản lý ở những lĩnh vực và cấp độ quản lý nhất định.	2	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Quản lý chất lượng	Học phần nhằm trang bị cho người học các kiến thức lý thuyết về chất lượng, quản lý chất lượng, các phương thức quản lý chất lượng, các phương pháp và công cụ sử dụng trong quản lý chất lượng, các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế hiện hành và các kỹ năng giải quyết một vấn đề chất lượng, kỹ năng vận dụng các phương pháp, công cụ phổ biến trong quản lý chất lượng, kỹ năng xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong tổ chức	2	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
45.	Quản lý nguồn nhân lực	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về mục tiêu, nhiệm vụ và vị trí, vai trò của quản lý nguồn nhân lực trong sự phát triển của tổ chức. Học phần cũng trang bị cho người học khoa học quản điểm logic, hệ thống về công tác quản lý nguồn nhân lực, phân biệt quản trị nhân sự và quản lý nguồn nhân lực, tìm hiểu các mô hình quản lý nguồn nhân lực; nghề nhân sự, phát triển tổ chức và hoạt động mang tính trách nhiệm xã hội. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho người học những nội dung, quy trình thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của quản lý nguồn nhân lực như phân tích và xếp bậc công việc, kế hoạch hóa nhân lực, tuyển chọn, đề bạt, thôi việc, tuyển mộ, tuyển chọn nhân lực, định hướng, đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, giải quyết các chế độ tiền lương, phúc lợi cho người lao động, động viên và kỷ luật lao động, ký kết thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động, phát hiện và giải quyết bất bình và tranh chấp lao động, tạo động lực,...	3	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/15</b>		
46.	Quản lý dự án	Học phần phân tích các nội dung về quản lý dự án, cách quản lý và triển khai dự án. Đồng thời, còn giúp người học vận dụng kiến thức để xây dựng dự án và cách điều phối dự án trong thực tế. Học phần có ý nghĩa thực tế, giúp người học có thể rèn luyện kỹ năng chuyên môn về quản lý dự án và tìm được cơ hội công việc sau khi ra trường.	3	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

47.	Quản lý tài chính công	Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung, phương pháp quản lý tài chính công, trong đó chủ yếu là quản lý ngân sách Nhà nước, ngoài ra có đề cập đến một số quỹ tài chính công ngoài ngân sách Nhà nước ở Việt Nam như quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ đầu tư phát triển địa phương...; cơ sở lý luận cho sự can thiệp của khu vực công trong nền kinh tế thị trường và các công cụ mà chính phủ sử dụng để bảo đảm mục tiêu hiệu quả phân bổ, công bằng xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô; các vấn đề lý thuyết về tài chính công và quản lý tài chính công theo quan điểm của Việt Nam và quốc tế; Cơ sở lý luận và thực tiễn quy trình lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước ở Việt Nam; Bội chi ngân sách nhà nước theo quan điểm của Việt Nam và quốc tế; Quản lý nợ công. Đặc biệt là việc vận dụng những kiến thức về quản lý tài chính công vào thực tiễn gắn với những bối cảnh và điều kiện cụ thể.	3	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Quản lý tài sản công	Học phần nghiên cứu các nội dung về tài sản công; cơ sở lý luận cho sự can thiệp của nhà nước trong quản lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công để bảo đảm mục tiêu hiệu quả và công bằng; quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công đã được giao tự chủ tài chính và chưa được giao tự chủ tài chính. Đặc biệt là việc vận dụng những kiến thức này vào thực tiễn gắn với những bối cảnh và điều kiện cụ thể.	3	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Logistic	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm khái niệm, hệ thống tiêu chí đánh giá hoạt động logistics của doanh nghiệp, hệ thống thông tin trong quản trị logistics; về quản trị Quản trị logistics trong doanh nghiệp với các vấn đề cụ thể trong quản trị vật tư, quản trị dự trữ, quản trị kho hàng hóa, quản trị dịch vụ giao nhận hàng hóa và quản trị dịch vụ khách hàng; về cơ sở pháp lý về logistics tại Việt Nam. Từ những tri thức này, người học có khả năng đánh giá hiệu quả hoạt động logistic trong các tổ chức cụ thể tại Việt Nam	3	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện	Giới thiệu những vấn đề về lý luận và thực tiễn cơ bản của lĩnh vực thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện, đặc biệt tập trung vào thực hành các bước	3	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		trong quy trình thiết kế sự kiện và tổ chức sản xuất sự kiện, gồm có lựa chọn các nhà cung cấp; lựa chọn dịch vụ; đặt hàng; chuẩn bị công tác hậu cần; chuẩn bị công tác tổ chức biểu diễn như bố trí không gian, âm thanh, ánh sáng, trang trí, sân khấu, các hiệu ứng đặc biệt; kinh doanh tiệc trong sự kiện. Môn học cũng nghiên cứu một số trường hợp cụ thể trong lĩnh vực thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện.			
<b>V.3</b>	<b>Hướng chuyên ngành</b>				
	<i>Hướng chuyên ngành Quản lý hành chính cấp cơ sở</i>		15		
51.	Phân cấp quản lý hành chính	Trang bị cho người học những kiến thức phân cấp quản lý hành chính. Trong đó, về lý luận làm rõ bản chất của phân cấp quản lý hành chính (gồm: khái niệm, các cách tiếp cận, các yếu tố, tác động, cơ sở, nguyên tắc thực hiện phân cấp; quyền hạn, hình thức và nội dung phân cấp quản lý hành chính. Về thực tiễn, cung cấp cho người học về kinh nghiệm phân cấp quản lý hành chính của một số nước ở Đông Á, Đông Nam Á và EU, thực tiễn thực hiện phân cấp ở Việt Nam	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Quản lý cấp cơ sở về kinh tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cụ thể về quản lý cấp cơ sở trong lĩnh vực kinh tế, cụ thể: xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết và lập quyết toán ngân sách địa phương, tổ chức thực hiện ngân sách địa phương; quản lý các hoạt động tài chính khác của địa phương; quản lý các dự án mà địa phương làm chủ đầu tư; thực hiện quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi và tiểu thủ công nghiệp, cụ thể: tổ chức và hướng dẫn việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển sản xuất và hướng dẫn nông dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi trong sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch chung và phòng trừ các bệnh dịch đối với cây trồng và vật nuôi; tổ chức, hướng dẫn việc khai thác và phát triển các ngành, nghề truyền thống ở địa phương và tổ chức ứng dụng tiến bộ về khoa học, công nghệ để phát triển các ngành, nghề mới.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

53.	Quản lý cấp cơ sở về văn hóa – xã hội	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cụ thể quản lý cấp cơ sở về văn hóa – xã hội, bao gồm giáo dục ở địa phương, y tế cơ sở, dân số, kế hoạch hoá gia đình, hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, chính sách, chế độ đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước theo quy định của pháp luật, hoạt động phát thanh, quản lý cấp cơ sở trong việc ngăn chặn các văn hoá phẩm độc hại, chống phá Đảng và Nhà nước; chỉ ra những thành tựu và những điểm chưa làm được trong hoạt động quản lý cấp cơ sở về văn hoá – xã hội, nguyên nhân và phương hướng hoàn thiện.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
54.	Dịch vụ công	Trang bị cho người học những kiến thức thực tiễn về dịch vụ công, đặc trưng của dịch vụ công và các loại hình dịch vụ công, hiểu được bản chất sự can thiệp của Chính phủ vào nền kinh tế thị trường nhằm bảo đảm các dịch vụ công cho xã hội và các cách thức can thiệp của Chính phủ, phân tích mối quan hệ giữa nhà hoạch định chính sách, nhà cung ứng và người sử dụng dịch vụ công, trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá độc lập về hoạt động cung ứng dịch vụ công, trong đó nhấn mạnh đến hoạt động cung ứng dịch vụ công ở cấp cơ sở.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Quản lý cấp cơ sở	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cụ thể về các học thuyết liên quan đến tập quyền, phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước, chính quyền cơ sở ( <i>Local government</i> ), chính quyền tự quản ( <i>Self-government</i> ), lý thuyết phát triển vùng (Region), lý thuyết về mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị (Desakota), vị trí, vai trò của cấp cơ sở, hệ thống các chủ thể tham gia vào quản lý cấp cơ sở và mối liên hệ qua lại giữa các chủ thể này, cách thức tổ chức quản lý cấp cơ sở cũng như các đặc điểm, tính chất và phương pháp và các phương tiện cơ bản để quản lý ở cấp cơ sở, các căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn về tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp cơ sở, phân tích, đánh giá các xu hướng tổ chức quản lý cấp cơ sở để trên cơ sở đó phân tích hiện trạng việc quản lý cấp cơ sở ở Việt Nam và đưa ra các nhận xét, đề xuất cải cách để hoàn thiện việc quản lý cấp cơ sở ở Việt Nam.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<i>Hướng chuyên ngành Quản lý nguồn nhân lực</i>			15		

56.	Pháp luật về lao động và việc làm	Trang bị cho người học những kiến thức khái quát chung pháp luật về lao động và việc làm: lao động, quan hệ lao động, quan hệ việc làm; việc làm và giải quyết việc làm; quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động và việc làm; vai trò của công đoàn trong lĩnh vực lao động và việc làm; hợp đồng lao động, cách thức soạn thảo và chỉ ra những lỗi sai trong một hợp đồng lao động; cho thuê lại lao động; thương lượng tập thể; quyền quản lý lao động của người lao động; tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; đình công và giải quyết đình công.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
57.	Bảo hiểm xã hội	Trang bị cho người học những kiến thức về: đặc điểm, các nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm xã hội, các loại hình bảo hiểm xã hội; phân biệt bảo hiểm xã hội với các loại hình bảo hiểm khác; lịch sử hình thành và phát triển của bảo hiểm xã hội Việt Nam; quỹ bảo hiểm xã hội và quản lý bảo hiểm xã hội; các chế độ bảo hiểm xã hội: chế độ ốm đau, chế độ thai sản, chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ hưu trí và chế độ tử tuất; đối tượng áp dụng, điều kiện hưởng, mức hưởng và thời hưởng bảo hiểm xã hội theo từng chế độ bảo hiểm, trình tự, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
58.	Định mức lao động và Tổ chức tiền lương	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác định mức lao động, tổ chức tiền lương và quản lý công tác này trong tổ chức; hiểu được bản chất của công tác định mức lao động và tổ chức tiền lương, nắm được các phương pháp định mức lao động, tổ chức tiền lương cơ bản và vận dụng các phương pháp này trên thực tiễn, xử lý được các tình huống chủ yếu, đồng thời nắm được các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản của định mức lao động, tổ chức tiền lương; tạo điều kiện cho sinh viên có thời gian trực tiếp đến các nhà xưởng, văn phòng làm việc ở một doanh nghiệp để có những trải nghiệm ban đầu về một số nhiệm vụ trong định mức lao động, tổ chức tiền lương trong doanh nghiệp; Sau khi ra trường, sinh viên có thể phụ trách vấn đề định mức lao động, mảng tiền lương, tiền công trong doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước về lao động, nội vụ.	4	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Tuyển dụng nhân lực	Tuyển dụng nhân lực là một trong những hoạt động quan trọng, đầu tiên của quản lý nguồn nhân lực. Qua việc tìm hiểu lý thuyết và thực tiễn tuyển dụng nhân lực, học phần tập trung vào việc trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tuyển dụng	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		nhân lực trong tổ chức nhằm giúp cho người học nhận thức tầm quan trọng của tuyển dụng đối với sự phát triển của tổ chức cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Kết quả người học có thể thực hành tuyển dụng ở một tổ chức trên thực tế.			
60.	Tổ chức lao động khoa học	Học phần trang bị và cập nhật hệ thống lý thuyết và cách tiếp cận tổ chức lao động; tiếp cận phân chia bộ phận và xác định chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận của tổ chức, doanh nghiệp; phân tích và vận dụng phương pháp và cách thức tổ chức công việc và nơi làm việc hiệu quả.	2	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Hướng chuyên ngành Chính sách xã hội</i>		15		
61.	Chính sách Trợ giúp xã hội	Học phần giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về trợ giúp xã hội như: lịch sử hình thành và phát triển, quan điểm tiếp cận, quan niệm- khái niệm, mục tiêu, cấu trúc, chức năng, nguyên tắc, đối tượng, vai trò của trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội; xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách trong bối cảnh phát triển; các chế độ chính sách trợ giúp xã hội hiện nay của Việt Nam và quy trình nghiệp vụ tổ chức thực hiện	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Chính sách giảm nghèo bền vững	Học phần cung cấp kiến thức về vấn đề nghèo đói; chính sách giảm nghèo; quá trình hình thành và thực thi các chính sách giảm nghèo qua các thời kì; chủ trương, cũng như chính sách hiện hành của Đảng, Nhà nước Việt Nam về chính sách giảm nghèo bền vững. Qua học phần, sinh viên có được nhận thức và sự hiểu biết một cách đầy đủ, sâu sắc hơn chính sách giảm nghèo bền vững, nắm vững kỹ năng phân tích, đánh giá nghèo đói, phân tích đánh giá quá trình hoạch định và thực thi chính sách giảm nghèo bền vững; qua đó giúp sinh viên có được ý thức và trách nhiệm trong việc tuyên truyền, vận động và tham gia thực hiện chính sách giảm nghèo. Học phần hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá thực trạng thực thi chính sách giảm nghèo bền vững tại các địa phương cụ thể, từ đó đề xuất giải pháp nhằm thoát nghèo bền vững.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
63.	Chính sách văn hoá và giáo dục	Học phần này tập trung vào cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Chu trình chính sách, chủ thể chính sách; Hoạch định và xây dựng chính sách văn hóa, giáo dục ở Việt Nam; Kỹ năng và phương pháp phân tích và đánh giá chính sách văn hóa, giáo dục ở Việt Nam; Kinh nghiệm quốc tế trong hoạch định chính sách văn hóa, giáo dục.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

64.	Chính sách dân tộc và tôn giáo	Học phần nhằm trang bị cho người học nắm được một cách cơ bản phương pháp tiếp cận đối với chính sách dân tộc và tôn giáo; Hiểu, phân tích, đánh giá được bản chất, hay đặc trưng của chính sách dân tộc và tôn giáo; Hiểu, phân tích, đánh giá được cơ sở lý luận của chính sách dân tộc và tôn giáo; Hiểu được một cách cơ bản về dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam; Hiểu, phân tích, đánh giá được quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với dân tộc và tôn giáo; Tiếp cận được vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
65.	Chính sách phòng chống tệ nạn xã hội	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về TNXH và quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về phòng, chống TNXH cũng như thực trạng TNXH và công tác đấu tranh phòng, chống TNXH ở nước ta những năm gần đây. Bên cạnh những kiến thức chung, học phần tập trung vào phân tích một số loại TNXH nguy hiểm và phổ biến hiện nay như: Tệ nạn ma túy, tệ nạn mại dâm, tệ nạn cờ bạc và tệ nạn tham nhũng. Đồng thời gắn những vấn đề lý luận và thực tiễn công tác phòng, chống TNXH với công tác quản lý xã hội nhằm xây dựng những giải pháp khoa học và có tính khả thi, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống TNXH ở nước ta.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<i>Hướng chuyên ngành Quản lý Sở hữu trí tuệ</i>			15		
66.	Quyền tác giả và quyền liên quan	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quyền tác giả và quyền liên quan, bao gồm: tóm lược lịch sử hình thành và phát triển quyền tác giả, vai trò của quyền tác giả đối với phát triển kinh tế - xã hội, nguyên tắc chung bảo hộ quyền tác giả, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan, hệ thống văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam về quyền tác giả và quyền liên quan, hệ thống quản lý nhà nước, hệ thống thực thi, hệ thống hỗ trợ quyền tác giả và quyền liên quan, hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan; bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số; chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan; quản lý và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan; quản lý tập thể quyền tác giả và quyền liên quan.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
67.	Sáng chế và giải pháp hữu ích	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật Việt Nam và quốc tế về sáng chế, giải pháp hữu ích bao gồm: khái niệm sáng chế, giải pháp hữu ích; khái quát về sự hình thành và phát	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		triển của các hệ thống bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích; Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích; khái quát pháp luật quốc tế về bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích; khái quát pháp luật Việt Nam về bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích; điều kiện bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích; xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kỹ thuật soạn thảo bản mô tả sáng chế và yêu cầu bảo hộ, công bố, tra cứu và sử dụng thông tin sáng chế.			
68.	Kiểu dáng công nghiệp	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kiểu dáng công nghiệp, bao gồm: khái niệm kiểu dáng công nghiệp, chức năng của kiểu dáng công nghiệp, vai trò của bảo hộ kiểu dáng công nghiệp trong hoạt động sản xuất – kinh doanh, khái quát pháp luật quốc tế về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, khái quát pháp luật Việt Nam về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, các tiêu chuẩn bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa kiểu dáng công nghiệp, bảng Phân loại quốc tế Locarno về kiểu dáng công nghiệp, xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với kiểu dáng công nghiệp ở Việt Nam, đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp, kỹ thuật soạn thảo đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, hành vi xâm phạm quyền đối với kiểu dáng công nghiệp, thực thi quyền đối với kiểu dáng công nghiệp	3		
69.	Nhãn hiệu và các chỉ dẫn thương mại khác	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật Việt Nam và quốc tế về nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, bao gồm: khái quát về quyền sở hữu trí tuệ; khái niệm nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý; điều kiện bảo hộ và cách xác lập quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý; mối quan hệ giữa các chỉ dẫn thương mại với nhau và mối quan hệ giữa các chỉ dẫn thương mại với các đối tượng khác của quyền sở hữu trí tuệ, quyền chống cạnh tranh không lành mạnh; xác lập quyền, chuyển giao quyền và thực thi quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, thực thi quyền đối với chỉ dẫn địa lý.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
70.	Quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kiến thức cụ thể về khái niệm và phân loại tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, khái niệm quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp, chủ thể và đối tượng quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp, phân biệt quản lý nhà nước về SHTT và quản lý SHTT trong doanh	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>ngành, quản lý tài sản trí tuệ không do doanh nghiệp là chủ sở hữu (quản lý chỉ dẫn địa lý, quản lý việc chuyển quyền sử dụng đối với các đối tượng của quyền SHTT...), mối quan hệ giữa quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp với một số loại hình quản lý SHTT đặc biệt: quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan, quản lý nhãn hiệu tập thể, quản lý nhãn hiệu chứng nhận, vai trò của tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tinh thần kinh thương của chủ thể sáng tạo tài sản trí tuệ, quá trình hình thành tài sản trí tuệ của doanh nghiệp: ý tưởng, phân tích (RE), thử nghiệm, hoàn thiện, nhân rộng, thương mại hóa; quản lý các đối tượng cụ thể của quyền SHTT trong doanh nghiệp; mục tiêu, công cụ và phương pháp quản lý các đối tượng cụ thể của quyền SHTT trong doanh nghiệp, các biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn những hành vi xâm phạm quyền SHTT là tài sản trí tuệ của doanh nghiệp</p>			
	<i>Hướng chuyên ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ</i>		15		
71.	Pháp luật về Khoa học và công nghệ	<p>Trang bị cho người học những kiến thức thực tiễn về văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu được sử dụng trong quản lý KH&amp;CN, bao gồm cơ sở của việc ban hành pháp luật về quản lý KH&amp;CN, những khái niệm cơ bản về KH&amp;CN dưới góc độ pháp lý, vị trí của pháp luật về quản lý KH&amp;CN trong hệ thống pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan sự nghiệp về KH&amp;CN, nội dung quản lý nhà nước về KH&amp;CN, tổ chức, hoạt động KH&amp;CN, biện pháp đảm bảo phát triển KH&amp;CN, chính sách tài chính đối với hoạt động KH&amp;CN, pháp luật về chuyển giao công nghệ, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KH&amp;CN, đánh giá việc thực hiện và giải pháp hoàn thiện pháp luật về KH&amp;CN. Hình thành kỹ năng vận dụng pháp luật để đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý KH&amp;CN.</p>	3	HK 8	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
72.	Nghiên cứu xã hội về khoa học, công nghệ và môi trường	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về khoa học và công nghệ với ý nghĩa là một thiết chế xã hội; vai trò của KH&amp;CN trong sự phát triển xã hội; tác động dương tính và âm tính của KH&amp;CN tới sự phát triển xã hội; tác động của các thiết chế xã hội tới sự phát triển KH&amp;CN; cộng đồng KH&amp;CN với tư cách là một nhóm xã hội; tổ chức KH&amp;CN với tư cách là một tổ chức xã hội; chính sách KH&amp;CN với tư cách là một chính sách xã hội.</p>	3	HK 8	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

		<p>Đồng thời, sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa con người với con người trong quan hệ với môi trường; hiểu được hệ quả dương tính và âm tính đối với những tác động của con người tới môi trường.</p> <p>Học phần cung cấp các công cụ hỗ trợ phân tích vai trò của KH&amp;CN trong sự phát triển xã hội; phân tích chính sách KH&amp;CN với tư cách là một chính sách xã hội; góp phần trang bị kỹ năng nghiên cứu các khía cạnh xã hội của KH&amp;CN, kỹ năng giải quyết xung đột giữa các nhóm người liên quan đến việc khai thác môi trường; cũng như các biện pháp quản lý xung đột để điều hoà quan hệ giữa các nhóm xã hội nhằm bảo vệ môi trường.</p>			
73.	Chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về khoa học và công nghệ với ý nghĩa là một thiết chế xã hội; vai trò của KH&amp;CN trong sự phát triển xã hội; tác động dương tính và âm tính của KH&amp;CN tới sự phát triển xã hội; tác động của các thiết chế xã hội tới sự phát triển KH&amp;CN; cộng đồng KH&amp;CN với tư cách là một nhóm xã hội; tổ chức KH&amp;CN với tư cách là một tổ chức xã hội; chính sách KH&amp;CN với tư cách là một chính sách xã hội.</p> <p>Đồng thời, sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa con người với con người trong quan hệ với môi trường; hiểu được hệ quả dương tính và âm tính đối với những tác động của con người tới môi trường.</p> <p>Học phần cung cấp các công cụ hỗ trợ phân tích vai trò của KH&amp;CN trong sự phát triển xã hội; phân tích chính sách KH&amp;CN với tư cách là một chính sách xã hội; góp phần trang bị kỹ năng nghiên cứu các khía cạnh xã hội của KH&amp;CN, kỹ năng giải quyết xung đột giữa các nhóm người liên quan đến việc khai thác môi trường; cũng như các biện pháp quản lý xung đột để điều hoà quan hệ giữa các nhóm xã hội nhằm bảo vệ môi trường.</p>	3	HK 8	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
74.	Hệ thống đổi mới quốc gia	<p>Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đổi mới; hệ thống đổi mới; năng lực đổi mới; chiến lược và chính sách đổi mới; hoạch định, đánh giá và quản lý đổi mới. Hình thành kỹ năng phân tích một hệ thống đổi mới, chính sách đổi mới, chiến lược đổi mới. Thông qua đó, giúp sinh viên hình thành khả năng đánh giá hệ thống đổi mới, năng lực đổi mới của một doanh nghiệp/ngành/quốc gia, đánh giá tính hiệu quả của chính sách đổi</p>	3	HK 8	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>



		mới, chiến lược đổi mới. Và, sinh viên có khả năng vận dụng các khái niệm, các phương pháp đã học đó vào việc hoạch định, quản lý một chính sách, một chiến lược đổi mới cụ thể. Sinh viên được rèn luyện tinh thần chủ động học hỏi, nghiên cứu và ý thức quan tâm tới những vấn đề lớn của quốc gia, đặc biệt như vấn đề đổi mới.			
75.	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Học phần giúp người học nhận diện được mô hình doanh nghiệp KH&CN, phân biệt được doanh nghiệp KH&CN với các doanh nghiệp khác thông qua việc tìm hiểu về khái niệm, vai trò, chức năng, hoạt động của doanh nghiệp KH&CN. Kết thúc học phần, sinh viên nâng cao hiểu biết về các loại doanh nghiệp KH&CN, các nguồn lực phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp KH&CN. Bên cạnh đó, học phần phát triển nhận thức của người học về chính sách hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN; Nhận biết các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN nói chung, chính sách hỗ trợ tài chính trọng yếu của chính phủ cho hình thành và phát triển KH&CN nói riêng qua các kinh nghiệm quốc tế về hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN của các quốc gia Châu Âu và Trung Quốc. Học phần giúp sinh viên nâng cao được khả năng nhìn nhận, phân tích, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp KH&CN trên cơ sở các chính sách hỗ trợ đặc biệt của Nhà nước; nâng cao năng lực đánh giá các biểu hiện của tinh thần doanh thương, người có tinh thần doanh thương; Phân tích và đánh giá chính sách hình thành, chính sách hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp KH&CN; Tổng hợp được các hình thức hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp KH&CN ở Châu Âu: chương trình hỗ trợ tài chính dành cho doanh nghiệp spin – off, tài trợ/vốn vay, bảo lãnh tín dụng hoặc bảo lãnh cổ phần, giảm thuế và các hình thức khác.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Hướng chuyên ngành Văn hóa và đạo đức quản lý</i>				
76.	Văn hóa khởi nghiệp	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa khởi nghiệp. Nội dung tập trung vào việc làm rõ khái niệm và bản chất của văn hóa khởi nghiệp, ý nghĩa của văn hóa khởi nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hệ sinh thái khởi nghiệp nói riêng; cấu trúc và các cấp độ thể hiện của văn hóa khởi nghiệp, các yếu tố tác động đến sự hình thành của văn hóa khởi	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		ngành, các yêu cầu và quy trình xây dựng văn hóa khởi nghiệp ở cấp độ tổ chức và các gợi ý chính sách để thúc đẩy văn hóa khởi nghiệp.			
77.	Đạo đức kinh doanh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về đạo đức kinh doanh. Nội dung tập trung vào việc làm rõ khái niệm, đặc điểm của đạo đức kinh doanh và tầm quan trọng của việc nghiên cứu và thực thi đạo đức kinh doanh; các cơ sở để thực hiện đạo đức kinh doanh; nhận diện các vấn đề đạo đức kinh doanh nảy sinh trong hoạt động của doanh nghiệp, quá trình ra quyết định đạo đức cùng các công cụ hỗ trợ, đạo đức kinh doanh trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và nội dung và phương thức thực hiện các chương trình đạo đức.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	Đánh giá văn hóa quản lý	Học phần trang bị cho người học những kiến thức đầy đủ về khái niệm, bản chất, nội dung và phương pháp đánh giá văn hóa quản lý. Từ đó người học có thể nhận diện, đánh giá được các mô hình, các tình huống văn hóa trong quản lý, biết cách ứng xử theo các chuẩn mực văn hóa, giải quyết tốt các nhiệm vụ trong hoạt động quản lý, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của tổ chức. Trang bị những kiến thức chủ yếu về văn hóa quản lý Việt Nam từ tiếp cận đánh giá văn hóa quản lý chung.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
78.	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	Học phần <i>Xây dựng văn hoá doanh nghiệp</i> nhằm mục tiêu trang bị cho người học kiến thức về tổng quan về văn hóa doanh nghiệp và xây dựng văn hóa doanh nghiệp và ý nghĩa của việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Đồng thời, học phần này tạo điều kiện để người học hình thành và phát triển khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc phát triển các chiến lược và thực hành xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại một công ty	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
79.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học phần nhằm trang bị cho người học các cách tiếp cận, quan điểm, bản chất về trách nhiệm của doanh nghiệp. Học phần cũng trang bị cho người học các trào lưu chính về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trên thế giới trong những năm qua để người học có thể tìm ra trào lưu nào sẽ phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho người học những nội dung, hình thức thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Học phần cũng chỉ ra vai trò của doanh nhân và vai trò trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng, đối	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		với xã hội nói chung và cũng nêu cơ hội, thách thức đối với việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.			
V.3	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>10</b>		
80.	Thực tập thực tế (3)	Học phần thực tập thực tế trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về thực tiễn công tác quản lý trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thông qua kiến thức của các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành đã được học trên lớp như: Lịch sử tư tưởng quản lý, Hành chính học đại cương, Khoa học chính sách, Lý thuyết quyết định, Quản lý nguồn nhân lực, Đại cương về sở hữu trí tuệ, Quản lý Khoa học và công nghệ, Khoa học tổ chức, Văn hoá tổ chức.v.v. để sinh viên có những nhìn nhận, đánh giá mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn quản lý ở cơ quan thực tập hoặc vấn đề tìm hiểu. Sinh viên có thể chỉ ra được những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý tại nơi thực tập, nguyên nhân của chúng và bước đầu có thể đề xuất những giải pháp về mặt quản lý. Hình thành cho sinh viên những kỹ năng trong công việc chuyên môn, quan hệ nơi thực tập.	2	HK 8	
81.	Thực tập tốt nghiệp	Trên cơ sở những kiến thức lý thuyết hướng chuyên ngành đã được học, sinh viên phát hiện và giải quyết một vấn đề chuyên môn cụ thể, một tình huống quản lý trong thực tiễn. Định hướng khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên: những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận có thể <i>nâng cấp</i> đề tài thực tập tốt nghiệp thành đề tài khóa luận tốt nghiệp. <i>Yêu cầu</i> Sinh viên tự xác định hướng chuyên môn để hình thành một đề tài thực tập tốt nghiệp cụ thể theo định hướng của Bộ môn. Đề tài được cụ thể hóa bằng Đề cương thực tập. Đề cương được thực hiện sau khi có sự phê chuẩn của Bộ môn.	3	HK 8	
82.	Khóa luận tốt nghiệp		5		Theo hội đồng chấm
	<i>Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>		5		
83.	Lý luận và phương pháp quản lý	Học phần trang bị cho sinh viên có thể nắm được những kiến thức cơ bản nhất về lý luận và phương pháp quản lý như: Đối tượng	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		<p> nghiên cứu của lý luận quản lý; Hệ thống khái niệm, phạm trù của lý luận quản lý; Sự hình thành lý luận quản lý; Lý luận về các chức năng quản lý. Sự phát triển lý luận quản lý nửa cuối thế kỷ XX: Lý luận quản lý nhà nước; Lý luận quản trị kinh doanh; Lý luận quản lý xã hội. Lý luận chung về Phương pháp quản lý. Nguyên tắc vận dụng các phương pháp quản lý; Vận dụng các phương pháp vào quy trình quản lý; Vận dụng một số phương pháp cơ bản trong quản lý. Thông qua đó, hình thành những kỹ năng cần thiết cho người học.</p>			Thi cuối kỳ: 60%
84.	Các vấn đề đương đại trong quản lý	<p>Học phần nhằm giúp người học hình thành được thế giới quan về hệ thống quản lý, chính sách quản lý, nguồn lực quản lý được đặt ra trong bối cảnh xã hội đương đại trước những biến chuyển nhanh chóng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nơi những lý thuyết và phương pháp quản lý hiện nay cần được nhìn nhận, đánh giá lại. Học phần đồng thời trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và năng lực tiếp nhận những biến chuyển thông minh do các thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới đem lại, đề xuất các phương án chính sách góp phần hình thành một hệ thống quản lý tự điều khiển có tính bền vững</p>	2	HK 8	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

## 2. Cử nhân Khoa học quản lý Chất lượng cao theo Thông tư 23

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>21</b>		
1	Triết học Mác- Lênin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK3	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2	HK4	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	HK5	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	HK4	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	HK4	

6	Tiếng Anh B1		5	HK3	
7	Tiếng Anh B2		5	HK3	
8	Giáo dục thể chất		4		
9	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>23</b>		
10	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	
11	Nhà nước và pháp luật đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	2	HK6	
12	Lịch sử văn minh thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK1	
13	Xã hội học đại cương		3	HK1	
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lịch sử	3	HK4	
15	Tâm lý học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK1	
16	Lôgic học đại cương		3	HK5	
17	Tin học ứng dụng		3	HK1	
18	Kỹ năng bổ trợ		3	HK hè	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/18</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III.</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>26</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>		
28	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4	HK1	

29	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5	HK2	
30	Đại cương về quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK7	
31	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý			
32	Quản lý nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK1	
33	Tâm lý học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK2	
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>5/12</b>		
34	Địa lý thế giới	Môn học giúp sinh viên nắm được các vấn đề khái quát chung của nền kinh tế thế giới và một số quốc gia tiêu biểu với những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau, thành quả đạt được và những nguyên nhân thành công. Từ đó sinh viên có thể rút ra những kết luận so sánh, bài học kinh nghiệm để sau này có một cái nhìn tổng hợp đề ra các quyết sách, biện pháp phù hợp phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam.	2	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35	Luật hành chính Việt Nam	Nắm được những kiến thức cơ bản của khoa học luật hành chính. Từ đó hình thành được tư duy và những kỹ năng phân tích pháp lý có tính hệ thống. Sinh viên có khả năng tự định hướng và tự chịu trách nhiệm đối với công việc của mình liên quan đến các kiến thức thuộc học phần này.	2	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
36	Lý thuyết hệ thống	Học phần Lý thuyết hệ thống được đặt ra chính nhằm cung cấp cho học viên kiến thức tương đối hoàn chỉnh về “hệ thống”, cấu trúc hệ thống, tính thống nhất về hệ thống trong các quá trình và hiện tượng tự nhiên, sinh học, kỹ thuật, xã hội; các đặc điểm cơ bản và quy luật vận động của hệ thống, phương pháp nghiên cứu hệ thống và ứng dụng của nó trong quá trình xử lý các bài toán đặt ra trong kỹ thuật, trong tổ chức và quản lý; phương pháp phân tích hệ thống và ứng dụng trong công tác nghiên cứu khoa học, đánh giá các sự vật và quá trình và chuẩn bị quyết định. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều khiển hệ thống nhằm giúp họ hiểu được các đặc điểm, quy luật vận động,	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		phương pháp điều khiển các hệ thống, ứng dụng nó trong công tác nghiên cứu khoa học, trong việc xử lý các tình huống của thực tiễn quản lý. Hình thành kỹ năng xác lập quan điểm hệ thống, xử lý mọi tình huống trong hoạt động quản lý trên quan điểm hệ thống.			
37	Thông tin học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lí thông tin	3	HK3	
38	Văn hoá tổ chức	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, cấu trúc, biểu hiện của văn hoá tổ chức, tạo cơ sở lý thuyết cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu hơn về văn hóa tổ chức, phát triển những kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng văn hoá tổ chức trong thực tiễn.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>27</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
39	Khoa học chính sách (*)	Khoa học chính sách là một môn học thuộc khối kiến thức cơ sở và rất cần thiết đối với sinh viên nhóm ngành quản lý. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách, hiệu lực của một chính sách, tác động phân hoá xã hội của chính sách và phản ứng xã hội trước chính sách. Môn học cũng đặc biệt chú ý phần kỹ năng và quá trình chuẩn bị quyết định một chính sách. Sau khi học xong môn học này, người học có thể làm tốt công việc của một chuyên viên chính sách và người lãnh đạo quyết định chính sách. (Giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40	Khoa học và công nghệ luận(*)	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học, sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới công nghệ, năng lực công nghệ, hoạt động khoa học và công nghệ, quản lý khoa học và công nghệ. Từ đó giúp người học nhận biết bản chất và chức năng của hoạt động KH&CN; hệ thống tri thức khoa học, quy luật hình thành và phát triển của các bộ môn khoa học, cầu nối giữa nghiên cứu và đổi mới công nghệ, tầm quan trọng và ý nghĩa của KH&CN đối với sự phát triển kinh tế-xã hội. Từ các kiến thức về phân tích đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, lập kế hoạch, ra quyết định quản lý trong hoạt động KH&CN người học bước đầu tiếp cận quá trình hoạch định chính sách, phân tích, đánh giá chính sách KH&CN. (Giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41	Lịch sử tư tưởng quản lý	Trang bị kiến thức cơ bản của Lịch sử tư tưởng quản lý, hình thành kỹ	3	HK4	Thường xuyên: 10%

	(**)	năng nghiên cứu và vận dụng các lý thuyết vào hoạt động thực tiễn, tạo cơ sở lý thuyết cho việc học tập các môn học trong chương trình, hình thành kỹ năng tổng kết thực tiễn, có năng lực khái quát và phát triển lý luận quản lý từ thực tiễn			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42	Khoa học tổ chức (*)	Học phân cung cấp kiến thức về các lý thuyết và quy luật cơ bản của Khoa học tổ chức; các loại hình tổ chức và cơ chế vận hành của các loại tổ chức; quyền lực và xung đột trong tổ chức; văn hóa tổ chức; thiết kế tổ chức; đánh giá tổ chức và các kỹ năng về phân tích, đánh giá tổ chức, thiết kế mô hình tổ chức thích ứng với điều kiện kinh tế - xã hội và công nghệ hiện đại.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43	Hành chính học đại cương (*)	Trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về hành chính, nguyên tắc tổ chức hành chính công và hành chính tư, cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành bộ máy hành chính, mối quan hệ giữa hệ thống hành chính với các hệ thống khác trong bộ máy nhà nước, chức năng hành chính, thể chế hành chính, nhân lực hành chính (cán bộ, công chức, viên chức hành chính), quyết định hành chính, cải cách hành chính	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44	Đại cương về sở hữu trí tuệ (*)	Trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về sở hữu trí tuệ, nguyên tắc bảo hộ tự động và nguyên tắc bảo hộ độc lập, pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và thực thi quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2 Các học phần tự chọn</b>			<b>9/15</b>		
45	Quản lý biến đổi	Học phân Quản lý biến đổi trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: bản chất của biến đổi và quản lý biến đổi, nguyên tắc và phương pháp quản lý biến đổi, quy trình và các chiến lược cơ bản về quản lý biến đổi, những trở ngại đối với quản lý biến đổi, quản lý rủi ro và khủng hoảng để bước đầu có thể đưa ra được giải pháp hữu hiệu cho công tác quản lý biến đổi ở một tổ chức cụ thể. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học phát triển những kỹ năng đánh giá, kiểm soát quá trình biến đổi của tổ chức trong thực tiễn và có nhận thức đúng đắn về các quá trình biến đổi trong tổ chức	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46	Kỹ năng quản lý	Học phân cung cấp cho người học những kiến thức về các kỹ năng cơ bản của một nhà quản lý ở mọi cấp như: kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thiết kế tổ chức, kỹ năng giao việc, kỹ năng tạo động lực làm việc, kỹ năng đánh giá hoàn thành công việc, kỹ năng đàm phán, kỹ năng giải	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		quyết vấn đề và kỹ năng tổ chức và điều hành họp. Thông qua đó người học được trang bị mô hình thực hiện các kỹ năng trong công việc quản lý để có thể học, thực hành và bước đầu có ý thức vận dụng vào công việc trong tương lai.			
47	Bảo hiểm xã hội	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm xã hội nhằm giúp sinh viên có thể vận dụng trong việc giải quyết các bài tập tình huống và các vấn đề thực tế về bảo hiểm xã hội và quản lý bảo hiểm xã hội.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48	Chính sách văn hoá và giáo dục	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mục tiêu, nội dung, phương pháp hoạch định, phân tích và đánh giá chính sách trong lĩnh vực Văn hóa và giáo dục và hình thành cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về quá trình phân tích, đánh giá chính sách trong lĩnh vực này	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49	Nghiên cứu xã hội về khoa học, công nghệ và môi trường	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về khoa học và công nghệ với ý nghĩa là một thiết chế xã hội; vai trò của KH&CN trong sự phát triển xã hội; tác động dương tính và âm tính của KH&CN tới sự phát triển xã hội; tác động của các thiết chế xã hội tới sự phát triển KH&CN; cộng đồng KH&CN với tư cách là một nhóm xã hội; tổ chức KH&CN với tư cách là một tổ chức xã hội; chính sách KH&CN với tư cách là một chính sách xã hội. Đồng thời, sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa con người với con người trong quan hệ với môi trường; hiểu được hệ quả dương tính và âm tính đối với những tác động của con người tới môi trường. Học phần cung cấp các công cụ hỗ trợ phân tích vai trò của KH&CN trong sự phát triển xã hội; phân tích chính sách KH&CN với tư cách là một chính sách xã hội; góp phần trang bị kỹ năng nghiên cứu các khía cạnh xã hội của KH&CN, kỹ năng giải quyết xung đột giữa các nhóm người liên quan đến việc khai thác môi trường; cũng như các biện pháp quản lý xung đột để điều hoà quan hệ giữa các nhóm xã hội nhằm bảo vệ môi trường.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>52</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>27</b>		
50	Văn hoá và đạo đức quản lý	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, cấu trúc, biểu hiện của văn hoá quản lý và đạo đức quản lý, tạo cơ sở lý thuyết cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu hơn	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		về văn hóa và đạo đức quản lý, hình thành kỹ năng nghiên cứu, vận dụng và phát triển lý luận quản lý vào thực tiễn.			
51	Lý thuyết quyết định (*)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết quyết định như đặc trưng của quá trình ra quyết định, chủ thể và đối tượng của quyết định, môi trường ra quyết định, kỹ thuật ra quyết định, quy trình ra quyết định, đánh giá và thẩm định quyết định... Qua đó học phần giúp người học có thể vận dụng trong việc ra các quyết định ở những lĩnh vực và cấp độ quản lý khác nhau; rèn luyện tư duy phân tích và ra quyết định xử lý các tình huống trong thực tiễn cuộc sống và công việc, gắn với mục tiêu phát triển của tổ chức hay hoạt động quản lý. (Giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52	Quản lý khoa học và công nghệ (**)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nghiên cứu khoa học, đánh giá nghiên cứu khoa học, quản lý công nghệ, đánh giá công nghệ nhằm giúp họ có thể vận dụng kiến thức nền tảng trong quá trình ra các quyết định quản lý ở những lĩnh vực và cấp độ quản lý nhất định. (Giảng dạy bằng tiếng Anh)	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53	Quản lý khởi nghiệp (***)	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về khởi nghiệp bao gồm: khái niệm và bản chất của khởi nghiệp, các loại hình khởi nghiệp, các lý thuyết về khởi nghiệp, lộ trình khởi nghiệp và các nguồn lực cho khởi nghiệp, các phương pháp kích hoạt ý tưởng và lưu ý khi lựa chọn các ý tưởng để hiện thực hóa, nội dung của dự án khởi nghiệp, quy trình và các công cụ trong lập dự án khởi nghiệp, một số kỹ năng cần thiết cho hoạt động khởi nghiệp như kỹ năng tạo lập nhóm khởi nghiệp, kỹ năng làm việc với người hướng dẫn và các bên liên quan, các trách nhiệm và rủi ro trong quá trình khởi nghiệp. Đồng thời, học phần cũng cung cấp cho người học những nghiên cứu tình huống điển hình về khởi nghiệp. (Giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
54	Lý thuyết trò chơi (***)	Sử dụng các cách tiếp cận chung đối với các nan đề hàng ngày như những trò chơi chứa đựng yếu tố xung đột từ bối cảnh xã hội cho đến môi trường kinh doanh dựa trên các phân tích về khả năng tìm kiếm công việc, khả năng được chấp nhận vào một trường đại học, sự hứa hẹn... những vấn đề cụ thể mà rất ít ngành khoa học đề cập tới. Trong đó, tính tư lợi là một khái niệm nền tảng của lý thuyết trò chơi được sử dụng để xây dựng khung phân tích trò chơi cũng như các ví dụ	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>minh họa. Lý thuyết trò chơi nghiên cứu các quyết định được đưa ra trong một môi trường trong đó các đối thủ tương tác với nhau. Nói cách khác, Lý thuyết trò chơi nghiên cứu cách lựa chọn hành vi tối ưu khi chi phí và lợi ích của mỗi lựa chọn là không cố định mà phụ thuộc vào lựa chọn của các cá nhân khác.</p> <p>Hướng đến mục tiêu cung cấp cho sinh viên các nền tảng để:</p> <p>Hiểu được các khái niệm cơ bản của một như trò chơi, đối thủ, nước đi hay chiến lược hành động, cơ chế thưởng phạt cho mỗi hành động</p> <p>Phân loại được các dạng trò chơi, liên hệ thực tiễn về các dạng trò chơi này.</p> <p>Hiểu và đánh giá được khung phân tích trò chơi</p> <p>Nhận biết được song đề người tử tù, bài toán người đi nhờ xe miễn phí, bài toán đấu giá và các trò chơi chuẩn tắc</p>			
55	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	<p>Học phần nhằm trang bị cho người học các cách tiếp cận, quan điểm, trao lưu về trách nhiệm của doanh nghiệp; nội dung, hình thức thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đồng thời chỉ ra vai trò của doanh nhân và vai trò trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng, đối với xã hội nói chung.</p>		HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
56	Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ (***)	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của việc khai thác các khía cạnh thương mại của quyền SHTT; khái niệm về SHTT, các đối tượng của quyền SHTT, khái niệm và ý nghĩa của việc thương mại hóa quyền SHTT, các hình thức thương mại hóa được quyền SHTT như: chủ sở hữu tự thương mại hóa các tài sản trí tuệ của mình, chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền SHTT, nhượng quyền thương mại, góp vốn bằng quyền SHTT.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
57	Quản lý chất lượng (**)	<p>Học phần nhằm trang bị cho người học các kiến thức lý thuyết về chất lượng, quản lý chất lượng, các phương thức quản lý chất lượng, các phương pháp và công cụ sử dụng trong quản lý chất lượng, các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế hiện hành và các kỹ năng giải quyết một vấn đề chất lượng, kỹ năng vận dụng các phương pháp, công cụ phổ biến trong quản lý chất lượng, kỹ năng xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong tổ chức</p>	2	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

58	Chính sách giảm nghèo bền vững	Học phần cung cấp kiến thức về vấn đề nghèo đói; chính sách giảm nghèo; quá trình hình thành và thực thi các chính sách giảm nghèo qua các thời kì; chủ trương, cũng như chính sách hiện hành của Đảng, Nhà nước Việt Nam về chính sách giảm nghèo bền vững. Qua học phần, sinh viên có được nhận thức và sự hiểu biết một cách đầy đủ, sâu sắc hơn chính sách giảm nghèo bền vững, nắm vững kỹ năng phân tích, đánh giá nghèo đói, phân tích đánh giá quá trình hoạch định và thực thi chính sách giảm nghèo bền vững; qua đó giúp sinh viên có được ý thức và trách nhiệm trong việc tuyên truyền, vận động và tham gia thực hiện chính sách giảm nghèo. Học phần hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá thực trạng thực thi chính sách giảm nghèo bền vững tại các địa phương cụ thể, từ đó đề xuất giải pháp nhằm thoát nghèo bền vững.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2 Các học phần tự chọn</b>			<b>12/21</b>		
59	Quản lý dự án	Học phần phân tích các nội dung về quản lý dự án, cách quản lý và triển khai dự án. Đồng thời, còn giúp người học vận dụng kiến thức để xây dựng dự án và cách điều phối dự án trong thực tế. Học phần có ý nghĩa thực tế, giúp người học có thể rèn luyện kỹ năng chuyên môn về quản lý dự án và tìm được cơ hội công việc sau khi ra trường.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60	Chính sách Trợ giúp xã hội	Học phần giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về trợ giúp xã hội như: lịch sử hình thành và phát triển, quan điểm tiếp cận, quan niệm-khái niệm, mục tiêu, cấu trúc, chức năng, nguyên tắc, đối tượng, vai trò của trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội; xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách trong bối cảnh phát triển; các chế độ chính sách trợ giúp xã hội hiện nay của Việt Nam và quy trình nghiệp vụ tổ chức thực hiện	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
61	Tuyển dụng nhân lực	Tuyển dụng nhân lực là một trong những hoạt động quan trọng, đầu tiên của quản lý nguồn nhân lực. Qua việc tìm hiểu lý thuyết và thực tiễn tuyển dụng nhân lực, học phần tập trung vào việc trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tuyển dụng nhân lực trong tổ chức nhằm giúp cho người học nhận thức tầm quan trọng của tuyển dụng đối với sự phát triển của tổ chức cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Kết quả người học có thể thực hành tuyển dụng ở một tổ chức trên thực tế. (Giảng dạy bằng tiếng Anh)	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

62	Hệ thống đổi mới quốc gia	<p>Học phần nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về đổi mới, quá trình đổi mới (các tác nhân, trở ngại của đổi mới, tác động của đổi mới,...), hệ thống đổi mới, chiến lược đổi mới và quản lý đổi mới của quốc gia.</p> <p>Học phần giúp người học hiểu được bản chất logic của quá trình đổi mới; hình thành các kỹ năng về phân tích cấu trúc logic của một quá trình đổi mới, phân tích các chính sách, chiến lược đổi mới; đánh giá chính sách và chiến lược đó; và kỹ năng hoạch định chính sách, chiến lược đổi mới.</p> <p>(Giảng dạy bằng tiếng Anh)</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
63	Quản lý tài chính công và tài sản công	<p>Qua việc tìm hiểu các lý thuyết quản lý tài chính công và ứng dụng các lý thuyết này trên thực tế sẽ giúp sinh viên có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức vào thực tế nhằm nâng cao hiệu quả việc sử dụng tài chính công, đáp ứng các mục tiêu và nguyên tắc quản lý tài chính công.</p> <p>Qua việc tìm hiểu các lý thuyết về quản lý tài sản công và ứng dụng các lý thuyết này trên thực tế sẽ giúp sinh viên có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức vào thực tế nhằm nâng cao hiệu quả việc sử dụng tài sản công của nhà nước</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
64	Quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kiến thức cụ thể về khái niệm và phân loại tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, khái niệm quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp, chủ thể và đối tượng quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp, phân biệt quản lý nhà nước về SHTT và quản lý SHTT trong doanh nghiệp, quản lý tài sản trí tuệ không do doanh nghiệp là chủ sở hữu (quản lý chỉ dẫn địa lý, quản lý việc chuyển quyền sử dụng đối với các đối tượng của quyền SHTT...), mối quan hệ giữa quản lý sở hữu trí tuệ</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
65	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ	<p>Học phần giúp người học nhận diện được mô hình doanh nghiệp KH&amp;CN, phân biệt được doanh nghiệp KH&amp;CN với các doanh nghiệp khác thông qua việc tìm hiểu về khái niệm, vai trò, chức năng, hoạt động của doanh nghiệp KH&amp;CN. Kết thúc học phần, sinh viên nâng cao hiểu biết về các loại doanh nghiệp KH&amp;CN, các nguồn lực phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp KH&amp;CN. Bên cạnh đó, học phần phát triển nhận thức của người học về chính sách hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&amp;CN; Nhận biết các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp KH&amp;CN nói chung, chính sách hỗ trợ tài chính trọng</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		yếu của chính phủ cho hình thành và phát triển KH&CN nói riêng qua các kinh nghiệm quốc tế về hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN của các quốc gia Châu Âu và Trung Quốc. Học phần giúp sinh viên nâng cao được khả năng nhìn nhận, phân tích, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp KH&CN trên cơ sở các chính sách hỗ trợ đặc biệt của Nhà nước; nâng cao năng lực đánh giá các biểu hiện của tinh thần doanh thương, người có tinh thần doanh thương; Phân tích và đánh giá chính sách hình thành, chính sách hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp KH&CN; Tổng hợp được các hình thức hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp KH&CN ở Châu Âu: chương trình hỗ trợ tài chính dành cho doanh nghiệp spin – off, tài trợ/vốn vay, bảo lãnh tín dụng hoặc bảo lãnh cổ phần, giảm thuế và các hình thức khác.			
V.3	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>13</b>		
66	Thực tập thực tế	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn hoá tổ chức; bản chất, chức năng của văn hoá tổ chức; hệ thống lý luận của văn hoá tổ chức; những biểu hiện cụ thể của văn hoá tổ chức; sự phát triển văn hoá tổ chức trong các tổ chức; những tác nhân ảnh hưởng tới sự hình thành và biến đổi của văn hoá tổ chức. Một số vấn đề thực tiễn ở Việt Nam liên quan đến lĩnh vực này	3	HK 4, 6, 7	
67	Thực tập tốt nghiệp	Học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận thực tế, nhận diện và giải thích được các mô hình tổ chức hành chính, mục tiêu và phương tiện thực hiện mục tiêu của một tổ chức, kế hoạch, lập kế hoạch cho việc vận hành một tổ chức, phong cách quản lý trong một tổ chức cụ thể như cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau...	4	HK8	
68	Khóa luận tốt nghiệp		7	HK8	

## C6. Khoa Lịch sử

### 1. Cử nhân Lịch sử

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
-----	-------------	------------------	------------	----------------------	--------------------------------

<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
8.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức linh theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
10.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		5		
11.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
14.	Hán Nôm cơ sở	Trang bị cho người học hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý, các yếu tố tác động đến quản lý; đối tượng, phương pháp,	4	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		đặc điểm, ý nghĩa của khoa học quản lý; mối quan hệ của khoa học quản lý với các khoa học khác; điều kiện kinh tế - xã hội và tiền đề lý luận cho sự ra đời của khoa học quản lý; các phẩm chất, năng lực cần có của người quản lý cũng như cách thức để đạt được những phẩm chất và năng lực ấy; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý; các chức năng quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; thông tin trong quản lý. Đồng thời, hình thành kỹ năng trong công tác quản lý ở những lĩnh vực cụ thể			Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/36</b>		
15.	Sử liệu Hán Nôm	Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cách cơ bản về khái niệm, cấu trúc, nội dung, ngôn ngữ, thư thể... của các loại hình sử liệu Hán Nôm	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
16.	Lịch sử khoa học công nghệ	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về sự phát triển của KH&CN qua các giai đoạn phát triển của lịch sử thế giới, lịch sử toàn cầu; giúp người học có nhận thức và đánh giá khách quan, khoa học về những thành tựu KH&CN, mối quan hệ giữa việc quản lý và vận hành của quá trình nghiên cứu KH&CN, tổ chức KH&CN; các cuộc cách mạng KH&CN, mối quan hệ mang tính lịch sử giữa KH&CN; quy luật phát triển của KH&CN trong mối tương quan với văn hóa, văn minh nhân loại; từ đó học phần giúp người học có năng lực tư duy liên ngành, độc lập trong phân tích và vận dụng kiến thức của môn học vào các lĩnh vực chuyên môn riêng.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
17	Nghệ thuật học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK6	
18	Văn học Việt Nam đại cương		3	HK6	
19	Khu vực học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK6	
20	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK6	
21	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK6	
22	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK6	



23	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK6	
24	Thể chế chính trị thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK6	
25	Khoa học chính sách	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
26	Văn hóa, văn minh phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK6	
	<b>Khôi kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
27	Phương pháp luận sử học	Học phần hướng đến việc trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề nằm trong mảng nghiên cứu phương pháp luận sử học.	2	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28	Cơ sở khảo cổ học	Học phần chú trọng tới việc cập nhật tri thức và những diễn giải mới về nguồn gốc và sự tiến hóa nhân loại nhằm làm nổi bật luận điểm về tính thống nhất và sự phát triển đa dạng của văn hóa người cũng như nhấn mạnh vai trò của các di sản vật thể và phi vật thể trong đời sống nhân loại hiện nay.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29	Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử	Giới thiệu một số phương pháp chung, cập nhật một số phương pháp mới áp dụng trong nghiên cứu lịch sử như phân tích định lượng, liên ngành, khu vực học.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		<i>6/24</i>		
30	Đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam	Làm cho sinh viên hiểu về sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa cho cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh, của Đảng; nắm được quá trình tìm tòi đường lối đổi mới; quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới từ 1986 đến nay, các thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lớn sau hơn 30 năm đổi mới.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31	Sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước Đông Á	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm kinh tế xã hội của các quốc gia ở Đông Á trong lịch sử cho đến kết thúc Chiến tranh thế giới thứ II	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32	Các tôn giáo thế giới	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản	3	HK6	Thường xuyên: 10%

		và có hệ thống về các tôn giáo thế giới, các phương pháp và lý thuyết nghiên cứu về tôn giáo nói chung và tôn giáo thế giới nói riêng			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33	Địa lý học lịch sử	Giúp người học nhận thức rõ về phân ngành Địa lý học lịch sử; nắm được những khái niệm cơ bản, quá trình hình thành, phát triển trên thế giới cũng như lịch sử và đặc trưng Địa lý học lịch sử tại Việt Nam; hiểu và vận dụng được các phương pháp nghiên cứu vào tìm hiểu lịch sử.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
34	Biên soạn lịch sử	Sinh viên nắm được quy trình nghiên cứu, các công cụ, thao tác... để triển khai đề tài nghiên cứu khoa học. Sinh viên thực hiện triển khai đề tài nghiên cứu lịch sử một cách chuẩn mực, có chất lượng tốt. Nghiêm túc, cẩn trọng và có đạo đức học thuật.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35	Di sản Hán Nôm tại di tích	Với học phần này, sinh viên được tiếp xúc để nhận thức và hiểu biết về các loại hình di sản Hán Nôm phong phú, đa dạng hiện tồn ở các di tích lịch sử - văn hoá của Việt Nam và giá trị của chúng. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học vào việc giải đọc văn tự Hán Nôm tại các di tích ngoài thực tế theo loại hình di văn, dạng thức văn bản, các thể chữ viết..., tăng cường khả năng minh giải văn bản, khai thác những giá trị về văn hoá, lịch sử, tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng... tồn tại trong đó.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
36	Văn hóa dân gian	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn hóa học	3	HK6	
37	Văn hóa học và Lịch sử Văn hóa Việt Nam		3	HK6	
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/21		
38	Truyền thông lịch sử văn hóa	Học phần trang bị cho người học các hiểu biết cơ bản về truyền thông các vấn đề về lịch sử văn hóa nói chung cũng như kỹ năng xây dựng các thông điệp để truyền thông và tuyên truyền lịch sử văn hóa. Học phần giúp người học có góc tiếp cận về văn hóa và lịch sử trên nền tảng hiểu biết và có các kỹ năng về tuyên truyền và truyền thông nói chung. Từ đó có thể vận dụng vào việc xây dựng các thông điệp truyền thông về lịch sử và văn hóa.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
39	Lịch sử Đông Nam Á	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông Nam Á học	3	HK5	
40	Văn học nghệ thuật ở		3	HK5	

	các nước Đông Nam Á				
41	Nhập môn khoa học du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK5	
42	Văn hóa du lịch		3	HK5	
43	Các phương pháp nghiên cứu nhân học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK5	
44	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam		3	HK5	
	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>53</b>		
	<b>Các học phần chung của ngành</b>		<b>34</b>		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>31</i>		
45	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ trung đại	4	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46	Lịch sử Việt Nam cận đại	Môn học này bằng cách học phối hợp giữa bài giảng và thảo luận chủ yếu làm rõ tiến trình và những vấn đề của lịch sử cận đại Việt Nam (1858-1945)	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Môn học này sẽ giúp cho sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản và toàn diện về các vấn đề lịch sử của lịch sử Việt Nam hiện đại	4	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48	Lịch sử Thế giới cổ - trung đại	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người trong thời kỳ cổ - trung đại	4	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49	Lịch sử Thế giới cận đại	Học phần cung cấp những kiến thức về lịch sử thế giới cận đại trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị...; làm rõ những chuyển biến ở mỗi quốc gia, khu vực trên cơ sở so sánh giữa phương Tây và phương Đông thời cận đại	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50	Lịch sử Thế giới hiện đại	Học phần hướng đến việc trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới và quan hệ quốc tế từ năm 1917 đến nay	4	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51	Lịch sử sử học	Người học nắm được các giai đoạn phát triển khác nhau của lịch sử sử học thế giới và lịch sử sử học Việt Nam, biết phân tích, phê phán, đánh giá các tư tưởng, các phương pháp đã chi phối tiến trình sử học thế giới và nhận biết được các giá	4	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		trị hay các hạn chế trong di sản sử học Việt Nam			
52	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam	Trang bị cho người học tri thức về nguồn sử liệu, về một số nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam cũng như các phương pháp sưu tầm, phân loại và phê phán sử liệu.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53	Niên luận		2	HK5	
	<i>Các học phần tự chọn</i>		3/12		
54	Làng xã Việt Nam	Học phần hướng tới việc trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản, toàn diện và hệ thống về các vấn đề làng xã Việt Nam trong lịch sử	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55	Đô thị Việt Nam	Giúp người học nhận thức rõ vấn đề đô thị và đô thị hoá ở Việt Nam trong nghiên cứu lịch sử; nắm được những thành tựu và những vấn đề đang đặt ra trong nghiên cứu và thảo luận xung quanh vấn đề đô thị và đô thị hoá trong lịch sử Việt Nam; nắm rõ quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm của đô thị và đô thị hoá trong lịch sử Việt Nam; hiểu và lý giải các vấn đề về đô thị và đô thị hoá hiện nay.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56	Mỹ thuật và kiến trúc cổ Việt Nam	Học phần này bằng cách dạy phối hợp giữa bài giảng, điền dã và thảo luận chủ yếu đề cập tới vấn đề mỹ thuật và kiến trúc cổ Việt Nam qua tài liệu khảo cổ học; cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về lược sử phát triển cũng như các loại hình chính của mỹ thuật và kiến trúc cổ Việt Nam. Đây không phải là học phần chuyên sâu về mỹ thuật hay kiến trúc, mà chỉ là học phần thông qua những nguồn tài liệu khác nhau của khảo cổ học để nhìn nhận và đánh giá những giá trị mỹ thuật và kiến trúc cổ.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
57	Các vấn đề của văn hóa trong xã hội đương đại	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn hóa học	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b><i>Các học phần hướng chuyên ngành (Sinh viên chọn 1 trong 6 hướng chuyên ngành)</i></b>		<b>10</b>		
	<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Việt Nam</i>		10		
58	Chế độ ruộng đất Việt Nam	Học phần hướng tới việc trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản, toàn diện về vấn đề chế độ ruộng đất trong	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		lịch sử Việt Nam			Thi cuối kỳ: 60%
59	Thiết chế chính trị và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	Học phần hướng tới việc trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản, toàn diện về vấn đề Thiết chế chính trị và pháp luật trong Lịch sử Việt Nam	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60	Biến đổi kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam	Học phần này giúp cho sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản và toàn diện về diện mạo cũng như quá trình biến đổi kinh tế-xã hội của Việt Nam trong lịch sử dân tộc từ thời kỳ cổ-trung đại đến cận đại và hiện đại	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
61	Giao lưu văn hóa trong lịch sử Việt Nam	Học phần nhằm giới thiệu những vấn đề căn bản của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam thời cận đại	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62	Một số vấn đề tư tưởng nghệ thuật quân sự trong chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc	Học phần nhằm giới thiệu những vấn đề căn bản của tư tưởng nghệ thuật quân sự Việt Nam từ buổi đầu dựng nước đến cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước thắng lợi.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Thế giới</i>		10		
63	Toàn cầu hoá: Lịch sử hình thành và phát triển	Học phần hướng đến việc trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về toàn cầu hóa, các lý thuyết cơ bản về toàn cầu hóa và lịch sử hình thành và phát triển	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64	Quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực Biển Đông	Cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại ở khu vực Biển Đông thời kỳ cổ trung đại; các lý thuyết về hải thương, hải sử, mạng lưới thương mại, cảng thị, hoạt động của các công ty Đông Ấn, tác động và phạm vi ảnh hưởng đối với các quốc gia và khu vực	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
65	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh	Học phần trang bị cho người học một số phương pháp và lý thuyết nghiên cứu quan hệ quốc tế nói chung, quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66	Sự hình thành, phát triển của các công ty Đông Ấn châu Âu và tác động đối với châu Á thế kỉ XVI-XVII	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử châu Á và lịch sử Tây Âu giai đoạn cuối thế kỷ XVI-XVIII, quá trình hình thành và mở rộng hoạt động của các Công Ty Đông Ấn châu Âu	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
67	Chính sách đối ngoại	Học phần cung cấp khung lý thuyết và những kiến thức cơ bản,	2	HK7	Thường xuyên: 10%

	của Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai	toàn diện về các nhân tố tác động đến quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ và những nội dung cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mỹ sau năm 1945			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>		10		
68	Một số vấn đề về nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về sự hình thành, các giai đoạn phát triển, tình hình sử liệu của khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến 2006	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
69	Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong các thời kì lịch sử (1945-2016)	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, kết quả của sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh và truyền thống ngoại giao hòa hiếu của dân tộc và quá trình Đảng chỉ đạo thực hiện đường lối đó từ năm 1945 đến nay	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
70	Một số vấn đề trong đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối đối quân sự của Đảng	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
71	Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo xây dựng bộ máy chính quyền (1945-2016)	Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng và củng cố chính quyền từ năm 1945 đến năm 2016	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
72	Các cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2016)	Trang bị cho sinh viên Khoa lịch sử, nhất là sinh viên chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam hệ thống tri thức cơ bản, hệ thống về nội dung các Cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Hướng chuyên ngành Văn hóa học và Lịch sử Văn hóa Việt Nam</i>		10		
73	Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn hóa học	Trang bị cho sinh viên kiến thức, khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc điểm, cấu trúc và tính hệ thống của văn hóa; những phương pháp cơ bản trong nghiên cứu văn hóa	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
74	Tiếp xúc và giao lưu văn hóa ở Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các lý thuyết về tiếp xúc và giao lưu văn hóa/ tiếp biến văn hóa/ giao thoa văn hóa/ trao đổi văn hóa/ dịch chuyển văn hóa/ xung đột văn hóa...	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

75	Các tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội ở Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa về tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội những vấn đề lý luận chung của các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội trong bối cảnh lịch sử và văn hóa Việt Nam	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
76	Di sản và quản lý di sản văn hoá ở Việt Nam	Môn học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về di sản văn hóa ở Việt Nam	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
77	Giới và nghiên cứu giới trong văn hóa ở Việt Nam	Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về Giới (các khái niệm, lịch sử hình thành khái niệm, đặc trưng cơ bản) và những khái niệm khác (nữ quyền, bình đẳng giới...)	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Hướng chuyên ngành Khảo cổ học</i>		10		
78	Lý thuyết và phương pháp khảo cổ học	Cung cấp những kiến thức cơ bản về sự hình thành của khoa học khảo cổ, những cách tiếp cận chính, những trường phái lý thuyết khảo cổ học Truyền thống và khảo cổ học Mới; phương pháp điều tra, khai quật và chỉnh lý khảo cổ học	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
79	Khảo cổ học tiền sử và sơ sử Việt Nam	Giới thiệu cho người học những vấn đề cơ bản liên quan đến khảo cổ học Tiền Sơ Sử Việt Nam	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
80	Khảo cổ học lịch sử Việt Nam	Học phần chú trọng tới việc cập nhật tri thức và những diễn giải mới về các vấn đề chủ yếu của khảo cổ học lịch sử ở Việt Nam	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
81	Khảo cổ học Trung Quốc và Đông Nam Á	Học phần chú trọng tới việc cập nhật tri thức và những diễn giải mới về các vấn đề chủ yếu của khảo cổ học Trung Quốc và Đông Nam Á	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
82	Khảo cổ học cộng đồng và quản lý di sản	Cung cấp những cách thức và phương pháp ứng dụng những kết quả của nghiên cứu khoa học cơ bản vào đời sống xã hội thông qua truyền đạt những hiểu biết về quá khứ của con người dưới góc độ lý giải tại sao những tri thức đó quan trọng đối với xã hội ngày nay	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Hướng chuyên ngành Lịch sử Đô thị</i>		10		
83	Các khuynh hướng nghiên cứu lịch sử đô thị trên thế giới và Việt Nam	Học phần nhằm cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về đô thị hóa và môi trường, gắn kết những vấn đề giữa môi trường và phát triển đô thị	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

84	Nhân học đô thị	Học phần nhằm giới thiệu cho người học những vấn đề căn bản trong nhân loại học đô thị với tư cách là một lĩnh vực nghiên cứu trong đó “thành phố” là đối tượng chính	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
85	Tổ chức và quản lý đô thị trong lịch sử Việt Nam	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về vấn đề tổ chức và quản lý đô thị Việt Nam theo ba chiều: thời gian, không gian và các lĩnh vực	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
86	Các mô hình đô thị trong lịch sử Đông Nam Á	Học phần nhằm cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về đô thị hóa và môi trường, gắn kết những vấn đề giữa môi trường và phát triển đô thị	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
87	Đô thị hóa và di sản đô thị ở Việt Nam	Học phần hướng đến trang bị cho người học những kiến thức về đề đô thị, đô thị hóa và di sản đô thị ở Việt Nam	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>9</b>		
88	Thực tập chuyên môn	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động điều tra, thám sát và khai quật khảo cổ học về một di tích cụ thể	2	HK6	
89	Thực tập tốt nghiệp	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu chung và chuyên biệt về các chuyên ngành của khoa học lịch sử Lịch sử	2	HK7	
90	Khóa luận tốt nghiệp		5	HK8	Bảo vệ KLTN: 100%
	<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>		5		
91	Quá trình dân tộc - lãnh thổ của Việt Nam	Môn học cung cấp cho người học các kiến thức liên quan, bao gồm tiền đề xác lập, quá trình hình thành các không gian lịch sử - văn hoá và các quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
92	Việt Nam trong các mối quan hệ khu vực và quốc tế	Môn học tập trung làm rõ vai trò, vị trí của Việt Nam trong các mối quan hệ và tương tác quyền lực khu vực và thế giới trong suốt tiến trình lịch sử	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## 2. Cử nhân Văn hóa học



STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
8.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>12</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>08</b>		
	Lịch sử Việt Nam đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lịch sử	3	HK2	
10.	Lịch sử nghệ thuật	Cung cấp kiến thức cơ bản về những biểu hiện, giá trị của nghệ thuật Việt Nam và Thế giới và quá trình vận động của các giá trị đó từ truyền thống đến hiện đại	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
11.	Hán Nôm cơ sở	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các đặc trưng của tiếng Hán, Nôm; Đồng thời nêu bật vai trò của tiếng Hán, Nôm trong tiến trình lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>4/12</b>		

12.	Nhập môn Văn hóa học bằng tiếng Anh	Trang bị vốn từ vựng Tiếng Anh cơ bản và cách sử dụng những từ vựng đó trong ngành nghiên cứu văn hóa như các khái niệm, định nghĩa chung cơ bản về/của Văn hóa học	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
13.	Di sản Hán Nôm tại di tích	Cung cấp kiến thức cơ bản về các loại hình di sản Hán Nôm phong phú, đa dạng hiện tồn ở các di tích lịch sử - văn hoá của Việt Nam và giá trị của chúng	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14.	Nhân học văn hóa	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	2	HK4	
15.	Triết học văn hóa	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Triết học		HK4	
16.	Khảo cổ học đại cương	Cung cấp các khái niệm cơ bản và một số vấn đề của khảo cổ học thế giới và Việt Nam, những quan điểm khác nhau về khoa học khảo cổ, bản chất của dữ liệu khảo cổ trong mối tương quan với các nguồn dữ liệu sử học khác cùng những phương pháp thu thập và phân tích truyền thống, hiện đại	2	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
17.	Lịch sử văn học Việt Nam	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện về tiến trình lịch sử văn học Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay. Học sinh sẽ được cung cấp kiến thức về các bộ phận cấu thành văn học Việt Nam; các thời đại lớn của văn học Việt Nam cũng như những vấn đề mỹ học, tư tưởng, văn hoá, thi pháp thể loại, xã hội học của văn học trong mỗi thời đại. Môn học rèn luyện cho sinh viên khả năng khai thác di sản văn học Việt Nam truyền thống cũng như hiện đại; khai thác các giá trị của văn học học dân tộc ứng dụng trong đời sống hiện đại; đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề của văn hoá – văn học truyền thống trong đời sống văn hoá – văn học đương đại từ nền tảng tri thức được cung cấp.	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Khôi kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>13</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
18.	Văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam	Cung cấp các khái niệm, định nghĩa liên quan đến văn hóa học và diễn trình của lịch sử văn hóa Việt Nam	4	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19.	Phong tục, tập quán và lễ hội ở Việt Nam	Trang bị kiến thức lý luận về phong tục tập quán, luật tục; kiến thức thực tế về phong tục tập quán, luật tục/hương ước của người Việt cũng như các tộc người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam	2	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

20.	Các vấn đề của văn hóa trong xã hội đương đại	Cung cấp những kiến thức chung về văn hóa cũng như các vấn đề cụ thể của văn hóa trong xã hội đương đại	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b><i>Các học phần tự chọn</i></b>		<b>4/10</b>		
21.	Các vấn đề văn hóa và văn hóa học bằng tiếng Anh 1	Trang bị cho người học những vốn từ vựng tiếng Anh cơ bản và cách sử dụng những từ vựng đó trong nghiên cứu một số lý thuyết tiêu biểu của ngành nghiên cứu văn hóa	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
22.	Văn bản Hán Nôm hành chính	Giúp người học nhận diện và nắm bắt được một cách cơ bản về khái niệm, cấu trúc, nội dung, ngôn từ, thư thể... của các loại hình văn bản Hán Nôm hành chính	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
23.	Văn hóa dân gian	Cung cấp cho người học những vấn đề lý thuyết khái quát nhất về văn hóa dân gian, văn hóa dân gian Việt Nam cũng như thực tiễn nghiên cứu văn hóa dân gian nói chung và tình hình nghiên cứu văn hóa dân gian Việt Nam nói riêng	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
24.	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam		2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25.	Các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam	Học phân trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật học; Về các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam; Diễn trình phát triển, vai trò và ảnh hưởng của các loại hình nghệ thuật trong đời sống văn hóa thường nhật, trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam truyền thống và đương đại.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>62</b>		
	<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>		<b>36</b>		
26.	Lí thuyết văn hóa học	Trang bị những kiến thức liên quan đến văn hóa từ những khía cạnh cụ thể của văn hóa về định nghĩa, đặc điểm, cấu trúc, chức năng cho tới nhận thức văn hóa là một hệ thống, mang tính tương tác	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
27.	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu văn hóa	Trang bị những phương pháp cơ bản trong nghiên cứu văn hóa, từ phương pháp luận cho đến các phương pháp được áp dụng trong nghiên cứu văn hóa ở cả góc độ học thuật và ứng dụng	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Di sản văn hóa	Cung cấp những kiến thức cơ bản về di sản văn hóa nói chung và hệ thống di sản văn hóa ở Việt Nam nói riêng	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Đường lối văn hóa của	Trang bị những kiến thức cơ bản và toàn diện về chủ trương,	3	HK5	Thường xuyên: 10%

	Đảng Cộng sản Việt Nam	đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam, về quá trình chỉ đạo của Đảng trên các lĩnh vực, nội dung của văn hóa từ năm 1930 đến năm 2016			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
30.	Thiết chế văn hóa	Trang bị những vấn đề cơ bản về mô hình và thiết chế văn hóa như khái niệm, chức năng vai trò, các tiêu chí cơ bản để nhận diện và phân loại một số mô hình và thiết chế văn hóa	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	Trang bị các khái niệm, định nghĩa văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và các khái niệm có liên quan đến tính đa dạng về văn hóa và quan điểm của người trong cuộc trong tiến trình phát triển văn hóa của các tộc người ở Việt Nam	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Toàn cầu hóa và các vấn đề văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức căn bản về toàn cầu hóa và mối liên hệ của nó với văn hóa Việt Nam	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	Công nghiệp văn hóa	Trang bị các khái niệm, định nghĩa văn hóa và các khái niệm có liên quan đến Công nghiệp Văn hoá.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
34.	Sinh thái học văn hóa	Trang bị những vấn đề lý thuyết cơ bản của sinh thái học văn hóa; mối liên hệ giữa con người, môi trường và văn hóa Việt Nam và quá trình vận động của nó	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Không gian văn hóa	Cung cấp những khái niệm cơ bản về không gian văn hóa, những kiến thức về các vùng văn hóa cụ thể ở Việt Nam, các tiêu vùng văn hóa tiêu biểu, các loại hình không gian trong không gian văn hóa	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
36.	Cộng đồng với hoạt động/thực hành di sản văn hóa	Trang bị những vấn đề về lý thuyết, chính sách, luật quốc gia, công ước quốc tế và thực tiễn, thực tế liên quan đến sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động về di sản văn hóa	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
37.	Thực hành văn hóa	Trang bị hệ thống những phương pháp nghiên cứu cơ bản trong ngành Văn hóa học, đồng thời tạo cơ hội cho sinh viên có thể ứng dụng và thực hành những lý thuyết và kiến thức đã được học trên lớp vào trong thực tiễn	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>15/30</b>		
38.	Các vấn đề văn hóa và văn hóa học bằng tiếng Anh 2	Cung cấp cho người học những vốn từ vựng và mẫu câu nâng cao tiếng Anh trong nghiên cứu những lý thuyết văn hóa học	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
39.	Di sản Hán Nôm trong đời sống xã hội	Trang bị những tri thức cơ bản về đặc trưng của một số loại hình văn bản Hán Nôm thường dùng trong đời sống xã hội	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

					Thi cuối kỳ: 60%
40.	Đô thị hóa và văn hóa	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đô thị, quá trình đô thị hóa và những biến đổi văn hóa trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Học phần bao gồm: các lý thuyết chung; quá trình đô thị hóa trong lịch sử, những thành tố của quá trình đô thị hóa, mối quan hệ tương tác giữa đô thị hóa và văn hóa ở Việt Nam cũng như các khu vực trên thế giới. Tựu chung lại, sinh viên cần nắm vững và hiểu các biểu hiện của sự chuyển đổi xã hội, chuyển đổi văn hóa dưới tác động hai mặt của đô thị hóa.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Văn hóa và truyền thông	Trang bị các hiểu biết cơ bản về truyền thông và truyền thông đại chúng, về mối quan hệ giữa văn hoá và truyền thông, văn hoá truyền thông dưới góc tiếp cận về các loại hình truyền thông	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Kinh tế văn hóa	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa về kinh tế, văn hóa và các khái niệm liên quan (thị trường, giá trị, công nghiệp văn hóa...); Vai trò của kinh tế trong văn hoá (phát triển văn hoá); Mối quan hệ giữa kinh tế và văn hoá; Sự tác động của kinh tế đến văn hoá và ngược lại; Các lý thuyết của kinh tế học văn hoá; Đặc điểm các quan hệ kinh tế trong lĩnh vực văn hoá; Hình thái và mô hình kinh tế văn hóa; Các nguồn lực của văn hóa; Thị trường văn hóa; Công nghiệp văn hoá.	3	HK6	
43.	Văn hóa du lịch	Cung cấp những nội dung quan trọng và cơ bản nhất về văn hóa du lịch: những vấn đề lý thuyết và thực tiễn của văn hóa du lịch ở Việt Nam, đặt nó trong mối liên hệ với thế giới	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Văn hóa chính trị Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa, giới thiệu một số trường phái và cách tiếp cận khác nhau về văn hóa chính trị nhằm trang bị cho người học kiến thức nền tảng căn bản về lý thuyết và phương pháp trong nghiên cứu văn hóa chính trị. Thông qua học phần, sinh viên được trang bị kiến thức liên quan đến nội dung chính và diễn trình cơ bản và những đặc trưng chủ yếu của văn hóa chính trị Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho sinh viên vai trò, ý nghĩa của một số thành tố văn hóa chính trị Việt Nam truyền thống; tính đa dạng và thống nhất của văn hóa chính trị Việt Nam; sự du nhập và ảnh hưởng của văn hóa chính trị phương Tây đến văn hóa chính trị Việt Nam. Từ đó, học phần chỉ ra những đặc điểm quan trọng của văn hóa Việt Nam từ truyền	3	HK6	

		thông đến hiện đại.			
45.	Văn hóa hành vi	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về văn hóa hành vi, bao gồm: cái khái niệm, hệ thống lý thuyết, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu văn hóa hành vi; các thành tố và biểu hiện của văn hóa hành vi; các cấp độ của văn hóa hành vi (cá nhân, nhóm, cộng đồng và quốc gia) trong mối tương quan với hệ sinh thái văn hóa (the ecology of culture); ý nghĩa của văn hóa hành vi với sự hình thành và khẳng định bản sắc văn hóa của cá nhân, nhóm, cộng đồng và quốc gia; phân tích và đánh giá văn hóa hành vi trong bối cảnh đương đại với đặc trưng là sự đa dạng hóa và sự giao thoa của nhiều nền văn hóa trong tiến trình toàn cầu hóa và phát triển khoa học công nghệ. Với mục tiêu hướng sinh viên tới sự hình thành tư duy tổng hợp, tích cực và khả năng phân biện, việc giảng dạy học phần văn hóa hành vi sẽ kết hợp các vấn đề lý thuyết nêu trên với các phân tích và ví dụ minh họa từ thực tiễn của văn hóa hành vi tại Việt Nam và một số nước trên thế giới	3	HK6	
46.	Văn hóa giới và tính dục	Trang bị các khái niệm, định nghĩa về Giới, Giới tính và các khái niệm và lý thuyết có liên quan	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Văn hóa và biểu tượng	Trang bị các khái niệm, định nghĩa và các khái niệm có liên quan đến văn hóa và biểu tượng	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>		<b>11</b>		
48.	Niên luận		2	HK6	
49.	Thực tập tốt nghiệp	kiểm chứng và bổ sung trực tiếp tại thực địa những kiến thức cơ bản về văn hóa, lịch sử văn hóa cũng như các phương pháp điều tra thực chứng các vấn đề của văn hóa	3	HK7	
50.	Khóa luận tốt nghiệp		6	HK8	Bảo vệ KLTN: 100%
	<b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>				
51.	Văn hóa và phát triển	Trang bị kiến thức và những khía cạnh liên quan đến văn hóa và phát triển. Sinh viên nhận thức được văn hóa là chìa khóa là động lực, là sức mạnh nội sinh của phát triển	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Tiếp xúc và giao lưu văn	Trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về tiếp xúc và giao lưu	3	HK8	Thường xuyên: 10%

	hóa	văn hóa, tiếp biên văn hóa, dung hòa văn hóa, chọn lọc văn hóa			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
--	-----	--	--	--	---

### C7. Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng

#### 1. Cử nhân Lưu trữ học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
8.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
10.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		5		

11.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
14.	Lưu trữ học đại cương	Cung cấp và giúp sinh viên hiểu được các nội dung của công tác lưu trữ và các vấn đề cơ bản của lưu trữ học Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới.	3	HK 1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15.	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	Giúp sinh viên nắm được quá trình hình thành và phát triển của nhà nước ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử (từ khi thành lập nhà nước đến nay) với tư cách là một trong những chủ thể ban hành các văn bản quản lý nhà nước và là chủ sở hữu các tài liệu lưu trữ hình thành trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Quá trình hình thành và các dạng thức pháp luật ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.	3	HK 2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>9/27</b>		
16.	Quan hệ công chúng trong văn phòng	Giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về vị trí của văn phòng trong việc tạo dựng và duy trì hình ảnh của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với các đối tượng công chúng khác nhau thông qua các cơ chế truyền thông mà văn phòng được coi là mắt xích quan trọng. Trên cơ sở đó, học phần cũng nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng PR cơ bản, phù hợp với tính chất và vị trí công việc của người làm văn phòng trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hiện nay.	3	HK 3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
17.	Sử liệu học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sử liệu học và phương pháp sử liệu học trong nghiên cứu lịch sử; học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ của sử liệu học với các ngành khoa học khác, nhất là đối với lưu trữ học.	3	HK 3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
18.	Thông tin học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lí thông tin	3	HK 3	
19.	Thư viện học đại cương		3	HK 3	



20.	Văn bản học		3	HK 3	
21.	Tâm lý học giao tiếp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK 3	
22.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK 3	
23.	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK 3	
24.	Văn hoá tổ chức		3	HK 3	
<b>Khởi kiến thức theo nhóm ngành</b>			<b>20</b>		
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>14</b>		
25.	Tổ chức công tác văn thư	cung cấp các kiến thức để sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận, thực tiễn về tổ chức công tác văn thư trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Kiến thức của học phần giúp sinh viên sau khi ra trường có thể tham mưu cho lãnh đạo văn phòng, lãnh đạo các cơ quan tổ chức về tổ chức công tác văn thư, đồng thời có khả năng trực tiếp thực hiện những nghiệp vụ được giao về công tác văn thư.	2	HK 4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26.	Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản quản lý và các chức năng của văn bản quản lý, hệ thống văn bản quản lý đang được sử dụng phổ biến trong các cơ quan, tổ chức hiện nay để có thể vận dụng vào thực tiễn soạn thảo, ban hành văn bản ở các cơ quan, tổ chức mà sinh viên công tác sau này; Đồng thời, sinh viên cũng nắm được những yêu cầu chung khi soạn thảo và ban hành văn bản để tham gia soạn thảo tốt các hình thức văn bản hành chính thông dụng trong hoạt động quản lý; có thể phân tích, đánh giá những văn bản đã ban hành của các cơ quan, tổ chức để tự học hỏi, nâng cao năng lực bản thân.	3	HK 4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
27.	Quản lý văn bản	Cung cấp các kiến thức để sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác quản lý văn bản trong các cơ quan và tổ chức. Kiến thức của học phần giúp sinh viên sau khi ra trường có thể tham mưu cho lãnh đạo văn phòng, lãnh đạo các cơ quan tổ	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		chức về công tác quản lý văn bản, đồng thời có khả năng trực tiếp thực hiện những nghiệp vụ được giao về quản lý văn bản góp phần đảm bảo thông tin bằng văn bản cho hoạt động của cơ quan, tổ chức.			
28.	Tổ chức lập hồ sơ và quản lý hồ sơ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp lập hồ sơ như: sự cần thiết phải lập và quản lý hồ sơ trong các cơ quan, tổ chức; các yêu cầu cơ bản của việc lập hồ sơ; quy trình và phương pháp xây dựng danh mục hồ sơ cho cơ quan, tổ chức; quy trình và phương pháp lập các loại hồ sơ trong hoạt động quản lý của cơ quan, tổ chức.	3	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Nhập môn Quản trị văn phòng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn phòng, về nhà quản trị và các chức năng của nhà quản trị văn phòng; về các hoạt động cơ bản của văn phòng; về các loại hình văn phòng hiện đại và xu hướng quản trị văn phòng hiện đại. Nội dung học phần sẽ giúp sinh viên định hướng được nghề nghiệp tương lai, đồng thời là cơ sở để sinh viên tiến hành nghiên cứu các học phần tiếp theo thuộc chuyên ngành quản trị văn phòng.	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>			<b>6</b>		
<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>			<i>6/12</i>		
30.	Quản trị nhân sự văn phòng	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhân sự văn phòng ở các góc độ: đặc điểm công việc, yêu cầu về trình độ, tính cách, phẩm chất đạo đức của nhân sự văn phòng; về các nội dung quản trị nhân sự như: tuyển dụng nhân sự, bố trí và sử dụng nhân sự; đào tạo và phát triển nhân sự; duy trì nhân sự văn phòng. Sau khi hoàn thành xong học phần, sinh viên có thể hiểu được quy trình, biện pháp, thủ tục tổ chức quản trị nhân sự văn phòng để có thể tham mưu cho lãnh đạo văn phòng và tham gia tổ chức thực hiện các nghiệp vụ quản trị nhân sự văn phòng.	3	HK 4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Lễ tân văn phòng	cung cấp các kiến thức để sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn về lễ tân và công tác lễ tân trong các cơ quan, tổ chức. Kiến thức của học phần giúp sinh viên sau khi ra trường có thể tham mưu cho lãnh đạo văn phòng, lãnh đạo các cơ quan tổ chức về công tác lễ tân, đồng thời có khả năng trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ được giao về lễ tân, góp phần duy trì,	3	HK 4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		tạo dựng và phát triển quan hệ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.			
32.	Đạo đức công vụ	Cung cấp những vấn đề lý luận về nguồn gốc, bản chất và những tiêu chuẩn đạo đức của những người làm việc trong khu vực công. Kiến thức của học phần giúp sinh viên định hướng và nâng cao nhận thức, xác định trách nhiệm, đồng thời tu dưỡng, rèn luyện để trở thành những công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức phù hợp, đáp ứng yêu cầu của hoạt động công vụ.	3	HK 4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	Văn hoá công sở	Giúp sinh viên nhận thức rõ về các chuẩn mực văn hóa hình thành trong tổ chức, sự tác động của chúng tới các hoạt động chuyên môn. Đặc biệt, học phần tăng cường nhận thức, ý thức của sinh viên trong việc phát huy vai trò của nhân viên văn phòng trong việc xây dựng, duy trì và bảo vệ hình ảnh của tổ chức thông qua thực hiện các chuẩn mực văn hóa nơi công sở	3	HK 4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>			<i>6/12</i>		
34.	Các lý thuyết quản trị	Giúp người học trang bị những kiến thức cơ bản về quản trị và quản trị học, trong đó đi sâu vào các trường phái lý thuyết về quản trị. Đây là học phần cơ sở của ngành Quản trị văn phòng, nhằm giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về quản trị để tiếp tục nghiên cứu các học phần chuyên ngành kế tiếp.	3	HK 3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp	Cung cấp cho sv những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp nhằm giúp sinh viên khi ra trường có thể đảm nhận và hoàn thành tốt công việc của một chuyên viên văn phòng trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp hay các tổ chức chính trị xã hội.	3	HK 4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
36.	Tổ chức sự kiện trong văn phòng	Sinh viên hiểu rõ các khái niệm sự kiện, tổ chức sự kiện, vai trò của sự kiện cũng như phân biệt sự giống và khác nhau giữa các loại hình sự kiện trong thực tế. Trên cơ sở các lý thuyết được trang bị cũng như thực hành, thực tế, sinh viên phải có khả năng thực hiện một số nội dung công việc cơ bản trong quá trình triển khai các dạng sự kiện phổ biến của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	3	HK 4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
37.	Hành chính học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK 4	

	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>45</b>		
	<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>		<b>20</b>		
38.	Tổ chức khoa học tài liệu	Học phần giúp người học hiểu nội hàm của khái niệm tổ chức khoa học tài liệu lưu trữ và trang bị kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ cụ thể của tổ chức khoa học tài liệu.	5	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
39.	Tổ chức bảo quản tài liệu	Học phần giúp người học xác định các biện pháp khoa học để khắc phục hoặc ngăn chặn các nguy cơ có thể xảy ra đối với tài liệu lưu trữ.	3	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Tổ chức khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ	Học phần cung cấp các kiến thức cho người học về mục đích sử dụng tài liệu lưu trữ, các hình thức sử dụng tài liệu lưu trữ, hệ thống các quy định về sử dụng tài liệu lưu trữ nhằm giúp người học có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của công tác lưu trữ và trách nhiệm của người làm lưu trữ trong cơ quan, tổ chức.	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Lưu trữ tài liệu điện tử	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lý luận và nghiệp vụ lưu trữ đối với loại hình tài liệu điện tử. Trên cơ sở đó, người học được trang bị các phương pháp tiếp cận và có khả năng triển khai các nghiệp vụ lưu trữ tài liệu điện tử trên thực tế, nhằm phục vụ và nâng cao hiệu quả cho công tác văn thư, lưu trữ trong các cơ quan, tổ chức.	3	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Quản lý nhà nước về công tác văn thư, lưu trữ	Học phần nhằm giúp người học thực hiện đúng các quy định của nhà nước trong quá trình thực hiện nghiệp vụ văn thư – lưu trữ, có tư duy phản biện và tham mưu cho lãnh đạo cơ quan để hoàn thiện hệ thống các quy định về văn thư lưu trữ trong cơ quan, tổ chức.	3	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Kỹ năng thuyết trình	Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về kỹ năng thuyết trình: khái niệm thuyết trình, các giai đoạn thuyết trình và phương pháp thuyết trình hiệu quả. Trên cơ sở đó có khả năng vận dụng lý thuyết học phần vào hoạt động thuyết trình trong thực tiễn công việc và đánh giá chính xác kết quả hoạt động thuyết trình của bản thân.	3	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b><i>Các học phần tự chọn</i></b>		<b>12/18</b>		
44.	Lưu trữ tài liệu khoa	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lý luận và nghiệp vụ	2	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

	học-công nghệ	lưu trữ đối với khối tài liệu hình thành từ hoạt động khoa học - kỹ thuật, bao gồm: tài liệu nghiên cứu khoa học, tài liệu kỹ thuật và tài liệu công nghệ. Trang bị cho người học phương pháp tiếp cận các vấn đề liên quan như vấn đề thu thập tài liệu, phân loại và xác định giá trị tài liệu và khả năng giải quyết các vấn đề đó đối với từng đối tượng tài liệu cụ thể.			Thi cuối kỳ: 60%
45.	Lưu trữ tài liệu Nghe-Nhìn	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lý luận và nghiệp vụ lưu trữ đối với loại hình tài liệu nghe nhìn. Trên cơ sở đó, người học được trang bị các phương pháp tiếp cận và có khả năng triển khai các nghiệp vụ lưu trữ tài liệu nghe nhìn trên thực tế, nhằm phục vụ và nâng cao hiệu quả cho công tác văn thư, lưu trữ trong các cơ quan, tổ chức.	2	HK 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Công tác văn thư, lưu trữ trong các tổ chức kinh tế	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm tổ chức, hoạt động và cơ cấu tổ chức quản lý của các loại hình tổ chức kinh tế Việt Nam; giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc và phương pháp tổ chức công tác văn thư lưu trữ tại các tổ chức kinh tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng quan trọng để có thể xác định được thẩm quyền, thủ tục, trình tự ban hành văn bản của các cơ quan, chức danh quản lý trong từng loại hình tổ chức kinh tế; tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo trong việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan đến công tác văn thư – lưu trữ...	2	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Công tác văn thư, lưu trữ trong các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức của các tổ chức chính trị, chính trị – xã hội, về hệ thống văn bản của các tổ chức này. Trên cơ sở nền tảng kiến thức đó, học phần trang bị cho học viên những kiến thức về nghiệp vụ văn thư- lưu trữ đang được áp dụng trong các tổ chức chính trị-xã hội, qua đó, giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn lý luận chung về công tác văn thư – lưu trữ đã được học trong các học phần trước đó.	2	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

48.	Tiêu chuẩn hoá trong công tác văn thư, lưu trữ	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về tiêu chuẩn hóa, các loại tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật về văn thư, lưu trữ, quá trình thực hiện tiêu chuẩn hóa về văn thư, lưu trữ của Việt Nam. Qua đó, giúp học viên thực hiện, đánh giá các chuẩn đã công bố/ ban hành; tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn hóa về văn thư, lưu trữ trong thực tiễn công tác sau này.	2	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Lịch sử lưu trữ	Cung cấp các kiến thức để sinh viên biết, hiểu có khả năng giải thích, phân tích bình luận về những vấn đề của lịch sử lưu trữ Việt Nam và một số nước trên thế giới cụ thể như: quá trình hình thành và phát triển của các tổ chức lưu trữ, đặc điểm, tổ chức, quản lý công tác lưu trữ; những bài học kinh nghiệm, thành tựu, hạn chế và nhiệm vụ của công tác lưu trữ qua mỗi thời kỳ lịch sử.	2	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Bảo hiểm tài liệu lưu trữ	Cung cấp cho sv những kiến thức về lý luận và phương pháp tiến hành bảo hiểm tài liệu lưu trữ. Trên cơ sở những kiến thức thu nhận được, sinh viên có thể hiểu, vận dụng để thực hiện và đánh giá được khách quan công tác này khi tiến hành các hoạt động lưu trữ.	2	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Marketing lưu trữ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về marketing và marketing lưu trữ nhằm xây dựng chiến lược marketing phù hợp, phục vụ cho nhiệm vụ phát huy giá trị tài liệu lưu trữ và quảng bá hình ảnh cho cơ quan lưu trữ.	2	HK 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư, lưu trữ	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, mạng thông tin cùng những ứng dụng của chúng trong công tác văn thư, lưu trữ; đồng thời, trang bị những kỹ năng cơ bản nhằm giúp sinh viên vận dụng công nghệ thông tin cũng như đánh giá được hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư, lưu trữ.	2	HK 7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b><i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i></b>			<b>13</b>		
53.	Thực tập thực tế	Giúp sinh viên có điều kiện để ứng dụng những kiến thức đã học trong các học phần: Tổ chức công tác văn thư, soạn thảo và ban hành văn bản, tổ chức quản lý văn bản và tổ chức lập hồ sơ hiện	3	HK 7	

		hành vào thực tiễn tại một cơ quan, tổ chức. - Học phần rèn luyện cho sinh viên tinh thần, thái độ làm việc tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp			
54.	Thực tập tốt nghiệp	Nhằm tạo cơ hội cho sinh viên có điều kiện đi thực tập ở các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp tất cả các nghiệp vụ của công tác lưu trữ sau khi đã hoàn thành các học phần lý thuyết; Học phần cũng hướng tới trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cũng như rèn luyện tác phong làm việc khác trong tương lai.	5	HK 8	
	Khoá luận tốt nghiệp		5	HK 8	
<i>Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>					
55.	Lý luận và phương pháp công tác văn thư	cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp công tác văn thư như: nội dung, tính chất, nguyên tắc, những yêu cầu cơ bản và mục đích, ý nghĩa của công tác văn thư trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; các kiến thức về quản lý công tác văn thư và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ văn thư trong cơ quan; các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ soạn thảo và ban hành văn bản, nghiệp vụ quản lý văn bản; nghiệp vụ quản lý và sử dụng con dấu và nghiệp vụ lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ vào lưu trữ cơ quan. Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ có khả năng tham mưu cho lãnh đạo và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tổ chức công tác văn thư trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; trực tiếp thực hiện và biết hướng dẫn thực hiện các nghiệp vụ văn thư như soạn thảo văn bản, quản lý văn bản, quản lý con dấu và lập hồ sơ.	2	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ	cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ; Trang bị cho sinh viên những kỹ năng để thực hiện các nghiệp vụ cơ bản của công tác lưu trữ.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## 2. Cử nhân Quản trị văn phòng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
8.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
10.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		5		
11.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		



14.	Các lý thuyết quản trị	Giúp người học trang bị những kiến thức cơ bản về quản trị và quản trị học, trong đó đi sâu vào các trường phái lý thuyết về quản trị. Đây là học phần cơ sở của ngành Quản trị văn phòng, nhằm giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về quản trị để tiếp tục nghiên cứu các học phần chuyên ngành kế tiếp.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15.	Nhập môn Quản trị văn phòng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn phòng, về nhà quản trị và các chức năng của nhà quản trị văn phòng; về các hoạt động cơ bản của văn phòng; về các loại hình văn phòng hiện đại và xu hướng quản trị văn phòng hiện đại. Nội dung học phần sẽ giúp sinh viên định hướng được nghề nghiệp tương lai, đồng thời là cơ sở để sinh viên tiến hành nghiên cứu các học phần tiếp theo thuộc chuyên ngành quản trị văn phòng.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>9/27</b>		
16.	Lưu trữ học đại cương	Cung cấp và giúp sinh viên hiểu được các nội dung của công tác lưu trữ và các vấn đề cơ bản của lưu trữ học Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
17.	Đại cương về quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK2	
18.	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK2	
19.	Tâm lý học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK3	
20.	Luật hành chính Việt Nam	Nắm được những kiến thức cơ bản của khoa học luật hành chính. Từ đó hình thành được tư duy và những kỹ năng phân tích pháp lý có tính hệ thống. Sinh viên có khả năng tự định hướng và tự chịu trách nhiệm đối với công việc của mình liên quan đến các kiến thức thuộc học phần này.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
21.	Thông tin học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lý thông tin	3	HK4	
22.	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK3	
23.	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị	3	HK3	

		học			
24.	Mỹ học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Triết học	3	HK4	
<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>			<b>18</b>		
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>12</b>		
25.	Tổ chức văn phòng	Cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức văn phòng, gồm: khái niệm, yêu cầu, nguyên tắc của việc tổ chức văn phòng; mô hình tổ chức văn phòng trong các cơ quan, doanh nghiệp; trình tự và thủ tục trong tổ chức văn phòng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nhận diện các mô hình tổ chức văn phòng trong thực tế, đồng thời có khả năng thiết kế, tham mưu cho các cơ quan, doanh nghiệp để lựa chọn hoặc cải tiến mô hình tổ chức văn phòng hợp lý và hiệu quả.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26.	Tổ chức quản lý công tác văn thư lưu trữ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức quản lý công tác văn thư, lưu trữ, giúp sinh viên sau khi ra trường có khả năng đảm nhận và hoàn thành tốt vị trí phụ trách hoặc cán bộ chuyên môn về văn thư, lưu trữ trong Văn phòng các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
27.	Quản trị nhân sự văn phòng	cung cấp những kiến thức cơ bản về nhân sự văn phòng ở các góc độ: đặc điểm công việc, yêu cầu về trình độ, tính cách, phẩm chất đạo đức của nhân sự văn phòng; về các nội dung quản trị nhân sự như: tuyển dụng nhân sự, bố trí và sử dụng nhân sự; đào tạo và phát triển nhân sự; duy trì nhân sự văn phòng. Sau khi hoàn thành xong học phần, sinh viên có thể hiểu được quy trình, biện pháp, thủ tục tổ chức quản trị nhân sự văn phòng để có thể tham mưu cho lãnh đạo văn phòng và tham gia tổ chức thực hiện các nghiệp vụ quản trị nhân sự văn phòng.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Tổ chức hệ thống thông tin văn phòng	cung cấp những kiến thức cơ bản về thông tin, hệ thống thông tin và hệ thống thông tin trong văn phòng. Sau khi kết thúc môn học, người học hiểu rõ tầm quan trọng của việc xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin, biết cách tiếp cận và khai thác một hệ thống thông tin cụ thể, bước đầu hình thành năng lực thiết kế hệ thống thông qua xây dựng các yêu cầu để đáp ứng nhu cầu và năng lực thông tin của nhà quản trị, của đội ngũ nhân viên văn phòng.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>			<b>6</b>		
<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>			<i>6/12</i>		

29.	Hành chính học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK5	
30.	Quan hệ công chúng trong văn phòng	Giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về vị trí của văn phòng trong việc tạo dựng và duy trì hình ảnh của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với các đối tượng công chúng khác nhau thông qua các cơ chế truyền thông mà văn phòng được coi là mắt xích quan trọng. Trên cơ sở đó, môn học cũng nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng PR cơ bản, phù hợp với tính chất và vị trí công việc của người làm văn phòng trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hiện nay.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Đạo đức công vụ	Cung cấp các kiến thức để sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận về nguồn gốc, bản chất và những tiêu chuẩn đạo đức của những người làm việc trong khu vực công. Kiến thức của học phần giúp sinh viên định hướng và nâng cao nhận thức, trách nhiệm, đồng thời tu dưỡng, rèn luyện để trở thành những cán bộ có phẩm chất đạo đức phù hợp, đáp ứng yêu cầu của hoạt động công vụ.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Nguyên lý kế toán	Cung cấp cho sv một pp luận về vấn đề tổng quát của kế toán: - Hiểu được bản chất và vai trò của kế toán - Nắm được các nguyên tắc kế toán chung và sự vận dụng chúng vào công tác kế toán một cách đơn giản. - Hiểu được đối tượng và pp của kế toán. - Nắm được các yếu tố cấu thành bộ máy kế toán: chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/12		
33.	Chính sách công của Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK5	
34.	Phát triển cộng đồng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK5	
35.	Các vấn đề toàn cầu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK6	
36.	Tâm lý học giao tiếp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK6	

	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>48</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>23</b>		
37.	Phương pháp soạn thảo văn bản	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức như khái niệm, chức năng của văn bản, các loại văn bản quản lý được sử dụng phổ biến trong các cơ quan, tổ chức hiện nay để có thể vận dụng vào thực tiễn soạn thảo, ban hành văn bản ở các cơ quan, tổ chức mà người học công tác sau này. Đồng thời, người học cũng nắm vững, có khả năng phân tích và vận dụng các yêu cầu chung cần tuân thủ khi soạn thảo và ban hành văn bản; nắm vững phương pháp soạn thảo một số loại văn bản cụ thể và có khả năng vận dụng, soạn thảo thành thạo một số loại văn bản sử dụng phổ biến trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức; có thể phân tích, đánh giá những văn bản đã ban hành của các cơ quan, tổ chức để tự học hỏi, nâng cao năng lực bản thân.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
38.	Nghiệp vụ văn thư	Cung cấp các kiến thức để sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận và thực tiễn công tác văn thư trong các cơ quan và tổ chức. Kiến thức của môn học giúp sinh viên sau khi ra trường có thể tham mưu cho lãnh đạo cơ quan, lãnh đạo văn phòng về công tác quản lý văn thư; đồng thời có khả năng trực tiếp thực hiện những nghiệp vụ được giao về công tác góp phần đảm bảo thông tin cho hoạt động của cơ quan, tổ chức.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
39.	Nghiệp vụ lưu trữ	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của công tác lưu trữ nói chung và các nghiệp vụ lưu trữ trong tổng thể các nhiệm vụ của văn phòng nói riêng. Thông qua các nghiệp vụ này, sinh viên sẽ có nhận thức đầy đủ hơn về vai trò, vị trí và nhiệm vụ của công tác lưu trữ thông tin quá khứ trong hoạt động của văn phòng các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Từ đó, người học có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị vào việc tổ chức khai thác, phục vụ các nhu cầu khác nhau của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp cũng như những người sử dụng thông tin lưu trữ	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		khác cho việc hoạch định chính sách, quản lý cũng như các nhu cầu chính đáng khác của công dân.			
40.	Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp nhằm giúp sinh viên khi ra trường có thể đảm nhận và hoàn thành tốt công việc của một chuyên viên văn phòng trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp hay các tổ chức chính trị xã hội.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Quản lý tài sản cơ quan	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (gọi chung là cơ quan); xác định được trách nhiệm của văn phòng trong việc quản lý tài sản sao cho đảm bảo yêu cầu về tính bền vững và hiệu quả.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Văn hoá công sở	Giúp sinh viên nhận thức rõ về các chuẩn mực văn hóa hình thành trong tổ chức, sự tác động của chúng tới các hoạt động chuyên môn. Đặc biệt, môn học tăng cường nhận thức, ý thức của sinh viên trong việc phát huy vai trò của nhân viên văn phòng trong việc xây dựng, duy trì và bảo vệ hình ảnh của tổ chức thông qua thực hiện các chuẩn mực văn hóa nơi công sở	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Nghiệp vụ thư ký	Môn học giúp người học tiếp nhận kiến thức về vai trò, vị trí, nhiệm vụ cơ bản của thư ký, trợ lý lãnh đạo, đảm bảo cho người học hiểu rõ và biết cách sử dụng một số công cụ tác nghiệp cơ bản. Thông qua môn học, sinh viên hình thành thói quen và thái độ nghề nghiệp tích cực, chuẩn bị sẵn sàng bước vào thị trường lao động.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn phòng	Giúp người học nắm vững quy trình, phân tích được các yêu cầu và có khả năng tham gia thiết kế các chương trình ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý của văn phòng.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>12/30</b>		
45.	Tổ chức sự kiện trong văn phòng	Sinh viên hiểu rõ các khái niệm sự kiện, tổ chức sự kiện, vai trò của sự kiện cũng như phân biệt sự giống và khác nhau giữa các loại hình sự kiện trong thực tế. Trên cơ sở các lý thuyết được trang bị cũng như thực hành, thực tế, sinh viên phải có khả năng thực hiện	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		một số nội dung công việc cơ bản trong quá trình triển khai các dạng sự kiện phổ biến của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp			
46.	Lễ tân văn phòng	Cung cấp kiến thức lý luận cơ bản và thực tiễn về lễ tân và công tác lễ tân trong các cơ quan, tổ chức. Kiến thức của học phần giúp sinh viên sau khi ra trường có thể tham mưu cho lãnh đạo văn phòng, lãnh đạo các cơ quan tổ chức về công tác lễ tân; đồng thời có khả năng trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ được giao về lễ tân, góp phần duy trì, tạo dựng và phát triển quan hệ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Kỹ năng giao tiếp	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp bao gồm nguyên tắc giao tiếp, quá trình giao tiếp, các phương tiện giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp và nghệ thuật giao tiếp công sở... Các kiến thức được trang bị nhằm giúp người học nhận thức khả năng giao tiếp của bản thân đồng thời phát triển, hoàn thiện kỹ năng giao tiếp để vận dụng hiệu quả trong cuộc sống nói chung và trong môi trường công sở nói riêng.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên thực hiện được những thao tác cơ bản để thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ các hoạt động chuyên môn của văn phòng như tham mưu – tổng hợp, soạn thảo văn bản, đảm bảo thông tin liên lạc,...	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Kỹ năng thuyết trình	Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về kỹ năng thuyết trình: khái niệm thuyết trình, các giai đoạn thuyết trình và phương pháp thuyết trình hiệu quả. Trên cơ sở đó có khả năng vận dụng lý thuyết môn học vào hoạt động thuyết trình trong thực tiễn công việc và đánh giá chính xác kết quả hoạt động thuyết trình của bản thân.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Kỹ năng tổ chức công việc	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong quá trình triển khai các công việc thực tế một cách chủ động và độc lập. Là học phần mang tính chất hỗ trợ cho sinh viên ngành quản trị văn phòng, kỹ năng tổ chức công việc sẽ là cần thiết đối với cán bộ làm các công việc mang tính tổng hợp cao trong văn phòng, giúp kiểm	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		soát thời gian và sử dụng kế hoạch được khoa học và hợp lý.			
51.	Kỹ năng làm việc nhóm	Giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về các vấn đề nhóm và sự hình thành, phát triển của các nhóm công việc trong cơ quan, tổ chức. Trên cơ sở đó, người học có khả năng phát triển các kỹ năng làm việc trong nhóm như: giao tiếp nhóm, lãnh đạo nhóm, xử lý các xung đột nhóm...Học phần cũng giúp sinh viên tạo lập được sự tự tin và ý thức về vai trò của bản thân trong thực hiện nhiệm vụ trong các nhóm công việc.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Kỹ năng quản lý thời gian	Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của quản lý thời gian, xác định được các nguyên nhân làm lãng phí thời gian. Trên cơ sở đó có khả năng vận dụng lý thuyết môn học vào việc và sử dụng hiệu quả thời gian trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và của cá nhân trong công việc và cuộc sống.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Kỹ năng quản lý xung đột	Cung cấp những kiến thức cơ bản để người học có thể hiểu biết về bản chất của xung đột, có khả năng phân biệt những xung đột có lợi và xung đột có hại; biết cách ngăn ngừa và giải quyết xung đột trong cơ quan, công sở phù hợp với vai trò và trách nhiệm. Kiến thức của học phần giúp sinh viên sau khi ra trường có khả năng làm việc tốt, hòa nhập với mọi người, có thể vượt qua các xung đột và góp phần tạo môi trường làm việc thân thiện nơi công sở.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
54.	Quản lý tài liệu điện tử	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lý luận và nghiệp vụ quản lý tài liệu điện tử trong suốt vòng đời của tài liệu, từ giai đoạn tạo lập và xử lý hiện hành tới giai đoạn lưu trữ tại cơ quan hoặc các kho lưu trữ. Trên cơ sở đó, người học hiểu rõ tầm quan trọng của công tác quản lý tài liệu điện tử và bước đầu hình thành năng lực thực hiện các nghiệp vụ quản lý tài liệu điện tử cụ thể, nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý và khai thác thông tin tài liệu điện tử của các cá nhân, cơ quan và tổ chức.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>13</b>		
	Thực tập thực tế	Học phần nhằm giúp sinh viên có cơ hội và điều kiện vận dụng lý luận vào thực tiễn nhằm nắm bắt được cách vận phòng các cơ quan	3	HK7	

55.		tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công; phân tích và đánh giá tính khoa học, linh động, hiệu quả của tổ chức bộ máy văn phòng cơ quan nơi thực tập; vận dụng lý thuyết vào việc thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực hành chính văn phòng như: công tác văn thư, công tác lễ tân, văn hóa công sở, quản lý và sử dụng cơ sở vật chất... trong thực tế ở các cơ quan.			
56.	Thực tập tốt nghiệp	Học phần hướng dẫn sinh viên hệ thống lại kiến thức cơ bản của ngành học và phương pháp vận dụng kiến thức đó vào thực tế, thông qua việc thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp. Trong đợt thực tập, sinh viên có khả năng khảo sát, nhận diện, đánh giá các biện pháp và hiệu quả quản trị văn phòng tại cơ quan thực tập; chỉ ra những hạn chế, đề xuất được một số giải pháp để khắc phục và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị văn phòng. Ngoài ra, trong đợt thực tập, sinh viên cũng được vận dụng các kiến thức bổ trợ khác trong công việc thực tế.	5	HK8	
57.	Khoá luận tốt nghiệp		5	HK8	
	<i>Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>				
58.	Lý luận về quản trị văn phòng	Học phần giúp sinh viên hệ thống, nâng cao những kiến thức lý luận cơ bản về Quản trị văn phòng như: khái niệm; tính chất, đặc điểm; vị trí, vai trò; chức năng, nhiệm vụ; nội dung và phương pháp. Của quản trị văn phòng trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; về vị trí, vai trò, đặc điểm lao động và yêu cầu về năng lực, phẩm chất của nhà quản trị văn phòng. Học phần giúp sinh viên rèn luyện khả năng tổng hợp và hệ thống hóa các kiến thức thuộc chuyên ngành Quản trị văn phòng và phương pháp vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Kỹ năng, nghiệp vụ hành chính - văn phòng	Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức chung về kỹ năng, nghiệp vụ hành chính văn phòng. Trên cơ sở đó có khả năng vận dụng thuần thục các vấn đề lý thuyết đã học vào thực tế. Học phần cũng là cơ hội để sinh viên và giảng viên có điều kiện đánh	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



	giá tổng thể các vấn đề nhận thức và kỹ năng của người học sau 4 năm đào tạo tại Trường.			
--	--	--	--	--

**C8. Khoa Ngôn ngữ học**  
**1. Cử nhân Ngôn ngữ học**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
8.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
10.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		5		

11.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
14.	Dẫn luận ngôn ngữ học	Trang bị những kiến thức về bản chất, về sự hình thành và phát triển cùng những chức năng và đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ. Đồng thời, học phần cũng cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về tổ chức nội tại của hệ thống tín hiệu ngôn ngữ. Cùng với đó, học phần sẽ đi vào từng khía cạnh cụ thể của ngôn ngữ như: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng để khái quát hóa những đặc điểm cũng như những phương thức chung, phổ biến ở cả bình diện cấu trúc và sử dụng được các ngôn ngữ trên thế giới chia sẻ. Mặt khác, học phần cũng đề cập đến những tri thức về chữ viết, về bức tranh ngôn ngữ thế giới thông qua việc phân loại và chỉ ra các đặc điểm khái quát của từng loại hình ngôn ngữ.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15.	Hán Nôm cơ sở	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Hán Nôm	3	HK1	
<b>III.2 Các học phần tự chọn</b>			<b>9/24</b>		
16.	Ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á	Giúp sinh viên nhận biết mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá của các dân tộc trong khu vực trên cơ sở nhận diện các họ ngôn ngữ thuộc địa bàn; Tìm hiểu những vấn đề về văn hóa các dân tộc trong khu vực, đặc biệt là những đặc điểm văn hóa truyền thống được thể hiện qua thành tố ngôn ngữ và nhận biết những tiếp xúc ngôn ngữ tác động đến văn hoá, phong tục, tập quán truyền thống của các dân tộc trong khu vực trong quá trình lịch sử.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
17.	Việt ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên những tri thức liên quan đến việc phân tích tình hình nghiên cứu tiếng Việt theo giai đoạn (trước khi thành lập Đại học Đông Dương; khi thành lập Đại học Đông Dương; 1945-1954; từ sau ngày đất nước thống nhất); Phân tích các thành tựu nghiên cứu của ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, phương ngữ và phong cách tiếng Việt; Phân tích một số quan niệm, khuynh hướng xu hướng nghiên cứu của Việt ngữ học.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

18.	Văn học Việt Nam đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK4	
19.	Nghệ thuật học đại cương		3	HK4	
20.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
21.	Thông tin học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lý thông tin	3	HK4	
22.	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	
23.	Khu vực học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK4	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
24.	Ngôn ngữ học đại cương	Cung cấp cho người học những kiến thức thức cơ bản, bước đầu về lý luận ngôn ngữ trên hai phương diện quan yếu nhất liên quan đến bản thể ngôn ngữ (bản chất, chức năng, cơ chế hoạt động, hệ thống - cấu trúc, nguyên tắc dụng ngôn) và nghiên cứu ngôn ngữ học (các khuynh hướng, lý thuyết và phương pháp trong nghiên cứu ngôn ngữ) Đồng thời trang bị cho sinh viên các kỹ năng thường gặp trong nghiên cứu, phân tích ngôn ngữ.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25.	Ngôn ngữ học ứng dụng	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ học các kiến thức sơ khởi về lý luận ứng dụng ngôn ngữ học (đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, các lĩnh vực cơ bản trong địa hạt này). Đồng thời, môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng và phương pháp phân tích bước đầu trong một vài nội dung điển hình để tập vận dụng chúng vào thực tiễn xử lý các sản phẩm và dịch vụ ngôn ngữ.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26.	Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ học những kiến thức cơ bản nhất về các phương pháp, thủ pháp nghiên cứu ngôn ngữ học và các kỹ năng phân tích, mô tả ngôn ngữ để vận dụng vào thực tế nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ học.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6</b>		

	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		6/15		
27.	Ngôn ngữ học xã hội	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội như bối cảnh ra đời, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu; các khái niệm cơ bản như biến thể, biến ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, sự lựa chọn ngôn ngữ, các nhân tố và chiều kích xã hội v.v; các nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội vĩ mô và ngôn ngữ học xã hội vi mô. Bên cạnh đó, môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Nhập môn phân tích diễn ngôn	Cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích diễn ngôn, bao gồm mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và hệ các vấn đề có liên quan đến phân tích diễn ngôn.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Ngôn ngữ học nhân chủng	Trang bị cho sinh viên các kiến thức nhập môn về ngôn ngữ học nhân chủng. Nội dung môn học tập trung vào vai trò của ngôn ngữ trong việc chuyển tải và tái cấu trúc nền tảng văn hóa xã hội của con người, cũng như vai trò của ngôn ngữ góp phần tạo nên tính đa dạng và tính chính thể cho các hệ thống văn hóa xã hội đó. Các bài giảng sẽ tập trung vào các khái niệm cơ bản, các lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong ngôn ngữ học nhân chủng, liên hệ các vấn đề lý thuyết với tiếng Việt và các ngôn ngữ dân tộc thiểu số khác ở Việt Nam.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
30.	Phương pháp điền dã ngôn ngữ học	Trang bị cho sinh viên lý thuyết và các kỹ năng thực hiện công việc thu thập tư liệu bên ngoài hay trong đời sống thực tế để phục vụ cho một nghiên cứu cụ thể. Điền dã ngôn ngữ học bao gồm ba nội dung: a. Chuẩn bị cho công việc điền dã (Xác định nhiệm vụ; chuẩn bị nội dung; chuẩn bị những công việc liên quan đến hành chính); b. Thực hiện công việc tại địa bàn (kỹ năng khai thác tài liệu; lựa chọn cộng tác viên; ghi chép tại địa bàn; xử lý những tình huống xảy ra tại địa bàn nghiên cứu); c. Tổng hợp kết quả nghiên cứu thực địa (Kiểm tra lại tư liệu để bổ sung; Ghi chép đầy đủ thông tin về cộng tác viên)	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Ngôn ngữ học máy tính	Giới thiệu cho sinh viên một số ứng dụng phổ biến, nguyên lý hoạt động, các vấn đề ngôn ngữ học mà các ứng dụng này phải giải quyết và các hạn chế hiện tại. Giới thiệu một số chương trình máy	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		tính, ngôn ngữ máy tính, ngôn ngữ hình thức và phân loại văn phạm của Chomsky, các bài toán xử lý ngôn ngữ và tiếp cận giải quyết. Trọng tâm là tiếp cận dựa trên kho ngữ liệu. Giới thiệu về chủ giải ngôn ngữ học, các vấn đề liên quan đến chủ giải. Cung cấp nội dung thực hành hết sức quan trọng, thông qua đó sinh viên có thể áp dụng kiến thức đã học để chủ giải ngôn ngữ, xử lý nhập nhằng, v.v. Cung cấp cho người học một số kiến thức về thông kê ngôn ngữ.			
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/18		
32.	Hành chính học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	
33.	Kỹ năng thuyết trình	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK4	
34.	Kỹ năng viết cho báo in	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	
35.	Nguyên lý lí luận văn học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK4	
36.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
37.	Ngôn ngữ - tộc người Nam Á – Đông Nam Á	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK4	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>49</b>		
<i>V.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>27</i>		
38.	Ngữ âm học và Từ vựng học tiếng Việt	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm âm tiết tiếng Việt, cấu trúc của âm tiết và các thành phần cấu tạo âm tiết tiếng Việt như: thanh điệu, phụ âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và giá trị của mỗi yếu tố trong nghiên cứu ngữ âm, trong sử dụng nó để sáng tạo thơ ca, sáng tạo ngôn ngữ văn học, ứng dụng ngữ âm trong thực tiễn đời sống xã hội. Giúp sinh viên hiểu được đặc trưng riêng biệt của từ trong tiếng Việt nói chung và các ngôn ngữ đơn lập nói riêng, cung cấp cái	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		nhìn tổng quan về sự hình thành, tồn tại và phát triển của từ vựng tiếng Việt và sự thể hiện của từ vựng tiếng Việt trong các quyển từ điển.			
39.	Ngữ pháp học tiếng Việt	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm của <i>tiếng, từ ghép, đoản ngữ</i> trong tiếng Việt và <i>tiếng</i> là thành phần cơ bản cấu tạo nên các đơn vị từ pháp học lớn hơn. Giúp người học nắm được các kiến thức về lịch sử nghiên cứu cú pháp tiếng Việt, các cấp độ nghiên cứu câu (trên ba bình diện kết học, nghĩa học, dụng học). Đi sâu vào từng bình diện, nội dung bài học sẽ cung cấp các kiến thức về kỹ năng phân tích câu, nhận diện thành phần câu và phân biệt cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện và cấu trúc thông tin của câu.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Ngữ nghĩa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bốn vấn đề chính của ngữ nghĩa học là: các vấn đề chung về ngữ nghĩa học, ngữ nghĩa học từ vựng (nghĩa của từ), ngữ nghĩa học cú pháp (nghĩa của câu) và ngữ nghĩa học dụng pháp (nghĩa của phát ngôn). Đồng thời, trang bị cho sinh viên các kỹ năng phân tích mô tả nghĩa của các đơn vị có nghĩa của ngôn ngữ nói chung và của tiếng Việt nói riêng.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Ngữ dụng học	Cung cấp những kiến thức về vị trí và vai trò của nghiên cứu dụng học trong mô hình tam phân của tín hiệu học nói chung và trong nghiên cứu về hệ thống tín hiệu ngôn ngữ nói riêng. Từ đó, xác định đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của ngữ dụng học, một phân ngành trong nghiên cứu ngôn ngữ học. Trang bị cho người học những vấn đề về giao tiếp ngôn ngữ và các nhân tố tham gia vào quá trình giao tiếp đó. Nói cách khác, ngữ dụng học sẽ quan tâm đến cách thức mà con người tác động lẫn nhau thông qua giao tiếp và các nhân tố ngữ cảnh chi phối quá trình giao tiếp của con người như thế nào. Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích dụng học như: việc xác định và xây dựng các biểu thức quy chiếu, việc tổ chức các thông tin hàm ẩn trong phát ngôn; tìm hiểu và nắm bắt các nguyên tắc trong giao tiếp, trong lập luận, xem xét cách thức thực hiện các hành vi khác nhau bằng ngôn ngữ...	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Lịch sử tiếng Việt	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử tiếng Việt. Tiếng Việt là ngôn ngữ thuộc nhóm tiếng Việt (Vietic), nhánh Môn-	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		Khmer (Mon - Khmer branche) của họ Nam Á (Austroasiatic) - một trong năm họ ngôn ngữ chính ở vùng Đông Nam Á. Dựa vào tư liệu ngôn ngữ và lịch sử - văn hóa của người Việt, có thể chia tiếng Việt ra 6 giai đoạn phát triển: từ tiền Việt (proto Vietic) cho đến hiện nay; trong đó, giai đoạn tiền Việt là ngôn ngữ của cư dân văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam. Từ một ngôn ngữ không có thanh điệu trở thành một ngôn ngữ có sáu thanh điệu là một quy luật phát triển không chỉ của tiếng Việt mà là một quy luật biến đổi ngôn ngữ quan trọng trong khu vực. Trong phát triển lịch sử, tiếng Việt vừa duy trì được giá trị thuần (pure) Nam Á, vừa có sự tiếp xúc vay mượn ngôn ngữ trong khu vực để tạo nên sự phát triển của mình. Trong lịch sử ngôn ngữ, người Việt có hai kiểu văn tự của tiếng Việt là chữ Nôm và chữ Quốc ngữ Latinh.			Thi cuối kỳ: 60%
43.	Phương ngữ học tiếng Việt	Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về phương ngữ học và phương ngữ học tiếng Việt như nguyên tắc phân vùng, kết quả phân vùng và đặc điểm của các phương ngữ lớn ở Việt Nam. Cung cấp những tri thức về sự ảnh hưởng của lịch sử tiếng Việt lên bề mặt không gian của tiếng Việt trên các miền đất nước và cung cấp những gợi mở về việc nghiên cứu phương ngữ Việt ngoài lãnh thổ quốc gia, phương ngữ trong các tác phẩm văn học nghệ thuật.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam	Giới thiệu cho sinh viên bức tranh chung về các dân tộc thiểu số và tình trạng ngôn ngữ văn hoá các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, bức tranh địa lý - xã hội ngôn ngữ học liên quan đến ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, những vấn đề cơ bản của việc phân loại ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam theo quan hệ cội nguồn. Đồng thời, cung cấp một số khái niệm và một vài nội dung cơ bản nhất về ngôn ngữ học xã hội được đặt ra khi tiếp cận với vùng ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
45.	Ngôn ngữ học đối chiếu	Ngôn ngữ học đối chiếu có phạm vi bao quát một lúc nhiều ngôn ngữ, thông thường là từng cặp ngôn ngữ của hai dân tộc tương ứng. Nhiệm vụ của nó là tìm ra sự giống nhau và khác nhau của hai phạm vi thuộc hai ngôn ngữ được đưa vào nghiên cứu. Vốn bản thân sự tồn tại của ngôn ngữ ở dạng tĩnh hay dạng động bao giờ cũng bị chế định bởi thuộc tính ngôn ngữ và văn hóa. Vì vậy, việc nghiên cứu phát hiện cái giống và cái khác phải từ các sự kiện ngôn ngữ mà xét rồi mới nói đến văn hóa như là hệ quả, nguyên	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		nhân. Việc nghiên cứu có tính xuyên ngữ, xuyên cấp độ nhưng bao giờ cũng phải bắt đầu từ cấp độ, phạm trù, bình diện, hành vi ngôn ngữ xác định để đối chiếu thì kết quả mới xác đáng và có giá trị lý luận, ứng dụng thiết thực.			
46.	Loại hình học ngôn ngữ	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ học các kiến thức cơ bản về loại hình học (đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu...), các loại hình ngôn ngữ (cơ sở phân loại các loại hình ngôn ngữ, đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ), phổ niệm ngôn ngữ (khái niệm phổ niệm ngôn ngữ, các loại phổ niệm ngôn ngữ) đặc điểm loại hình của các ngôn ngữ đơn lập nói chung và của tiếng Việt nói riêng (về mặt ngữ âm, cấu tạo từ, từ loại, cú pháp). Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng và phương pháp phân tích, mô tả, đối chiếu đặc điểm loại hình của các ngôn ngữ và của tiếng Việt để vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập bản ngữ và ngoại ngữ.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Phong cách học tiếng Việt	Cung cấp cho sinh viên tri thức về lịch sử nghiên cứu phong cách học trên thế giới và Việt Nam. Các phương pháp phân chia phong cách chức năng. Đặc điểm ngôn ngữ của các phong cách chức năng tiếng Việt. Giá trị phong cách của các đơn vị ngôn ngữ và các biện pháp tu từ.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>15</b>		
<b>V.2.1</b>	<b>Hướng chuyên ngành Ngôn ngữ học</b>		<b>15/30</b>		
48.	Ngôn ngữ, truyền thông và tiếp thị	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống và có tính liên ngành về truyền thông, tiếp thị và mối quan hệ giữa ngôn ngữ với những địa hạt trên để từ đó người học có những tiếp cận sâu sắc và thực tế đối với hình thức giao tiếp cộng đồng mang tính bản sắc này. Qua đó người học cũng sẽ nắm được quy trình và những công việc cần làm đối với các sản phẩm ngôn ngữ truyền thông mang tính tiếp thị.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Ngôn ngữ và công việc biên tập, xuất bản	Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản liên quan công tác xuất bản: xuất bản và vai trò của xuất bản phẩm trong truyền thông đại chúng; xuất bản trên thế giới và Việt Nam; Thực trạng xuất bản hiện nay ở Việt Nam: văn hóa đọc, số lượng xuất bản phẩm, nhu cầu và thực tiễn cung cấp; Ấn bản giấy và ấn bản điện tử; v.v.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		<p>- Vai trò của người biên tập trong quy trình xuất bản: biên tập nội dung, biên tập kỹ thuật, biên tập mỹ thuật... trong đó, trong biên tập nội dung, điều quan trọng nhất là biên tập ngôn ngữ;</p> <p>- Những nội dung cơ bản của biên tập nội dung; Các tiêu chí đánh giá biên tập ngôn ngữ; v.v.</p>			
50.	Việt ngữ học với việc dạy tiếng Việt trong nhà trường	Cung cấp cho sinh viên những cơ sở ngôn ngữ học, giáo dục học và tâm lý học trong việc dạy tiếng; phân biệt dạy tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ nhất với dạy tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai và ngoại ngữ. Đồng thời, môn học này cho biết thực trạng dạy và học tiếng Việt hiện nay, cũng như phương hướng dạy và học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ mẹ đẻ.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ	Giúp sinh viên phân biệt với môn học có tên gọi gần gũi là môn tiếng Việt thực hành cho người Việt. Chính từ sự phân biệt này giúp sinh viên nhận thức rõ mục tiêu, đối tượng, cách thức tiến hành giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. Môn học cũng giới thiệu với sinh viên một số phương pháp giảng dạy ngoại ngữ nói chung, giúp sinh viên làm quen với giáo trình, bước đầu biết cách sử dụng sách, giáo trình tiếng Việt để truyền đạt nội dung và luyện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, giao tiếp cho học viên nước ngoài. Ngoài ra môn học cũng giúp sinh viên bước đầu làm quen với việc tự thiết kế bài giảng, biết cách soạn bài sửa lỗi hệ thống cho học viên và bài kiểm tra đánh giá trình độ học viên.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Việt ngữ học với việc nghiên cứu, giảng dạy văn học, văn hóa	Cung cấp cho sinh viên tri thức liên quan đến lịch sử hình thành Việt ngữ học; vận dụng các kiến thức về Ngữ âm học tiếng Việt, Từ vựng học tiếng Việt, Ngữ pháp học tiếng Việt, Phương ngữ học tiếng Việt, Phong cách học tiếng Việt vào việc nghiên cứu, giảng dạy văn học, văn hóa.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Giáo dục ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	Giúp sinh viên nắm được các chính sách của Nhà nước đối với việc giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số; Nhu cầu được giáo dục tiếng mẹ đẻ của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam; Khó khăn và thuận lợi trong việc giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam; Thực trạng giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam; Đi thực tế và trình bày một số kiến nghị và giải pháp.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
54.	Ngôn ngữ văn học và sự phát triển của tiếng Việt trong thế kỷ 20	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ học các kiến thức sơ khởi về lý luận ngôn ngữ văn học, hướng sinh viên nắm được lai lịch và lộ trình biến đổi của ngôn ngữ văn học Việt Nam trong	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		thế kỷ XX, việc tạo tiền đề cho sự phát triển hiện nay. Đồng thời, trang bị cho sinh viên các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ văn học và tiếng Việt thế kỷ XX, để sau này vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy ngôn ngữ văn học và tiếng Việt văn học thế kỷ XX cho sinh viên, học viên trong nước và nước ngoài ở các bậc đào tạo khác nhau, vận dụng vào công tác biên tập, xuất bản các văn bản văn học.			
55.	Ngôn ngữ và thực hành báo chí	Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản liên quan đến ngôn ngữ và ngôn ngữ truyền thông: Sự ra đời của các truyền thông trên thế giới và Việt Nam, các khái niệm cần yếu (truyền thông, truyền thông đa phương tiện, báo in, radio, television, internet...); Các loại hình truyền thông cơ bản; Ưu thế của truyền thông nói chung và truyền thông hiện đại; Công nghệ và truyền thông; v.v. Vai trò, đặc điểm chính của ngôn ngữ truyền thông và ách thức thể hiện của ngôn ngữ truyền thông; v.v.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Từ điển học và việc biên soạn từ điển tiếng Việt	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: - Lược sử từ điển học và từ điển học Việt Nam. - Những khái niệm căn bản thuộc lĩnh vực lý luận về từ điển và từ điển học. - Vận dụng những tri thức về từ vựng học, ngữ nghĩa học để thực hiện một số kỹ năng thực hành xây dựng từ điển tường giải như: + Thiết lập cấu trúc vĩ mô, cấu trúc vi mô của từ điển + Cách thu thập và xử lý ngữ liệu + Cách phân tích nghĩa, tách nghĩa + Cách nêu định nghĩa và miêu tả nghĩa + Phương pháp chú giải, minh họa trình bày... - Rèn luyện kỹ năng thực hành các phương pháp và thao tác thực tế trong biên soạn từ điển tường giải.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
57.	Giáo dục ngôn ngữ trong môi trường đa ngữ	Trang bị cho sinh viên lý thuyết và thực tiễn của việc thực hiện chính sách ngôn ngữ tại Việt Nam, cụ thể đó là việc giải quyết 3 mối quan hệ: Ngôn ngữ văn hóa với ngôn ngữ sinh hoạt, phương ngữ (trong phạm vi tiếng Việt); Ngôn ngữ quốc gia và ngôn ngữ dân tộc thiểu số; Các ngôn ngữ tại Việt Nam và các ngoại ngữ phổ biến (Anh, Pháp, Trung).	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2. 2	<b>Hướng chuyên ngành Việt ngữ học cho người nước ngoài</b>		<b>18/36</b>		

58.	Tiếng Việt và phong tục Việt Nam	Giúp sinh viên nhận biết mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá của Việt Nam thông qua các từ ngữ chuyên dụng; Tìm hiểu và nắm bắt những từ ngữ chuyên dụng trong phong tục thờ cúng tổ tiên của Việt Nam; Tìm hiểu và nắm bắt những từ ngữ chuyên dụng trong phong tục thờ cúng các thánh Tứ Bất Tử của Việt Nam.	3	HK 5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Tiếng Việt ngành du lịch	Giúp sinh viên nắm được một cách cơ bản về ngành du lịch, vai trò, nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch. Cung cấp cho sinh viên một phong kiến thức chung về ngành khoa học này cũng như là những phẩm chất, năng lực, đạo đức của người làm du lịch. Cách tổ chức các đoàn du lịch, cách xử lý các tình huống trong khi hướng dẫn khách du lịch. Tầm quan trọng của du lịch đối với sự phát triển của một đất nước. Vai trò của du lịch trong việc quảng bá đất nước. Bộ máy tổ chức của ngành du lịch Việt Nam như thế nào, một số tổ chức quốc tế liên quan đến du lịch. Đồng thời với việc cung cấp những kiến thức lý thuyết về ngành du lịch, môn học cũng trang bị cho sinh viên một lượng từ cần thiết cho bất cứ sinh viên nước ngoài học tiếng Việt nào. Những từ ngữ thông thường về du lịch cũng như là những thuật ngữ chuyên ngành mà sinh viên cần phải biết. Ngoài ra môn Tiếng Việt du lịch còn cung cấp cho sinh viên những bài đọc được giới thiệu theo chủ đề của mỗi bài, cung cấp cho sinh viên những ví dụ linh hoạt về môi trường du lịch thực tế ở một số vùng trên đất nước Việt Nam cũng như trên thế giới.	3	HK5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60.	Tiếng Việt ngành kinh tế, thương mại	Giúp cho sinh viên nước ngoài hiểu được các khái niệm kinh tế cơ bản trong nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau (sản xuất, phân phối, tiêu thụ, xuất nhập khẩu, thị trường tiêu dùng, thị trường tài chính ngân hàng, thị trường bất động sản, thị trường điện tử...). Đồng thời có những hiểu biết đại cương về kinh tế Việt Nam và có kỹ năng phân tích một vấn đề kinh tế. Phần thực hành của học phần sẽ trang bị cho sinh viên kỹ năng viết về một vấn đề kinh tế bằng tiếng Việt (soạn thảo hợp đồng, soạn thảo thư giao dịch...), sử dụng thành thạo các thuật ngữ kinh tế và có kỹ năng trình bày trước đông người (ví dụ: giới thiệu sản phẩm, quảng cáo công ty...) Ứng dụng thực tiễn: giúp cho các công việc biên/phiên dịch, viết bài và trình bày của sinh viên nước ngoài khi tham gia vào công	3	HK5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		việc của các công ty có liên quan tới tiếng Việt.			
61.	Tiếng Việt và dịch thuật	Củng cố theo cách hệ thống hóa và nâng cao các kiến thức cơ bản về tiếng Việt. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng vào trong đối dịch (dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài). Cung cấp cho sinh viên cách dịch một số những mô hình câu cũng như các thuật ngữ thường gặp thuộc các lĩnh vực khác nhau. Thông qua đó giúp cho sinh viên làm quen với cách dịch và hình thành bước đầu một số thủ pháp cũng như kỹ năng dịch.	3	HK 5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Tiếng Việt qua báo chí	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về đọc và tóm tắt thông tin báo chí Việt. Đồng thời, học phần cũng cho sinh viên thực hành các kỹ năng đó trong thực tế báo tiếng Việt.	3	HK5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
63.	Tiếng Việt trong tục ngữ, ca dao	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ học các kiến thức cơ bản về tục ngữ, ca dao Việt Nam (đối tượng, nhiệm vụ, mục đích nghiên cứu, các tiêu chí xác lập và phân loại, phương pháp, thủ pháp phân tích, tiếp cận vai trò của ngôn ngữ trong tác phẩm văn học dân gian). Học phần này cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp phân tích các hướng tiếp cận khác nhau về tục ngữ, ca dao (theo hướng thi pháp học, phân tích diễn ngôn, tri nhận ngôn ngữ học, ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học nhân học...); phân tích các thủ pháp ngôn ngữ trong tục ngữ, ca dao; phân tích mối quan hệ giữa từ địa phương và ngôn ngữ toàn dân qua tục ngữ, ca dao; phân tích mối quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ trong tục ngữ, ca dao.	3	HK5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64.	Tiếng Việt và lễ hội ở Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về một số lễ hội quan trọng và tiêu biểu trong hệ thống lễ hội ở Việt Nam. Sinh viên được cung cấp các đặc điểm chung nhất về các lễ hội ở Việt Nam, thời gian đặc trưng và không gian đặc trưng của các lễ hội cũng như ý nghĩa của các lễ hội.	3	HK5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
65.	Tiếng Việt trong công nghệ thông tin	Giúp người học có một vốn từ tiếng Việt cơ bản về lĩnh vực công nghệ thông tin nói chung, đồng thời người học cũng có một cái nhìn khái quát về công nghệ thông tin ở Việt Nam cũng như ở trên thế giới. Những phần thực hành của học phần sẽ giúp cho người học sử dụng thành thạo các thuật ngữ về công nghệ thông tin trong tiếng	3	HK5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Việt trong các tình huống khác nhau. Đồng thời thông qua những phần thực hành, học phần sẽ trang bị cho người học những tri thức cơ bản về công nghệ thông tin bằng tiếng Việt để trong tương lai phục vụ cho công việc của mình như dịch thuật, kinh doanh, buôn bán...			
66.	Tiếng Việt với lịch sử và văn hóa Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: - Từ nguyên học. - Cách tiếp cận lịch sử, văn hóa dân tộc theo con đường của từ nguyên học. - Cách tiếp cận lịch sử, văn hóa dân tộc theo con đường của nhân học ngôn ngữ. - Những cứ liệu chứng minh ngôn ngữ có quan hệ chặt chẽ với lịch sử, văn hóa dân tộc. - Về mối quan hệ giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ cùng họ. - Ngôn ngữ học tri nhận. - Vài nét về cách thức tri nhận thế giới của người Việt thông qua tư liệu tiếng Việt - Cách thức định danh của người Việt.	3	HK5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
67.	Tiếng Việt và văn học Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên: hệ thống vốn từ vựng và ngữ pháp thường được sử dụng trong văn học dân gian và văn học viết tiếng Việt (các đơn vị từ ngữ, các kiểu cấu trúc ngữ pháp thường được sử dụng trong thơ ca, trong văn xuôi), các kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của văn học Việt Nam từ văn học dân gian đến văn học hiện đại, thao tác đọc-hiểu một tác phẩm văn học cụ thể cũng như việc tóm tắt nội dung chính của tác phẩm. Đồng thời học phần còn trang bị cho sinh viên các tri thức cần thiết để có thể phân kỳ các giai đoạn phát triển của văn học dựa trên mặt biểu hiện của ngôn ngữ cũng như các đặc trưng sáng tác văn học. Với các kiến thức học được, sinh viên có thể vận dụng vào thực tiễn dịch thuật, nghiên cứu, giảng dạy văn học cho người bản ngữ và người nước ngoài học tiếng Việt.	3	HK5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
68.	Tiếng Việt trên các phương tiện nghe nhìn	Thông qua các bài nghe, các video clip về nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội, học phần sẽ giúp cho người học có một vốn từ tiếng Việt cơ bản thường được sử dụng trên các phương tiện nghe nhìn nói chung, đồng thời người học cũng được cung cấp những kiến thức về lịch sử, văn hoá, du lịch, tin tức, ... ở Việt	3	HK5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Nam cũng như ở trên thế giới. Những phần thực hành của học phần sẽ giúp cho người học sử dụng thành thạo các thuật ngữ trên các phương tiện nghe nhìn trong tiếng Việt trong các tình huống khác nhau. Đồng thời thông qua những phần thực hành, học phần sẽ trang bị cho người học những tri thức cơ bản về cách thức trình bày, cấu trúc bài viết trên các phương tiện nghe nhìn bằng tiếng Việt để trong tương lai phục vụ cho công việc của mình như dịch thuật, làm báo, ...			
69.	Tiếng Việt trong pháp luật	Thông qua các bài viết cụ thể về pháp luật nói chung và pháp luật Việt Nam nói riêng, học phần Tiếng Việt trong pháp luật sẽ giúp sinh viên nước ngoài hiểu được các khái niệm pháp luật cơ bản (hiến pháp, pháp luật, luật dân sự, quyền sở hữu, luật kinh tế, luật lao động, luật đất đai...). Đồng thời có những hiểu biết đại cương về pháp luật Việt Nam, hiểu chính xác các khái niệm pháp luật và có kỹ năng phân tích một vấn đề pháp luật. Phần thực hành của học phần sẽ trang bị cho sinh viên kỹ năng viết về một vấn đề pháp luật bằng tiếng Việt, hiểu chính xác và sử dụng thành thạo các thuật ngữ pháp luật và kỹ năng thảo luận nhóm cũng như thuyết trình trước đám đông. Ứng dụng thực tiễn: giúp cho các công việc biên/ phiên dịch, viết bài và trình bày của sinh viên nước ngoài khi tham gia vào công việc của các cơ quan, tổ chức có liên quan tới tiếng Việt.	3	HK5/6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>7</b>		
70.	Thực tập	Cung cấp cho sinh viên: - Các kiến thức thực tế về ngôn ngữ, văn hoá, xã hội các vùng miền Việt Nam; các kiến thức thực tế liên quan đến các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy ngôn ngữ, báo chí, xuất bản, phát thanh và truyền hình. - Các kỹ năng cơ bản về nghiên cứu điền dã (quan sát, ghi chép, thu thập và xử lý tư liệu), nghiên cứu và giảng dạy (xây dựng đề cương, viết bài, biên tập và tổ chức biên tập, soạn bài giảng, giảng dạy thử...), tổ chức và giao tiếp (tổ chức và quản lý công việc theo nhóm, giao tiếp với các cơ quan bên ngoài, làm việc với cộng tác viên).	2	HK7	Điểm báo cáo thực tập và đánh giá, nhận xét của cơ quan sinh viên thực tập, đánh giá, nhận xét của GVHD: 100%
71.	Khóa luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên:	5	HK8	Việc đánh giá và cho

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các kiến thức chuyên sâu liên quan đến một lĩnh vực, một vấn đề nghiên cứu cụ thể, liên quan đến đề tài nghiên cứu.</li> <li>- Các hiểu biết cơ bản đối với một công trình nghiên cứu (các yêu cầu về hình thức, nội dung, chất lượng khoa học)</li> <li>- Các kỹ năng cơ bản và cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu: xác định đề tài, đọc tài liệu và viết tổng quan tình hình nghiên cứu, thu thập và xử lý tư liệu, xây dựng đề cương khái quát và đề cương chi tiết, trình bày kết quả nghiên cứu (bằng văn bản hoặc thuyết trình).</li> </ul>			điểm KLTN của SV do GVHD, GVPB và các ủy viên trong hội đồng quyết định. Điểm KLTN: 100%
	<i>Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>				
72.	Các vấn đề lý luận ngôn ngữ học	Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận căn bản và cần thiết của ngôn ngữ học, lịch sử, sự phát triển trong lý luận ngôn ngữ học ở Việt Nam, lịch sử và các khuynh hướng chủ yếu của ngôn ngữ học thế giới.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
73.	Những vấn đề cơ bản của ngôn ngữ Việt Nam và ngôn ngữ học ứng dụng	Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận căn bản và cần thiết của Việt ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng, lịch sử và những vấn đề cơ bản của Việt ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng ở Việt Nam, lịch sử và các khuynh hướng chủ yếu của Việt ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng trên thế giới.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## C9. Khoa Nhân học

### 1. Cử nhân Nhân học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		

5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
8.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
10.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		5		
11.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
14.	Nhân học đại cương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngành Nhân học, cụ thể là về đối tượng, phạm vi, các phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của ngành nhân học và một số chủ đề quan trọng của ngành học như chủng tộc, tộc người, ngôn ngữ, giới và giới tính, gia đình, thân tộc, hôn nhân, cư trú, tôn giáo.</li> <li>- Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của nghiên cứu nhân học, như quan sát tham gia, phỏng vấn, các kỹ năng về mô tả dân tộc học, v.v.</li> <li>- Về thái độ: Có quan điểm tương đối văn hóa, chống chủ nghĩa vị chủng, định kiến, v.v.</li> </ul>	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



15.	Lịch sử và các lý thuyết nhân học	Lý thuyết là một chủ đề quan trọng trong nhân học, vì nếu không có lý thuyết, tư liệu dân tộc học do nhà nhân học thu thập trên thực địa chỉ là những thông tin khảo tả các hiện tượng văn hóa, xã hội của con người. Lý thuyết không chỉ giúp nhà nhân học định hình các vấn đề nghiên cứu, thu thập thông tin trên thực địa, phân tích và trình bày tài liệu, mà quan trọng hơn, thông qua việc ứng dụng lý thuyết nhà nhân học tham gia vào việc thảo luận các vấn đề lớn, cơ bản của ngành nhân học. Học phần “Lịch sử và các lý thuyết nhân học” giới thiệu cho sinh viên ngành nhân học những vấn đề cơ bản về sự ra đời, các bước phát triển, các cuộc tranh luận và các trường phái lý thuyết kinh điển trong nhân học	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.2</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9/45</b>		
16.	Dân số học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội			
17.	Công tác xã hội đại cương		3	HK6	
	Gia đình học		3	HK6	
18.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học		HK3	
19.	Tâm lý học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK3	
20.	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK5	
21.	Nhập môn Việt Nam học và Khu vực học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Việt Nam học	3	HK3	
22.	Nhập môn khoa học du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK3	
23.	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK3	
24.	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK3	
25.	Thể chế chính trị thể	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế	3	HK3	

	giới	học			
26.	Tâm lý học phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý	3	HK3	
27.	Tâm lý học sức khỏe	học	3	HK3	
28.	Lịch sử-văn hóa và tư tưởng phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông Nam Á học	3	HK3	
29.	Lịch sử Quan hệ quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
IV.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
30.	Các phương pháp nghiên cứu nhân học	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về nghiên cứu nhân học, quy trình nghiên cứu nhân học, các phương pháp trong nghiên cứu điền dã dân tộc học, cách phân tích và trình bày tài liệu nghiên cứu nhằm tạo ra một công trình nghiên cứu khoa học.	3	HK 2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Nhân học sinh học	Có những hiểu biết cơ bản về lĩnh vực Nhân học sinh học (một ngành khoa học nghiên cứu về mối tương tác văn hóa – sinh học giữa con người và môi trường xã hội) cũng như các ứng dụng và các trào lưu nghiên cứu của Nhân học sinh học đương đại. Thông qua đó, sinh viên có kiến thức liên ngành về các ngành nghề và hướng nghiên cứu mà mình có thể theo đuổi trong tương lai. Hiểu và nắm được các tri thức về đối tượng nghiên cứu, lịch sử ra đời và phát triển, phương pháp luận và phương pháp thực hiện nghiên cứu và những chủ đề quan trọng khác của Nhân học sinh học. Sinh viên có thể giải thích, thảo luận các chủ đề hàn lâm và ứng dụng của phân ngành nhân học này.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Cơ sở khảo cổ học	Học phần chú trọng tới việc cập nhật tri thức và những diễn giải mới về nguồn gốc và sự tiến hóa nhân loại nhằm làm nổi bật luận điểm về tính thống nhất và sự phát triển đa dạng của văn hóa người cũng như nhấn mạnh vai trò của các di sản vật thể và phi vật thể trong đời sống nhân loại hiện nay. Bên cạnh việc cung cấp tri thức	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		cụ thể về giai đoạn văn hóa, từng nền văn hóa, từng di tích, di vật, học phần còn giúp sinh viên làm quen với một ngành khoa học, những phương pháp và cách thức tiếp cận, nghiên cứu vấn đề, kể cả những phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại và mối quan hệ của khoa học khảo cổ với các khoa học xã hội, nhân văn và kỹ thuật khác. Trong học phần này thông qua một số phần cụ thể, công việc của một nhà khảo cổ từ điền dã đến nghiên cứu hậu khai quật cũng sẽ được giới thiệu nhằm mục đích cho thấy đây là một ngành khoa học luôn cố gắng đạt tới kết quả khái quát và khách quan cao nhất trong diễn giải quá khứ.			
<b>IV.2</b>		<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>	<b>6</b>		
		<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>	6/12		
33.	Nhân học chữ viết	Có những tri thức cơ bản về nhân học chữ viết, một ngành khoa học nghiên cứu về chữ viết, mối quan hệ giữa các dạng thức của chữ viết và các nền văn minh, tính văn hoá xã hội của thực hành đọc và viết. Hiểu và nắm được các tri thức về những vấn đề lý thuyết (bao gồm các khái niệm, cách tiếp cận và các lập luận lý thuyết), và các hướng nghiên cứu chính của chuyên ngành nhân học chữ viết.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
34.	Nhân học môi trường	Học phần trang bị cho sinh viên: Những hiểu biết cơ bản về lĩnh vực Nhân học môi trường (một ngành khoa học nghiên cứu về mối tương tác văn hóa-sinh học giữa con người và môi trường) và các trào lưu nghiên cứu đương đại. Các tri thức về đối tượng nghiên cứu, lịch sử ra đời và phát triển, phương pháp luận và phương pháp thực hiện nghiên cứu và những chủ đề quan trọng khác của Nhân học môi trường.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Nhân học nghệ thuật	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về nghệ thuật dưới góc nhìn nhân học để hướng người học đến với nhân học nghệ thuật – một hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu nghệ thuật ở Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên nhân học hiểu về những vấn đề lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của nhân học nghệ thuật để tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Từ những kiến thức được học, sinh viên biết vận dụng các kỹ năng,	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		phương pháp nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến nghệ thuật và nhân văn bằng phương pháp luận của nhân học nghệ thuật.			
36.	Nhân học di sản và du lịch	Có những tri thức cơ bản về di sản văn hoá và du lịch, từ các vấn đề lý luận đến chính sách và mối quan hệ hữu cơ và phức hợp giữa di sản và du lịch trong phát triển kinh tế – văn hoá – xã hội. Có khả năng miêu tả được bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội và lịch sử của vấn đề bảo tồn và phát huy di sản và phát triển du lịch từ cách tiếp cận nhân học. Hiểu và nắm được các tri thức về những vấn đề lý thuyết và các hướng nghiên cứu chính về di sản văn hoá và du lịch và mối quan hệ của hai lĩnh vực này trong đời sống đương đại.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
		<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>	6/15		
37.	Chính sách xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK7	
38.	Phát triển cộng đồng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK7	
39.	Tâm lý học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK7	
40.	Văn hóa, văn minh phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK7	
41.	Quan hệ đối ngoại Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK7	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>48</b>		
V.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>27</b>		
42.	Nhân học ngôn ngữ	Sau khi học xong môn Nhân học ngôn ngữ, sinh viên sẽ: Có những tri thức cơ bản về nhân học ngôn ngữ, một ngành khoa học nghiên cứu về bản chất của các mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, xã hội. Hiểu và nắm được các tri thức về những vấn đề lý thuyết (bao gồm các khái niệm, cách tiếp cận và các lập luận lý thuyết), phương	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		pháp nghiên cứu (gồm các kỹ thuật thu thập tài liệu, phân tích, xử lý và trình bày tài liệu) và các hướng nghiên cứu chính của chuyên ngành nhân học ngôn ngữ.			
43.	Nhân học kinh tế	Người học có được một cái nhìn tổng quan về nhân học kinh tế, các lý thuyết và các tranh luận học thuật tiêu biểu trong nhân học kinh tế, và được trang bị các kiến thức nền tảng về những vấn đề chính mà nhân học kinh tế quan tâm, bao gồm sản xuất, trao đổi, tiêu dùng, thị trường, tiền tệ, đói nghèo và toàn cầu hóa.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Nhân học phát triển	Môn học này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ giữa nhân học và phát triển, một trong những vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội phức tạp và có tác động sâu rộng nhất đến sự vận động của thế giới từ cuối thế kỷ 19 đến nay.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
45.	Nhân học tôn giáo	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết để nắm bắt và hiểu các cách tiếp cận nhân học tôn giáo (NHTG), phân biệt với nghiên cứu tôn giáo nói chung. Qua đó giúp cho học viên tiếp cận các vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng (TGTN) dưới góc nhìn nhân học và cung cấp cho người học – sinh viên nhân học hiểu và nắm được các tri thức, lý thuyết (bao gồm khái niệm, cách tiếp cận, khung lý thuyết), phương pháp nghiên cứu (bao gồm các kỹ thuật thu thập tài liệu, phân tích xử lý và trình bày tài liệu) và tri thức phổ thông về một số chủ đề quan trọng của học phần. Từ những kiến thức được học, sinh viên biết vận dụng các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến các vấn đề có liên quan đến TGTN.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Nhân học y tế	Trang bị cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí của Nhân học y tế trong y tế cộng đồng, những khái niệm chính, đối tượng, phạm vi, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của Nhân học y tế.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Nhân học về giới	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về: 1) những khái niệm, lý thuyết, tranh luận chính xoay quanh nghiên cứu giới và phụ nữ trong lịch sử phát triển nhân học; 2) tác động từ khía cạnh giới tới quá trình triển khai nghiên cứu thực địa nhân học.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

48.	Nhân học đô thị	Học phần giới thiệu cho người học những kiến thức căn bản trong nhân loại học đô thị trong đó “thành phố” là đối tượng chính. Bài giảng sẽ cung cấp cho người học các khái niệm, lý luận, phương pháp và những vấn đề liên quan đến nhiều mặt của cư dân các đô thị trên thế giới và vận dụng vào xem xét các vấn đề của đô thị Việt Nam.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Nhân học số và hình ảnh	Trang bị cho sinh viên (1) có những tri thức cơ bản về nhân học số và nhân học hình ảnh, một ngành khoa học nghiên cứu về văn hóa - xã hội loài người bằng phương tiện số hóa và hình ảnh; và (2) sinh viên hiểu và nắm được các tri thức về những vấn đề lý thuyết (bao gồm các khái niệm, cách tiếp cận và các lập luận lý thuyết), phương pháp thể hiện và tri thức nhân học cơ bản về các vấn đề văn hóa xã hội của con người bằng số hóa các hình ảnh.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về các đặc trưng văn hóa của các tộc người sinh sống ở Việt Nam; một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề mà các dân tộc đang đối mặt; một số ưu việt và bất cập trong việc thực hành các chủ trương chính sách đối với tình hình thực tiễn của các dân tộc.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/24</b>		
51.	Thân tộc, hôn nhân và gia đình ở Việt Nam	Sinh viên có kiến thức về học phần Thân tộc, Hôn nhân và Gia đình ở Việt Nam. Có thể áp dụng kiến thức đó trong nghiên cứu và triển khai các hoạt động trên thực tế	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Văn hóa và xã hội Việt Nam đương đại	Học phần hướng dẫn tìm hiểu văn hoá xã hội Việt Nam từ khi có chính sách đổi mới vào năm 1986 đến đầu thập niên của thế kỷ XXI.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Nghiên cứu làng xã ở Việt Nam và một số nước trong khu vực	Cung cấp những kiến thức cơ bản về các xã hội nông dân và làng cổ truyền ở Việt Nam và Châu Á trong một viễn cảnh so sánh nhân học xã hội. Trọng tâm của môn học nhằm vào những tranh luận nóng bỏng trong giới học thuật thế giới và trong nước về xã hội nông dân và thiết chế làng cổ truyền ở châu Á: Làng là một cấu trúc xã hội giống như một chế độ cộng hoà tự trị với tất cả tôn ty	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		trật tự xã hội lâu đời của nó, hay chỉ đơn thuần là một nơi tụ cư với tính năng động và di động cao của người nông dân? Mạng lưới xã hội của nông dân và những ràng buộc của thiết chế làng có ý nghĩa thế nào trong đời sống của họ, bản chất nông dân là duy lý hay duy tình? Nông dân có năng động xã hội không và cái làng có vai trò thế nào trong các cuộc chiến tranh cách mạng, chống xâm lăng và trong quá trình phát triển nông thôn? Những câu hỏi này sẽ được giải đáp trong bài giảng thông qua việc nghiên cứu các tài liệu và thảo luận trên lớp.			
54.	Tính tộc người và quan hệ tộc người	Môn học này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về tộc người và quan hệ tộc người, một trong những vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội phức tạp và có tác động sâu rộng nhất đến sự vận động của thế giới từ sau khi kết thúc chiến tranh Lạnh đến nay.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Các dân tộc Tày - Thái ở Việt Nam	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết để nắm bắt và hiểu các cách tiếp cận về những vấn đề văn hoá và sự phát triển văn hoá của các dân tộc Tày-Thái ở Việt Nam. Qua đó giúp cho học viên tiếp cận các vấn đề liên quan đến các dân tộc này dưới góc độ Nhân học. Cung cấp cho người học – sinh viên ngành Nhân học hiểu và nắm được các tri thức về những vấn đề lí thuyết (bao gồm khái niệm, cách tiếp cận, khung lí thuyết), phương pháp nghiên cứu (bao gồm các kĩ thuật thu thập tài liệu, phân tích xử lí và trình bày tài liệu) và tri thức phổ thông về các chủ đề quan trọng của ngành nhân học nghiên cứu các tộc người. Từ những kiến thức được học, sinh viên biết vận dụng các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến các dân tộc Tày-Thái. Sinh viên sẽ có thể phân tích, thảo luận, bình luận về các sự kiện liên quan đến những vấn đề văn hóa tộc người.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ-me ở Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về các đặc trưng văn hóa của các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ-me ở Việt Nam, từ điều kiện tự nhiên nơi cư trú, đến các thành tố văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội, cùng một số vấn đề đang đặt	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		ra đối với các tộc người này trong thời điểm hiện nay – thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.			
57.	Tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội ở Việt Nam	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết để nắm bắt và hiểu các cách tiếp cận tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội. Qua đó giúp cho học viên tiếp cận các vấn đề nói trên dưới góc độ Nhân học. Cung cấp cho người học – sinh viên ngành Nhân học hiểu và nắm được các tri thức về những vấn đề lí thuyết (Bao gồm khái niệm, cách tiếp cận, khung lí thuyết), phương pháp nghiên cứu (Bao gồm các kĩ thuật thu thập tài liệu, phân tích xử lí và trình bày tài liệu) và tri thức phổ thông về một số chủ đề quan trọng của ngành học. Từ những kiến thức được học, sinh viên biết vận dụng các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội ở Việt nam. Sinh viên sẽ có thể phân tích, thảo luận, bình luận về các sự kiện liên quan.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
58.	Kỹ năng trao đổi khoa học trong Nhân học	Sinh viên nhân học thuộc Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn hiện nay có nhu cầu tiếp cận với các nguồn tài liệu cũng như tiếp xúc với các học giả quốc tế do vậy rất cần thiết phải biết kỹ năng và qui trình để viết một bài báo học thuật hay đề xuất tài trợ, làm khóa luận đại học hay thuyết trình trong hội thảo cũng như thảo luận nhóm, thậm chí viết bài đăng báo hoặc viết một mẫu đề giới thiệu về một hiện vật cho bảo theo chuẩn của quốc tế. Đây là một công việc khó khăn nhưng đòi hỏi phải tiến hành từng bước một. Môn học này nhằm tăng cường các kỹ năng và năng lực giao tiếp học thuật của sinh viên thông qua cách tiếp cận hai hướng: 1) học cách xác định cách viết một nghiên cứu nhân học hiệu quả và phân tích những gì làm cho nó hiệu quả và 2) rèn luyện kỹ năng viết của sinh viên thông qua một số bài tập thực tế.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.3</b>		<b>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>12</b>		
59.	Niên luận		2	HK6	
60.	Thực tập dân tộc học	Trang bị kiến thức, cung cấp cơ hội cho sinh viên thực hành nghiên cứu nhân học nói chung và điền dã dân tộc học nói riêng, qua đó thấy được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu, điền dã	3	HK hè	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		dân tộc học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu nhân học.			
61.	Khoá luận tốt nghiệp		5	HK8	
		<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>	5		
62.	Một số vấn đề về dân tộc học người Việt	Trọng tâm của học phần là nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về người Việt, từ nguồn gốc đến các đặc trưng văn hoá, quan hệ tộc người, những năng động kinh tế - xã hội, và vai trò của người Việt trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Không chỉ tổng kết những thành tựu nghiên cứu trong nước, môn học này còn tăng cường kiến thức cho người học bằng cách cập nhật các phương pháp tiếp cận, quan điểm học thuật về Việt Nam nói chung và về người Việt nói riêng của các trung tâm nghiên cứu và các nhà Việt Nam học trên thế giới.	3	HK 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
63.	Các dân tộc ngôn ngữ Việt -Mường ở miền núi Việt Nam	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và các cách tiếp cận về những vấn đề văn hoá và sự phát triển văn hoá của người Mường và các dân tộc ngôn ngữ Mường ở miền núi Việt Nam. Qua đó giúp người học tiếp cận các vấn đề liên quan đến các dân tộc này dưới góc độ Nhân học.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## C10. Khoa Thông tin-Thư viện

### 1. Cử nhân Thông tin-Thư viện

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		

6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
8.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
10.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1		5		
11.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
14.	Thông tin học đại cương	Nắm được kiến thức cơ bản các khái niệm, bản chất, thuộc tính, nội dung các loại hình thông tin, lịch sử kỹ thuật lưu giữ & hình thức chuyển tải của thông tin Nắm được khái niệm, phạm trù và phương pháp nghiên cứu của thông tin học. Cũng như lịch sử hình thành, phát triển, nhiệm vụ & đối tượng nghiên cứu của thông tin học và mối quan hệ của thông tin học với các ngành khoa học khác. Hiểu rõ được những nội dung cơ bản về vai trò quan trọng của thông tin trong sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của mỗi quốc gia, cộng đồng. Hiểu được các vấn đề quan trọng của thông tin trong xã hội hiện đại như: bùng nổ thông tin, thị trường thông tin & kinh tế thông tin, tin học hoá xã hội và xã hội thông tin. Nắm được nội dung & khái niệm của quá trình chuyển giao thông	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>tin nói chung và quá trình chuyển giao thông tin khoa học &amp; thông tin đại chúng nói riêng.</p> <p>Hiểu rõ các loại hình tài liệu &amp; những đặc trưng cơ bản của tài liệu, đặc biệt là tài liệu khoa học kỹ thuật và quy luật phát triển của chúng.</p> <p>Nắm được kiến thức cơ bản và yêu cầu của dây chuyền thông tin tư liệu, đặc biệt là hoạt động của dây chuyền thông tin tư liệu khoa học.</p> <p>Nắm vững kiến thức chuyên sâu nội dung quy trình hoạt động của dây chuyền thông tin tư liệu.</p> <p>Nắm được khái niệm, vai trò, bản chất, các loại hình hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin khoa học &amp; công nghệ (TT KH &amp; CN) nói riêng ở trên thế giới và Việt Nam. Đặc điểm người dùng tin &amp; nhu cầu thông tin khoa học &amp; công nghệ</p> <p>Biết được lịch sử, thực trạng, yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực thông tin-thư viện (TT-TV) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin khoa học &amp; công nghệ</p>			
15.	Thư viện học đại cương	<p>Nắm được những kiến thức cơ bản về lý luận thư viện: khái niệm thư viện, các bộ phận cấu thành thư viện, chức năng, nhiệm vụ của thư viện; vai trò của thư viện trong xã hội và lịch sử thư viện.</p> <p>Hiểu được các vấn đề lý thuyết cơ bản của thư viện học: đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và lịch sử thư viện học; mối quan hệ giữa thư viện học với các môn khoa học khác.</p> <p>Nắm được những vấn đề lý luận về sự nghiệp thư viện: quy luật phát triển sự nghiệp thư viện; cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của các nguyên lý tổ chức sự nghiệp thư viện Việt Nam; nội dung các nguyên lý tổ chức sự nghiệp thư viện Việt Nam.</p> <p>Hiểu được ý nghĩa và cơ sở phân chia loại hình thư viện; các loại hình thư viện chủ yếu trên thế giới.</p> <p>Nắm và phân biệt được các hệ thống thư viện chủ yếu ở Việt Nam</p>	3	HK2	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9</b>		
16.	Nhập môn khoa học dữ liệu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lý thông tin	3	HK4	
17.	Nhập môn lập trình cơ bản		3	HK4	

18.	Văn bản học	Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về khái niệm, chức năng, các loại hình văn bản và giá trị thông tin trong văn bản. Học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về quy trình soạn thảo, ban hành, quản lý và những nguyên tắc trong việc khai thác thông tin văn bản	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19.	Quan hệ công chúng đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK4	
20.	Lưu trữ học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lưu trữ học	3	HK4	
21.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
22.	Văn hóa tổ chức	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	
23.	Lý thuyết hệ thống		3	HK4	
24.	Đại cương về quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK4	
<b>IV.</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
25.	Phát triển nguồn lực thông tin	Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở lý luận cơ bản về phát triển nguồn lực thông tin trong hoạt động thông tin thư viện, những hình thức phát triển nguồn lực thông tin. Sinh viên giải quyết những công việc thực tiễn như: bổ sung - trao đổi - thanh lọc, chia sẻ nguồn lực thông tin. Đồng thời áp dụng công nghệ thông tin trong công tác phát triển nguồn lực thông tin truyền thống và hiện đại.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26.	Biên mục mô tả	Nắm được khái niệm về kiểm soát thư mục, vai trò của biên mục trong kiểm soát thư mục, các công cụ thư mục trong kiểm soát thư mục. Hiểu biết các khái niệm và nội dung của biên mục và biên mục mô tả.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>Nắm được Tiêu chuẩn quốc tế về mô tả thư mục (ISBD) và ý nghĩa của ISBD trong kiểm soát thư mục.</p> <p>Hiểu được nguyên tắc cấu tạo và phương pháp sử dụng các qui tắc biên mục tiên tiến trong nước và trên thế giới vào biên mục mô tả tài liệu thư viện.</p> <p>Nắm được các nguyên tắc cấu tạo và chức năng của mục lục chữ cái trong bộ máy tra cứu truyền thống và hiện đại.</p> <p>Nắm được công nghệ biên mục hiện đại trong hệ thư viện được tự động hóa.</p> <p>Đánh giá vai trò của biên mục và biên mục mô tả trong dây truyền kỹ thuật thư viện</p>			
27.	Phân loại tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững nội hàm khái niệm phân loại (PL), khoa học, phân loại khoa học (PLKH), phân loại tài liệu (PLTL)</li> <li>- Hiểu rõ mối quan hệ giữa PLKH và PLTL</li> <li>- Nhận biết được vai trò của PL và PLTL trong hoạt động thông tin, thư viện</li> <li>- Biết được lịch sử PLKH, PLTL và xu hướng cơ bản trong PLTL hiện đại</li> <li>- Hiểu rõ lịch sử ra đời, cấu trúc, nội dung của các khung phân loại (KPL) tiêu biểu: KPL thập tiến của Dewey (Dewey Decimal Classification - DDC), KPL Thập tiến Quốc tế (Universal Decimal Classification - UDC), KPL dùng cho các TV KH Tổng hợp VN, KPL Thư viện - Thư mục của Liên xô (Bibliochesno - Bibliographicheskaja Classificasia - BBK)</li> <li>- Nắm vững các tiêu chí/yêu cầu để lựa chọn một khung phân loại tài liệu</li> <li>- Nắm vững các phương pháp PLTL</li> <li>- Nắm được phương pháp tổ chức hệ thống điểm truy cập tìm tin theo KHPL (Ký hiệu phân loại trên MLPL truyền thống, Ký hiệu xếp giá, Ký hiệu phân loại trong mục lục trực tuyến)</li> <li>- Xác định được yêu cầu đối với chuyên gia PLTL và người quản lý công tác PLTL</li> </ul>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

IV.2		<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>	<b>6/18</b>		
		<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>			
28.	Tự động hóa hoạt động thông tin - thư viện	<p>Học phần trang bị kiến thức tổng quan về tự động hóa và hiện đại hóa trong hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan thông tin – thư viện hiện đại: nội dung và nguyên tắc của tự động hóa; ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan thông tin – thư viện; hệ thống các phần mềm chuyên dụng, các chuẩn công nghệ và chuẩn nghiệp vụ, các quy trình được tự động hóa, các trang thiết bị đang được sử dụng trong cơ quan thông tin-thư viện hiện nay.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
29.	Thông tin đa phương tiện	<p>Phát biểu được khái niệm, định nghĩa, lịch sử và mục tiêu của ứng dụng đa phương tiện          Biết được các lĩnh vực ứng dụng đa phương tiện trong các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và ngành thông tin – thư viện nói riêng.          Liệt kê những thay đổi trong các lĩnh vực khi ứng dụng đa phương tiện.          Chỉ ra được những khó khăn đối với việc sản xuất và ứng dụng sản phẩm đa phương tiện.          Nêu ra được những vấn đề chính của bản quyền tác giả liên quan đến các sản phẩm đa phương tiện.          Phân biệt và nắm rõ các đặc trưng cơ bản các loại hình đa phương tiện như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, đồ họa, hoạt hình.          Xác định được nội dung của một đề án đa phương tiện, quy trình sản xuất một sản phẩm đa phương tiện.          Biết được các phần mềm đang được dùng phổ biến để xây dựng các sản phẩm đa phương tiện.          Nắm được một các tổng quan về trang thiết bị và hạ cơ sở để xây dựng các sản phẩm và dịch vụ đa phương tiện.          Phân tích được các đặc điểm và yêu cầu đối với một phòng đa phương tiện tại một cơ quan thông tin thư viện.          So sách và đánh giá được chất lượng của một sản phẩm đa phương tiện</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
30.	Thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu	<p>Nắm được các khái niệm cơ bản trong việc tạo lập và xây dựng cơ sở dữ liệu.</p>	3	HK5	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

		Hiểu được các thành phần cơ bản của cơ sở dữ liệu, các công đoạn cơ bản trong quá trình tạo lập cơ sở dữ liệu. Biết cách quản trị cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ Biết cách khai thác cơ sở dữ liệu Access			
31.	Lịch sử sách và thư viện	- Nắm ở dạng tổng quan về điều kiện chính trị - xã hội của thế giới trong từng giai đoạn lịch sử: cổ đại, phong kiến, thời kỳ tư bản chủ nghĩa, cận đại, hiện đại; - Nắm được các xu hướng phát triển chủ yếu, các sự kiện quan trọng trong việc xuất hiện các dạng sách (tài liệu), thư viện, các nhân vật ảnh hưởng lớn tới sự phát triển lịch sử sách (tài liệu), thư viện trong từng giai đoạn của lịch sử thế giới VÀ Việt Nam. - Nắm được lịch sử hình thành, những hoạt động chủ yếu và những đóng góp nổi bật của các tổ chức nghề sách, thư viện quốc tế, khu vực và ở nước ta. - Nắm được lịch sử hình thành, phát triển công tác đào tạo nhân viên xuất bản, phát hành, thư viện; quản lý nhà nước ngành xuất bản, thư viện trên thế giới và ở Việt Nam.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	Hiểu được một số khái niệm cơ bản về thông tin quản lý hỗ trợ quyết định. Hiểu được vai trò và đặc điểm của thông tin trong công tác quản lý/lãnh đạo. Nắm được những nguyên tắc, cơ sở khoa học và các bước đi cụ thể trong quá trình xây dựng hệ thống thông tin khoa học công nghệ phục vụ lãnh đạo/quản lý. Nắm được một số hệ thống thông tin khoa học công nghệ phục vụ quản lý/lãnh đạo	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	Quản trị tri thức	Học phân nhằm giúp hiểu rõ về bản chất tri thức cũng như vai trò và tầm quan trọng của quản trị tri thức trong các tổ chức. Sinh viên có thể áp dụng các công cụ và phương pháp chuyên gia về quản trị tri thức tại đơn vị mình làm việc một cách hiệu quả, qua đó biến tri thức thành nguồn lực cho sự phát triển của tổ chức.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
		<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>	<b>6/15</b>		
34.	Đại cương về sở hữu trí tuệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
35.	Tâm lý học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý	3	HK6	

		học			
36.	Thiết kế và kiến trúc thông tin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lý thông tin	3	HK6	
37.	Nhập môn Quản trị văn phòng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK6	
38.	Tổ chức quản lý công tác văn thư lưu trữ	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lưu trữ học	3	HK6	
<b>V.</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>53</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
39.	Định chủ đề, định từ khóa	Học phần trang bị kiến thức về định chủ đề và từ khóa. Qua đó, người học có thể nắm bắt một cách có hệ thống một công đoạn trong quy trình xử lý thông tin.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Tóm tắt, chú giải, tổng luận tài liệu	Học phần trang bị hệ thống kiến thức về tóm tắt, chú giải và tổng quan tài liệu. Qua đó, người học có thể biết cách thực hiện các công đoạn xử lý nội dung tài liệu: tóm tắt, chú giải và tổng quan.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Tổ chức và bảo quản tài liệu	Nắm được những kiến thức cơ bản về tổ chức vốn tài liệu: khái niệm, ý nghĩa, tầm quan trọng của tổ chức vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện; Cơ sở và cách phân chia các loại kho tài liệu trên phạm vi toàn quốc và trong phạm vi một cơ quan thông tin – thư viện Hiểu được các yêu cầu và phương pháp sắp xếp tài liệu trong một cơ quan thông tin – thư viện Biết được phương pháp, cách thức tổ chức kho mở. Nắm được nhiệm vụ, quy trình và các phương pháp kiểm kê vốn tài liệu theo phương thức truyền thống và hiện đại. Nắm được những kiến thức cơ bản về công tác bảo tồn, bảo quản vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện. Hiểu được các nguyên nhân gây huỷ hoại tài liệu. Nắm vững nội dung công tác bảo tồn, bảo quản vốn tài liệu	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Sản phẩm và dịch vụ thông tin	Hiểu được những khái niệm, lịch sử hình thành, phát triển về các sản phẩm và dịch vụ thông tin.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		<p>Hiểu và nắm được những nội dung liên quan tới các loại hình sản phẩm, dịch vụ thông tin truyền thống và hiện đại.</p> <p>Đánh giá vai trò của sản phẩm và dịch vụ thông tin, thẩm định được các sản phẩm, dịch vụ thông tin.</p> <p>Hiểu và nắm vững về các quy trình tạo lập một sản phẩm hay dịch vụ thông tin.</p> <p>Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình tồn tại, phát triển của sản phẩm và dịch vụ thông tin</p>			
43.	Người dùng tin và nhu cầu tin	<p>Nhận thức rõ vị trí vai trò của người dùng tin trong hoạt động thông tin- thư viện, đồng thời nhận dạng những nhóm người dùng tin cơ bản trong xã hội.</p> <p>Hiểu bản chất và đặc điểm của nhu cầu tin với tư cách là một loại nhu cầu xã hội của con người.</p> <p>Nắm được những đặc điểm nhu cầu tin cơ bản của một số nhóm người dùng tin phổ biến trong xã hội và cách thức thoả mãn, phát triển nhu cầu tin của họ</p>	3	HK 5	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
44.	Tiếng Anh chuyên ngành Thông tin - Thư viện	<p>Cung cấp kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản tiếng Anh trên ngữ liệu chuyên ngành thông tin – thư viện.</p> <p>Biết cách chuyển các thuật ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt, các đặc thù của hệ thống thuật ngữ tiếng Anh - tiếng Việt trong khoa học thông tin – thư viện.</p> <p>Nắm được những kiến thức chuyên môn của ngành thông tin - thư viện bằng ngôn ngữ tiếng Anh</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>21/48</b>		
45.	Thư mục học đại cương	<p>Nắm vững kiến thức về cơ sở lý luận thư mục học (tiền đề thực tiễn xã hội, phương pháp luận xây dựng lý thuyết khoa học nền tảng; các khuynh hướng học thuật, mô hình, cơ cấu tổ chức...).</p> <p>Nắm vững những kiến thức quan trọng về lý thuyết (khái niệm, nhiệm vụ, vai trò, đối tượng, nguyên tắc, lịch sử hình thành và phát triển của thư mục học và những kiến thức khoa học cơ bản (hình thức thư mục, các loại thư mục, phương pháp thư mục học, tổ chức công tác thư mục)</p> <p>Nhận thức được mối quan hệ giữa thư mục học với các ngành</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		<p>khoa học khác (trước hết là thư viện học, thông tin khoa học, lưu trữ và tin học);</p> <p>Biết được tình hình và đặc điểm các ngành in ấn, xuất bản, phát hành; vai trò, nhiệm vụ của các nhà xuất bản, các cơ quan thông tấn báo chí;</p> <p>Hiểu rõ đặc điểm, tính chất của các loại hình xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí, bản thảo...) và các loại tài liệu tra cứu chính (từ điển, bách khoa thư, sách dẫn, niên giám...)</p> <p>Nắm bắt được những thông tin cập nhật về xu hướng phát triển của ngành trong xã hội thông tin với sự ứng dụng ngày càng mạnh mẽ và hiệu quả của tin học. Khả năng phát triển và hội nhập của ngành thông tin, thư viện, thư mục Việt Nam với cộng đồng quốc tế</p>			
46.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK6	
47.	Quyền tác giả và quyền liên quan	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
48.	Thư viện cho người dùng tin đặc biệt	<p>Nhớ được khái niệm người dùng tin đặc biệt, thư viện người dùng tin đặc biệt, sản phẩm và dịch vụ thông tin – thư viện dành cho người dùng tin đặc biệt</p> <p>Phân tích được chức năng, nhiệm vụ của thư viện người dùng tin đặc biệt.</p> <p>Đánh giá được đặc điểm người dùng tin và nhu cầu tin của thư viện người dùng tin đặc biệt.</p> <p>Nắm vững được các yêu cầu khác biệt so với các loại hình thư viện khác trong công tác thư viện.</p> <p>Tổ chức tốt các hoạt động nghiệp vụ tại thư viện cho người dùng tin đặc biệt</p> <p>Nhận biết được các loại hình, đánh giá được vai trò của sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện đối với hoạt động của thư viện người dùng tin đặc biệt.</p> <p>Tổng hợp được lịch sử hình thành và phát triển của thư viện người dùng tin đặc biệt trên thế giới và Việt Nam</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
49.	Công tác địa chí	<p>Nắm được các khái niệm, mục tiêu và tầm quan trọng của công tác địa chí trong thư viện.</p> <p>Hiểu và biết phát hiện ra các tài liệu địa chí và xuất bản phẩm địa</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		<p>phương.</p> <p>Hiểu được các hình thức thu thập, bổ sung vốn tài liệu địa chí và xuất bản phẩm địa phương.</p> <p>Nắm được các phương thức tổ chức, quản lý, bảo quản nguồn tài nguyên địa chí và xuất bản phẩm địa phương.</p> <p>Hiểu và nắm vững được nội dung các khâu xử lý kỹ thuật tài liệu địa chí và xuất bản phẩm địa phương: đăng ký, mô tả, phân loại tài liệu.</p> <p>Nắm được thành phần và phương pháp tổ chức bộ máy tra cứu địa chí truyền thống, bộ máy tra cứu địa chí hiện đại.</p> <p>Biết được các loại hình thư mục địa chí.</p> <p>Nắm vững phương pháp biên soạn thư mục địa chí.</p> <p>Hiểu được đặc điểm người dùng tin địa chí và nhu cầu thông tin về địa phương.</p> <p>Nắm được nội dung, các hình thức và phương pháp tổ chức phục vụ bạn đọc tài liệu địa chí.</p> <p>Hiểu được nội dung và phương pháp xây dựng các cơ sở dữ liệu thư mục, CSDL dữ kiện địa chí.</p> <p>Nắm vững nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực địa chí thư viện</p>			
50.	Marketing thông tin - thư viện	<p>Nắm được khái niệm và các quan điểm quản trị Marketing cơ bản.</p> <p>Phân tích được mối quan hệ giữa Marketing với hoạt động Thông tin Thư viện.</p> <p>Phân tích nhiệm vụ của Marketing với hoạt động Thông tin Thư viện.</p> <p>Nắm vững và vận dụng được kiến thức Marketing trong hoạt động Thông tin Thư viện.</p> <p>Nhìn nhận được xu thế phát triển của hoạt động Marketing trong xu hướng phát triển chung của ngành Thông tin Thư viện</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
51.	Nhập môn quản trị dự án	<p>Học phần giúp nắm vững những kiến thức và kỹ năng về quản trị dự án nói chung và quản trị dự án thông tin thư viện nói riêng. Thông qua đó học viên có thể tư vấn xây dựng, triển khai hoặc tham gia giám sát các dự án.</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

52.	Thư viện trường học	<p>Phát biểu được khái niệm về thư viện trường học</p> <p>Chỉ ra những mốc quan trọng về lịch sử hình thành và phát triển thư viện trường học trên thế giới và Việt Nam</p> <p>Nắm được đặc điểm thư viện trường học (chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, cơ cấu tổ chức)</p> <p>Chỉ ra sự giống và khác nhau về đặc điểm thư viện trường học với các loại hình thư viện khác</p> <p>Nắm vững quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và phát triển thư viện trường học Việt Nam (bao gồm cơ cấu tổ chức, quản lý hoạt động, nghiệp vụ... thư viện trường học)</p> <p>Nắm bắt xu thế phát triển của thư viện trường học trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo ở nước ta.</p> <p>Hiểu rõ công tác nghiệp vụ của thư viện trường học hiện nay như: xây dựng vốn tài liệu, các nguyên tắc xây dựng và bổ sung vốn tài liệu, xử lý tài liệu, công tác tra cứu, công tác tổ chức và quản lý kho tài liệu, phương pháp phục vụ tại thư viện trường học.</p> <p>Nắm vững thực trạng áp dụng công nghệ thông tin trong các thư viện trường học ở Việt Nam</p> <p>Chỉ ra một số phần mềm đang được áp dụng tại thư viện trường học</p> <p>Phân tích các tiêu chí đánh giá phần mềm phù hợp với từng thư viện trường học cụ thể;</p> <p>Hiểu rõ về các sản phẩm và dịch vụ tiêu biểu trong thư viện trường học</p> <p>Đánh giá được các sản phẩm và dịch vụ thư viện trường học</p> <p>Phân tích được các tiêu chí đánh giá chất lượng thư viện trường học và sản phẩm, dịch vụ thông tin-thư viện</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
53.	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	<p>Nằm trong hệ thống các học phần thuộc ngành Thông tin học, hướng chuyên ngành Quản trị thông tin, học phần “Phân tích và thiết kế hệ thống” hướng đến cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc phân tích và thiết kế hệ thống thông tin tại các cơ quan thông tin thư viện nói riêng và các tổ chức, doanh nghiệp nói chung. Các khối kiến thức và kỹ năng này bao gồm: Kiến thức về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; Các hướng tiếp cận và phương pháp phân tích hệ thống; Khả năng</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		phân tích và thiết kế một hệ thống thông tin; Khả năng vận dụng kiến thức để phân tích các hệ thống thông tin trong thực tế.			
54.	Bảo mật và an toàn thông tin	Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về khái niệm, lịch sử, vai trò của công tác bảo mật và an toàn thông tin. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về các nguy cơ và hiểm họa đối với hệ thống thông tin, các cách thức phòng chống thông qua chiến lược an toàn và các phương pháp bảo vệ.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Quản trị thông tin khách hàng	Học phần giúp người học có được những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong việc: nhận diện các loại và nhu cầu của khách hàng; giao tiếp, xử lý than phiền, khiếu nại và chăm sóc khách hàng; xây dựng quy trình quản trị khách hàng; thu thập và quản lý thông tin khách hàng.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Thiết kế và quản trị nội dung website	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được các khái niệm website, địa chỉ trang web, tên miền, hosting</li> <li>- Phân biệt được các loại hình website theo mục đích sử dụng, theo mức độ tương tác và theo đối tượng sở hữu</li> <li>- Phân biệt được các loại hình nội dung website</li> <li>- Phân biệt được việc thiết kế, tổ chức và tạo lập nội dung website</li> <li>- Giải thích được các nguyên tắc thiết kế, tổ chức và tạo lập nội dung website</li> <li>- Giải thích được lí do phải tối ưu hóa công cụ tìm kiếm</li> <li>- Liệt kê được các yếu tố quan trọng trong tối ưu hóa công cụ tìm kiếm</li> <li>- Phân biệt được chiến lược, chiến thuật và kỹ thuật tối ưu hóa công cụ tìm kiếm</li> <li>- Kể tên các công cụ thiết kế website tải về và trực tuyến</li> <li>- Kể tên các ứng dụng đa phương tiện trong tạo lập nội dung website</li> </ul>	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
57.	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm	Giúp người học có hiểu biết về cơ chế sắp xếp thông tin của máy chủ tìm kiếm trên internet. Xu hướng tiếp cận và phương tiện khai thác thông tin máy chủ của người khai thác thông tin. Người học được trang bị kiến thức cơ bản về phương pháp và kỹ năng đưa từ khóa lên thứ hạng cao lên các máy chủ tìm kiếm	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
58.	Tổ chức và quản lý trung tâm thông tin - thư	Hiểu các khái niệm, mục đích ý nghĩa tổ chức và quản lý hoạt động thông tin thư viện.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

	viện	<p>Nắm vững tổ chức lao động khoa học trong hoạt động thông tin thư viện.</p> <p>Hiểu rõ cơ cấu tổ chức các loại hình và mạng lưới thông tin thư viện, những nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ quan thông tin thư viện.</p> <p>Nắm vững kiến thức để xây dựng kế hoạch, thống kê, định mức lao động khoa học, quản lý ngân sách, cơ sở vật chất thiết bị, thanh tra... Những hình thức tổ chức quản lý thư viện truyền thống và hiện đại</p>			Thi cuối kỳ: 60%
59.	Tiêu chuẩn hóa trong hoạt động thư viện	<p>Nắm được các khái niệm cơ bản về tiêu chuẩn hóa, tiêu chuẩn và chuẩn nghiệp vụ, tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>Nắm rõ được mục tiêu, đối tượng và vai trò của tiêu chuẩn hóa.</p> <p>Biết được các nguyên tắc cơ bản đối với tiêu chuẩn hóa.</p> <p>Phân biệt được các loại hình, hiệu lực của tiêu chuẩn.</p> <p>Nắm được quy trình cơ bản khi xây dựng một tiêu chuẩn.</p> <p>Nắm rõ khái niệm, mục đích và yêu cầu đối với hoạt động tiêu chuẩn hóa trong lĩnh vực thông tin – thư viện</p> <p>Xác định được đối tượng tiêu chuẩn hóa và tầm quan trọng của tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực thông tin – thư viện</p> <p>Nắm được các hoạt động tiêu chuẩn hoá ngành thông tin thư viện trên thế giới.</p> <p>Nắm được các tiêu chuẩn đang được sử dụng các công đoạn cụ thể hoặc các lĩnh vực có liên quan.</p> <p>Nêu được các loại tiêu chuẩn đang áp dụng trong ngành thông tin thư viện trên thế giới và Việt Nam.</p> <p>Nắm được các tiêu chuẩn quốc gia Việt nam đã được biên soạn và áp dụng trong ngành Thông tin thư viện.</p> <p>Phân tích vai trò và tầm quan trọng của siêu dữ liệu đối với hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
60.	Chính sách thư viện	<p>Nắm được những vấn đề lý luận chung của chính sách thông tin – thư viện, tác động của chính sách thông tin tới cộng đồng và xã hội.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		Nắm được phương pháp luận phân tích chính sách thông tin. Nắm được mục tiêu và các nội dung cơ bản của chính sách thông tin quốc gia. Hiểu rõ vai trò của chính sách thông tin đối với sự phát triển khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và phát triển kinh tế xã hội.			
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>14</b>		
61.	Thực tập thực tế	Tiếp cận với thực tế hoạt động của thư viện để kiểm nghiệm những kiến thức đã học. Có cái nhìn tổng quan về quy trình hoạt động của một cơ quan thông tin thư viện, đặc biệt là các thư viện hiện đại. Nắm được cơ cấu tổ chức, chức năng của các phòng nghiệp vụ trong một cơ quan thông tin – thư viện. Nhận biết được vai trò và công việc thực tế của một cán bộ làm công tác thông tin – thư viện	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Thực tập tốt nghiệp	Nắm bắt được cơ cấu tổ chức và hoạt động của một cơ quan thông tin - thư viện trong thực tế. Nắm được dây chuyền thông tin tư liệu trong một cơ quan thông tin - thư viện. Hiểu được vai trò của từng khâu nghiệp vụ/phòng nghiệp vụ trong một cơ quan thông tin - thư viện. Đánh giá năng lực hoạt động của đơn vị đến thực tập: ưu và nhược điểm. Nắm bắt được các công cụ đang được sử dụng trong công tác xử lý tài liệu tại đơn vị thực tập. Nắm được phương pháp tổ chức kho tài liệu: kho đóng và kho mở. Nắm được công tác phục vụ bạn đọc tại các cơ quan thông tin - thư viện. Biết cách tổ chức và triển khai các sản phẩm, dịch vụ thông tin trong thư viện. Hiểu được vai trò và biết cách sử dụng các loại cơ sở dữ liệu	5	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		trong thư viện Nắm được các chuẩn công nghệ và các thiết bị hiện đại được sử dụng tại cơ quan thông tin - thư viện. Biết được các yêu cầu đối với người cán bộ trong một cơ quan, tổ chức			
63.	Khóa luận/Dự án nghiên cứu cuối khóa	Học phần giúp sinh viên có phát triển kỹ năng triển khai một nghiên cứu để giải quyết một vấn đề cụ thể của một tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức và kỹ năng đã được học trong toàn bộ chương trình để xây dựng một dự án nghiên cứu thực tế và thực hiện thành công dự án này.	5	HK8	Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo Về làm khóa luận tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2017 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

## 2. Cử nhân Quản lý thông tin

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		



<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
8.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
10.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
11.	Thông tin học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin-Thư viện	3	HK1	
12.	Nhập môn quản trị thông tin	Sau khi học xong học phần Quản trị thông tin, người học có khả năng chủ động xây dựng chiến lược, kế hoạch và trực tiếp triển khai hoạt động quản trị thông tin trong các bối cảnh công việc khác nhau, đặc biệt là áp dụng trong các hoạt động quản trị thông tin tại các tổ chức và doanh nghiệp. Học phần cũng cung cấp những kiến thức, kỹ năng và quan điểm tiếp cận phù hợp trong tổ chức và tham gia các hoạt động quản trị thông tin tại nơi làm việc, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công việc và tăng cường văn hóa chia sẻ thông tin.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/27</b>		
13.	Thư viện học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin - Thư viện	3	HK3	
14.	Người dùng tin và nhu cầu tin		3	HK3	
15.	Văn bản học		3	HK3	
16.	Nhập môn lập trình cơ bản	Học phần này tập trung giới thiệu một số ngôn ngữ lập trình cơ bản cho người mới học hoặc chưa biết gì về lập trình. Các ngôn ngữ lập trình hướng tới là Python-Mysql, HTML-CSS, PHP-Mysql. Đây là các ngôn ngữ giúp người học có cái nhìn tổng quan về cách lập trình, quản trị hệ thống, lập trình web và quản lý cơ sở dữ liệu	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
17.	Quan hệ công chúng đại	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ	3	HK3	

	cương	công chúng			
18.	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK3	
19.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK3	
20.	Lưu trữ học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lưu trữ học	3	HK3	
21.	Đại cương về quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ DL&LH	3	HK3	
<b>IV.</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
22.	Phát triển nguồn lực thông tin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin - Thư viện	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
23.	Biên mục mô tả thông tin	Học phần trang bị kiến thức về biên mục tài liệu/thông tin theo các qui tắc biên mục được xây dựng dựa trên Tiêu chuẩn quốc tế về mô tả thư mục (ISBD), Quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR2 và khổ mẫu mục lục đọc máy MARC21. Đồng thời học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng mô tả tài liệu, tạo lập tiêu đề mô tả/điểm truy cập và tổ chức bộ máy tra cứu/mục lục điện tử.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
24.	Quản lý thông tin theo môn ngành tri thức	Nắm vững nội hàm khái niệm phân loại (PL), khoa học, phân loại khoa học (PLKH), phân loại tài liệu (PLTL) - Hiểu rõ mối quan hệ giữa PLKH và PLTL - Nhận biết được vai trò của PL và PLTL trong hoạt động thông tin, thư viện - Biết được lịch sử PLKH, PLTL và xu hướng cơ bản trong PLTL hiện đại - Hiểu rõ lịch sử ra đời, cấu trúc, nội dung của các khung phân loại (KPL) tiêu biểu: KPL thập tiến của Dewey (Dewey Decimal Classification - DDC), KPL Thập tiến Quốc tế (Universal Decimal Classification - UDC), KPL dùng cho các TV KH Tổng hợp VN, KPL Thư viện - Thư mục của Liên xô (Bibliochesno - Bibliographicheskaja Classificasia - BBK)	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững các tiêu chí/yêu cầu để lựa chọn một khung phân loại tài liệu</li> <li>- Nắm vững các phương pháp PLTL</li> <li>- Nắm được phương pháp tổ chức hệ thống điểm truy cập tìm tin theo KHPL (Ký hiệu phân loại trên MLPL truyền thống, Ký hiệu xếp giá, Ký hiệu phân loại trong mục lục trực tuyến)</li> <li>- Xác định được yêu cầu đối với chuyên gia PLTL và người quản lý công tác PLTL</li> </ul>			
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/15</b>		
25.	Thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin - Thư viện	3	HK2	
26.	Thông tin đa phương tiện		3	HK6	
27.	Nhập môn khoa học quản lý thông tin bằng ngoại ngữ	<p>Cung cấp kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản tiếng Anh trên ngữ liệu ngành quản lý thông tin.</p> <p>Biết cách chuyển các thuật ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt, các đặc thù của hệ thống thuật ngữ tiếng Anh - tiếng Việt trong khoa học quản lý thông tin.</p> <p>Nắm được những kiến thức chuyên môn của ngành quản lý thông tin bằng ngôn ngữ tiếng Anh</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
28.	Các hệ thống hỗ trợ ra quyết định	<p>Nắm được các khái niệm, nhiệm vụ và vai trò của hệ thống hỗ trợ người dùng trong quá trình ra quyết định trong hoạt động thông tin-thư viện nói chung và các hoạt động khác của xã hội.</p> <p>Hiểu rõ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của công tác hỗ trợ ra quyết định; các phương pháp đặc biệt với từng nhóm người dùng tin;</p> <p>Hiểu và nắm vững các hình thức và phương pháp hỗ trợ.</p> <p>Nắm vững các kiến thức về cách tổ chức phục vụ người dùng tin trong các cơ quan thông tin-thư viện và trong các cơ quan thông tin, các công ty nhằm hỗ trợ các quyết định được tốt nhất.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
29.	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin - Thư viện	3	HK6	
<b>V.</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>53</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
30.	Xử lý thông tin 1	Học phần trang bị kiến thức về định chủ đề và từ khóa. Qua đó, người học có thể nắm bắt một cách có hệ thống một công đoạn	3	HK5	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p>

		trong quy trình xử lý thông tin.			Thi cuối kỳ: 60%
31.	Xử lý thông tin 2	Học phần trang bị hệ thống kiến thức về tóm tắt, chú giải và tổng luận thông tin. Qua đó, người học có thể biết cách thực hiện các công đoạn xử lý nội dung tài liệu: tóm tắt, chú giải và tổng quan.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Nằm trong hệ thống các học phần thuộc ngành Thông tin học, hướng chuyên ngành Quản trị thông tin, học phần “Phân tích và thiết kế hệ thống” hướng đến cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc phân tích và thiết kế hệ thống thông tin tại các cơ quan thông tin thư viện nói riêng và các tổ chức, doanh nghiệp nói chung. Các khối kiến thức và kỹ năng này bao gồm: Kiến thức về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; Các hướng tiếp cận và phương pháp phân tích hệ thống; Khả năng phân tích và thiết kế một hệ thống thông tin; Khả năng vận dụng kiến thức để phân tích các hệ thống thông tin trong thực tế.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	Sản phẩm và dịch vụ thông tin	Hiểu được những khái niệm, lịch sử hình thành, phát triển về các sản phẩm và dịch vụ thông tin. Hiểu và nắm được những nội dung liên quan tới các loại hình sản phẩm, dịch vụ thông tin truyền thống và hiện đại. Đánh giá vai trò của sản phẩm và dịch vụ thông tin, thẩm định được các sản phẩm, dịch vụ thông tin. Hiểu và nắm vững về các quy trình tạo lập một sản phẩm hay dịch vụ thông tin. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình tồn tại, phát triển của sản phẩm và dịch vụ thông tin	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
34.	Nhập môn khoa học dữ liệu	Học phần cung cấp kiến thức về dữ liệu, thông tin, tổ chức dữ liệu và phân tích dữ liệu. Sinh viên được trang bị kiến thức về (i) hiểu dữ liệu; (ii) chuẩn bị dữ liệu; (iii) quá trình xử lý dữ liệu.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Nhập môn quản trị dự án	Học phần giúp nắm vững những kiến thức và kỹ năng về quản trị dự án nói chung và quản trị dự án thông tin thư viện nói riêng. Thông qua đó học viên có thể tư vấn xây dựng, triển khai hoặc tham gia giám sát các dự án.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>21/51</b>		
36.	Bảo mật và an toàn thông tin	Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về khái niệm, lịch sử, vai trò của công tác bảo mật và an toàn thông tin. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về các nguy cơ và hiểm họa đối với hệ thống thông tin, các cách thức phòng chống thông qua chiến lược	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		an toàn và các phương pháp bảo vệ.			
37.	Marketing trong môi trường số	Nắm được các xu thế chuyển đổi cách thức kinh doanh để thích nghi với thời đại mới – vạn vật kết nối Internet. - Hiểu được bản chất và tầm quan trọng ngày càng tăng của Marketing công nghệ số trong hoạt động kinh doanh và marketing của các doanh nghiệp. - Hiểu được các vị trí công việc có liên quan trong lĩnh vực Digital marketing và mối quan hệ giữa chúng. - Vận dụng được các nguyên lý của marketing trong môi trường công nghệ số; Xây dựng chiến lược marketing sử dụng cả các công cụ online và offline. - Nắm được các công cụ cơ bản của marketing công nghệ số và cách thức sử dụng các công cụ đó. - Có nền tảng tư duy để tiếp nhận kiến thức mới cho việc tự học suốt đời	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
38.	Chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK7	
39.	Hệ thống thông tin quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin-Thư viện	3	HK7	
40.	Truyền thông xã hội trong quản lý thông tin		3	HK7	
41.	Kỹ năng quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK7	
42.	Quản lý thông tin văn bản trong doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin-Thư viện	3	HK7	
43.	Quản trị thông tin khách hàng	Học phần giúp người học có được những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong việc: nhận diện các loại và nhu cầu của khách hàng; giao tiếp, xử lý than phiền, khiếu nại và chăm sóc khách hàng; xây dựng quy trình quản trị khách hàng; thu thập và quản lý thông tin khách hàng.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Quyền tác giả và quyền liên quan	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
45.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Học phần giúp sinh viên hiểu được về dữ liệu, quy trình xử lý dữ liệu và sử dụng được những tính năng cơ bản của phần mềm xử lý số liệu SPSS để tự mã hóa, nhập, biết cách xử lý dữ liệu, đọc và phân tích được dữ liệu đã xử lý. Sinh viên cũng nắm được	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		cách thức trình bày và diễn giải dữ liệu đã xử lý trong báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp hay nghiên cứu khoa học			
46.	Hệ quản trị nội dung trực tuyến	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin-Thư viện	3	HK6	
47.	Thiết kế và quản trị nội dung website	Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản liên quan tới website, công nghệ nội dung, phương pháp tối ưu hóa công cụ tìm kiếm và các công cụ thiết kế, quản trị website cơ bản. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức về ngôn ngữ siêu văn bản và một số công cụ và phần mềm sử dụng với Web, Internet. Đồng thời sinh viên sẽ được hướng dẫn sử dụng một số phần mềm để tạo trang Web với các dạng file khác nhau. Sinh viên cần nắm được chức năng và vai trò của công nghệ nội dung trong thời đại ngày nay và xu hướng phát triển không ngừng của các công cụ và phần mềm liên quan tới công nghiệp nội dung và công nghệ nội dung. Ứng dụng của công nghệ nội dung trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục,...	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm	Giúp người học có hiểu biết về cơ chế sắp xếp thông tin của máy chủ tìm kiếm trên internet. Xu hướng tiếp cận và phương tiện khai thác thông tin máy chủ của người khai thác thông tin. Người học được trang bị kiến thức cơ bản về phương pháp và kỹ năng đưa từ khóa lên thứ hạng cao lên các máy chủ tìm kiếm	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Dữ liệu lớn và trí tuệ doanh nghiệp	Học phần này tập trung giới thiệu về Dữ liệu lớn (Big Data) và cách thức xây dựng và sử dụng hệ thống phân tích dữ liệu thông minh ứng dụng trong doanh nghiệp (Business Intelligence).	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Truyền thông và ứng xử trong doanh nghiệp	Khóa học sẽ đem đến cho sinh viên cơ hội được tiếp xúc và đóng góp trong lĩnh vực khoa học về ứng xử và hiểu biết sự vận hành của một cơ quan tổ chức. Khóa học cũng nhấn mạnh việc làm thế nào các hành vi cư xử của nhóm và cá nhân có thể cải thiện cả về chất lượng làm việc cũng như hiệu quả của tổ chức.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Khai phá dữ liệu và phân tích mạng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Vai trò của khai phá dữ liệu và phân tích mạng xã hội trong sự phát triển của tổ chức, doanh nghiệp</li> <li>•Hiểu được cơ chế tạo và lưu trữ dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu và mạng xã hội</li> <li>•Hiểu được cơ chế trình duyệt và các phương tiện khai thác tin trên internet</li> <li>•Hiểu được vòng đời đối tượng dữ liệu</li> </ul>	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<ul style="list-style-type: none"> <li>•Hiểu được các cấu trúc khác nhau của dữ liệu.</li> <li>•Hiểu tầm quan trọng của yếu tố người dùng</li> </ul>			
52.	Tiêu chuẩn hóa trong quản lý thông tin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin-Thư viện	3	HK6	
53.	Chính sách quản lý thông tin quốc gia		3	HK6	
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>14</b>		
54.	Thực tập thực tế	<p>Về kiến thức:</p> <p>Tiếp cận với thực tế hoạt động của thư viện để kiểm nghiệm những kiến thức đã học.</p> <p>Có cái nhìn tổng quan về quy trình hoạt động của một cơ quan thông tin thư viện, đặc biệt là các thư viện hiện đại.</p> <p>Nắm được cơ cấu tổ chức, chức năng của các phòng nghiệp vụ trong một cơ quan thông tin – thư viện.</p> <p>Nhận biết được vai trò và công việc thực tế của một cán bộ làm công tác thông tin – thư viện.</p> <p>Về kỹ năng</p> <p>Có kỹ năng quan sát và ghi chép.</p> <p>Có kỹ năng giao tiếp và tham gia các hoạt động nhóm.</p> <p>Có kỹ năng viết báo cáo tổng hợp.</p> <p>Về thái độ</p> <p>Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp đang theo học, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập.</p> <p>Có ý thức tuân thủ các quy định và nội quy của cơ quan đến kiến tập.</p> <p>Có tin thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao trong quá trình kiến tập</p>		HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
55.	Thực tập tốt nghiệp	<p>Nắm bắt được cơ cấu tổ chức và hoạt động của một cơ quan thông tin trong thực tế.</p> <p>Nắm được các nội dung cơ bản dây truyền thông tin tư liệu trong thực tế hoạt động của một cơ quan thông tin.</p> <p>Hiểu được vai trò của từng khâu nghiệp vụ/phòng nghiệp vụ trong một cơ quan thông tin</p> <p>Đánh giá năng lực hoạt động của đơn vị đến thực tập: ưu điểm và nhược điểm.</p>	5	HK8	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		<p>Nắm bắt được các công cụ đang được sử dụng trong công tác xử lý tài liệu tại đơn vị thực tập.</p> <p>Nắm được phương pháp tổ chức kho tài liệu: kho đóng và kho mở.</p> <p>Nắm được các nội dung và yêu cầu cơ bản của công tác phục vụ bạn đọc tại các cơ quan thông tin</p> <p>Biết cách tổ chức và triển khai các sản phẩm, dịch vụ thông tin.</p> <p>Hiểu được vai trò và biết cách sử dụng các loại cơ sở dữ liệu.</p> <p>Nắm được các chuẩn công nghệ và các thiết bị hiện đại được sử dụng tại cơ quan thông tin</p> <p>Biết được các yêu cầu đối với người cán bộ trong một cơ quan, tổ chức</p>			
56.	Khóa luận/Dự án nghiên cứu cuối khóa	Học phần giúp sinh viên có phát triển kỹ năng triển khai một nghiên cứu để giải quyết một vấn đề cụ thể của một tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức và kỹ năng đã được học trong toàn bộ chương trình để xây dựng một dự án nghiên cứu thực tế và thực hiện thành công dự án này.	5	HK8	Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo Về làm khóa luận tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2017 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

### 3. Cử nhân Quản lý thông tin Chất lượng cao theo Thông tư 23

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí CLC theo TT23	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		



6.	Tiếng Anh B1		5		
7.	Tiếng Anh B2		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
8.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
10.	Nhập môn quản trị thông tin*	Sau khi học xong học phần Quản trị thông tin, người học có khả năng chủ động xây dựng chiến lược, kế hoạch và trực tiếp triển khai hoạt động quản trị thông tin trong các bối cảnh công việc khác nhau, đặc biệt là áp dụng trong các hoạt động quản trị thông tin tại các tổ chức và doanh nghiệp. Học phần cũng cung cấp những kiến thức, kỹ năng và quan điểm tiếp cận phù hợp trong tổ chức và tham gia các hoạt động quản trị thông tin tại nơi làm việc, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công việc và tăng cường văn hóa chia sẻ thông tin.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
11.	Nhập môn quản trị kinh doanh*	Hiểu được cấu trúc cơ bản của một doanh nghiệp và các thuật ngữ trong quản trị doanh nghiệp. Vai trò của từng phòng ban trong vận hành doanh nghiệp Nắm được các yếu tố quan trọng trong việc quản trị doanh nghiệp bao gồm nhân sự, tài chính, vận hành và quản trị rủi ro Đọc và hiểu được các một số chỉ số cơ bản trong báo cáo tài chính doanh nghiệp (Revenue, cost, EBIT, ROA, ROE). Có khả năng phân tích cơ bản performance của một doanh nghiệp qua các chỉ số này	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
12.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
III.2	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/21</b>		
13.	Lý thuyết hệ thống	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về lý thuyết hệ thống và điều khiển học, cách phân tích hệ thống và hình thành tư duy	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		hệ thống trong tiếp xúc với sự vật, hiện tượng.			Thi cuối kỳ: 60%
14.	Thiết kế và kiến trúc thông tin	Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể nắm được các nguyên tắc cơ bản về kiến trúc thông tin và thiết kế thông tin lấy người dùng làm trung tâm. Có khả năng tạo lập sản phẩm và dịch vụ thông tin hỗ trợ cho việc chuyển giao thông tin, tương tác với người dùng. Sinh viên phát triển năng lực chuyên nghiệp chuyển tải, chuyên đổi kiến trúc thông tin thành các tài liệu web bằng cách sử dụng các kỹ năng tạo web và HTML. Họ cũng phát triển các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và đàm phán chuyên nghiệp bằng cách làm việc theo nhóm để đạt được các mục tiêu chung.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15.	Nhập môn tin học xã hội	Học phần này cung cấp kiến thức tổng quan về các vấn đề xã hội liên quan đến việc phát triển và sử dụng công nghệ thông tin. Trọng tâm của học phần là phân tích đa chiều về các vấn đề như chính sách xã hội, văn hóa, triết học, đạo đức, pháp lý, chính sách công và kinh tế có liên quan đến công nghệ thông tin; và sự tương quan ràng buộc giữa các yếu tố này với công nghệ thông tin sẽ định hình các quyết định liên quan đến công việc và cuộc sống hàng ngày của chúng ta như thế nào. Khóa học này yêu cầu sinh viên xem xét các mối quan hệ xã hội là một phần không thể tách rời của việc thiết kế và áp dụng công nghệ thông tin; phát triển và thúc đẩy tư duy phản biện của sinh viên về sự thay đổi của công nghệ; đồng thời giúp họ có được sự hiểu biết đa dạng hơn về các yếu tố chính trị, kinh tế, và xã hội làm nền tảng cho sự phát triển công nghệ.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
16.	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý			
17.	Quan hệ công chúng đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng			
18.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Sinh viên nắm được các mô hình của truyền thông và truyền thông đại chúng, các chức năng của truyền thông đại chúng và tác động của nó đến dư luận xã hội, các hướng nghiên cứu trong xã hội học về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19.	Văn hóa tổ chức	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý			
<b>IV.</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>18</b>		

<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>		
20.	Nhập môn khoa học dữ liệu	Học phân cung cấp kiến thức về dữ liệu, thông tin, tổ chức dữ liệu và phân tích dữ liệu. Sinh viên được trang bị kiến thức về (i) hiểu dữ liệu; (ii) chuẩn bị dữ liệu; (iii) quá trình xử lý dữ liệu.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
21.	Chính sách thông tin*	Nắm được các khái niệm cơ bản về nhà nước, quản lý nhà nước bằng chính sách và pháp luật. Nắm rõ được đặc tính của chính sách và pháp luật. Biết được các nguyên tắc cơ bản đối với quản lý nhà nước. Phân biệt được các chức năng của chính sách và pháp luật. Nắm được các phương tiện của quản lý nhà nước. Nắm rõ khái niệm, các thuộc tính và phân loại thông tin. Xác định được vai trò của thông tin trong thời đại ngày nay. Nắm được các hoạt động trong quy trình sử dụng thông tin. Nắm được các khái niệm về tự do thông tin, tiếp cận thông tin, bí mật, công khai. Nêu được các công ước và nguyên tắc quốc tế liên quan đến chính sách và pháp luật về thông tin. Nắm được các cơ sở pháp lý ở Việt nam liên quan đến chính sách và pháp luật về thông tin. Phân tích lợi ích và giá trị của chính sách và pháp luật về thông tin. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
22.	Phân tích và thiết kế hệ thống*	Học phân cung cấp kiến thức về hệ thống, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin. Ngoài ra, sinh viên được trang bị kiến thức về (i) hiểu về dữ liệu cho hệ thống thông tin; (ii) các chuẩn của kiến trúc hệ thống thông tin; (iii) thực hiện hệ thống thông tin; (iv) thiết kế giao diện người dùng trong hệ thống. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
23.	Nhập môn lập trình cơ bản	Học phân này tập trung giới thiệu một số ngôn ngữ lập trình cơ bản cho người mới học hoặc chưa biết gì về lập trình. Các ngôn ngữ lập trình hướng tới là Python-Mysql, HTML-CSS, PHP-Mysql. Đây là các ngôn ngữ giúp người học có cái nhìn tổng quan về cách lập trình, quản trị hệ thống, lập trình web và quản lý cơ sở dữ liệu.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/18</b>		
24.	Thu thập và tổ chức thông tin*	Học phân cung cấp kiến thức về thu thập, tổ chức và tìm kiếm thông tin. Nội dung học phần liên quan đến tổ chức chỉ mục,	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		thuận tiện cho việc tìm kiếm thông tin, dưới các dạng văn bản, hình ảnh, âm thanh. Nội dung về tổ chức và tìm kiếm thông tin trên Web cũng được đề cập, tiện cho thực hành. (giảng dạy bằng tiếng Anh)			Thi cuối kỳ: 60%
25.	Khai phá dữ liệu và phân tích mạng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Vai trò của khai phá dữ liệu và phân tích mạng xã hội trong sự phát triển của tổ chức, doanh nghiệp</li> <li>•Hiểu được cơ chế tạo và lưu trữ dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu và mạng xã hội</li> <li>•Hiểu được cơ chế trình duyệt và các phương tiện khai thác tin trên internet</li> <li>•Hiểu được vòng đời đối tượng dữ liệu</li> <li>•Hiểu được các cấu trúc khác nhau của dữ liệu.</li> <li>•Hiểu tầm quan trọng của yếu tố người dùng</li> </ul>	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26.	Kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK5	
27.	Khoa học chính sách	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK5	
28.	Các hệ thống hỗ trợ ra quyết định	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lý thông tin	3	HK5	
29.	Phát triển năng lực lãnh đạo	<p>Hiểu được hành trình phát triển năng lực lãnh đạo của bản thân thông qua những câu chuyện và trải nghiệm của chính cá nhân người học.</p> <p>Hiểu được những gì đang là động lực thúc đẩy cá nhân mình, cả bên trong và bên ngoài, tìm ra được con đường lãnh đạo riêng để giúp họ sử dụng tối đa các khả năng của mình.</p> <p>Hiểu được mục đích lãnh đạo của mình và trao quyền lãnh đạo cho người khác, qua đó có thể tối ưu hóa hiệu quả lãnh đạo.</p> <p>Nhận diện được các năng lực cần thiết của một người lãnh đạo tích cực.</p> <p>Xác định được các nguyên tắc lãnh đạo, giá trị và danh giới đạo đức của bản thân.</p> <p>Lý giải được tại sao lãnh đạo bị lạc đường và sự tự nhận thức của cá nhân để tránh bị trật khỏi đường ray.</p>	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>62</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>19</b>		
30.	Xử lý thông tin*	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng xử lý	4	HK7	Thường xuyên: 10%

		thông tin, từ xử lý về mặt hình thức tới xử lý nội dung thông tin. Qua đó, người học có thể nắm bắt một cách có hệ thống các phương pháp, công đoạn và quy trình xử lý thông tin, biết cách phân tích, xử lý thông tin và sử dụng các công cụ hỗ trợ cho công tác xử lý thông tin. (giảng dạy bằng tiếng Anh)			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu**	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về CSDL, hệ quản trị CSDL, các mô hình dữ liệu, khái niệm chung về thiết kế CSDL, phương pháp thiết kế khái niệm CSDL bằng mô hình thực thể quan hệ, Cơ sở dữ liệu quan hệ và phương pháp thiết kế logic CSDL bằng mô hình quan hệ, đại số quan hệ và vấn đề tối ưu hoá câu hỏi (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Các hệ thống thông tin quản lý*	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và quan trọng nhất của hệ thống thông tin quản lý. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	An ninh thông tin**	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về khái niệm, lịch sử, vai trò của công tác bảo mật và an toàn thông tin. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về các nguy cơ và hiểm họa đối với hệ thống thông tin, các cách thức phòng chống thông qua chiến lược an toàn và các phương pháp bảo vệ. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
34.	Quản trị dự án**	Học phần này tập trung vào phương pháp quản trị dự án để giúp người học có thể thiết lập và quản trị dự án một cách tối ưu và hiệu quả. Người học sẽ được học các kỹ năng và chiến lược cơ bản trong quản trị dự án và có cơ hội để áp dụng kiến thức này thông qua các bài luận trong quá trình học tập. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Quyền Sở hữu trí tuệ trong môi trường số*	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ, nguyên tắc và nội dung bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường số, thông tin sở hữu công nghiệp trong môi trường số, quyền sở hữu trí tuệ về thư viện số, thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường số. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>18/60</b>		
36.	Các hệ thống quản trị	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức	3	HK4	Thường xuyên: 10%

	thông tin và tri thức**	liên quan đến việc sử dụng các công nghệ mới nhất để quản trị thông tin, tri thức, văn bản và hồ sơ điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý của cá nhân, nhóm và tổ chức. Mục đích của học phần này là xây dựng hiểu biết về công nghệ trong quản trị tri thức và thông tin dạng có cấu trúc và phi cấu trúc. Sinh viên sẽ được tìm hiểu các bối cảnh kinh doanh, kỹ thuật phân tích yêu cầu và các vấn đề trong quá trình quản lý và vận hành hệ thống quản trị thông tin và tri thức.			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
37.	Phát triển hệ thống thông tin***	Học phần này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về các công cụ và kỹ thuật để phát triển hệ thống thông tin, và tri thức về một số phương pháp phát triển hệ thống cụ thể. Các chủ đề chính bao gồm các công cụ và kỹ thuật phát triển hệ thống, các công cụ và kỹ thuật để đánh giá, sự tiến bộ của các phương pháp phát triển hệ thống, bối cảnh của tổ chức mà ở đó hệ thống được phát triển, và một số phương pháp tiếp cận phát triển hệ thống. Các phương pháp này bao gồm tham gia trực tiếp để phát triển, tiếp cận hệ thống mềm, phát triển hướng đối tượng, phương pháp tiếp cận phát triển hệ thống có cấu trúc, phương pháp tiếp cận dữ liệu và thông tin, và phát triển ứng dụng nhanh chóng. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
38.	Hệ thống thông tin doanh nghiệp***	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức liên quan đến việc sử dụng các công nghệ mới nhất để quản trị thông tin, tri thức, văn bản và hồ sơ điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý của cá nhân, nhóm và tổ chức. Mục đích của học phần này là xây dựng hiểu biết về công nghệ trong quản trị tri thức và thông tin dạng có cấu trúc và phi cấu trúc. Sinh viên sẽ được tìm hiểu các bối cảnh kinh doanh, kỹ thuật phân tích yêu cầu và các vấn đề trong quá trình quản lý và vận hành hệ thống quản trị thông tin và tri thức.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
39.	Hệ thống quản trị quan hệ khách hàng***	Học phần giúp cho người học có được những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong việc: nhận diện các loại và nhu cầu của khách hàng; giao tiếp, xử lý than phiền, khiếu nại và chăm sóc khách hàng; xây dựng quy trình quản trị khách hàng; thu thập và quản lý thông tin khách hàng. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

40.	Xây dựng hệ thống vạn vật kết nối***	Học phần này tập trung giới thiệu cách sử dụng một số ngôn ngữ lập trình vào một số ứng dụng trong thực tế. Các ứng dụng của ngôn ngữ lập trình hướng tới là Python-Mysql, PHP-Mysql trên nền tảng Linux. Đây là các ngôn ngữ giúp người học có cái nhìn tổng quan về cách lập trình, quản trị hệ thống, lập trình web và quản lý cơ sở dữ liệu. Để đảm bảo yêu cầu này, người dùng phải biết lập trình các ngôn ngữ Python, HTML, CSS, Php. Học phần này sẽ dạy rất sâu về Linux, Mysql và các ứng dụng trong một hệ thống thu thập, lưu trữ và quản lý dữ liệu trong thực tế.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Tâm lý học quản trị kinh doanh***	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Dữ liệu lớn và trí tuệ doanh nghiệp***	Học phần này tập trung giới thiệu về Dữ liệu lớn (Big Data) và cách thức xây dựng và sử dụng hệ thống phân tích dữ liệu thông minh ứng dụng trong doanh nghiệp (Business Intelligence).	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Marketing trong môi trường số***	- Nắm được các xu thế chuyển đổi cách thức kinh doanh để thích nghi với thời đại mới – vạn vật kết nối Internet. -Hiểu được bản chất và tầm quan trọng ngày càng tăng của Marketing công nghệ số trong hoạt động kinh doanh và marketing của các doanh nghiệp. -Hiểu được các vị trí công việc có liên quan trong lĩnh vực Digital marketing và mối quan hệ giữa chúng. -Vận dụng được các nguyên lý của marketing trong môi trường công nghệ số; Xây dựng chiến lược marketing sử dụng cả các công cụ online và offline. -Nắm được các công cụ cơ bản của marketing công nghệ số và cách thức sử dụng các công cụ đó. -Có nền tảng tư duy để tiếp nhận kiến thức mới cho việc tự học suốt đời	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Nho Phật Đạo và Quản lý hiện đại***	Sau khi học xong học phần này người học hiểu được nền tảng triết lý cơ bản của tư tưởng Nho, Phật và Đạo; ứng dụng các tư tưởng này vào hoạt động quản lý xưa và nay; phối hợp giữa khoa học quản lý hiện đại với các tư tưởng Nho, Phật và Đạo thành nghệ thuật và khoa học quản lý để áp dụng cho công tác quản lý các cơ quan nhà nước cũng như các doanh nghiệp kinh doanh.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

45.	Truyền thông và ứng xử trong doanh nghiệp***	Khóa học sẽ đem đến cho sinh viên cơ hội được tiếp xúc và đóng góp trong lĩnh vực khoa học về ứng xử và hiểu biết sự vận hành của một cơ quan tổ chức. Khóa học cũng nhấn mạnh việc làm thế nào các hành vi cư xử của nhóm và cá nhân có thể cải thiện cả về chất lượng làm việc cũng như hiệu quả của tổ chức. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Quản lý khu vực công***	Học phần tập trung làm rõ những vấn đề lý luận chung về quản lý khu vực công: khái niệm, bản chất, vai trò, tầm quan trọng của khu vực công. Vai trò của nhà nước, chính phủ trong quản lý dịch vụ công, khu vực công. Người học được cung cấp các kiến thức liên quan tới các vấn đề về lãnh đạo khu vực công, quản lý tài chính công, tuyển dụng nhân sự và các vấn đề phúc lợi trong quản lý khu vực công, áp dụng kiến thức thu được vào các bài luận trong quá trình học tập	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Thiết kế và quản trị website*	Giải thích được các khái niệm website, địa chỉ trang web, tên miền, hosting - Phân biệt được các loại hình website theo mục đích sử dụng, theo mức độ tương tác và theo đối tượng sở hữu - Phân biệt được các loại hình nội dung website - Phân biệt được việc thiết kế, tổ chức và tạo lập nội dung website - Giải thích được các nguyên tắc thiết kế, tổ chức và tạo lập nội dung website - Giải thích được lí do phải tối ưu hóa công cụ tìm kiếm - Liệt kê được các yếu tố quan trọng trong tối ưu hóa công cụ tìm kiếm - Phân biệt được chiến lược, chiến thuật và kỹ thuật tối ưu hóa công cụ tìm kiếm - Kể tên các công cụ thiết kế website tải về và trực tuyến - Kể tên các ứng dụng đa phương tiện trong tạo lập nội dung website	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Truyền thông xã hội***	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về tổ chức xã hội và tương tác xã hội. Sinh viên sẽ được học những lý thuyết chung về mạng xã hội, phương thức, thói quen và xu hướng mà con người kết nối, tương tác thông qua mạng xã hội cũng như ngoài đời thực. Trên cơ sở đó họ có thể áp dụng	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		những chiến lược truyền thông phù hợp cho những tổ chức và mục tiêu khác nhau. (giảng dạy bằng tiếng Anh)			
49.	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm	Giúp người học có hiểu biết về cơ chế sắp xếp thông tin của máy chủ tìm kiếm trên internet. Xu hướng tiếp cận và phương tiện khai thác thông tin máy chủ của người khai thác thông tin. Người học được trang bị kiến thức cơ bản về phương pháp và kỹ năng đưa từ khóa lên thứ hạng cao lên các máy chủ tìm kiếm.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Hệ quản trị nội dung ***	Học phần này tập trung vào hệ quản trị nội dung (CMS) để giúp người học có thể hiểu, phân loại được một số hệ quản trị nội dung. Trên cơ sở đó, học phần đưa ra sự so sánh của một số hệ thống phần mềm quản trị nội dung trên nền web với những mục đích quản trị khác nhau để người học có thể lựa chọn một phần mềm cho một giải pháp, mục tiêu cụ thể. Sau khi lựa chọn, người học triển khai cài đặt và vận hành một hệ thống quản trị nội dung có hiệu quả, phục vụ những mục tiêu quản trị đã đặt ra. Ngoài ra, học phần cung cấp cho người học những kiến thức về hệ quản trị nội dung, phân loại các hệ quản trị nội dung, vận hành, sao lưu và phục hồi hệ quản trị nội dung.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Phân tích số liệu kinh doanh	Vai trò của phân tích dữ liệu trong doanh nghiệp Hiểu được quy trình phân tích dữ liệu doanh nghiệp Hiểu được các dịch vụ phân tích dữ liệu doanh nghiệp (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Quản lý tài nguyên số***	Học phần này tập trung vào phương pháp xây dựng và tổ chức khai thác tài nguyên số nhằm giúp người học có thể tạo lập và quản lý tài nguyên số một cách hiệu quả. Người học sẽ tiếp thu các kiến thức và kỹ năng cơ bản của hoạt động quản lý tài nguyên số và có cơ hội để áp dụng các kiến thức, kỹ năng này trong thực tiễn. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Báo chí dữ liệu***	Học phần Dữ liệu báo chí là học phần cung cấp những kiến thức chuyên biệt về các loại hình dữ liệu báo chí và báo chí dữ liệu; giúp sinh viên có được kiến thức và những kỹ năng cần bản để sản xuất được một bài báo với định dạng báo chí dữ liệu; Học phần giúp người học nắm rõ đặc điểm dữ liệu báo chí, nguồn dữ liệu, phương pháp khai thác, tổ chức phân tích và xuất bản dữ	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		liệu... Từ đó, người học sẽ có kỹ năng làm việc để thích ứng và hòa nhập nhanh với thực tiễn nghề nghiệp ngay cả khi học tập, thực tập và sau khi ra trường.			
54.	Thiết kế theo hướng người dùng***	Học phần này liên quan đến sự phát triển của các hệ thống tương tác lấy người sử dụng và các nguyên tắc sử dụng làm trung tâm. Học phần sẽ cung cấp cho bạn các kiến thức và kỹ năng thiết kế các giao diện người dùng có tính đến khả năng và khó khăn của người sử dụng. Khóa học này cũng giới thiệu cho bạn các kỹ thuật để đánh giá tính hữu dụng của các ứng dụng và hệ thống và đánh giá trải nghiệm của người dùng đối với một ứng dụng tương tác. (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	Hk6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Trực quan hóa dữ liệu	Hiểu được các kỹ thuật và lý thuyết chính được sử dụng trong trực quan hóa, bao gồm mô hình dữ liệu, nhận thức đồ họa và các kỹ thuật để mã hóa và tương tác trực quan. Làm sáng tỏ được các miền dữ liệu phổ biến và các nhiệm vụ phân tích dữ liệu như dữ liệu đa biến, mạng lưới, dữ liệu văn bản, bản đồ. Phân tích được các ưu điểm và hạn chế của các hệ thống trực quan hóa dữ liệu.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>26</b>		
57.	Thực tập thực tế 1	Học phần giúp sinh viên sinh viên có cái nhìn tổng quan về tổ chức và hoạt động của một tổ chức, doanh nghiệp trong thực tế. Hiểu được văn hóa tổ chức, quy trình hoạt động và các yêu cầu cần thiết của một tổ chức. Thông qua đó sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức thực tiễn và trở lại trường để tập trung vào định hướng nghề nghiệp trong tương lai.	5	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
58.	Thực tập thực tế 2	Học phần giúp sinh viên sinh viên có cái nhìn tổng quan về tổ chức và hoạt động của một tổ chức, doanh nghiệp trong thực tế. Hiểu được văn hóa tổ chức, quy trình hoạt động và các yêu cầu cần thiết của một. Nhận biết được vai trò của thông tin và hệ thống thông tin trong tổ chức, vai trò và nhiệm vụ của một chuyên gia thông tin. Trên cơ sở đó sinh viên nhận thức được tầm	5	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		quan trọng của kiến thức thực tiễn và trở lại trường để tập trung vào khám phá và cập nhật kiến thức mới cho công việc tương lai.			
59.	Thực tập thực tế 3	Học phần giúp sinh viên có trải nghiệm thực tế môi trường làm việc chuyên nghiệp tại một tổ chức cụ thể. Hiểu được sự vận hành của một tổ chức/doanh nghiệp, mối liên kết giữa các bộ phận, vai trò của văn hóa tổ chức... có mối liên hệ chặt chẽ với quản trị thông tin và tri thức tại tổ chức, doanh nghiệp. Đề từ đó phân tích đánh giá hệ thống này và để làm cơ sở cho việc cải tiến hệ thống thông tin hoạt động hiệu quả. Sau khóa thực tập sinh viên sẽ định hướng rõ ràng hơn công việc tương lai của mình và xây dựng một kế hoạch cụ thể để phát triển chuyên môn trong năm cuối cùng trước khi tốt nghiệp	5	HK hè	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60.	Thực tập thực tế 4	Học phần giúp sinh viên củng cố các kiến thức đã học ở nhà trường và học hỏi thêm các kiến thức thực tế trước khi tốt nghiệp ra trường. Sinh viên sẽ áp dụng tất cả các kiến thức đã học trong toàn bộ chương trình đào tạo để áp dụng vào thực tế công việc của một tổ chức cụ thể. Khóa thực tập này giúp sinh viên tìm kiếm các nhà tuyển dụng tiềm năng để chuẩn bị công việc sau khi tốt nghiệp.	5	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
61.	Khóa luận/Dự án nghiên cứu cuối khóa	Học phần giúp sinh viên có phát triển kỹ năng triển khai một nghiên cứu để giải quyết một vấn đề cụ thể của một tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức và kỹ năng đã được học trong toàn bộ chương trình để xây dựng một dự án nghiên cứu thực tế và thực hiện thành công dự án này.	6	HK8	

## C11. Khoa Du lịch học

### 1. Cử nhân Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		

3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
14.	Đại cương về quản trị kinh doanh	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và nội dung cơ bản của hoạt động quản trị kinh doanh từ ra quyết định kinh doanh đến quản trị sản xuất, kinh doanh cũng như quản trị nguồn nhân lực.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15.	Nhập môn khoa học du lịch	Học phần này là cung cấp cho người học những khái niệm, quan điểm và nội dung chung nhất, cơ bản nhất cần có trong việc học tập nghiên cứu cũng như kinh doanh du lịch, làm tiền đề để người học dễ dàng tiếp cận các môn chuyên ngành	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
16.	Tiếng Anh du lịch	Củng cố từ vựng và kỹ năng giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thông thường mà sinh viên đã tích lũy trong chương trình tiếng Anh cơ sở; Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc sau này như các cấu trúc ngữ pháp đặc thù trong giao tiếp, đọc, dịch và trao đổi về các nội dung chuyên ngành, điền bảng biểu, thư giao dịch công việc bằng tiếng Anh	5	HK3	
17.	Kiến tập tổng hợp	Học phần cung cấp cho người học điều kiện để quan sát các hoạt	3	HK hè 1	Thường xuyên: 10%

		động thực tiễn của du lịch, kinh doanh du lịch và khả năng đối chiếu với kiến thức lý thuyết đã học			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/27</b>		
18.	Địa lý thế giới	- Mục tiêu về kiến thức: Môn học giúp sinh viên nắm được các vấn đề khái quát chung của nền kinh tế thế giới và một số quốc gia tiêu biểu với những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau, thành quả đạt được và những nguyên nhân thành công. Từ đó sinh viên có thể rút ra những kết luận so sánh, bài học kinh nghiệm để sau này có một cái nhìn tổng hợp đề ra các quyết sách, biện pháp phù hợp phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19.	Luật hành chính Việt Nam	Nắm được những kiến thức cơ bản của khoa học luật hành chính. Từ đó hình thành được tư duy và những kỹ năng phân tích pháp lý có tính hệ thống. Sinh viên có khả năng tự định hướng và tự chịu trách nhiệm đối với công việc của mình liên quan đến các kiến thức thuộc học phần này.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
20.	Thông tin học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lý thông tin	3	HK4	
21.	Văn hoá tổ chức	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	
22.	Quan hệ công chúng đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK5	
23.	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	
24.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
25.	Tâm lý học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3		
26.	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK1	
<b>IV</b>	<b>Khôi kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
27.	Kinh tế du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế du lịch như khái niệm, phương pháp nghiên cứu, thị	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		trường du lịch, doanh nghiệp du lịch, đầu tư du lịch...			Thi cuối kỳ: 60%
28.	Văn hóa du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hoá được khai thác phục vụ hoạt động du lịch; văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch và công tác bảo vệ văn hóa trong phát triển du lịch.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Marketing du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những khái niệm, nội dung cơ bản của hoạt động marketing du lịch như lập kế hoạch marketing du lịch, nghiên cứu marketing du lịch, xây dựng chiến lược marketing du lịch, chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và xúc tiến du lịch.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>(chọn một trong hai định hướng sau):</b>	<b>6</b>		
		<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>	<i>6/12</i>		
30.	Hành vi tiêu dùng du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những nền tảng kiến thức liên quan đến những nhóm hành vi cơ bản của con người trong tiêu dùng du lịch, góp phần giúp người kinh doanh dịch vụ du lịch không chỉ dừng lại ở việc thỏa mãn toàn diện những nhu cầu sẵn có mà còn có thể phát huy tác dụng trong việc định hướng gợi mở nhu cầu, hướng dẫn tiêu dùng các sản phẩm mới mẻ, độc đáo, hấp dẫn.	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Thanh toán quốc tế trong du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và nghiệp vụ cơ bản của hoạt động thanh toán quốc tế trong du lịch như tỷ giá hối đoái, các công cụ thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế, điều kiện tài chính tiền tệ trong hợp đồng du lịch quốc tế, cũng như các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng...	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Thống kê du lịch	Cung cấp cho người học kiến thức về thống kê du lịch như khái niệm, quy trình và các phương pháp thống kê du lịch.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	Phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống và khả năng khai thác chúng phục vụ phát triển du lịch.	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
34.	Du lịch tôn giáo - tín ngưỡng	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch tôn giáo, tín ngưỡng như tôn giáo, tín ngưỡng, các sản phẩm và loại hình du lịch tôn giáo tín ngưỡng.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Pháp luật du lịch	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống	2	HK6	Thường xuyên: 10%

		pháp luật Việt Nam liên quan đến du lịch và những nội dung cơ bản của pháp luật du lịch Việt Nam (luật, nghị định, thông tư về du lịch).			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
		<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>	6/9		
36.	Hán Nôm cơ sở	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Hán Nôm	3	HK4	
37.	Quản lý nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
38.	Văn hóa và đạo đức quản lý		3	HK6	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>47</b>		
<b>V.1</b>	<b><i>Các học phần chung cho các hướng chuyên ngành (bắt buộc)</i></b>		<b>8</b>		
39.	Địa lí du lịch	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản, hiện đại, đặc biệt quan trọng về sự phân bố không gian của các hợp phần du lịch, mối tương tác giữa các hợp phần đó, về tổ chức lãnh thổ du lịch cụ thể là cung cấp những lý luận cơ bản về địa lí du lịch như hệ thống du lịch, quy luật phân bố không gian của các thành phần trong hệ thống du lịch, tài nguyên du lịch, di sản thế giới, môi tương tác không gian giữa cầu và cung du lịch, những thông tin khái quát về các vùng du lịch Việt Nam ...	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Thực tập tổng hợp	Học phần này cung cấp cho người học điều kiện để tích hợp kiến thức các môn học khác nhau áp dụng vào thực tiễn hoạt động du lịch.	3	HK hè 2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Niên luận	Học phần cung cấp cho người học cơ hội thể hiện sự hiểu biết những kiến thức đã học thông qua việc tự nghiên cứu, khảo sát, phân tích và trình bày một vấn đề thực tiễn liên quan đến chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b><i>Các học phần theo hướng chuyên ngành (Chọn 1 trong 2 hướng)</i></b>				
<b>V.2.1</b>	<b><i>Quản trị lễ hành</i></b>		<b>31</b>		
<b>V.2.1.1</b>	<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>		<b>22</b>		

42.	Điểm tuyển du lịch Việt Nam	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về hướng dẫn các tuyến điểm du lịch chủ yếu của Việt Nam. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức xây dựng các bài thuyết minh hướng dẫn du lịch và các chương trình du lịch Việt Nam; tham gia vào các hoạt động lễ hành quản lý tài nguyên; làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các Học phần khác tốt hơn.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Hướng dẫn du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hướng dẫn du lịch như vai trò, năng lực, phẩm chất của hướng dẫn viên du lịch; quy trình, kỹ năng tổ chức hướng dẫn và xử lý sự cố trong hoạt động hướng dẫn du lịch.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Nghiệp vụ lễ hành	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ lễ hành như khái niệm, vai trò, chức năng, quy trình tổ chức nghiệp vụ lễ hành.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
45.	Quản trị kinh doanh lễ hành	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức, và kỹ năng quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lễ hành	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Tiếng Anh chuyên ngành lễ hành	Củng cố từ vựng và kỹ năng giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thông thường mà sinh viên đã tích lũy trong chương trình tiếng Anh cơ sở; Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc sau này như các cấu trúc ngữ pháp đặc thù trong giao tiếp, đọc, dịch và trao đổi về các nội dung chuyên ngành, điền bảng biểu, thư giao dịch công việc bằng tiếng Anh.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Thực tập chuyên ngành 1 (lễ hành)	Học phần này cung cấp cho người học cơ hội kết hợp giữa lý thuyết và thực hành các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh lễ hành.	3	HK hè3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Thực tập chuyên ngành 2 (hướng dẫn)	Môn học cung cấp cho người học cơ hội áp dụng lý thuyết được học và thực hành các nghiệp vụ trong hoạt động hướng dẫn du lịch	3	HK hè3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2.1. 2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/21</b>		
49.	Du lịch sinh thái	Học phần Du lịch sinh thái cung cấp cho người học những thuật	3	HK7	Thường xuyên: 10%



		ngữ, khái niệm, nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của du lịch sinh thái; trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và quan điểm phát triển du lịch sinh thái gắn với phát triển cộng đồng và bảo tồn thiên nhiên; trang bị cho người học kỹ năng nhận biết giá trị của thiên nhiên và kỹ năng ứng xử thân thiện với môi trường; giúp người học nắm bắt và vận dụng được những kiến thức mang tính chất tác nghiệp vào trong thực tiễn hoạt động du lịch sinh thái tại địa phương, cơ sở.			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Du lịch văn hoá	Trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về các loại hình, các sản phẩm hay các chương trình du lịch văn hoá; các khái niệm, kỹ năng nhận biết các giá trị của văn hoá trong du lịch, kỹ năng giao tiếp văn hoá trong du lịch, kỹ năng khai thác các giá trị văn hoá bản địa và nhân loại để có được các sản phẩm du lịch văn hoá có sức hấp dẫn cao, kỹ năng khai thác các sản phẩm du lịch văn hoá theo các chương trình du lịch, vận dụng các kiến thức về văn hoá du lịch vào trong quá trình hoạt động du lịch văn hoá ở các địa phương, các cơ sở du lịch	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản (như giao tiếp, ứng xử, phép lịch sự xã giao, lễ nghi và tập quán giao tiếp, phép lịch sự xã giao, lễ tân, ngoại giao và lễ tân ngoại giao); các vấn đề liên quan đến chức năng, vai trò, cấu trúc và phân loại giao tiếp, các phương tiện và kỹ thuật giao tiếp. Các nội dung của giao tiếp quốc tế như tâm lý và tập quán giao tiếp của các cư dân thế giới, các vấn đề văn hóa xuyên quốc gia, phép lịch sự xã giao quốc tế cũng được cung cấp trong nội dung học phần. Người học cũng được làm quen với các vấn đề chung về ngoại giao trên thế giới và ở Việt Nam, các nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động lễ tân ngoại giao như nghiệp vụ đón tiếp và tổ chức hậu cần, tổ chức sự kiện ngoại giao, tổ chức tiệc ngoại giao.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Xúc tiến du lịch	Môn học cung cấp những nền tảng kiến thức liên quan đến xúc tiến trong du lịch, đặc biệt nhấn mạnh việc sáng tạo ý tưởng, xây dựng thông điệp và lập kế hoạch xúc tiến hỗn hợp, các hình thức xúc tiến phổ biến và hoạt động xúc tiến điểm đến du lịch.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Tổng quan về sự kiện	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngành công nghiệp sự kiện, trong mối liên hệ với bối cảnh của xã hội hiện đại và sự phát triển du lịch toàn cầu thông qua các lý	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		luận, học thuyết và bài tập tình huống			
54.	Diễn giảng công cộng	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong diễn giảng công cộng như khái niệm, nguyên tắc, phương pháp, nội dung và các loại hình diễn giảng công cộng.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2.2</b>	<b>Quản trị sự kiện</b>		<b>31</b>		
<b>V.2.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>22</b>		
56.	Tổng quan về sự kiện	Giống học phần 67 ở trên	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
57.	Thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức liên quan đến thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện, đặc biệt tập trung vào thực hành các bước trong quy trình thiết kế sự kiện và tổ chức sản xuất sự kiện (lựa chọn các nhà cung cấp, lựa chọn dịch vụ, sản phẩm, đặt hàng, nghiệm thu thi công, sản phẩm, dịch vụ, triển khai lắp đặt...); phát triển các kỹ năng chuyên biệt trong lĩnh vực thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
58.	Quản trị sự kiện	Môn học quản trị sự kiện giới thiệu cho người học những khái niệm cơ bản của quy trình hoạt động tổ chức sự kiện, bao gồm lập kế hoạch sự kiện; quản trị rủi ro cho sự kiện; quản trị hậu cần; quản trị nguồn nhân lực; kiểm soát ngân sách; gây quỹ và tài trợ cho sự kiện; dàn dựng sự kiện; các vấn đề pháp lý trong tổ chức sự kiện; truyền thông và các hoạt động marketing cho sự kiện. Môn học cũng phân tích các loại hình sự kiện được tổ chức trong ngành du lịch và các chiến lược tổ chức du lịch. Cách thức xây dựng chiến lược tổ chức và quản lý dự án sự kiện cũng như phương pháp đánh giá sự kiện sau khi kết thúc sẽ được giảng dạy trong môn học này.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Thực hành lập dự án sự kiện	Học phần này cung cấp những kiến thức liên quan đến lập và	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		triển khai dự án sự kiện, các bước trong quy trình lập và triển khai dự án, phát triển các kỹ năng chuyên biệt trong lập kế hoạch, quản lý và triển khai dự án			Thi cuối kỳ: 60%
60.	PR và truyền thông cho sự kiện	Môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến PR và truyền thông cho sự kiện, đặc biệt tập trung vào thực hành quy trình PR và truyền thông cho sự kiện (lựa chọn các kênh, công cụ truyền thông, PR; lựa chọn công chúng của truyền thông, PR, thiết kế thông điệp truyền thông, PR cho các sự kiện); phát triển các kỹ năng chuyên biệt trong lĩnh vực PR và truyền thông cho sự kiện.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
61.	Thực tập chuyên ngành sự kiện 1	Cung cấp cho người học cơ hội kết hợp giữa lý thuyết và thực hành các nghiệp vụ trong lĩnh vực tổ chức sự kiện ở một doanh nghiệp cụ thể	3	HK hè 3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Thực tập chuyên ngành sự kiện 2	Cung cấp cho người học cơ hội kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong một bộ phận cụ thể tại một dự án sự kiện thực tế.	3	HK hè 3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2.2. 2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/21</b>		
63.	Ý tưởng và kịch bản sự kiện	Môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến ý tưởng và vai trò, yêu cầu của ý tưởng trong sự kiện; cấu thành ý tưởng và lao động tạo ra ý tưởng, thiết kế ý tưởng; sự thể hiện của ý tưởng trong các thành tố của sự kiện; ý tưởng và concept, thẩm định ý tưởng và kịch bản sự kiện; các loại kịch bản sự kiện; cách thiết kế kịch bản sự kiện.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64.	Tài trợ và gây quỹ cho sự kiện	Môn học cung cấp những nền tảng kiến thức liên quan đến tài trợ và gây quỹ, đặc biệt nhấn mạnh việc xây dựng và trình bày một hồ sơ đề xuất tài trợ, phát triển các kỹ năng chuyên biệt trong vận động tài trợ và gây quỹ	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
65.	Quản trị thực phẩm đồ uống	Học phần này cung cấp cho người học hệ thống kiến thức, kinh nghiệm về công tác quản trị và kỹ năng, nghiệp vụ phục vụ trong các nhà hàng, khách sạn, từ đó có thể thực hiện các yêu cầu cụ thể liên quan đến từng loại hình dịch vụ trong các nhà hàng, khách sạn.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66.	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	Như học phần số thứ tự 51 ở trên	3	HK1	
67.	Xúc tiến du lịch	Như học phần số thứ tự 52 ở trên	3	HK6	

68.	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	Như học phần số thứ tự 55 ở trên	3	HK5	
69.	Diễn giảng công cộng	Như học phần số thứ tự 54 ở trên	3	HK6	
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>8</b>		
70.	Thực tập tốt nghiệp	Học phần này cung cấp cho người học cơ hội tiếp cận thực tế với ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, dưới sự hướng dẫn quản lý của người phụ trách bộ phận và sự theo dõi quản lý của giáo viên hướng dẫn.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
71.	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này cung cấp cho người học cơ hội thể hiện kiến thức chuyên môn (lý thuyết và thực tế) đã tích lũy được trong quá trình học tập.	5	HK8	
	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:</i>				
72.	Tài nguyên du lịch	Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức tổng hợp về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa, vai trò quyết định của tài nguyên du lịch trong việc tạo nên sản phẩm du lịch, điểm tuyến du lịch, khu du lịch...	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
73.	Kinh doanh du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức tổng hợp về kinh doanh du lịch như khái niệm, những vấn đề pháp lý, thị trường du lịch, tổ chức doanh nghiệp, quản lý chất lượng dịch vụ, hoạch định chiến lược...	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## 2. Cử nhân Quản trị khách sạn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		

2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
14.	Đại cương về quản trị kinh doanh	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và nội dung cơ bản của hoạt động quản trị kinh doanh từ ra quyết định kinh doanh đến quản trị sản xuất, kinh doanh cũng như quản trị nguồn nhân lực.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15.	Nhập môn khoa học du lịch	Học phần này là cung cấp cho người học những khái niệm, quan điểm và nội dung chung nhất, cơ bản nhất cần có trong việc học tập nghiên cứu cũng như kinh doanh du lịch, làm tiền đề để người học dễ dàng tiếp cận các môn chuyên ngành	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
16.	Tiếng Anh du lịch	Củng cố từ vựng và kỹ năng giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thông thường mà sinh viên đã tích lũy trong chương trình tiếng Anh cơ sở; Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc sau này như các cấu trúc ngữ pháp đặc thù trong giao tiếp, đọc, dịch và trao đổi về các nội dung chuyên ngành, điền	5	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		bảng biểu, thư giao dịch công việc bằng tiếng Anh			
17.	Kiến tập tổng hợp	Học phân cung cấp cho người học điều kiện để quan sát các hoạt động thực tiễn của du lịch, kinh doanh du lịch và khả năng đối chiếu với kiến thức lý thuyết đã học	3	HK hè 1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/27</b>		
18.	Địa lý thế giới	- Mục tiêu về kiến thức: Môn học giúp sinh viên nắm được các vấn đề khái quát chung của nền kinh tế thế giới và một số quốc gia tiêu biểu với những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau, thành quả đạt được và những nguyên nhân thành công. Từ đó sinh viên có thể rút ra những kết luận so sánh, bài học kinh nghiệm để sau này có một cái nhìn tổng hợp để ra các quyết sách, biện pháp phù hợp phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19.	Luật hành chính Việt Nam	Nắm được những kiến thức cơ bản của khoa học luật hành chính. Từ đó hình thành được tư duy và những kỹ năng phân tích pháp lý có tính hệ thống. Sinh viên có khả năng tự định hướng và tự chịu trách nhiệm đối với công việc của mình liên quan đến các kiến thức thuộc học phần này.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
20.	Thông tin học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản lý thông tin	3	HK4	
21.	Văn hoá tổ chức	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	
22.	Quan hệ công chúng đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK5	
23.	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	
24.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
25.	Tâm lý học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3		
26.	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK1	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		

27.	Kinh tế du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế du lịch như khái niệm, phương pháp nghiên cứu, thị trường du lịch, doanh nghiệp du lịch, đầu tư du lịch...	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Văn hóa du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hoá được khai thác phục vụ hoạt động du lịch; văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch và công tác bảo vệ văn hóa trong phát triển du lịch	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Marketing du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những khái niệm, nội dung cơ bản của hoạt động marketing du lịch như lập kế hoạch marketing du lịch, nghiên cứu marketing du lịch, xây dựng chiến lược marketing du lịch, chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và xúc tiến du lịch	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b><i>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</i></b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		6/12		
30.	Hành vi tiêu dùng du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những nền tảng kiến thức liên quan đến những nhóm hành vi cơ bản của con người trong tiêu dùng du lịch, góp phần giúp người kinh doanh dịch vụ du lịch không chỉ dừng lại ở việc thỏa mãn toàn diện những nhu cầu sẵn có mà còn có thể phát huy tác dụng trong việc định hướng gợi mở nhu cầu, hướng dẫn tiêu dùng các sản phẩm mới mẻ, độc đáo, hấp dẫn	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31.	Thanh toán quốc tế trong du lịch	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và nghiệp vụ cơ bản của hoạt động thanh toán quốc tế trong du lịch như tỷ giá hối đoái, các công cụ thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế, điều kiện tài chính tiền tệ trong hợp đồng du lịch quốc tế, cũng như các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng...	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Thống kê du lịch	Cung cấp cho người học kiến thức về thống kê du lịch như khái niệm, quy trình và các phương pháp thống kê du lịch.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	Phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống và khả năng khai thác chúng phục vụ phát triển du lịch	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

34.	Du lịch tôn giáo - tín ngưỡng	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch tôn giáo, tín ngưỡng như tôn giáo, tín ngưỡng, các sản phẩm và loại hình du lịch tôn giáo tín ngưỡng.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Pháp luật du lịch	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam liên quan đến du lịch và những nội dung cơ bản của pháp luật du lịch Việt Nam (luật, nghị định, thông tư về du lịch)	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/9		
36.	Hán Nôm cơ sở	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Hán Nôm	3	HK4	
37.	Quản lý nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
38.	Văn hóa và đạo đức quản lý		3	HK6	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>47</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>30</b>		
39.	Thực tập tổng hợp	Học phần này cung cấp cho người học điều kiện để tích hợp kiến thức các môn học khác nhau áp dụng vào thực tiễn hoạt động du lịch.	3	HK hè 2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Niên luận	Học phần cung cấp cho người học cơ hội thể hiện sự hiểu biết những kiến thức đã học thông qua việc tự nghiên cứu, khảo sát, phân tích và trình bày một vấn đề thực tiễn liên quan đến chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Quản trị kinh doanh khách sạn	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản trong kinh doanh khách sạn như các khái niệm liên quan, quy trình và hoạt động tổ chức kinh doanh.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Quản trị lễ tân	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản trong quản trị lễ tân như quản trị nhân sự của bộ phận lễ tân, quản trị các hoạt động đặt buồng, đón tiếp và phục vụ khách, cũng như các thủ tục thanh quyết toán dịch vụ lưu trú của khách.		HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Quản trị thực phẩm đồ uống	Học phần này cung cấp cho người học hệ thống kiến thức, kinh nghiệm về công tác quản trị và kỹ năng, nghiệp vụ phục vụ trong các nhà hàng, khách sạn, từ đó có thể thực hiện các yêu	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		câu cụ thể liên quan đến từng loại hình dịch vụ trong các nhà hàng, khách sạn.			
44.	Quản trị dịch vụ buồng	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ phục vụ buồng trong khách sạn và các công tác quản trị những nghiệp vụ đó.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
45.	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	Củng cố từ vựng và kỹ năng giao tiếp trong các tình huống giao tiếp mà sinh viên đã tích lũy trong chương trình tiếng Anh chuyên ngành Du lịch; cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc sau này như các cấu trúc ngữ pháp đặc thù trong giao tiếp, đọc, dịch và trao đổi về các nội dung chuyên ngành, điền bảng biểu, thư giao dịch công việc bằng tiếng Anh	4	HK7	-Thường xuyên (kiểm tra các kỹ năng viết, đọc, dịch, nói, từ vựng, ngữ pháp): 20% -Giữa kỳ (Nghe, đọc, dịch, viết) 20% -Cuối kỳ (đọc, viết, dịch): 60%
47.	Thực tập chuyên ngành khách sạn 1	Cung cấp cho người học những kiến thức thực tế về các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh lưu trú tập trung vào nghiệp vụ sảnh, bàn, bar và buồng.	3	HK hè 3	
48.	Thực tập chuyên ngành khách sạn 2	Cung cấp cho người học những kiến thức thực tế về tổ chức quản lý các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh lưu trú.	3	HK7	
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/21</b>		
49.	Văn hóa & nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về văn hóa, nghệ thuật ẩm thực Việt Nam phục vụ cho phát triển du lịch như diện mạo, đặc điểm, nguồn gốc, đặc thù, vai trò, vị trí quan trọng của văn hóa ẩm thực trong toàn bộ hệ thống văn hóa Việt Nam, cũng như trong các hoạt động du lịch, cùng những kỹ năng vận dụng trong thực tế.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK1	
51.	Thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK6	
52.	Tổng quan sự kiện	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK5	

53.	Diễn giảng công cộng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK6	
54.	Nghiệp vụ lữ hành	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK5	
55.	Hướng dẫn du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK7	
	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>8</b>		
56.	Thực tập tốt nghiệp	Học phần này cung cấp cho người học cơ hội tiếp cận thực tế với ngành công nghiệp khách sạn như các nghiệp vụ lễ tân, buồng, bàn, bar dưới sự hướng dẫn quản lý của người phụ trách bộ phận và sự theo dõi quản lý của giáo viên hướng dẫn.	3	HK8	
57.	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này cung cấp cho người học cơ hội thể hiện kiến thức chuyên môn (lý thuyết và thực tế) đã tích lũy được trong quá trình học tập.	5	HK8	
	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:</i>				
58.	Tổ chức khách sạn	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức tổng hợp về tổ chức khách sạn như hệ thống cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức quản lý và văn hóa doanh nghiệp trong khách sạn.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Kinh doanh khách sạn	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức tổng hợp về kinh doanh khách sạn như quản trị kinh doanh cơ sở lưu trú, ăn uống và dịch vụ bổ sung.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

**C12. Khoa Quốc tế học**  
**1. Cử nhân Quốc tế học**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		

2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Ngoại ngữ B1		5		
7.	Tiếng Anh B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
13.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
14.	Lịch sử Quan hệ quốc tế	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế và có khả năng vận dụng những kiến thức này vào nghiên cứu các sự kiện quốc tế cũng như các vấn đề đối ngoại của nước ta.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15.	Quan hệ đối ngoại Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống và khoa học về lịch sử quan hệ đối ngoại của Việt Nam từ năm 1945 đến nay từ góc độ tiếp cận lịch sử thông qua phân tích các diễn biến, sự kiện chính của quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai, những năm đầu của nền cộng hòa dân chủ, trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, trong giai đoạn hòa bình thống nhất và kể từ khi thực hiện chính sách đổi mới. Trên	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>ơ sở đó giúp cho sinh viên hiểu được truyền thống đối ngoại của dân tộc, rút ra những bài học lịch sử và vận dụng vào việc nghiên cứu và phân tích quan hệ đối ngoại trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay</p>			
16.	Nhập môn Quan hệ quốc tế	<p>Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế và có khả năng vận dụng những kiến thức này vào nghiên cứu các sự kiện quốc tế cũng như các vấn đề đối ngoại của nước ta.</p>	3	HK5	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
17.	Khu vực học đại cương	<p>Cung cấp cho sinh viên phương pháp tiếp cận, hệ thống các khái niệm căn bản của nghiên cứu một quốc gia và một khu vực, những kiến thức về những khu vực quan trọng trên thế giới như: con đường phát triển của quốc gia và khu vực, đặc điểm hệ thống chính trị, mô hình kinh tế, bản sắc văn hoá, quan hệ quốc tế, hội nhập khu vực và xung đột khu vực</p>	3	HK5	<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/24</b>		
18.	Báo chí truyền thông đại cương	<p>Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí</p>	3	HK4	
19.	Lịch sử Việt Nam đại cương	<p>Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lịch sử</p>	3	HK1	
20.	Nhân học đại cương	<p>Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học</p>	3	HK6	
21.	Tôn giáo học đại cương	<p>Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học</p>	3	HK4	
22.	Chính trị học đại cương	<p>Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học</p>	3	HK4	
23.	Phát triển cộng đồng	<p>Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội</p>	3	HK4	

24.	Chính sách xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK6	
25.	Các lý thuyết quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK6	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>19</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>13</b>		
26.	Thể chế chính trị thế giới	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về thể chế chính trị thế giới như chính trị, thể chế chính trị, hiến pháp, nhà nước, cơ quan pháp, hành pháp, tư pháp, quyền lực, bầu cử, đảng phái, nhóm lợi ích....Trên cơ sở đó học phần tiến hành phân loại các mô hình thể chế chính trị cơ bản trên thế giới, tiêu chí, đặc trưng nổi bật của các mô hình thể chế, so sánh các mô hình thể chế chính trị để tìm ra những điểm tương đồng, khác biệt, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của mô hình thể chế chính trị, tầm quan trọng của thể chế chính trị đối với sự phát triển của kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia nói riêng và thế giới nói chung.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
27.	Kinh tế quốc tế	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức hệ thống và cơ bản về kinh tế học quốc tế. Xuất phát từ mục tiêu chung của ngành nghiên cứu, học phần được xây dựng thiên về hướng nghiên cứu quan hệ kinh tế quốc tế trên cơ sở những lý luận cơ bản của kinh tế học	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Luật quốc tế	Học phần giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

29.	Các tổ chức quốc tế	Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết và thực tế cơ bản về các tổ chức quốc tế nói chung và một số tổ chức quốc tế tiêu biểu, quan trọng trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam nói riêng. Đây là những kiến thức nền tảng để sinh viên tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu trong chương trình quốc tế học cũng như tạo điều kiện về cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp	2	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
30.	Nhập môn kinh tế chính trị quốc tế	Học phần giúp cho sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản trong kinh tế chính trị quốc tế, sự phát triển của các vấn đề trong lịch sử và hiện tại; từ đó sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học để phân tích và dự đoán các hiện tượng, xu thế phát triển trong kinh tế chính trị quốc tế.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b><i>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</i></b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		6/30		
31.	Đặc trưng văn hóa Mỹ Latinh	Giúp sinh viên có được cái nhìn toàn cảnh, mang tính hệ thống và có trọng tâm về những đặc trưng của văn hóa Mỹ Latinh, bổ sung hiểu biết về Mỹ Latinh nói riêng và châu Mỹ nói chung. Cao hơn nữa là có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào việc tìm hiểu sâu hơn về văn hóa Mỹ Latinh cũng như ứng dụng vào thực tiễn. Tạo cho sinh viên hứng thú tìm hiểu sâu hơn về văn hóa Mỹ Latinh cũng như rèn luyện các kỹ năng học tập, nghiên cứu cần thiết cho sinh viên.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Các tổ chức khu vực châu Mỹ	Giúp sinh viên có được cái nhìn toàn cảnh, mang tính hệ thống và có trọng tâm về những tổ chức quốc tế khu vực châu Mỹ, bổ sung hiểu biết về các tổ chức quốc tế cũng như về tình hình châu Mỹ.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>Cao hơn nữa là có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào việc tìm hiểu sâu hơn về các tổ chức quốc tế này cũng như ứng dụng vào thực tiễn.</p> <p>Tạo cho sinh viên hứng thú tìm hiểu sâu hơn về các tổ chức quốc tế trong khu vực cũng như rèn luyện các kỹ năng học tập, nghiên cứu cần thiết cho sinh viên.</p>			
33.	Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây	<p>Chuyên đề giúp sinh viên có cái nhìn khái quát về quá trình giao lưu, tiếp xúc văn hoá giữa hai khu vực châu Âu và châu Á. Đặc biệt, trong giai đoạn cận đại, yếu tố này được thể hiện rất rõ ở các quốc gia Châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
34.	Khu vực Bắc Âu và Đông Âu	<p>Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về đặc điểm khu vực Bắc Âu/Đông Âu, các vấn đề kinh tế, chính trị, đối ngoại của các quốc gia, cũng như quan hệ của Việt Nam với các nước này. Bên cạnh đó cũng cần nhận biết được những đặc điểm chung của mô hình phát triển của các nước Bắc Âu/Đông Âu</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
35.	Ngoại giao công chúng	<p>Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về ngoại giao công chúng và có khả năng vận dụng những kiến thức này vào nghiên cứu các sự kiện quốc tế cũng như các vấn đề đối ngoại của nước ta.</p> <p>Ngoài ra, sinh viên được trang bị các kỹ năng và những ứng xử thích hợp trong công việc đối ngoại có liên quan đến công chúng sau khi ra trường</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
36.	Quan hệ Liên minh châu Âu-Việt Nam	<p>Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về quan hệ EU - Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và giáo dục. Sinh viên nắm được những đặc điểm trong quan hệ kinh tế với đối tác đặc biệt EU – Việt Nam đồng thời hiểu được những yếu tố quan trọng tác động đến mối quan hệ này.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

37.	Các nhóm lợi ích ở Hoa Kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ những vấn đề cơ bản, cốt lõi của các nhóm lợi ích ở Mỹ như nhu cầu hình thành các nhóm lợi ích của Mỹ, xây dựng liên minh của các nhóm lợi ích và quá trình phát triển của chúng.</li> <li>- Đưa ra được cách thức vận động hành lang, vận động bầu cử của các nhóm lợi ích.</li> <li>- Làm sáng tỏ cách thức hình thành các nhóm lợi ích tiêu biểu ở Mỹ như Hiệp hội Y học, Hiệp hội luật sư...</li> <li>- Đánh giá mục đích đạt được thông qua việc thực thi cơ chế vận động hành lang của nhóm lợi ích.</li> </ul>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
38.	Phát triển bền vững	<p>phân tích một cách hệ thống và toàn diện các khái niệm về phát triển bền vững, các nguyên nhân tác động đến sự phát triển không bền vững cũng như yêu cầu hợp tác quốc tế để đảm bảo các Mục tiêu phát triển bền vững ở cấp quốc tế và quốc gia, những thành công, hạn chế trong việc thực hiện và các giải pháp để đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững.</p>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
39.	Kỹ năng ứng tuyển bằng tiếng Anh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp sinh viên có được sự tiếp cận đối với Tiếng Anh trong môi trường làm việc</li> <li>- Giúp sinh viên làm quen với kỹ năng viết hồ sơ và trả lời phỏng vấn khi đi xin việc bằng Tiếng Anh, ứng biến được với những tình huống có thể phát sinh trong khi phỏng vấn xin việc.</li> <li>- Tạo cho sinh viên tác phong và thái độ chuyên nghiệp, tạo ấn tượng tốt cho các nhà tuyển dụng.</li> </ul>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
40.	Luật nhân đạo quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Làm rõ những vấn đề cơ bản, cốt lõi của Luật Nhân đạo quốc tế như khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc cơ bản và quá trình phát triển của chúng.</li> <li>- Trang bị những kiến thức về các quy định của luật nhân đạo quốc tế trong xung đột vũ trang quốc tế, xung đột vũ trang phi quốc tế và những quy định trong hỗ trợ thảm họa thiên nhiên, dịch bệnh.</li> </ul>	3	HK6	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>



		-Làm sáng tỏ cách thức hình thành các nhóm lợi ích tiêu biểu ở Mỹ như Hiệp hội Y học, Hiệp hội luật sư... -Đánh giá mục đích đạt được thông qua việc thực thi cơ chế vận động hành lang của nhóm lợi ích.			
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/15		
41.	So sánh văn hóa	- Cung cấp cho sinh viên những nét đặc trưng văn hóa khu vực, PPNC khoa học, một trong số đó là phương pháp so sánh. Sinh viên tiếp cận các khái niệm cơ bản như văn hóa, các thành tố tạo nên văn hóa, các cấp độ văn hóa... cùng với các bước tiến hành làm nghiên cứu so sánh. - Trên cơ sở các kiến thức đã học so sánh văn hóa Việt Nam với Nhật Bản hoặc một quốc gia khác.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Quản trị kinh doanh	Học phần sẽ tập trung giới thiệu về các nghiệp vụ quản trị kinh doanh cần thiết hỗ trợ công tác quản lý doanh nghiệp, từ đó giúp người học có thể nắm bắt được các công tác tổng thể trong quản lý doanh nghiệp một cách một khoa học. Học phần cũng sẽ giới thiệu các đặc điểm cấu trúc và sự vận hành của các bộ phận chuyên biệt trong doanh nghiệp thông qua việc xem xét cách thức tổ chức sản xuất và triển khai của các bộ phận này. Một số nội dung quan trọng có tính kỹ thuật như tính toán chi phí và hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp cũng được đề cập thông qua việc tìm hiểu các cách thức tính toán. Học phần cũng dành thời lượng hợp lý để giới thiệu về nghiệp vụ Marketing.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Hệ thống pháp luật Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hệ thống về nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự và	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Luật Thương mại. Trong mỗi nội dung, sinh viên sẽ tìm hiểu về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nội dung điều chỉnh cụ thể của một ngành luật để từ đó phân biệt được tính độc lập cũng như tính liên kết của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.			
44.	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí thông	3	HK6	
45.	Thiết kế và quản trị nội dung website	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin-Thư viện	3	HK6	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>47</b>		
<i>V.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>26</b>		
46.	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Giúp sinh viên có được sự tiếp cận bước đầu đối với tiếng Anh học thuật chuyên ngành Quốc tế, làm cơ sở cho việc học lên các học phần tiếng Anh chuyên ngành cao hơn. Đồng thời, qua các chủ đề được lựa chọn, sinh viên sẽ được củng cố và mở rộng thêm các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh. Từ đó, học phần góp phần giúp sinh viên có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ việc học tập chuyên ngành tốt hơn, cao hơn nữa là có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng có được vào vào thực tiễn.	5	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Tiếng Anh chuyên ngành 2	- Giúp sinh viên có phát triển tiếng Anh học thuật chuyên ngành Quốc tế, làm cơ sở cho việc học lên các học phần tiếng Anh chuyên ngành cao hơn. Đồng thời, qua các chủ đề được lựa chọn, sinh viên sẽ được củng cố và mở rộng thêm các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh. Từ đó, học phần góp phần giúp sinh viên có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ việc học tập chuyên	5	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		ngành tốt hơn, cao hơn nữa là có khả năng vận dụng những kiến thức, kĩ năng có được vào vào thực tiễn.			
48.	Tiếng Anh chuyên ngành 3	Giúp sinh viên có phát triển tiếng Anh học thuật chuyên ngành Quốc tế, làm cơ sở cho việc học lên các học phần tiếng Anh chuyên ngành cao hơn. Đồng thời, qua các chủ đề được lựa chọn, sinh viên sẽ được củng cố và mở rộng thêm các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh. Từ đó, học phần góp phần giúp sinh viên có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ việc học tập chuyên ngành tốt hơn, cao hơn nữa là có khả năng vận dụng những kiến thức, kĩ năng có được vào vào thực tiễn. Tạo cho sinh viên hứng thú sử dụng, tìm hiểu sâu hơn về tiếng Anh chuyên ngành Quốc tế cũng như rèn luyện các kỹ năng học tập, nghiên cứu, làm việc cần thiết cho sinh viên.	5	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Tiếng Anh chuyên ngành 4	Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản (nghe, nói, đọc và dịch) thông qua và gắn liền với các chủ đề cụ thể liên quan đến chuyên ngành nghiên cứu quốc tế nói chung và quan hệ quốc tế nói riêng. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nghe, đọc hiểu và trình bày quan điểm, tranh luận, phản biện được bằng tiếng Anh một cách linh hoạt, không chỉ giới hạn trong các chủ đề được đề cập, mà còn mở rộng ra những vấn đề cơ bản hoặc phức tạp khác.	5	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Nghiệp vụ công tác đối ngoại	Học phần giúp sinh viên nắm được các nguyên tắc, chuẩn mực và kỹ năng trong giao tiếp, lễ tân đối ngoại, thương lượng, chuẩn bị tổ chức sự kiện và quản lý người nước ngoài ở Việt Nam.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Niên luận	Học phần giới thiệu các bước tiến hành một nghiên cứu hoàn chỉnh, những phương pháp cơ bản và đặc thù của ngành QHQT, hướng dẫn các kỹ thuật, thao tác cơ bản trong hoạt động nghiên cứu. Sau khi học học phần này, sinh viên sẽ có khả năng tiến	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		hành một nghiên cứu khoa học trong QHQT một cách độc lập, khoa học và thuyết phục. Học phần giúp sinh viên biết cách vận dụng các phương pháp nghiên cứu QHQT một cách phù hợp, kết hợp các phương pháp nghiên cứu một cách hợp lý và có khả năng tự tìm tòi, nâng cao khả năng nghiên cứu với các phương pháp mới trong QHQT. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu rõ vai trò, tư cách và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với công việc nghiên cứu.			
52.	Thực tập, thực tế	Mục tiêu của môn thực tế nhằm giúp cho người học có điều kiện mở rộng hiểu biết về di tích lịch sử, văn hoá của địa phương, tình hình kinh tế chính trị, đối ngoại, vấn đề hội nhập của địa phương và môi trường làm việc của các sở ngoại vụ, phòng đối ngoại, cơ quan nhà nước... vận dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể, học hỏi, rèn luyện và biết cách ứng xử trong các mối quan hệ tại nơi đi thực tập, thực tế	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V2</b>	<b>Hướng chuyên ngành</b>		<b>16</b>		
	<i>(Sinh viên lựa chọn 1 trong 4 hướng chuyên ngành)</i>				
<i>V.2.1</i>	<i>Hướng chuyên ngành quan hệ quốc tế</i>		<i>16</i>		
53.	Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương	Mục tiêu chính của học phần là phân tích một cách hệ thống, toàn diện và cập nhật về quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương gồm các khái niệm cơ bản, chính sách của các cường quốc, các cơ chế hợp tác đa phương và những vấn đề xuyên quốc gia của khu vực, từ đó rút ra những đặc trưng cơ bản của quan hệ quốc tế ở khu vực này, đồng nhất của thế giới, đồng thời đưa ra các dự báo và đề xuất những gợi ý chính sách cho Việt Nam.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

54.	Kinh doanh quốc tế	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các phương thức giao dịch quốc tế đang được các doanh nghiệp Việt Nam áp dụng phổ biến hiện nay khi tham gia vào thương mại quốc tế. Sinh viên có thể hiểu và vận dụng các phương pháp soạn thảo các điều khoản của hợp đồng thương mại quốc tế vì hợp đồng là căn cứ pháp lý điều chỉnh quan hệ thương mại giữa các bên	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Đàm phán quốc tế	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đàm phán quốc tế như khái niệm, loại hình, nguyên tắc, điều kiện, quá trình cũng như các yếu tố liên quan đến quá trình và kết quả của đàm phán... Qua đó, học phần góp phần trang bị thêm những kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể ứng dụng vào các công việc sau này có liên quan đến giao dịch quốc tế trong những lĩnh vực khác nhau.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	Học phần giới thiệu các bước tiến hành một nghiên cứu hoàn chỉnh, những phương pháp cơ bản và đặc thù của ngành QHQT, hướng dẫn các kỹ thuật, thao tác cơ bản trong hoạt động nghiên cứu. Sau khi học học phần này, sinh viên sẽ có khả năng tiến hành một nghiên cứu khoa học trong QHQT một cách độc lập, khoa học và thuyết phục. Học phần giúp sinh viên biết cách vận dụng các phương pháp nghiên cứu QHQT một cách phù hợp, kết hợp các phương pháp nghiên cứu một cách hợp lý và có khả năng tự tìm tòi, nâng cao khả năng nghiên cứu với các phương pháp mới trong QHQT. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu rõ vai trò, tư cách và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với công việc nghiên cứu.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
57.	Quan hệ công chúng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng như khái niệm, lịch sử hình thành và quá trình	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		phát triển, những mô hình và quy trình Quan hệ công chúng hiện đại và khả năng ứng dụng, những nguyên tắc hoạt động của ngành, đồng thời sinh viên cũng có được hiểu biết về diện mạo của ngành Quan hệ công chúng trên thế giới và ở Việt Nam, thành thạo một số kỹ năng Quan hệ công chúng cơ bản, có thái độ tích cực về nghề Quan hệ công chúng.			Thi cuối kỳ: 60%
58.	Các vấn đề toàn cầu	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các vấn đề toàn cầu và có khả năng vận dụng những kiến thức này vào nghiên cứu và hợp tác trong các công việc liên quan đến các vấn đề toàn cầu.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2.2	<b>Hướng chuyên ngành Châu Mỹ học</b>		<b>16</b>		
59.	Hệ thống chính trị và pháp luật Hoa Kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị của Mỹ, các nhánh quyền lực của hệ thống chính trị Mỹ từ cấp trung ương đến cấp chính quyền địa phương.</li> <li>- Làm rõ các các thiết chế khác tác động đến hệ thống chính trị như các đảng phái ở Mỹ, các phương tiện truyền thông và các nhóm lợi ích tác động đến các nhánh quyền lực trong việc hoạch định và thi hành chính sách về đối nội cũng như đối ngoại của nhà nước Mỹ</li> <li>- Làm sáng tỏ quy định pháp lý làm nền tảng cho một hệ thống pháp luật của Mỹ như Luật dân sự, Luật thương mại, luật hình sự và các quy định pháp luật khác.</li> <li>- Đánh giá vai trò quan trọng của hiến pháp trong hệ thống pháp luật để thấy được tính đơn giản nhưng trường tồn của Hiến pháp Hợp chúng quốc Hoa Kỳ</li> </ul>	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60.	Quan hệ đối ngoại Hoa Kỳ	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về quan hệ đối ngoại của Hoa Kỳ qua các giai đoạn khác nhau và có khả năng vận	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		dụng những kiến thức này vào nghiên cứu các sự kiện quốc tế cũng như các vấn đề đối ngoại của Việt Nam.			Thi cuối kỳ: 60%
61.	Lịch sử - văn hóa Hoa Kỳ	Giúp sinh viên có được cái nhìn toàn cảnh, mang tính hệ thống và có trọng tâm về lịch sử Hoa Kỳ, bổ sung hiểu biết về Hoa Kỳ học nói riêng cũng như về tình hình châu Mỹ nói chung. Cao hơn nữa là có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào việc tìm hiểu sâu hơn về lịch sử Hoa Kỳ cũng như ứng dụng vào thực tiễn. Tạo cho sinh viên hứng thú tìm hiểu sâu hơn về lịch sử, văn hóa Hoa Kỳ cũng như rèn luyện các kỹ năng học tập, nghiên cứu cần thiết cho sinh viên.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Tổng quan kinh tế các nước Châu Mỹ	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế các nước châu Mỹ. Học phần tập trung cung cấp kiến thức về sự phát triển và cơ chế vận hành của nền kinh tế Hoa Kỳ, từ đó có thể tiếp tục mở rộng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế và các mối quan hệ kinh tế quốc tế của Hoa Kỳ. Học phần cũng trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về kinh tế Canada, Brazil, Argentina, Mexico và xu thế hội nhập kinh tế khu vực của Mỹ Latinh.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
63.	Canada và các nước Mỹ Latinh	Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản về Canada và khu vực Mỹ Latinh nói chung và các nước trong khu vực nói riêng ở các lĩnh vực mà học phần đã lựa chọn. Đặc biệt, sinh viên cần hiểu rõ những đặc điểm nổi bật bao gồm cả thế mạnh và điểm yếu của từng nước riêng biệt, đồng thời thấy được những vấn đề mà Việt Nam có thể hợp tác với các nước trong khu vực này. Ngoài ra, cần chú ý đặc biệt tới những đặc điểm chung của Canada và các nước Mỹ Latinh trong quan hệ với Hoa Kỳ và những khuynh hướng hợp tác quốc tế nổi trội của Canada và các nước Mỹ Latinh.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

64.	Quan hệ Việt Nam-Hoa Kỳ	Sinh viên phải nắm được những đặc điểm cơ bản của quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, hiểu rõ những yếu tố chi phối mối quan hệ giữa hai nước, những thuận lợi và khó khăn trong việc cải thiện và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trên các lĩnh vực khác nhau và xu hướng vận động của quan hệ hai nước trong thời gian tới.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2.3	<b>Hướng chuyên ngành Châu Âu học</b>		<b>16</b>		
65.	Nhập môn châu Âu học	Cung cấp các kiến thức tổng hợp bao gồm: (1) Các phương pháp tiếp cận của Châu Âu học; (2) Các đặc trưng địa lý tự nhiên và dân cư Châu Âu; (3) Các đặc trưng về lịch sử phát triển của văn minh Châu Âu; (4) Các đặc trưng của chế độ chính trị - và xã hội Châu Âu; (5) Các đặc trưng của các khu vực Bắc Âu, Tây Âu, Trung Âu, Đông Âu, Nam Âu. Những kiến thức đại cương và phương pháp luận này sẽ giúp cho sinh viên tiếp thu tốt hơn đối với những kiến thức mà các môn học chuyên ban châu Âu khác cung cấp	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66.	Hệ thống chính trị và pháp luật châu Âu	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hệ thống chính trị và pháp luật Châu Âu, ở cả cấp độ quốc gia và cấp độ Liên minh Châu Âu. Qua đó sinh viên sẽ có kiến thức tổng quát về hệ thống chính trị Châu Âu bao gồm các yếu tố cấu thành, cách thức các quốc gia Châu Âu vận hành và quản lý Nhà nước, cách thức Liên minh Châu Âu được quản lý cũng như cách những chủ thể này chi phối và kiểm soát các vấn đề nội bộ của mình trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bên cạnh đó bức tranh tổng quát về hệ thống pháp luật Châu Âu cũng sẽ được cung cấp trước khi sinh viên tiếp cận với một số lĩnh vực pháp luật điển hình cụ thể	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



67.	Lịch sử và văn hóa châu Âu	Học phần này cung cấp cho sinh viên chuyên ban Châu Âu học những kiến thức nền tảng, khái quát về tiến trình lịch sử và hệ thống văn hoá khu vực Châu Âu. Bao gồm 2 bộ phận kiến thức cơ bản: (1) các kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển của xã hội Châu Âu (các giai đoạn lịch sử lớn của Châu Âu, những sự kiện và thành tựu nổi bật về chính trị, kinh tế, văn hoá của các quốc gia và khu vực Châu Âu); (2) Những đặc điểm truyền thống và bản sắc văn hóa các dân tộc và khu vực Âu: Quá trình hình thành nền văn minh Châu Âu, các nền văn hoá khu vực và văn hoá dân tộc lớn ở Châu Âu, những nét bản sắc chủ đạo của nền văn hoá Châu Âu, những thành tựu tiêu biểu của nền văn hoá Châu Âu đương đại.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
68.	Hệ thống kinh tế của Liên minh châu Âu	Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về quá trình hội nhập kinh tế của Liên minh châu Âu (EU). Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng phân tích những đặc điểm của hệ thống kinh tế EU, cách thức quan hệ kinh tế nội khối giữa các nước EU cũng như với các quốc gia bên ngoài.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
69.	Chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu	sinh viên hiểu được bản chất và cơ chế hoạt động của hệ thống chính sách đối ngoại của EU, từ đó có thể tiếp tục nghiên cứu các mối quan hệ quốc tế liên quan đến EU và các thành viên của EU	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
70.	Các cường quốc châu Âu	Sinh viên có những tri thức tổng hợp cơ bản về 5 nước lớn ở Châu Âu và thành viên của <i>Nhóm cường quốc G8</i> ngày nay là Đức, Anh, Pháp, Italia và Nga. Đối với mỗi quốc gia nói trên, cần làm sáng tỏ được những đặc thù cơ bản về: không gian địa lý và dân cư, thiết chế xã hội và nhà nước, lịch sử chính trị và phát triển kinh tế hay là con đường trở thành cường quốc, cơ cấu kinh tế và những mũi nhọn kinh tế, bản sắc văn hoá dân tộc, chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế trong đó có quan hệ với Việt	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Nam, kinh nghiệm lịch sử của cường quốc có thể vận dụng cho Việt Nam.			
V.2.4	<b>Hướng chuyên ngành Nghiên cứu phát triển quốc tế</b>		<b>16</b>		
71.	Nhập môn Nghiên cứu Phát triển quốc tế	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống cập nhật về phát triển quốc tế bao gồm những khái niệm, lý thuyết cơ bản về phát triển và hợp tác quốc tế, từ đó giúp cho sinh viên có những kỹ năng cơ bản cần thiết phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
72.	Kinh tế Phát triển	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các mô hình phát triển kinh tế trên thế giới, những vấn đề liên quan đến phát triển, hệ quả của phát triển kinh tế nói riêng và xã hội nói chung ở cấp độ trong nước và quốc tế.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
73.	An ninh con người	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về an ninh con người, các luồng quan điểm khác nhau về vấn đề này; trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, so sánh, nhận định các vấn đề có liên quan	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
74.	Hỗ trợ quốc tế	Mục tiêu chung của học phần là phân tích các khái niệm, các nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ, tính hiệu quả của việc sử dụng hỗ trợ quốc tế, lợi ích quốc gia trong vấn đề cho và tiếp nhận hỗ trợ quốc tế.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
75.	Quản lý dự án phát triển	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức hệ thống về chu trình của một dự án phát triển, từ giai đoạn thiết lập kế hoạch, phân tích dự án, giám sát quá trình thực hiện và đánh giá đề xuất dự án. Từ đó sinh viên có thể có kiến thức và kỹ năng để tham gia vào các dự án hợp tác phát triển sau khi tốt nghiệp.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

76.	Thực tập Nghiên cứu phát triển quốc tế	Giới thiệu kiến thức về từng mảng công việc trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển quốc tế để sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã tích lũy được trong chương trình vào công việc thực tế	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.3	<b>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		5		
77.	Khóa luận tốt nghiệp	Nhằm nâng cao chất lượng của KLTN; Tạo điều kiện về thời gian để khuyến khích sinh viên tham gia NCKH và làm KLTN	5	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>				
78.	Pháp luật kinh tế quốc tế	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế quốc tế và có khả năng vận dụng những kiến thức này vào thực tiễn kinh doanh quốc tế cũng như các hoạt động kinh tế đối ngoại của nước ta. Ngoài ra, sinh viên được trang bị các kỹ năng và những ứng xử thích hợp trong công việc đối ngoại có liên quan đến pháp luật kinh tế quốc tế sau khi ra trường.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
79.	Tiếp xúc liên văn hóa	Sinh viên có những tri thức cơ bản: (1) Thuyết trình đại cương về giao tiếp và tiếp xúc văn hoá trong quan hệ quốc tế, (2) những giao tiếp liên văn hoá diễn ra ở một số khu vực cụ thể trên thế giới, đặc biệt là giữa người Việt Nam, văn hoá Việt Nam và con người, văn hoá các dân tộc khác, (3) Kinh nghiệm thực hành giao tiếp liên văn hoá với con người và văn hoá khu vực Âu-Mỹ.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## 2. Cử nhân Quốc tế học chất lượng cao theo TT23

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Tiếng Anh B1		5		
7.	Tiếng Anh B2		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
8.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
9.	Lịch sử Quan hệ quốc tế	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế và có khả năng vận dụng những kiến thức này vào nghiên cứu các sự kiện quốc tế cũng như các vấn đề đối ngoại của nước ta. Ngoài ra, môn học cũng tạo thuận lợi hơn cho sinh viên trong việc học tập các môn chuyên ngành.	4	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
10.	Nhập môn Quan hệ quốc tế	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế và có khả năng vận dụng những kiến thức này vào nghiên cứu các sự kiện quốc tế cũng như các vấn đề đối ngoại của nước ta.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Ngoài ra, học phần cũng tạo thuận lợi hơn cho sinh viên trong việc học tập các môn chuyên ngành.			
11.	Luật quốc tế	Nội dung được chia thành hai phần chính: Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế. Theo đó, Công pháp quốc tế giới thiệu những kiến thức cơ bản về quan hệ pháp luật quốc tế được thiết lập giữa các quốc gia và các chủ thể khác trong các lĩnh vực của đời sống quốc tế, phân tích các nguyên tắc cơ bản trên cơ sở tình huống thực tiễn. Tư pháp quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về quan hệ tư pháp quốc tế (các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài), vấn đề xung đột pháp luật và các phương pháp giải quyết xung đột pháp luật, lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp trong quan hệ tư pháp quốc tế.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
12.	Kinh tế vĩ mô và vi mô***	Phần VI MÔ trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế học vi mô xét trên góc độ phân tích thị trường và hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp tham gia trên các thị trường đầu vào và đầu ra, và vai trò của Chính phủ nhằm điều tiết thị trường. Từ đó, người học có khả năng phân tích đánh giá hành vi ứng xử của người tiêu dùng trên thị trường sản phẩm, phân tích đánh giá hoạt động của doanh nghiệp trong kinh doanh từ đó có những đóng góp, xây dựng các chính sách quản lý kinh tế vi mô cho chính phủ, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Phần VĨ MÔ nhằm cung cấp cho người học những mục tiêu, nguyên lý cơ bản và phạm vi nghiên cứu của kinh tế vĩ mô, từ đó, người học khả năng giải thích và tính toán giá trị cho những biến số kinh tế vĩ mô cơ bản; hiểu và giải thích được những vấn đề cơ bản của nền kinh tế vĩ mô, phát triển tư duy của nhà kinh tế học. Bên cạnh đó, học phần cũng nhằm rèn luyện cho người học ý thức độc lập nghiên cứu và nâng cao khả năng ứng dụng.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9</b>		
13.	Báo chí truyền thông đại chúng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	

14.	Lịch sử Việt Nam đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lịch sử	3	HK1	
15.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
16.	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK4	
17.	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK4	
18.	Phát triển cộng đồng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK4	
19.	Chính sách xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
20.	Nhập môn quản trị văn phòng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK4	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>21</b>		
<i>IV.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>15</i>		
21.	Thế chế chính trị thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK5	
22.	Khu vực học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK5	
23.	Các tổ chức quốc tế	Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết và thực tế cơ bản về các tổ chức quốc tế nói chung và một số tổ chức quốc tế tiêu biểu, quan trọng trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam nói riêng. Đây là những kiến thức nền tảng để sinh viên tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu trong chương trình quốc tế học cũng như tạo điều	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		kiện về cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. (giảng dạy bằng tiếng Anh)			
24.	Các vấn đề toàn cầu*	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
25.	Nhập môn kinh tế chính trị quốc tế*	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK5	
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6</b>		
	<i>Tự chọn chuyên sâu</i>		<i>6/18</i>		
26.	Kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK5	
27.	Tiếp xúc liên văn hóa		3	HK5	
28.	Quản lý dự án phát triển		3	HK5	
29.	Quan hệ công chúng		3	HK5	
30.	Luật nhân đạo quốc tế		3	HK5	
31.	Kỹ năng ứng tuyển bằng tiếng Anh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK5	
	<i>Tự chọn liên ngành</i>		<i>6/15</i>		
32.	So sánh văn hóa	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK5	
33.	Quản trị kinh doanh		3	HK5	
34.	Hệ thống pháp luật Việt Nam		3	HK5	
35.	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK5	

36.	Thiết kế và quản trị nội dung website	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Thông tin-Thư viện	3	HK5	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>53</b>		
<i>V.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>36</b>		
37.	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	5	HK3	
38.	Tiếng Anh chuyên ngành 2		5	HK4	
39.	Tiếng Anh chuyên ngành 3		5	HK5	
40.	Nghiệp vụ công tác đối ngoại		3	HK5	
41.	Niên luận	Rèn kỹ năng cho sinh viên trong việc trình bày, nghiên cứu một vấn đề khoa học sinh viên quan tâm. Đặc biệt là các vấn đề quan hệ quốc tế, văn hóa quốc tế và biết cách vận dụng, liên hệ với thực tế tại Việt Nam. Phát triển, tăng cường năng lực tư duy, làm việc nhóm và làm việc độc lập với các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Thực tập***	Giúp cho sinh viên có khả năng thực tập, ứng dụng kỹ năng tại doanh nghiệp hoặc các đơn vị khác với những kiến thức cơ bản đã được học tại Nhà trường	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Thực tế***	Mục tiêu của môn thực tế nhằm giúp cho người học có điều kiện mở rộng hiểu biết về di tích lịch sử, văn hoá của địa phương, tình hình kinh tế chính trị, đối ngoại, vấn đề hội nhập của địa phương và môi trường làm việc của các sở ngoại vụ, phòng đối ngoại, cơ quan nhà nước... vận dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể, học hỏi, rèn luyện và biết cách ứng xử trong các mối quan hệ tại nơi đi thực tập, thực tế	2		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



44.	Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương*	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK7	
45.	Quan hệ đối ngoại Việt Nam*	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK7	
46.	Đàm phán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK7	
47.	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế*	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK7	
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>12</b>		
<b>V.2.1</b>	<b>Tự chọn ngoại ngữ</b>		<b>6</b>		
48.	Tiếng Anh chuyên ngành 4	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK7	
49.	Tiếng Anh chuyên ngành 5		3	HK7	
50.	Tiếng Nhật cơ sở 1	Đây là học phần cơ sở đầu tiên về tiếng Nhật sơ cấp dựa trên giáo trình chính là <i>NEJ</i> . Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 120 cấu trúc ngữ pháp sơ cấp cơ bản, rèn luyện cho sinh viên cách biến đổi danh từ, động từ, tính từ sang các thời thể. Các nội dung của học phần sẽ được tiến hành dưới các hình thức hoạt động cá nhân và nhóm như xem băng, đĩa, học hát, chơi trò chơi... nhằm trau dồi và hoàn thiện khả năng thực hành tiếng Nhật cho sinh viên.	3		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Tiếng Nhật cơ sở 2	Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 80 mẫu ngữ pháp sơ cấp dựa trên giáo trình <i>NEJ</i> . Học phần này sẽ giúp người học phân biệt được sự khác biệt giữa các cấu trúc ngữ pháp có ý nghĩa tương đối giống nhau như các cấu trúc ngữ pháp thể hiện lý do,	3		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>mục đích, truyền đạt, để người học có thể sử dụng chính xác các cấu trúc ngữ pháp trong các tình huống khác nhau và phù hợp với đối tượng giao tiếp</p> <p>Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có thể giao tiếp trong các tình huống giao tiếp trong sinh hoạt thường nhật ở mức độ tương đối phức tạp, biết cách thuyết minh sự vật, hiện tượng ở mức độ khá chi tiết, có khả năng truyền đạt rõ ràng cảm xúc của người nói</p>			
52.	Tiếng Trung cơ sở 1	<p>Học phần Tiếng Trung cơ sở 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong giáo trình Hán ngữ cơ sở 1 và một phần mở rộng nhằm bổ sung kiến thức cơ bản; Sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu, viết, dịch theo những chủ đề trong giáo trình; Sinh viên được rèn luyện thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập.</p>	3		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
53.	Tiếng Trung cơ sở 2	<p>Học phần Tiếng Trung cơ sở 2 tiếp tục củng cố phần ngữ âm, cung cấp những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp trong giáo trình Hán ngữ cơ sở 2 và một phần mở rộng nhằm bổ sung kiến thức cơ bản; Sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu, viết, dịch theo những chủ đề trong giáo trình ở trình độ cao hơn, phức tạp hơn; Sinh viên được rèn luyện thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập.</p>	3		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
54.	Tiếng Hàn cơ sở 1	<p>Học phần sẽ giúp sinh viên vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đã học thông qua các bài đọc cụ thể và gợi ý cho bài viết theo chủ đề. Với cấu trúc 15 bài học, học phần này cũng sẽ cung cấp thêm cho sinh viên lượng từ vựng và ngữ pháp cơ bản dành cho người mới học mà vẫn có thể giao tiếp một cách cơ bản trong những tình huống cần thiết như: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, hỏi đường, mua bán, mặc cả...</p> <p>Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có thể viết được những đoạn văn ngắn, đọc hiểu hội thoại và các bài viết ở mức độ cần thiết, thông dụng bằng tiếng Hàn. Sinh viên sẽ được củng cố, thực</p>	3		<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		hành kỹ năng nghe và nói với nhiều tình huống trong sinh hoạt thực tế. Thông thường cấu trúc của một nội dung học được chia thành phần nghe và nói riêng biệt theo mức độ từ đơn giản cho tới nâng cao. Sau đó, người học sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp trong bài để hội thoại với bạn học, nói theo chủ đề và làm các bài tập nghe – nói, đọc – viết trong giáo trình.			
55.	Tiếng Hàn cơ sở 2	Học phần sẽ giúp sinh viên củng cố, thực hành các cấu trúc ngữ pháp đã học thông qua các bài đọc cụ thể và gợi ý cho bài viết theo chủ đề. Với cấu trúc 15 bài học, học phần này cũng sẽ cung cấp thêm cho sinh viên những kỹ năng đọc hiểu, tóm tắt, thuyết trình, tranh luận và viết tiếng Hàn nâng cao hơn ở trình độ sơ cấp. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có thể viết được những đoạn văn ngắn, đọc hiểu hội thoại và các bài viết ở mức độ cần thiết, thông dụng bằng tiếng Hàn	3		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2.2</b>	<b><i>Tự chọn chuyên sâu</i></b>		<b>6</b>		
56.	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học (giảng dạy bằng tiếng Anh)	2	HK7	
57.	Ngoại giao công chúng*	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK7	
58.	Hệ thống chính trị và pháp luật châu Âu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học (giảng dạy bằng tiếng Anh)	2	HK7	
59.	Chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK7	
60.	Quan hệ Việt Nam-Hoa Kỳ	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học (giảng dạy bằng tiếng Anh)	2	HK7	

61.	Lịch sử - văn hóa Hoa Kỳ	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học (giảng dạy bằng tiếng Anh)	3	HK7	
62.	An ninh con người	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học (giảng dạy bằng tiếng Anh)	2	HK7	
63.	Hỗ trợ quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK7	
<b>V.3</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>5</b>		
64.	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần được giảng dạy tương tự CTĐT cử nhân hệ chuẩn.	5	HK8	

### C13. Khoa Tâm lý học

#### 1. Cử nhân Tâm lý học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Tiếng Anh B1		5		
7.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		

	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
8.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1				
10.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2				
11.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
13.	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về các hiện tượng tâm lý xã hội cũng như các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực tâm lý học xã hội.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14.	Những vấn đề cơ bản của tâm lý học	Học phần giúp sinh viên hiểu sâu về ngành tâm lý học; khám phá những tri thức cơ bản về Tâm lý con người dựa trên các kết quả nghiên cứu khoa học.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>9/27</b>		
15.	Dân số học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK 4	
16.	Tâm lý học nhận thức	Học phần này giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản về nhận thức, tâm lý học nhận thức; các quá trình nhận thức cụ thể cũng như những sai lệch trong các quá trình nhận thức đó.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

17.	Tâm lý học giao tiếp	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tâm lý học thể thao. Trên cơ sở đó, người học có được sự nhìn nhận xác thực từ góc độ khoa học tâm lý học về các vấn đề về giao tiếp.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
18.	Gia đình học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK4	
19.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
20.	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK4	
21.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
22.	Tham vấn nguồn nhân lực	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tham vấn nguồn nhân lực. Dựa trên những kiến thức khoa học, người học có sự nhìn nhận chính xác những vấn đề cảm xúc, hành vi của người lao động, từ đó có các hình thức tham vấn hỗ trợ người lao động phù hợp, hiệu quả.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
23.	Công tác xã hội đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK4	
<b>IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>			<b>15</b>		
<b>IV.1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>9</b>		
24.	Tâm lý học phát triển	Trang bị cho sinh viên những tri thức về sự hình thành, đặc điểm và quá trình phát triển của tâm lý con người theo tiến trình cuộc đời. Từ đó thấy được ảnh hưởng của những yếu tố sinh học và xã hội đến sự phát triển tâm lý, thấy được vai trò quan trọng của giai đoạn bào thai, tuổi sơ sinh, tuổi thơ ấu cũng như tính tự chủ cá nhân đối với sự phát triển tâm lý con người.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

25.	Tâm lý học quản lý	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tâm lý học quản lý như: động cơ, công cụ và phương tiện quản lý, các hiện tượng tâm lý xã hội và cơ chế tâm lý trong hoạt động quản lý. Trên cơ sở đó, người học có thể hiểu về hoạt động quản lý các hiện tượng, qui luật tâm lý trong hoạt động quản lý.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26.	Tâm lý học sức khỏe	Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về sức khỏe thể chất, sức khỏe xã hội và sức khỏe tâm lý; các mô hình hành vi sức khỏe; các yếu tố văn hóa, tôn giáo ảnh hưởng tới sức khỏe; một số vấn đề cơ bản của công tác dự phòng và chăm sóc sức khỏe.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2. Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>			<b>6</b>		
<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>			6/12		
27.	Tâm lý học tình dục	Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về đời sống tình dục của con người từ các góc độ: sinh học, xã hội và tâm lý .	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn	Học phần này giúp người học nắm được những kiến thức chuyên sâu về khái niệm hành vi lệch chuẩn; những đặc trưng văn hóa - lịch sử - xã hội của hành vi lệch chuẩn; các tiêu chuẩn xác định hành vi lệch chuẩn; các hướng tiếp cận lý thuyết về hành vi lệch chuẩn, cũng như những đặc điểm tâm lý cá nhân liên quan đến hành vi lệch chuẩn và các dạng hành vi lệch chuẩn.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Tâm lý học thể thao	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi về hoạt động thể dục thể thao cũng như các vấn đề tâm lý của thi đấu thể thao, các cách thức can thiệp, hỗ trợ đối với các khó khăn tâm lý nảy sinh trong hoạt động thi đấu thể thao. Trên cơ sở đó, người học có được sự nhìn nhận khoa học về các vấn đề tâm lý trong lĩnh vực thể dục thể thao.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

30.	Não bộ, hành vi và sức khỏe	Học phần giúp người học hiểu những kiến thức cơ bản về mối liên hệ giữa não bộ, hành vi, sức khỏe tâm thần; biết một số phương tiện nghiên cứu mối quan hệ này.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>			6/18		
31.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK5	
32.	Chính sách xã hội		3	HK5	
33.	Hành vi con người và môi trường xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK5	
34.	Công tác xã hội với người nghèo		3	HK5	
35.	Phát triển cộng đồng		3	HK5	
36.	Chăm sóc tâm lý - xã hội cho người cao tuổi	Học phần cung cấp các kiến thức cập nhật về sự phát triển tâm lý người cao tuổi, cơ chế của quá trình lão hóa, đặc điểm nhận thức, trí tuệ, sự thông thái và các mối quan hệ của người cao tuổi. Trên cơ sở đó nêu rõ vai trò của các chính sách an sinh xã hội và các hoạt động chăm sóc tâm lý cho người cao tuổi, tầm quan trọng của môi trường gia đình - xã hội, các phương pháp hỗ trợ người cao tuổi ứng phó với những khó khăn trong giai đoạn cuối cuộc đời.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V. Khối kiến thức ngành</b>			<b>47</b>		
<b>IV. Các học phần bắt buộc</b>			<b>23</b>		
37.	Giải phẫu và sinh lý hệ thần kinh	Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu biết chung về cấu tạo và chức năng hệ thần kinh của con người giúp người học vận dụng những kiến thức này trong việc hiểu, nắm bắt và có thể giải thích được một phần diễn biến tâm lý ở người.	2	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



38.	Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao	Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về hoạt động thần kinh cấp cao ở con người. Từ đó, giúp người học phân tích được cơ sở tự nhiên, nền tảng sinh học của các hiện tượng tâm lý người.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
39.	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	Cung cấp tri thức cơ bản về tiến trình thực hiện 1 nghiên cứu Tâm lý học và các phương pháp nghiên cứu cụ thể như quan sát, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu v...v...	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Tâm lý học tham vấn	Học phần Tâm lý học tham vấn trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tham vấn tâm lý, cũng như những kiến thức về kỹ năng cơ bản và nắm được quy trình thực hành một ca tham vấn cá nhân.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Tâm lý học nhân cách	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhân cách con người như khái niệm chung về nhân cách; đo lường, đánh giá nhân cách; Các quan niệm của các trường phái cơ bản trong Tâm lý học như phân tâm học, hành vi, nhân văn, nhận thức, hoạt động ...về vấn đề nhân cách	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Tâm lý học lâm sàng đại cương	Sinh viên có kiến thức cơ bản về các tiếp cận lâm sàng khác nhau, hiểu được các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý lâm sàng và các tiêu chuẩn của một mối quan hệ lâm sàng tốt.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Đánh giá tâm lý	- Sinh viên nắm được các kiến thức lý luận về đánh giá tâm lý; các phương pháp và quy trình đánh giá tâm lý về trí tuệ, nhân cách, nghề nghiệp, giáo dục. - Sinh viên hiểu được các nguyên tắc xây dựng, đo lường và phân tích kết quả trong đánh giá tâm lý. Sinh viên biết cách sử dụng trắc nghiệm và phân tích kết quả đánh giá tâm lý.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Tâm bệnh học đại cương	Học phần này giúp người học biết được các khái niệm cơ bản, nguyên nhân gây bệnh, phân loại, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán và nguyên tắc điều trị các rối loạn tâm thần.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>16/64</b>		

<i>(Sinh viên chọn 1 trong 4 hướng chuyên ngành sau)</i>					
<b>Tâm lý học xã hội</b>					
45.	Tâm lý học gia đình	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về gia đình; giải thích được các hiện tượng tâm lý thường nảy sinh trong đời sống gia đình và các biểu hiện tâm lý của các thành viên qua phân tích các mối quan hệ vợ - chồng, cha mẹ - con và anh - chị - em trong gia đình; lý giải được các nguyên nhân tâm lý - xã hội dẫn tới mâu thuẫn, xung đột, ly hôn, ly tán gia đình và ảnh hưởng của những vấn đề đó đến tâm lý các thành viên trong gia đình, đặc biệt là trẻ em.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Tâm lý học giới	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giới, trong đó nhấn mạnh đến các đặc điểm tâm lý của phụ nữ và nam giới; lý giải được định kiến và phân biệt đối xử theo giới đang tồn tại trong xã hội và trong bản thân mình - với tư cách là đại diện cho giới của mình.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Tâm lý học văn hóa	Người học hiểu được tâm lý học văn hóa là gì, sự hình thành và phát triển của tâm lý học văn hóa, các hiện tượng, quá trình, quy luật tâm lý trong tiếp nhận và sáng tạo các giá trị văn hóa, lối sống của các thế hệ khác nhau trong các giai đoạn phát triển của thời đại.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Tâm lý học dân tộc	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tâm lý học dân tộc. Trên cơ sở đó, người học có được sự nhìn nhận chính xác dựa trên kiến thức khoa học về các vấn đề dân tộc trong và ngoài nước.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Tâm lý học tôn giáo	Học phần hướng đến trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về các khía cạnh khác nhau của tôn giáo dưới góc nhìn của khoa học tâm lý như niềm tin tôn giáo, tình cảm tôn giáo,..... Đồng thời, người học cũng sẽ được tiếp cận với một số học thuyết tâm lý học hiện đại nghiên cứu về tôn giáo.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

50.	Tâm lý học pháp lý	Học phần hướng đến trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong hành vi phạm tội và phòng ngừa tội phạm.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Thực hành tâm lý học xã hội	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực thực hành chuyên ngành tâm lý học xã hội. Trên cơ sở đó, người học có được các kiến thức hỗ trợ cần thiết đồng thời trong quá trình thực hành của mình tại các cơ sở thực hành.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Tâm lý học Quản lý- kinh doanh</b>			16		
52.	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tâm lý học quản trị-kinh doanh, tâm lý khách hàng, nhân cách nhà kinh doanh, quản trị nhân sự trong kinh doanh... Trên cơ sở đó, người học có được cách nhìn, đánh giá hoạt động kinh doanh một cách khoa học.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Giao tiếp trong quản lý kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu giao tiếp trong quản lý kinh doanh.</li> <li>- Hiểu được bản chất của các loại giao tiếp trong quản lý-kinh doanh bằng: ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, phi ngôn ngữ và biết kỹ năng thực hiện có hiệu quả các loại giao tiếp trên.</li> <li>- Biết cách đề xuất các giải pháp giải quyết xung đột trong quản lý-kinh doanh.</li> </ul>	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

54.	Tâm lý học công nghiệp và tổ chức	<p>Nắm được những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của TLH công nghiệp-tổ chức. Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được các loại cấu trúc quản lý và cấu trúc tâm lý của tổ chức</li> <li>- Hiểu được các đặc điểm của người lao động và phương pháp kích thích tính tích cực làm việc của người lao động.</li> <li>- Phân tích được bản chất của sự gắn kết, nhận thức và hành vi của người lao động trong tổ chức cũng như chỉ rõ vai trò của người lãnh đạo trong việc thúc đẩy các hiện tượng này.</li> <li>- Xác định được mục đích, phương thức đánh giá, tuyển dụng, đào tạo và đề bạt cán bộ lãnh đạo, quản lý.</li> <li>- Hiểu được bản chất của văn hóa tổ chức và cốt lõi giá trị trong sự hình thành văn hóa tổ chức</li> </ul>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
55.	Tâm lý học lao động và hướng nghiệp	<p>Học phần Tâm lý học lao động hướng nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề tâm lý nảy sinh trong hoạt động lao động đồng thời nắm bắt được những kiến thức ban đầu về các đặc điểm tâm lý trong chọn nghề và định hướng nghề nghiệp của người lao động và bước đầu thực hành được các hoạt động nghiên cứu các vấn đề trong tâm lý học lao động và hướng nghiệp.</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
56.	Tâm lý học tuyên truyền quảng cáo	<p>Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi, các qui luật và cơ chế tâm lý trong lĩnh vực tâm lý học tuyên truyền quảng cáo, các mô hình hoạt động tuyên truyền quảng cáo... Trên cơ sở đó, người học có được sự nhìn nhận, đánh giá chính xác hoạt động tuyên truyền quảng cáo.</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
57.	Tâm lý học du lịch	<p>Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tâm lý học du lịch. Trên cơ sở đó, người học có được sự nhìn nhận đúng đắn về du khách, hoạt động kinh doanh du lịch, các hiện tượng, qui luật tâm lý trong hoạt động du lịch</p>	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

58.	Thực hành tâm lý học quản lý- kinh doanh	Củng cố những nội dung kiến thức thuộc khối chuyên ngành tâm lý học quản lý kinh doanh thông qua thực hành các kỹ năng chung và chuyên biệt của ngành. Ứng dụng được các tri thức, kỹ năng của chuyên ngành vào giải quyết các tình huống thực tiễn của cơ sở qua đó thấy được mối liên hệ giữa thực tiễn với lý luận khoa học của chuyên ngành	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Tâm lý học lâm sàng</b>			<b>16</b>		
59.	Đánh giá và can thiệp rối loạn phát triển	Học phần này giúp người học nắm được những kiến thức chuyên sâu về rối loạn phát triển ở trẻ em, các mốc phát triển, các tiêu chuẩn chẩn đoán, các chương trình can thiệp ở các cấp độ khác nhau, các phương pháp đánh giá và can thiệp cho những dạng rối loạn phát triển cụ thể.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60.	Tâm lý trị liệu	Sinh viên nắm được tri thức liên quan đến bản chất rối nhiễu, mục đích trị liệu, những khía cạnh tâm lý được nhấn mạnh theo quan điểm tiếp cận của các trường phái khác nhau, hiểu được nội dung và cách thức tiến hành các kỹ thuật trị liệu, hiểu được ưu và nhược điểm của các kỹ thuật trị liệu trong giải quyết những trường hợp thực tế.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
61.	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	Học phần giúp người học phân biệt được các cấu trúc tâm trí căn bản trong tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên; hiểu được các triệu chứng và các lý thuyết lý giải những cấu trúc tâm trí này; nắm được các dạng rối loạn tâm lý theo các kiểu cấu trúc tâm trí và theo các giai đoạn phát triển tâm lý; hiểu và lý giải được vai trò và chức năng của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc phòng ngừa và can thiệp tâm bệnh học ở trẻ em và thanh thiếu niên.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Đánh giá trong tâm lý học lâm sàng	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về nền tảng lý thuyết và cách thức sử dụng các trắc nghiệm/thang đo rối loạn tâm lý được sử dụng phổ biến trong lâm sàng.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

63.	Tâm lý học học đường	Tâm lý học học đường cung cấp cho người học kiến thức cơ bản nhất về các vấn đề tâm lý của học sinh, hoạt động của nhà tâm lý trong trường học; cách thức tổ chức và kỹ năng thực hiện các hoạt động phòng ngừa và đánh giá một số vấn đề tâm lý cho cá nhân và nhóm học sinh, cách thức vận hành và xử lý các mối quan hệ giữa nhà tâm lý với học sinh, giáo viên và phụ huynh.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64.	Thực hành tâm lý học lâm sàng	Tìm hiểu sự tương đồng và khác biệt trong ứng dụng kiến thức lâm sàng được học tại trường với thực tế hành nghề.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Tâm lý học tham vấn</b>			<b>16</b>		
65.	Tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi về tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên. Trên cơ sở đó, người học có được sự hiểu biết về các vấn đề liên quan đến tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66.	Đạo đức nghề tham vấn	Học phần Đạo đức nghề tham vấn cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về đạo đức nghề tâm lý trong tham vấn, trong đó tập trung vào các trách nhiệm đạo đức của nhà tham vấn với nghề nghiệp, khách hàng, đồng nghiệp và tổ chức, cũng như các khía cạnh đạo đức trong đào tạo, giám sát và nghiên cứu, công bố.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
67.	Tham vấn hôn nhân và gia đình	Học phần được thiết kế và giảng dạy nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tham vấn hôn nhân và gia đình. Dựa trên những kiến thức khoa học, người học có được sự nhìn nhận chính xác về hoạt động tham vấn hôn nhân và gia đình hiện nay.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

68.	Tham vấn học đường	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tham vấn học đường, trong đó tập trung vào các hoạt động hướng dẫn cá nhân và nhóm; tham vấn cá nhân và nhóm; tư vấn cho cha mẹ và giáo viên, xây dựng và quản lý các chương trình tham vấn học đường. Trên cơ sở đó, người học có được sự hiểu biết xác dựa trên kiến thức khoa học về tham vấn học đường.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
69.	Tham vấn nhóm	Học phần nhằm trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về tham vấn nhóm, quy trình tham vấn trong nhóm.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
70.	Tham vấn qua điện thoại và trực tuyến	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong tham vấn qua điện thoại và trực tuyến	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
71.	Thực hành tham vấn tâm lý	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tham vấn học đường, trong đó tập trung vào các hoạt động hướng dẫn cá nhân và nhóm; tham vấn cá nhân và nhóm; tư vấn cho cha mẹ và giáo viên, xây dựng và quản lý các chương trình tham vấn học đường. Trên cơ sở đó, người học có được sự hiểu biết xác dựa trên kiến thức khoa học về tham vấn học đường.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp /học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp)</b>			<b>8</b>		
72.	Thực tập tổng hợp	Học phần này có định hướng nghiên cứu sinh viên sau khi học phải nắm được các kiến thức thực tế, kỹ năng tiến hành một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tâm lý học: từ việc nhận biết vấn đề cần nghiên cứu, sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp, tìm kiếm và xây dựng tổng quan nghiên cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu, hệ thống hóa và thao tác hóa các khái niệm căn bản có liên quan, và phân tích các kết quả nghiên cứu một cách hợp lý.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
73.	Khoá luận tốt nghiệp		5	HK8	
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>					

74.	Tâm lý học khác biệt	- Nắm được các khái niệm cơ bản về sự khác biệt tâm lý giữa các cá nhân, về các yếu tố sinh học và xã hội ảnh hưởng đến sự khác biệt tâm lý. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức cơ bản về những khác biệt đặc trưng giữa các cá nhân: các quá trình tâm lý và các đặc trưng nhân cách; cung cấp một số lý thuyết về phân loại cá nhân.	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
75.	Tâm lý học nhóm	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nhóm, các vấn đề, hiện tượng tâm lý đặc trưng của nhóm, tầm quan trọng của nhóm trong cuộc sống, trong các hoạt động thực tế mà sinh viên đang tham gia vào, trên cơ sở đó rèn luyện các kỹ năng để sinh viên có thể làm việc nhóm hiệu quả.	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## 2. Cử nhân Tâm lý học chất lượng cao

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Tiếng Anh B1		5		
7.	Tiếng Anh B2	5			
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				



<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
8.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
10.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
11.	Tâm lí học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK2	
12.	Những vấn đề cơ bản của tâm lý học		3	HK2	
<b>III.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>9/27</b>		
13.	Dân số học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK 4	
14.	Tâm lý học nhận thức	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK4	
15.	Tâm lý học giao tiếp		3	HK4	
16.	Gia đình học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK4	
17.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK4	
18.	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK4	
19.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
20.	Tham vấn nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK4	
21.	Công tác xã hội đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK4	
<b>IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>			<b>15</b>		

<b>IV.1. Các học phần bắt buộc</b>					
22.	Tâm lý học phát triển (*)	Trang bị cho sinh viên những tri thức về sự hình thành, đặc điểm và quá trình phát triển của tâm lý con người theo tiến trình cuộc đời. Từ đó thấy được ảnh hưởng của những yếu tố sinh học và xã hội đến sự phát triển tâm lý, thấy được vai trò quan trọng của giai đoạn bào thai, tuổi sơ sinh, tuổi thơ ấu cũng như tính tự chủ cá nhân đối với sự phát triển tâm lý con người.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
23.	Tâm lý học quản lý (*)	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tâm lý học quản lý như: động cơ, công cụ và phương tiện quản lý, các hiện tượng tâm lý xã hội và cơ chế tâm lý trong hoạt động quản lý. Trên cơ sở đó, người học có thể hiểu về hoạt động quản lý các hiện tượng, qui luật tâm lý trong hoạt động quản lý.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
24.	Tâm lý học sức khỏe	Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về sức khỏe thể chất, sức khỏe xã hội và sức khỏe tâm lý; các mô hình hành vi sức khỏe; các yếu tố văn hóa, tôn giáo ảnh hưởng tới sức khỏe; một số vấn đề cơ bản của công tác dự phòng và chăm sóc sức khỏe.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2. Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>			<b>6</b>		
<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>			<b>6/12</b>		
25.	Tâm lý học tình dục	Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về đời sống tình dục của con người từ các góc độ: sinh học, xã hội và tâm lý	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26.	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn	Học phần này giúp người học nắm được những kiến thức chuyên sâu về khái niệm hành vi lệch chuẩn; những đặc trưng văn hóa – lịch sử - xã hội của hành vi lệch chuẩn; các tiêu chuẩn xác định hành vi lệch chuẩn; các hướng tiếp cận lý thuyết về hành vi lệch chuẩn, cũng như những đặc điểm tâm lý cá nhân liên quan đến hành vi lệch chuẩn và các dạng hành vi lệch chuẩn.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

27.	Tâm lý học thể thao	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi về hoạt động thể dục thể thao cũng như các vấn đề tâm lý của thi đấu thể thao, các cách thức can thiệp, hỗ trợ đối với các khó khăn tâm lý nảy sinh trong hoạt động thi đấu thể thao. Trên cơ sở đó, người học có được sự nhìn nhận khoa học về các vấn đề tâm lý trong lĩnh vực thể dục thể thao.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Não bộ, hành vi và sức khỏe	Học phần giúp người học hiểu những kiến thức cơ bản về mối liên hệ giữa não bộ, hành vi, sức khỏe tâm thần; biết một số phương tiện nghiên cứu mối quan hệ này.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Định hướng kiến thức liên ngành</b>			<b>6/18</b>		
29.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK5	
30.	Chính sách xã hội		3	HK5	
31.	Hành vi con người và môi trường xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK5	
32.	Công tác xã hội với người nghèo		3	HK5	
33.	Phát triển cộng đồng		3	HK5	
34.	Chăm sóc tâm lý - xã hội cho người cao tuổi	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK5	
<b>V. Khối kiến thức ngành</b>			<b>62</b>		
<b>IV. Các học phần bắt buộc</b>			<b>36</b>		
35.	Giải phẫu và sinh lý hệ thần kinh	Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu biết chung về cấu tạo và chức năng hệ thần kinh của con người giúp người học vận dụng những kiến thức này trong việc hiểu, nắm bắt và có thể giải thích được một phần diễn biến tâm lý ở người.	2	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

36.	Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao (*)	Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về hoạt động thần kinh cấp cao ở con người. Từ đó, giúp người học phân tích được cơ sở tự nhiên, nền tảng sinh học của các hiện tượng tâm lý người.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
37.	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học (*)	Cung cấp tri thức cơ bản về tiến trình thực hiện 1 nghiên cứu Tâm lý học và các phương pháp nghiên cứu cụ thể như quan sát, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu v...v...	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
38.	Tâm lý học thần kinh (***)	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về định khu chức năng và tổn thương hoặc chậm phát triển liên quan tới chức năng và cấu tạo của não bộ.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
39.	Tâm lý học tham vấn (*)	Học phần Tâm lý học tham vấn trang bị cho người học những kiến thức cơ bản bản về tham vấn tâm lý, cũng như những kiến thức về kỹ năng cơ bản và nắm được quy trình thực hành một ca tham vấn cá nhân.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Tâm lý học nhân cách (*)	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhân cách con người như khái niệm chung về nhân cách; đo lường, đánh giá nhân cách; Các quan niệm của các trường phái cơ bản trong Tâm lý học như phân tâm học, hành vi, nhân văn, nhận thức, hoạt động ...về vấn đề nhân cách	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Tâm lý học lâm sàng đại cương (*)	Sinh viên có kiến thức cơ bản về các tiếp cận lâm sàng khác nhau, hiểu được các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý lâm sàng và các tiêu chuẩn của một mối quan hệ lâm sàng tốt.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

42.	Đánh giá tâm lý (*)	- Sinh viên nắm được các kiến thức lý luận về đánh giá tâm lý; các phương pháp và quy trình đánh giá tâm lý về trí tuệ, nhân cách, nghề nghiệp, giáo dục. - Sinh viên hiểu được các nguyên tắc xây dựng, đo lường và phân tích kết quả trong đánh giá tâm lý. Sinh viên biết cách sử dụng trắc nghiệm và phân tích kết quả đánh giá tâm lý.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Tâm bệnh học đại cương	Học phần này giúp người học biết được các khái niệm cơ bản, nguyên nhân gây bệnh, phân loại, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán và nguyên tắc điều trị các rối loạn tâm thần.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Tâm lý học môi trường (***)	Học phần nhằm trang bị cho người học những tri thức cơ bản về mối quan hệ giữa con người và môi trường nhìn từ quan điểm của Tâm lý học.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
45.	Tâm lý học sáng tạo (***)	Môn Học cung cấp hiểu biết chung về tâm lý Học sáng tạo: bản chất của sáng tạo, cơ sở tự nhiên và xã hội của sáng tạo, động cơ sáng tạo.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Thực hành nghiên cứu khoa học (***)	Học phần giúp sinh viên rà soát lại kiến thức về các phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học.	4	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>16/64</b>		
<i>(Sinh viên chọn 1 trong 4 hướng chuyên ngành sau)</i>					
<i>Tâm lý học xã hội</i>					

47.	Tâm lý học gia đình	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về gia đình; giải thích được các hiện tượng tâm lý thường nảy sinh trong đời sống gia đình và các biểu hiện tâm lý của các thành viên qua phân tích các mối quan hệ vợ - chồng, cha mẹ - con và anh - chị - em trong gia đình; lý giải được các nguyên nhân tâm lý - xã hội dẫn tới mâu thuẫn, xung đột, ly hôn, ly tán gia đình và ảnh hưởng của những vấn đề đó đến tâm lý các thành viên trong gia đình, đặc biệt là trẻ em.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Tâm lý học giới	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giới, trong đó nhấn mạnh đến các đặc điểm tâm lý của phụ nữ và nam giới; lý giải được định kiến và phân biệt đối xử theo giới đang tồn tại trong xã hội và trong bản thân mình - với tư cách là đại diện cho giới của mình.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Tâm lý học văn hóa	Người học hiểu được tâm lý học văn hóa là gì, sự hình thành và phát triển của tâm lý học văn hóa, các hiện tượng, quá trình, quy luật tâm lý trong tiếp nhận và sáng tạo các giá trị văn hóa, lối sống của các thế hệ khác nhau trong các giai đoạn phát triển của thời đại.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Tâm lý học dân tộc	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tâm lý học dân tộc. Trên cơ sở đó, người học có được sự nhìn nhận chính xác dựa trên kiến thức khoa học về các vấn đề dân tộc trong và ngoài nước.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Tâm lý học tôn giáo	Học phần hướng đến trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về các khía cạnh khác nhau của tôn giáo dưới góc nhìn của khoa học tâm lý như niềm tin tôn giáo, tình cảm tôn giáo,..... Đồng thời, người học cũng sẽ được tiếp cận với một số học thuyết tâm lý học hiện đại nghiên cứu về tôn giáo.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

52.	Tâm lý học pháp lý	Học phần hướng đến trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong hành vi phạm tội và phòng ngừa tội phạm.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Thực hành tâm lý học xã hội	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực thực hành chuyên ngành tâm lý học xã hội. Trên cơ sở đó, người học có được các kiến thức hỗ trợ cần thiết đồng thời trong quá trình thực hành của mình tại các cơ sở thực hành.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<i>Tâm lý học Quản lý- kinh doanh</i>			16		
54.	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tâm lý học quản trị-kinh doanh, tâm lý khách hàng, nhân cách nhà kinh doanh, quản trị nhân sự trong kinh doanh... Trên cơ sở đó, người học có được cách nhìn, đánh giá hoạt động kinh doanh một cách khoa học.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Giao tiếp trong quản lý kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu giao tiếp trong quản lý kinh doanh.</li> <li>- Hiểu được bản chất của các loại giao tiếp trong quản lý-kinh doanh bằng: ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, phi ngôn ngữ và biết kỹ năng thực hiện có hiệu quả các loại giao tiếp trên.</li> <li>- Biết cách đề xuất các giải pháp giải quyết xung đột trong quản lý-kinh doanh.</li> </ul>	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

56.	Tâm lý học công nghiệp và tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của TLH công nghiệp-tổ chức. Biết</li> <li>- Biết được các loại cấu trúc quản lý và cấu trúc tâm lý của tổ chức</li> <li>- Hiểu được các đặc điểm của người lao động và phương pháp kích thích tính tích cực làm việc của người lao động.</li> <li>- Phân tích được bản chất của sự gắn kết, nhận thức và hành vi của người lao động trong tổ chức cũng như chỉ rõ vai trò của người lãnh đạo trong việc thúc đẩy các hiện tượng này.</li> <li>- Xác định được mục đích, phương thức đánh giá, tuyên dụng, đào tạo và đề bạt cán bộ lãnh đạo, quản lý.</li> <li>- Hiểu được bản chất của văn hóa tổ chức và cốt lõi giá trị trong sự hình thành văn hóa tổ chức</li> </ul>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
57.	Tâm lý học lao động và hướng nghiệp	Học phần Tâm lý học lao động hướng nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề tâm lý nảy sinh trong hoạt động lao động đồng thời nắm bắt được những kiến thức ban đầu về các đặc điểm tâm lý trong chọn nghề và định hướng nghề nghiệp của người lao động và bước đầu thực hành được các hoạt động nghiên cứu các vấn đề trong tâm lý học lao động và hướng nghiệp.	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
58.	Tâm lý học tuyên truyền quảng cáo	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi, các qui luật và cơ chế tâm lý trong lĩnh vực tâm lý học tuyên truyền quảng cáo, các mô hình hoạt động tuyên truyền quảng cáo... Trên cơ sở đó, người học có được sự nhìn nhận, đánh giá chính xác hoạt động tuyên truyền quảng cáo.	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
59.	Tâm lý học du lịch	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tâm lý học du lịch. Trên cơ sở đó, người học có được sự nhìn nhận đúng đắn về du khách, hoạt động kinh doanh du lịch, các hiện tượng, qui luật tâm lý trong hoạt động du lịch	2	HK7	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>



60.	Thực hành tâm lý học quản lý- kinh doanh	Củng cố những nội dung kiến thức thuộc khối chuyên ngành tâm lý học quản lý kinh doanh thông qua thực hành các kỹ năng chung và chuyên biệt của ngành. Ứng dụng được các tri thức, kỹ năng của chuyên ngành vào giải quyết các tình huống thực tiễn của cơ sở qua đó thấy được mối liên hệ giữa thực tiễn với lý luận khoa học của chuyên ngành	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<i>Tâm lý học lâm sàng</i>			16		
61.	Đánh giá và can thiệp rối loạn phát triển	Học phần này giúp người học nắm được những kiến thức chuyên sâu về rối loạn phát triển ở trẻ em, các mốc phát triển, các tiêu chuẩn chẩn đoán, các chương trình can thiệp ở các cấp độ khác nhau, các phương pháp đánh giá và can thiệp cho những dạng rối loạn phát triển cụ thể.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Tâm lý trị liệu	Sinh viên nắm được tri thức liên quan đến bản chất rối nhiễu, mục đích trị liệu, những khía cạnh tâm lý được nhấn mạnh theo quan điểm tiếp cận của các trường phái khác nhau, hiểu được nội dung và cách thức tiến hành các kỹ thuật trị liệu, hiểu được ưu và nhược điểm của các kỹ thuật trị liệu trong giải quyết những trường hợp thực tế.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
63.	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	Học phần giúp người học phân biệt được các cấu trúc tâm trí căn bản trong tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên; hiểu được các triệu chứng và các lý thuyết lý giải những cấu trúc tâm trí này; nắm được các dạng rối loạn tâm lý theo các kiểu cấu trúc tâm trí và theo các giai đoạn phát triển tâm lý; hiểu và lý giải được vai trò và chức năng của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc phòng ngừa và can thiệp tâm bệnh học ở trẻ em và thanh thiếu niên.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64.	Đánh giá trong tâm lý học lâm sàng	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về nền tảng lý thuyết và cách thức sử dụng các trắc nghiệm/thang đo rối loạn tâm lý được sử dụng phổ biến trong lâm sàng.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

65.	Tâm lý học học đường	Tâm lý học học đường cung cấp cho người học kiến thức cơ bản nhất về các vấn đề tâm lý của học sinh, hoạt động của nhà tâm lý trong trường học; cách thức tổ chức và kỹ năng thực hiện các hoạt động phòng ngừa và đánh giá một số vấn đề tâm lý cho cá nhân và nhóm học sinh, cách thức vận hành và xử lý các mối quan hệ giữa nhà tâm lý với học sinh, giáo viên và phụ huynh.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66.	Thực hành tâm lý học lâm sàng	Tìm hiểu sự tương đồng và khác biệt trong ứng dụng kiến thức lâm sàng được học tại trường với thực tế hành nghề.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<i>Tâm lý học tham vấn</i>			16		
67.	Tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi về tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên. Trên cơ sở đó, người học có được sự hiểu biết về các vấn đề liên quan đến tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
68.	Đạo đức nghề tham vấn	Học phần Đạo đức nghề tham vấn cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về đạo đức nghề tâm lý trong tham vấn, trong đó tập trung vào các trách nhiệm đạo đức của nhà tham vấn với nghề nghiệp, khách hàng, đồng nghiệp và tổ chức, cũng như các khía cạnh đạo đức trong đào tạo, giám sát và nghiên cứu, công bố.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
69.	Tham vấn hôn nhân và gia đình	Học phần được thiết kế và giảng dạy nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi trong lĩnh vực tham vấn hôn nhân và gia đình. Dựa trên những kiến thức khoa học, người học có được sự nhìn nhận chính xác về hoạt động tham vấn hôn nhân và gia đình hiện nay.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
70.	Tham vấn học đường	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tham vấn học đường, trong đó tập trung vào các hoạt động hướng dẫn cá nhân và nhóm; tham vấn cá nhân và nhóm; tư vấn cho cha mẹ và giáo viên, xây dựng và quản lý các chương trình tham vấn học đường. Trên cơ sở đó, người học có được sự hiểu biết xác dựa trên kiến thức khoa học về tham vấn học đường.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

71.	Tham vấn nhóm	Học phần nhằm trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về tham vấn nhóm, quy trình tham vấn trong nhóm.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
72.	Tham vấn qua điện thoại và trực tuyến	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong tham vấn qua điện thoại và trực tuyến	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
73.	Thực hành tham vấn tâm lý	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tham vấn học đường, trong đó tập trung vào các hoạt động hướng dẫn cá nhân và nhóm; tham vấn cá nhân và nhóm; tư vấn cho cha mẹ và giáo viên, xây dựng và quản lý các chương trình tham vấn học đường. Trên cơ sở đó, người học có được sự hiểu biết xác dựa trên kiến thức khoa học về tham vấn học đường.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp / học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp)</i>			<b>10</b>		
74.	Thực tập tổng hợp	- Học phần này có định hướng nghiên cứu sinh viên sau khi học phải nắm được các kiến thức thực tế, kỹ năng tiến hành một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tâm lý học: từ việc nhận biết vấn đề cần nghiên cứu, sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp, tìm kiếm và xây dựng tổng quan nghiên cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu, hệ thống hóa và thao tác hóa các khái niệm căn bản có liên quan, và phân tích các kết quả nghiên cứu một cách hợp lý.	3	HK6	
75.	Khoá luận tốt nghiệp		7	HK8	

#### **C14. Bộ môn Tôn giáo học**

##### **1. Cử nhân Tôn giáo học**

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mục đích môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá sinh viên</b>
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				

1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Tiếng Anh B1		5		
7.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
8.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1				
10.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2				
11.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
13.	Tôn giáo học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung nhất về lĩnh vực tôn giáo học, giúp người học có kiến thức căn bản để đi vào nghiên cứu chuyên sâu.	3	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

14.	Lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề lễ hội trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, giúp người học có cái nhìn tổng quan về vấn đề này để từ đó có thể đi vào các lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/39</b>		
15.	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK3	
16.	Công tác xã hội đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK3	
17.	Đạo đức học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Triết học	3	HK3	
18.	Lịch sử Quan hệ quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
19.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK3	
20.	Nhập môn khoa học du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK3	
21.	Quan hệ đối ngoại Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK3	
22.	Tâm lý học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK3	
23.	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK3	
24.	Nhập môn phương pháp nghiên cứu tôn giáo	Trên cơ sở nắm vững một số phương pháp nghiên cứu cơ bản tôn giáo học, người học vận dụng vào việc thực hiện nghiên cứu niên luận, khóa luận và các đề tài nghiên cứu tôn giáo học ở trình độ cử nhân chuyên ngành tôn giáo học.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25.	Công tác xã hội của tôn giáo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội của các tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Các hoạt động công tác xã hội của tôn giáo ở Việt Nam nhằm mục đích hướng đến thúc đẩy sự phát triển xã hội. Các hoạt động công tác xã hội bao gồm từ thiện xã hội của tôn giáo chính nhằm đáp ứng nhu cầu cho con người.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26.	Tôn giáo nội sinh Việt Nam	Nắm được nguồn gốc, giáo lý, lễ nghi của một số tôn giáo nội sinh Việt Nam như: Cao Đài, Phật giáo HoàHào, Tứ Ân hiếu	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		nghĩa, Bửu sơn kỳ hương, ...			Thi cuối kỳ: 60%
27.	Tín ngưỡng Việt Nam	Hiểu được một số tín ngưỡng bản địa của các dân tộc Việt Nam: Tín ngưỡng thờ Thành Hoàng làng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Nữ thần, tín ngưỡng thờ vật linh, một số tín ngưỡng của các dân tộc ít người...	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV</b>	<b>Nhóm kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
28.	Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền ở Việt Nam	Học Phần “Phật giáo Nam truyền và Phật giáo Bắc truyền ở Việt Nam” giúp cho sinh viên nhận diện và nghiên cứu về diện mạo, đặc điểm và vai trò của Phật giáo Nam truyền và Phật giáo Bắc truyền ở Việt Nam từ khi du nhập đến nay.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Công giáo và chính thống giáo ở Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức về Nguồn gốc ra đời, lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Công giáo, Chính thống giáo trên thế giới. Quá trình du nhập, lịch sử, tính tất yếu, bản chất, đặc trưng của Công giáo và Chính thống giáo ở Việt Nam. Phân biệt, so sánh được những điểm tương đồng, khác biệt của Công giáo và Chính thống giáo trên thế giới nói chung ở Việt Nam nói riêng.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
30.	Đạo Tin lành và Mặc môn ở Việt Nam	Cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản và chuyên sâu về Đạo Tin Lành và Mặc Môn ở Việt Nam. Từ những kiến thức lý thuyết đó, người học có thể liên hệ đối với thực tiễn Việt Nam hiện nay.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 định hướng)</b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng chuyên sâu của ngành</i>		<b>6/15</b>		
31.	Ngôn ngữ kinh điển tôn giáo	Học Phần “Ngôn ngữ trong kinh điển tôn giáo” giúp cho sinh viên nhận diện và nghiên cứu về đặc điểm và vai trò của ngôn ngữ trong kinh điển một số tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới và ở Việt Nam.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Hồi giáo và Bahai ở Việt Nam	Cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản nhất của Hồi giáo và Baha’i ở Việt Nam (sự du nhập và quá trình phát triển, cộng đồng Hồi giáo và Baha’i ở Việt Nam, cũng như tình hình Hồi giáo hiện nay). Trên cơ sở những kiến thức tiếp thu được, sinh	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		viên có khả năng vận dụng vào việc phân tích tình hình thực tế và đời sống các xã hội Hồi giáo và Baha'i ở Việt Nam, những vấn đề quốc tế nảy sinh cũng như chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hai tôn giáo Hồi giáo và Bahai			
33.	Tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa và những vấn đề hiện nay	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và tác động của toàn cầu hóa đến tôn giáo, vấn đề tôn giáo trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, Phật giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa, Công giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa, Islam trong bối cảnh toàn cầu hóa, Tin Lành trong bối cảnh toàn cầu hóa....	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
34.	Tôn giáo và môi trường	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tôn giáo và môi trường, thấy được vai trò, đóng góp của tôn giáo với các vấn đề môi trường trong xã hội hiện đại hiện nay	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Tôn giáo và khoa học	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa hai lĩnh vực tôn giáo và khoa học, để thấy được mối quan hệ đó là mối quan hệ vừa xung đột lại vừa có thể bổ sung cho nhau.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/9		
36.	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK5	
37.	Các dân tộc và chính dân tộc Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK5	
38.	Thế chế chính trị thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK5	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>40</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>25</b>		
39.	Nho giáo và đạo giáo ở Việt Nam	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam, thấy được những ảnh hưởng của nó đến đời sống, xã hội Việt Nam trong lịch sử và hiện nay.	4	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Hiện tượng tôn giáo mới trên thế giới và Việt Nam	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về hiện tượng tôn giáo mới trên thế giới và Việt Nam, từ đó có thể liên hệ với thực tiễn đời sống tôn giáo ở Việt	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Nam hiện nay.			
41.	Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh. Từ đó có những liên hệ so sánh giữa các tôn giáo trên một số phương diện nhất định.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Biểu tượng học tôn giáo	Học phần <i>Biểu tượng học tôn giáo</i> trang bị cho người học kiến thức cơ bản, hệ thống, và có được tư duy tổng thể về biểu tượng tôn giáo, về vai trò của nó là một cơ sở quan trọng của văn hóa. Học phần cũng cung cấp cho người học một cái nhìn lịch sử về tiến trình phát triển của văn hóa biểu tượng tôn giáo; tìm hiểu những giá trị truyền thống và đương đại của văn hóa biểu tượng tôn giáo; phân loại các loại hình của văn hóa biểu tượng tôn giáo với các dạng thức tồn tại và phát triển của chúng. Học phần cũng làm sáng tỏ những ảnh hưởng thông qua hệ giá trị của biểu tượng tôn giáo tới đời sống văn hóa của con người và xã hội Việt Nam.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Quan điểm các nhà tư tưởng Việt nam về tôn giáo	Học phần nhằm cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về bối cảnh, nội dung tư tưởng của các nhà tư tưởng điển hình Việt Nam về tôn giáo trong các thời kỳ lịch sử.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Nhà nước - Tôn giáo – Pháp luật	Mục tiêu chung: Sinh viên cần nắm vững những kiến thức cơ bản về nhà nước, tôn giáo, pháp luật, như: Nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước, tôn giáo, pháp luật. Mối quan hệ tác động qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau giữa Nhà nước – Tôn giáo – Pháp luật. Ngoài ra còn vận dụng mối quan hệ giữa Nhà nước – Tôn giáo – Luật pháp trong thực tiễn của một số nhà nước trên thế giới và Việt nam	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
45.	Công tác từ thiện xã hội của tôn giáo ở Việt Nam	Học phần giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề trong giáo luật, giáo lý và hoạt động thực tiễn của các tôn giáo trên lĩnh vực từ thiện xã hội như: khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người có hoàn cảnh khó khăn; nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, khuyết tật, người già không nơi nương tựa; tư vấn chữa trị, chăm sóc người bị nhiễm HIV/AIDS; dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo; tham gia công tác giáo dục mầm non đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; tham gia xóa đói giảm nghèo, cứu trợ đồng bào thiên tai; những hoạt động góp phần an sinh xã hội... Trên cơ sở đó, định hướng cho sinh viên thấy vai trò và những giá trị tích cực của các tôn giáo ở Việt Nam trong đời sống và thực hiện mục	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



		tiêu phát triển xã hội.			
46.	Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các tổ chức tôn giáo của các tôn giáo lớn trên thế giới và ở Việt Nam: quá trình hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức, vai trò, vị trí trong các thể chế chính trị, xã hội..	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>15/45</b>		
47.	Nghệ thuật học tôn giáo	Học phần Nghệ thuật học tôn giáo trang bị cho người học kiến thức cơ bản và tổng thể về nguồn gốc hình thành, quá trình vận động và phát triển của lịch sử nghệ thuật tôn giáo phương Tây và phương Đông qua một số hình thái tiêu biểu.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Quan niệm ngoài Mác-xít về tôn giáo	Học phần giúp sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản của các lý thuyết ngoài Mác-xít trong nghiên cứu tôn giáo. Những lý thuyết này có thể ra đời trước khi hoặc sau khi chủ nghĩa Marx ra đời. Tuy nhiên, học phần tập trung giới thiệu các lý thuyết ra đời từ đầu thế kỷ 20 cho đến nay, trong đó các hệ thống quan điểm sau đây sẽ được giới thiệu: Triết học tôn giáo ngoài Mác-xít; Tôn giáo học ngoài Mác-xít bên trong các tôn giáo; Tôn giáo học ngoài Mác-xít bên ngoài tôn giáo (Xã hội học tôn giáo); Các phương pháp nghiên cứu tôn giáo ngoài Chủ nghĩa Mác.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Thiền học tôn giáo ứng dụng	Nắm được lịch sử thiền. Các phương pháp thiền đang thịnh hành tại Việt Nam hiện nay. Ứng dụng các phương pháp thiền vào đời sống xã hội, chú trọng một số chiều cạnh cơ bản: Ứng dụng thiền trong đời sống xã hội (bao gồm sức khỏe thể chất và tinh thần – đặc biệt ứng dụng thiền trong ứng phó với những vấn đề của xã hội hiện đại như giảm tải stress, trị liệu cho trẻ tự kỷ...); thiền trong tu tập giải thoát	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Đạo đức tôn giáo và đạo đức xã hội ở Việt Nam hiện nay	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đạo đức tôn giáo và vai trò của đạo đức tôn giáo với đạo đức xã hội Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Văn hóa tôn giáo và du lịch tâm linh cộng đồng	Học phần Văn hoá tôn giáo và du lịch tâm linh cộng đồng giúp cho sinh viên tìm hiểu những giá trị văn hoá tôn giáo trên các mặt: giá trị vật thể và giá trị phi vật thể. Thấy được cơ sở hình thành của các dịch vụ du lịch tâm linh tôn giáo hiện nay và xu thế phát triển của nó. Trên cơ sở đó, định hướng cho sinh viên tự chọn đề nghiên cứu về một vấn đề văn hoá tâm linh tôn giáo cụ	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		thê.			
52.	Tâm lý học tôn giáo và xã hội học tôn giáo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu và các học thuyết hiện đại nghiên cứu về tôn giáo dưới các góc độ: tâm lý và xã hội học. Hiểu được vị trí của tôn giáo trong xã hội hiện đại, sự khác biệt của các cách tiếp cận tôn giáo từ các góc độ khác nhau: tâm lý học, xã hội học.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Nhân học và dân tộc học tôn giáo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu và các học thuyết hiện đại nghiên cứu về tôn giáo dưới các góc độ: Nhân học và dân tộc học.		HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
54.	Tín ngưỡng vòng đời của người Việt	Hiểu được tín ngưỡng vòng đời của người Việt - một lễ tục vô cùng quan trọng trong đời sống văn hóa của người Việt, từ đó thấy được những đặc trưng, bản sắc văn hóa của người Việt trong quá trình phát triển.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Thực hành và ứng dụng tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về thực hành, ứng dụng tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Học viên có cơ hội trải nghiệm, thực hành, ứng dụng tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Kiến trúc và điêu khắc trong tôn giáo	- Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và đặc điểm nhận dạng về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc mỗi tôn giáo. - Trên cơ sở lý luận, ứng dụng vào thực tiễn trong việc nhận dạng về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc mỗi tôn giáo, công tác bảo tồn di sản tín ngưỡng, tôn giáo ở các địa phương.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
57.	Tổ chức và quản lý thư viện trong các tôn giáo	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về tổ chức và quản lý thư viện trong các tôn giáo.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
58.	Báo chí truyền thông tôn giáo	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hình thức báo chí và truyền thông của tôn giáo ở Việt Nam; những nội dung của báo chí và truyền thông tôn giáo ở Việt Nam; những hiểu biết về đời sống tôn giáo trong xã hội, vừa có kiến thức chuyên ngành tôn giáo vững vàng trên các lĩnh vực báo in của tôn giáo, phát thanh, truyền hình, báo điện tử, quảng cáo, quan hệ công chúng của tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng,	Trên cơ sở làm rõ lý luận và thực tiễn quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý nhà nước	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

	tôn giáo ở Việt Nam	đôi với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, tiến hành đánh giá, phân tích thực trạng, kết quả quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.			Thi cuối kỳ: 60%
60.	Quản lý di sản tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	- Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức lý luận về di sản tín ngưỡng, tôn giáo và vấn đề quản lý di sản tín ngưỡng, tôn giáo. - Trên cơ sở lý luận, ứng dụng vào thực tiễn công tác bảo tồn di sản tín ngưỡng, tôn giáo ở các địa phương	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
61.	Luật tín ngưỡng, tôn giáo và nghiệp vụ công tác tôn giáo	Học phần nghiệp vụ công tác tôn giáo trang bị cho người học kiến thức cơ bản về luật tôn giáo, tín ngưỡng và nghiệp vụ công tác tôn giáo, trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo và ứng xử với tôn giáo.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận</b>		<b>13</b>		
62.	Thực tập	Học phần là thời gian để người học trải qua những trải nghiệm thực tiễn về các vấn đề liên quan đến tôn giáo học. Từ đó có những liên hệ giữa lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu.	4	HK8	
63.	Thực tập tốt nghiệp	Qua thực tiễn trải nghiệm giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành và kiến thức ngành như: lý luận chung về tôn giáo, tín ngưỡng, các tôn giáo cụ thể: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tín ngưỡng Mẫu, thờ cúng tổ tiên, thờ thành hoàng....; Chủ trương, chính sách, quản lý và công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, một số nghiệp vụ và kỹ năng quan trọng trong công tác tôn giáo	4	HK8	
	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>				
64.	Tôn giáo tín ngưỡng: những vấn đề lý luận và thực tiễn	Học phần nhằm cung cấp cho người học những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và Đảng cộng sản Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng. Tiếp cận được những vấn đề lý luận chung trong nghiên cứu tôn giáo, tín ngưỡng. Quan điểm, đường lối, chính sách của ĐCS Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
65.	Tín ngưỡng, tôn giáo:	Học phần nhằm cung cấp, hệ thống lại những kiến thức cơ bản,	2	HK8	Thường xuyên: 10%

	lịch sử và hiện tại	những vấn đề về các kiểu tôn giáo, tín ngưỡng trong lịch sử và các kiểu tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
--	---------------------	---	--	--	---

## C15. Khoa Triết học

### 1. Cử nhân Triết học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Tiếng Anh B1		5		
7.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
8.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1				
10.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2				

11.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
13.	Đạo đức học đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung, cơ bản về đời sống đạo đức của xã hội và cá nhân con người thông qua việc nắm được lịch sử hình thành của đạo đức và đạo đức học, những phạm trù cơ bản của nó, để từ đó có khả năng nhận diện chân giả, thiện ác trong xã hội nhằm xây dựng thái độ ủng hộ cái đúng, cái tốt, nhận thức được nghĩa vụ, sống và làm việc theo trách nhiệm, lương tâm để đạt được hạnh phúc trong cuộc đời.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14.	Mỹ học đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chủ yếu nhất của môn khoa học về cái đẹp, nội dung các phạm trù nền tảng, cơ bản của mỹ học, các hoạt động nghệ thuật và hoạt động liên quan đến định hướng, giáo dục tình cảm, giá trị thẩm mỹ. Từ đó giúp người học có thể phân tích được thực chất và những biểu hiện đa dạng của các hiện tượng thẩm mỹ xung quanh, xây dựng thái độ trân trọng, yêu quý cái đẹp trong đời sống để cùng chung tay nhân rộng, lan toả cái đẹp	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/36</b>		
15.	Phương thức sản xuất châu Á	Học phần giúp sinh viên nắm được nội hàm của khái niệm PTSX châu Á, những chỉ dẫn của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất này và sự tồn tại trên thực tế của nó ở phương Đông nói chung và ở Việt Nam nói riêng	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

16.	Triết học giáo dục	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận của triết học giáo dục và những nội dung cơ bản, giá trị, hạn chế của các tư tưởng triết học giáo dục trong lịch sử tư tưởng phương Tây Cổ đại, Phục hưng, Cận đại và hiện đại qua các đại biểu tiêu biểu, và của các tư tưởng giáo dục truyền thống ở phương Đông và Việt Nam, cũng như các phạm trù, khái niệm, các vấn đề cơ bản, khuynh hướng và triển vọng của triết học giáo dục hiện nay của nhân loại, từ đó xem xét ý nghĩa của chúng trong việc xây dựng triết học và triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
17.	Triết học quản lý	Trang bị cho sinh viên những tri thức cốt yếu về Triết học quản lý mà tiêu điểm là quy luật, tính quy luật của quản lý, từ đó giúp người học hình thành kỹ năng và thái độ trong việc nhận diện, đánh giá về những vấn đề cốt lõi của thực tiễn quản lý, góp phần nâng cao chất lượng của quản lý.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
18.	Lịch sử Việt Nam đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lịch sử	3	HK3	
19.	Nhập môn khoa học du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK3	
20.	Văn hóa du lịch		3	HK3	
21.	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK3	
22.	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK2	
23.	Lễ hội trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam		3	HK3	
24.	Đại cương về quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK3	
25.	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK3	
26.	Quản lý nguồn nhân lực		3	HK3	
<b>IV.</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		

<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
27.	Triết học Mác - Lênin: những vấn đề lý luận và thực tiễn	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và có hệ thống về Triết học Mác - Lênin thông qua khảo cứu những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Các nguyên lý này được trình bày dưới góc độ lôgic, lịch sử, gắn với tình hình phát triển của khoa học hiện đại và thực tiễn phát triển của xã hội hiện nay, được luận chứng sâu sắc và khoa học. Qua đó, sinh viên được trang bị cơ sở lý luận, phương pháp luận khoa học và những kỹ năng cần thiết để nhận thức và giải quyết những vấn đề mà thực tiễn Việt Nam đang đặt ra.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Tác phẩm kinh điển triết học Mác - Lênin	Học phần giúp người học nắm vững kiến thức về điều kiện ra đời, những nội dung cơ bản và ý nghĩa của các tác phẩm triết học chủ yếu của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Lôgic học biện chứng	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của lôgic học biện chứng và vai trò của nó trong việc hình thành và rèn luyện thói quen tư duy biện chứng linh động mềm dẻo phù hợp với thực tiễn	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		<i>6/18</i>		
30.	Triết học trong khoa học tự nhiên	Môn học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành triết học những kiến thức cơ bản về những vấn đề triết học của khoa học tự nhiên, những hiểu biết về mối quan hệ giữa triết học và khoa học tự nhiên. Môn học cũng góp phần giúp sinh viên tìm hiểu những thành tựu cơ bản của Khoa học tự nhiên hiện đại, bức tranh khoa học chung về thế giới, từ đó thấy được sự cần thiết của sự liên minh giữa triết học và khoa học tự nhiên. Môn học cũng góp phần nâng cao năng lực tư duy khoa học cho sinh viên triết học.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

31.	Triết học văn hóa	Giúp sinh viên nắm được năm được các tính quy luật hình thành, phát triển và bản chất của văn hóa như phương thức, công nghệ của hoạt động con người xã hội; cũng như những vấn đề lý luận và phương pháp luận phát triển hiện nay của văn hóa đặt ra trước và đòi hỏi triết học phải giải quyết.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Phương pháp giảng dạy triết học	Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lí thuyết và thực hành dạy học triết học; bản chất và những quy luật chi phối hoạt động của con người trong quá trình giảng dạy và học tập triết học. Trên cơ sở nắm được những tri thức cơ bản của lí luận dạy học hiện đại trong mối liên hệ với những đặc thù của quá trình nhận thức tri thức triết học, học phần giúp người học có thể tự lựa chọn những phương pháp dạy học, những hình thức tổ chức dạy học triết học phù hợp nhất để tiến hành soạn bài, giảng thử, tổ chức thảo luận	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33.	Triết học chính trị	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình hình thành và phát triển của các tư tưởng triết học chính trị, những khía cạnh triết học của các lĩnh vực chính trị cụ thể, góp phần xây dựng thế giới quan khoa học cho người học trong những điều kiện của thế giới đương đại	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
34.	Các trào lưu xã hội chủ nghĩa đương đại	Cung cấp cho sinh viên khoa Triết học kiến thức về một số trào lưu xã hội chủ nghĩa đương đại (các trào lưu xã hội chủ nghĩa hiện đang tồn tại nhưng không thuộc chủ nghĩa xã hội khoa học) từ đó góp phần bổ sung kiến thức trong hệ thống khối kiến thức chuyên ngành nói chung.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Triết học của thế giới đương đại-những vấn đề và triển vọng	Nắm được khái niệm triết học của thế giới đương đại và những đặc thù của triết học trong quan hệ với các khoa học tự nhiên, các khoa học xã hội và nhân văn trong kỷ nguyên toàn cầu.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/15		
36.	Khoa học chính sách	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
37.	Khoa học tổ chức		3	HK6	



38.	Chính sách xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Xã hội học	3	HK6	
39.	Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK6	
40.	Hiện tượng tôn giáo mới trên thế giới và Việt Nam		3	HK6	
<b>V.</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>49</b>		
<i>V.1</i>	<i>Học phần chung cho các hướng chuyên ngành</i>		<b>25</b>		
<i>V.1.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>21</b>		
41.	Lịch sử triết học phương Đông cổ - trung đại	Trang bị cho sinh viên những tri thức về sự hình thành, đặc điểm và quá trình phát triển của tư tưởng triết học phương Đông thời cổ, trung đại. Từ đó thấy được giá trị và ảnh hưởng của triết học đến sự phát triển của lịch sử, xã hội các nước phương Đông nói riêng và thế giới nói chung	4	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Lịch sử triết học phương Tây cổ - trung đại	Nắm được bức tranh tổng quan về triết học Tây Âu cổ - trung đại. Làm rõ được điều kiện, tiền đề ra đời, quá trình hình thành, phát triển của triết học Tây Âu cổ - trung đại. Nắm vững những nội dung tư tưởng triết học cơ bản của các trường phái và triết gia tiêu biểu thời kỳ cổ - trung đại.	4	HK 2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Lịch sử triết học phương Tây cận đại	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về những tiền đề và nội dung cơ bản của các tư tưởng triết học trong các giai đoạn phát triển của qua các triết gia tiêu biểu, lôgic phát triển của chúng trong lịch sử triết học phương Tây cận đại từ thế kỷ XVI tới nửa đầu thế kỷ XIX, từ đó xem xét, đánh giá cách tiếp cận vấn đề đó từ lập trường triết học mácxít	4	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Triết học phương Tây hiện đại	Giúp sinh viên nắm được bức tranh tổng quan của các trào lưu triết học phương Tây từ giữa thế kỷ XIX đến nay: tên các trào lưu chính, các triết gia chính, các tác phẩm chính	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

45.	Lịch sử triết học macxit sau V.I. Lênin	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về lịch sử phát triển của triết học mácxít từ đầu thế kỷ XX đến nay thông qua nghiên cứu các khuynh hướng cơ bản, các đại diện tiêu biểu, những tư tưởng quan trọng nhất của nó	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Lịch sử tư tưởng và tư tưởng triết học Việt Nam	Sinh viên nắm được bức tranh tổng quan của lịch sử tư tưởng Việt nam, các trào lưu tư tưởng và tư tưởng triết học Việt Nam từ thời tiền sử, sơ sử đến giữa hế kỷ XX, tư tưởng của các nhà tư tưởng tiêu biểu, các tác phẩm chính	4	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.1. 2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>4/13</b>		
47.	Quan hệ sản xuất trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về quan hệ sản xuất, bao gồm: lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ sản xuất, thực trạng và xu hướng biến đổi quan hệ sản xuất ở Việt Nam. Qua đó, sinh viên được trang bị cơ sở lý luận, phương pháp luận khoa học và những kỹ năng cần thiết trong nhận thức thực tiễn biến đổi của quan hệ sản xuất ở Việt Nam thời kỳ đổi mới.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Các lý thuyết đương đại về phát triển xã hội	Học phần giới thiệu nội dung một số lý thuyết phát triển xã hội tiêu biểu trong lịch sử triết học trước Mác cả ở phương Đông và ở phương Tây; quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển xã hội; một số lý thuyết hiện đại về phát triển xã hội. Qua đó giúp sinh viên có được cái nhìn toàn cảnh về các quan điểm phát triển xã hội hiện nay	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Vấn đề gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở VN	Sinh viên nắm được một số lý luận chung về gia đình, các yếu tố cơ bản tác động đến gia đình với tính cách là tế bào của xã hội, là sản phẩm của xã hội trong giai đoạn hiện nay.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Văn hóa chính trị Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK5	
51.	Văn hóa Trung Quốc	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	2	HK5	

52.	Văn hóa Ấn Độ		2	HK5	
<b>V.2</b>	<b>Các học phần hướng chuyên ngành</b>				
	<i>(Sinh viên chọn 1 trong 6 hướng chuyên ngành sau)</i>				
<b>V.2.1</b>	<b>Lịch sử triết học và tôn giáo phương Đông</b>				
53.	Lịch sử triết học phương Đông qua các tác phẩm tiêu biểu	Tạo cơ sở để sinh viên nắm vững hơn kiến thức Học phần <i>Lịch sử triết học phương Đông</i> , làm nền tảng cho viết tiểu luận, nghiên cứu khoa học, khóa luận	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
54.	Nho giáo và Phật giáo ở Việt Nam	Nắm được đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Học phần <i>Nho giáo và Phật giáo ở Việt Nam</i> ; Nắm vững được những điều kiện kinh tế - xã hội và tiền đề văn hóa, tư tưởng chủ yếu cho sự du nhập, phát triển của Nho giáo và Phật giáo ở Việt Nam; Nắm vững được quá trình du nhập, tồn tại và phát triển Nho giáo, Phật giáo ở Việt Nam trong lịch sử và các nhân tố cơ bản tác động đến quá trình ấy. Những giá trị, hạn chế và ảnh hưởng của nó...	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Vấn đề dung thông tam giáo ở Việt Nam	Sinh viên nắm được bức tranh tổng quan của lịch sử dung thông tam giáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, các điều kiện hình thành quá trình dung thông tam giáo, đặc trưng của các giai đoạn dung thông tam giáo, các nhà tư tưởng tiêu biểu	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Sự tiếp biến tư tưởng Đông - Tây ở Việt Nam cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20	Giúp sinh viên nắm được quá trình tiến triển của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam có nhiều nét đặc sắc, trong đó, thời kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có nội dung cốt lõi là sự phát triển nhảy vọt của tư duy chính trị, dưới tác động của quá trình tiếp xúc Đông - Tây biểu hiện qua cuộc đấu tranh tư tưởng chính trị giữa ý chí độc lập dân tộc truyền thống của Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX đang ở trình độ tư duy chính trị phong kiến phải đối phó với mưu đồ chính trị xâm lược của chủ nghĩa đế quốc phương Tây	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

57.	Tư tưởng triết học của Phan Bội Châu	Học phần này góp phần giúp người học nhận thức nội dung bước chuyên tư tưởng triết học của Phan Bội Châu góp phần vào việc nhận thức tư tưởng, thế giới quan, nhân sinh quan của một nhà tiên bối trong sinh viên, giúp họ thêm tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng, kiên định với lý tưởng của Đảng và Nhà nước ta	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2. 2</b>	<b><i>Lịch sử triết học và tôn giáo phương Tây</i></b>				
58.	Phương pháp nghiên cứu lịch sử triết học qua các tác phẩm tiêu biểu	Hiểu được một cách cơ bản nội dung phương pháp nghiên cứu lịch sử triết học, thực hành phương pháp này qua phân tích một số tác phẩm nguyên tác của một số triết gia tiêu biểu; Lĩnh hội được những kỹ năng chính khi phân tích các nguyên tác lịch sử triết học, cách đọc, cách phân tích các vấn đề. Nắm được những đặc thù của phương pháp nghiên cứu lịch sử triết học trong sự so sánh với các phương pháp triết học khác nói riêng, các phương pháp khoa học khác nói chung; Tổng quan vấn đề con người trong lịch sử triết học, cho thấy đây là vấn đề cơ bản của mọi triết thuyết, đồng thời cũng chỉ ra những tương đồng và khác biệt trong triết học phương Đông và phương Tây trong nghiên cứu vấn đề con người	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Vấn đề con người trong lịch sử triết học phương Tây	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những tiền đề và nội dung cơ bản của quan niệm con người trong các giai đoạn phát triển của lịch sử triết học phương Tây qua các triết gia tiêu biểu, chỉ ra lôgic phát triển của tư tưởng triết học về con người trong lịch sử triết học phương Tây từ cổ đại đến hiện đại, từ đó xem xét đánh giá các cách tiếp cận đó từ lập trường triết học mácxít.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60.	Vấn đề đối tượng của triết học	Làm cho sinh viên hiểu được một cách khái quát sự hình thành và phát triển của tri thức triết học trong lịch sử tư tưởng nhân loại cũng như tính phức tạp của quá trình tư duy nhân loại về bản thân triết học và đối tượng của nó	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

61.	Các trào lưu triết học Kitô giáo hiện nay	Cung cấp cho sinh viên chuyên ban lịch sử triết học những hiểu biết về bức tranh toàn cảnh các trào lưu triết học Ki tô giáo hiện nay nói riêng, triết học tôn giáo nói chung, vị trí và vai trò của chúng đối với triết học thế giới hiện đại. Việt Nam vốn là quốc gia đa tôn giáo. Triết lý các tôn giáo có ảnh hưởng và tác động đa chiều của chúng đối với tư tưởng và văn hóa Việt Nam. Học phần này còn góp phần nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò của tôn giáo nói chung, Ki tô giáo nói riêng trong xã hội không chỉ trong các lĩnh vực đạo đức xã hội, mà cả trong các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa tinh thần, lối suy nghĩ, lối sống của người Việt Nam	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Vấn đề “tha hóa” trong lịch sử triết học	Học phần cung cấp cho người học khái niệm triết học về “Tha hóa”, lịch sử hình thành quan niệm về tha hóa và sự phân kỳ quan niệm về tha hóa trong lịch sử triết học phương Tây.	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2. 3	<b>Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử</b>		<b>14</b>	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
63.	Lịch sử phép biện chứng mácxít	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin xây dựng và phát triển nội dung phép biện chứng duy vật. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu và có hệ thống về tư duy lý luận, nhận thức xã hội và mối quan hệ biện chứng giữa chúng. Qua đó, Học phần góp phần phần hình thành và nâng cao năng lực tư duy lý luận cho sinh viên	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64.	Vấn đề sở hữu và cách mạng khoa học công nghệ ở Việt Nam hiện nay	Học phần trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản về sở hữu và cách mạng khoa học, công nghệ; thực trạng quan hệ sở hữu, phát triển khoa học công nghệ trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay và những vấn đề đang đặt ra cần phải giải quyết. Bên cạnh đó cung cấp cho sinh viên phương pháp luận cần thiết để nhận thức và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn xây dựng quan hệ sở hữu, phát triển khoa học, công nghệ trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

65.	Phép biện chứng duy vật với thực tiễn ở Việt Nam hiện nay	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về phép biện chứng duy vật, bao gồm lý luận về biện chứng và biện chứng duy vật, hệ thống các phương pháp luận biện chứng duy vật và giá trị của phép biện chứng duy vật với thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, sinh viên được trang bị cơ sở lý luận, phương pháp luận khoa học và những kỹ năng cần thiết để nhận thức về giá trị lý luận và thực tiễn của phép biện chứng duy vật	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
66.	Mối liên hệ giữa các phạm trù của phép biện chứng duy vật	Học phần cung cấp cho sinh viên cái nhìn hệ thống, khoa học, duy vật và biện chứng về các phạm trù của phép biện chứng và phương pháp luận nghiên cứu đúng đắn và sâu sắc hơn về các phạm trù cụ thể	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
67.	Tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin về nhà nước với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Trang bị cho người học những nội dung trong tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về nhà nước như là cơ sở lý luận và phương pháp luận để nhận thức đúng bản chất của nhà nước pháp quyền nói chung, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng nhằm đề xuất phương hướng và các giải pháp tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2. 4</b>	<b>Chủ nghĩa xã hội khoa học</b>		<b>14</b>		
68.	Tác phẩm kinh điển Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội	Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội; sự ra đời của chủ nghĩa xã hội và sự khác biệt căn bản giữa nó với các loại chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là với chủ nghĩa xã hội không tưởng	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

69.	Thể chế xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về thể chế xã hội, và thể chế xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên 2 phương diện lý luận và thực tiễn. Qua đó, học phần góp phần làm rõ bản chất của chế độ xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tính quy luật trong quá trình xây dựng thể chế xã hội ở Việt Nam	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
70.	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản mang tính hệ thống về lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ giai đoạn cổ đại cho đến nay. Giúp sinh viên nắm vững lập trường, quan điểm, phương pháp tư duy khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đánh giá đúng vai trò của Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế khi vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, cũng như vận dụng việc nghiên cứu tư tưởng XHCN vào xem xét một số trào lưu tư tưởng và thực tiễn hiện nay như chủ nghĩa xã hội dân chủ, lý luận “cánh tả	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
71.	Đời sống văn hoá tinh thần trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Giúp sinh viên hiểu rõ những quan điểm, định hướng lớn, và giải pháp nhằm xây dựng đời sống văn hoá tinh thần mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
72.	Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Cung cấp cho người học những vấn đề lý luận chung và nội dung chính sách dân tộc và tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2. 5</b>	<b>Mỹ học - Đạo đức học</b>				
73.	Lịch sử Mỹ học	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về quá trình lịch sử hình thành và phát triển các tư tưởng về mỹ học, về đối tượng, các phạm trù nền tảng và cơ bản của mỹ học	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

74.	Triết học Nghệ thuật	Giúp sinh viên nắm được các quy luật của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của các học thuyết triết học về nghệ thuật trong mối liên hệ với các trường phái, trào lưu nghệ thuật của những thời đại lịch sử cụ thể	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
75.	Vấn đề đạo đức trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam	Sinh viên nắm được những tác động tiêu cực và tiêu của của kinh tế thị trường (trong bối cảnh: của hội nhập quốc tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại, môi trường...) đến đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp... ở Việt Nam hiện nay cũng như đến việc giáo dục và tự giáo dục đạo đức ở từng cá nhân	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
76.	Lịch sử đạo đức học	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về quá trình lịch sử hình thành và phát triển các tư tưởng đạo đức học phương Tây từ Hy Lạp cổ đại đến nay, nhấn mạnh tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh như sự kết tinh các giá trị đạo đức Đông – Tây, như sự nối tiếp đạo đức học Mác - Lênin vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam thế kỷ XX	4	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
77.	Đạo đức học phương Đông với đạo đức con người Việt Nam hiện nay	Cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về nội dung và những giá trị cơ bản của đạo đức học phương Đông (Phật giáo, Nho giáo), giúp sinh viên thấy được những điểm tương đồng và khác biệt của đạo đức Phật giáo và Nho giáo với đạo đức của các tôn giáo khác (Hồi giáo, Thiên chúa giáo). Giúp sinh viên hiểu được tác động của chuẩn mực đạo đức phương Đông đến đạo đức con người Việt Nam thông qua thực tiễn đạo đức xã hội Việt Nam trong lịch sử và hiện nay, vai trò của chúng trong việc điều chỉnh nền đạo đức xã hội, hoàn thiện đạo đức cá nhân	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2. 6</b>	<b>Lôgic học</b>				
78.	Lịch sử Lôgic học	Giúp sinh viên thấy được lôgic phát triển nội tại của lôgic học với tư cách là một bộ môn triết học tương đối độc lập, hiểu được sự khác nhau về mối liên hệ giữa triết học và lôgic học ở phương Đông và ở phương Tây	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



79.	Sự hình thành quan điểm mácxít về nội dung và hình thức của tư duy	Học phần giúp sinh viên hiểu sâu quá trình lâu dài trong lịch sử hình thành và phát triển các phạm trù cơ bản của phép biện chứng, đặc biệt liên quan đến logic học là cặp phạm trù hình thức và nội dung của tư duy, các loại hình thức khác nhau	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
80.	Lôgic trong luật pháp	Giúp sinh viên nắm được những kiến thức về một số khái niệm cơ bản của Triết học và Lôgic học như: khái niệm tư duy, tư duy lôgic, lôgic học với tư cách là khoa học về tư duy đúng đắn; vai trò của tư duy lôgic trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Từ sự phân tích những khái niệm cơ bản đó chuyên đề còn giúp người học những kiến thức mới và cập nhật liên quan đến lĩnh vực luật học. Một số vấn đề đặt ra ở chuyên đề này có tính gợi mở cho sinh viên những cách tiếp cận khác nhau về tri thức pháp lý để sinh viên hiểu bản chất của loại tri thức này	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
81.	Triết học logic và các phương pháp logic biện chứng	Cung cấp cho sinh viên ngành triết học những hiểu biết chủ yếu về quan hệ giữa lôgic học và triết học, những suy ngẫm triết học về lôgic học trên hai phương diện: <i>thứ nhất</i> , tác động của lôgic học đến triết học, lôgic học mang lại gì cho triết học và, <i>thứ hai</i> , cơ sở triết học của lôgic học hiện đại (bao gồm cả lôgic học biện chứng). Bước đầu đánh giá vị trí, vai trò của lôgic trong hệ thống các khoa học. Học phần này còn giúp nâng cao khả năng tư duy lôgic cho người học thông qua việc nắm vững các nguyên tắc phương pháp luận và phương pháp của logic biện chứng như Đi-từ-trừ-tượng đến cụ thể và Thống nhất lịch sử - lôgic	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
82.	Vấn đề khái niệm trong logic học	Chuyên đề cung cấp cho sinh viên những kiến thức có hệ thống và chuyên sâu những nội dung cơ bản của lý thuyết về khái niệm như: về sự hình thành và phát triển của khái niệm trong lịch sử triết học; Sự khác nhau và mối liên hệ của các hình thức khái niệm trong lôgic học hình thức và lôgic học biện chứng	2	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

	<b>V.3 Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>10</b>		
83.	Thực tập chuyên môn	Học phần cung cấp nội dung, phương pháp dạy học, những hình thức tổ chức dạy học các môn thuộc lĩnh vực khoa triết học. Qua đó, sinh viên có khả năng tiến hành soạn bài, giảng thử, tổ chức thảo luận, ôn tập, kiểm tra đánh giá Học phần	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
84.	Thực tập tốt nghiệp	Học phần nhằm giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học, gắn lý luận với thực tiễn để nghiên cứu và đưa ra những giải pháp để giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội trên mọi mặt của đời sống xã hội. Phát hiện và bước đầu phân tích, đưa ra các đánh giá, nhận định các vấn đề đã và đang tồn tại của thực tiễn và đưa ra các giải pháp, các dự đoán trong tương lai	3	HK8	Điểm báo cáo thực tập
85.	Khóa luận tốt nghiệp	Đánh giá tổng quát năng lực học tập, phương pháp nghiên cứu và kiến thức mà sinh viên tích lũy được trong toàn khóa học	5	HK8	Điểm báo cáo bảo vệ trước hội đồng
	<i>Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>			HK8	
86.	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chuyên sâu, có hệ thống về triết học Mác - Lênin, giúp cho sinh viên có một cái nhìn tổng quan nhất về các nguyên lý cơ bản, các phạm trù, quy luật của phép biện chứng duy vật, các vấn đề về bản thể luận, nhận thức luận cũng như những vấn đề triết học xã hội, các quy luật cơ bản của đời sống xã hội	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

87.	Triết học phương Đông và Triết học phương Tây	Tổng kết cho sinh viên của khoa (những sinh viên không có điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp) những kiến thức cơ bản về triết học Trung Hoa, triết học Ấn Độ, tư tưởng triết học Việt Nam, triết học phương Tây cổ - trung đại, triết học phương Tây cận đại, triết học phương Tây hiện đại vốn đã từng được giảng dạy trong các học kỳ trước, nay được điểm và ôn lại những nét chính. Qua đó, sinh viên ý thức được rằng triết học là lịch sử triết học. Triết học của nhân loại có bề dày lịch sử hơn hai ngàn năm với những triết thuyết tiêu biểu vẫn đang tác động, ảnh hưởng tới tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại hiện nay. Không có nền tảng kiến thức vững chắc về lịch sử triết học, sinh viên sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp thu những kiến thức triết học hiện đại	2	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
-----	---	--	---	-----	--

## C16. Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt

### 1. Cử nhân Việt Nam học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khôi kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Tiếng Anh B1		5		
7.	Tiếng Trung B1		5		

<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
	<b>Các học phần ngoại ngữ bắt buộc cho hướng CN A (SV VN)</b>				
8.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2				
	<b>Các học phần ngoại ngữ bắt buộc cho hướng CN B (SV NN)</b>				
10.	Tiếng Việt nâng cao 2 (nghe-nói)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giao tiếp tiếng Việt thường ngày với các chủ đề liên quan đến các hoạt động hàng ngày như: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những nội dung liên quan đến bản thân, cá nhân như: tên, tuổi, quốc tịch, nghề nghiệp ..v.v.</li> <li>- Nội dung liên quan đến gia đình, người thân hay bạn bè.</li> <li>- Nội dung liên quan đến nhà ở, đồ vật</li> <li>- Những nội dung liên quan đến đời sống, sinh hoạt hàng ngày, như đi mua sắm, ăn uống, vào nhà hàng, cửa hàng, cửa hiệu ... v.v.</li> <li>- Một số nội dung liên quan đến công việc, học tiếng Việt.</li> <li>- Nội dung liên quan đến tham quan, du lịch.</li> <li>- Nội dung liên quan đến giải trí, thể thao.</li> <li>- Nội dung liên quan đến giao thông, đi lại.</li> <li>- Nội dung liên quan đến sức khỏe, bệnh tật và dịch vụ y tế...</li> </ul> Đồng thời tập trung rèn luyện kỹ năng nghe, kỹ năng nói để phát triển khả năng thực hành nghe và thực hành nói tiếng Việt cho người học.	4		Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
11.	Tiếng Việt nâng cao 3	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu trúc câu	5		Thường xuyên: 10%

	(ngữ pháp -viết)	<p>tiếng Việt, kĩ năng viết câu, cách dùng dấu chấm câu, về cấu trúc đoạn văn, bài văn, về các kĩ năng viết đoạn văn, bài văn. Đồng thời cũng củng cố và bổ sung thêm những hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong quá trình học viết câu, bài, đoạn. Giúp cho người học phân biệt rõ ràng sự khác nhau của văn phong nói và văn phong viết. Trên cơ sở đó, người học sử dụng những kiến thức đã thu nhận được để viết đúng ngữ pháp, trình bày câu, đoạn văn, bài văn theo phong cách viết tiếng Việt.</p> <p>Qua các bài tập viết, trang bị cho người học một số kiến thức về cuộc sống, con người, đất nước ta... v.v. Từ đó, giúp người học hiểu thêm về tiếng Việt, về đất nước và con người Việt Nam.</p>			<p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
12.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	
13.	Nhập môn Việt Nam học và Khu vực học	Học phần cung cấp một cách có hệ thống và khái quát những tri thức cơ bản về đối tượng, vai trò, phương pháp tiếp cận của ngành Việt Nam học. Học phần đồng thời cũng giới thiệu một cách khái quát về lịch sử phát triển, những thành tựu của ngành Việt Nam học ở nước ta và một số nước trên thế giới, chủ yếu là những kết quả nghiên cứu Việt Nam học từ thế kỉ XVI đến nay	3	HK1	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
14.	Dẫn luận ngôn ngữ học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK2	
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/33</b>		
15.	Quan hệ công chúng đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK4	
16.	Mỹ học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Triết học	3	HK4	
17.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
18.	Phong cách học tiếng Việt	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Ngôn ngữ học	3	HK4	
19.	Việt ngữ học đại cương		3	HK4	
20.	Nghệ thuật học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Văn học	3	HK4	
21.	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	

22.	Tâm lí học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lí học	3	HK4	
23.	Nhập môn khoa học du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK4	
24.	Đại cương về quản trị kinh doanh		3	HK4	
25.	Lịch sử Việt Nam đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Lịch sử	3	HK4	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
26.	Những hiện tượng văn chương Việt Nam hiện đại	Học phần cung cấp các kiến thức về một số hiện tượng văn học nổi bật từ thời kỳ đổi mới đến nay, từ đó nhìn nhận, đánh giá về xu hướng của một số hiện tượng văn học đương đại.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
27.	Lịch sử tiếng Việt	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử tiếng Việt như: nguồn gốc và sự phát triển của tiếng Việt trong lịch sử, các nhân tố tác động đến tiến trình phát triển của tiếng Việt, sự hình thành và phát triển chữ viết.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại	Giúp sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản liên quan đến chính trị, thể chế chính trị Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển của thể chế chính trị Việt Nam, cấu trúc của thể chế chính trị, cơ chế vận hành của thể chế chính trị Việt Nam hiện đại	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		6/18		
29.	Di tích và thắng cảnh Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên cái nhìn địa văn hóa về Việt Nam, hiểu biết về các di tích, danh lam thắng cảnh quan trọng của Việt Nam, cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về lịch sử, địa lý, du lịch nhằm nâng cao năng lực nhận biết và bảo tồn di sản văn hóa	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
30.	Văn học Việt Nam trong thế giới Đông Á	Học phần hướng đến giới thiệu cho sinh viên mảng tri thức về văn học Việt Nam trong sự giao lưu, ảnh hưởng với một số đặc điểm nổi bật của nền văn học Đông Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên), đồng thời cung cấp tư liệu, hệ thống hoá những chủ	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		điểm quan trọng của văn học Việt Nam đúc kết từ quá trình giao lưu, ảnh hưởng, tiếp biến và sáng tạo văn học. Sinh viên được hướng dẫn tiếp cận môn học từ góc độ nghiên cứu khu vực nhiều hơn góc độ khoa học ngữ văn. Sau học phần này, sinh viên sẽ biết cách tìm hiểu các giá trị Việt Nam học thông qua một số tác gia, tác phẩm tiêu biểu nhất cho bản chất, tinh hoa, tư duy nghệ thuật ngôn từ của người Việt. Ngoài ra, sinh viên cũng được rèn luyện để biết cách tìm hiểu văn học Việt Nam trung đại từ mối liên hệ với lịch sử, văn hóa, địa chính trị, sắc thái ngôn ngữ tiếng Việt cũng như bước đầu hiểu được quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa văn học Việt Nam trong khu vực Đông Á.			
31.	Lễ hội trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK5	
32.	Lý thuyết và thực hành dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về lý thuyết dịch: các khái niệm, đối tượng, bản chất quá trình dịch, các hình thức dịch, các giai đoạn của quá trình dịch, nghĩa ngôn ngữ và quá trình dịch, các phương pháp, thủ pháp dịch, chuẩn mực của việc dịch, các yêu cầu đối với người dịch và đánh giá bản dịch. Bên cạnh đó, môn học rèn luyện cho người học khả năng ứng dụng các lý thuyết dịch vào việc dịch một số loại hình cụ thể như: dịch viết, dịch nói, dịch trực tiếp, v.v. từ tiếng Việt sang tiếng khác và ngược lại.</li> <li>- Sinh viên có thể dựa vào các kinh nghiệm của giảng viên hoặc kinh nghiệm rút ra từ các nghiên cứu về dịch thuật để khám phá những nguyên tắc sẽ được chứng minh và củng cố trong thực hành.</li> <li>- Sinh viên có khả năng phân tích bản dịch tiếng Việt.</li> <li>- Sinh viên phải nhận ra được các chiến lược và phương pháp đã được người dịch áp dụng trong bản dịch để phân tích các từ ngữ cụ thể.</li> </ul>	3	HK5	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
33.	Kinh tế Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nền kinh tế và những mối quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam. Sau khi hoàn thành môn học sinh viên hiểu được cơ chế vận hành của nền kinh tế Việt Nam, từ đó có thể tiếp tục mở rộng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến sự phát triển của các nền kinh tế khác.	3	HK5	<p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

34.	Truyền thông đại chúng ở Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về truyền thông và truyền thông đại chúng, môi trường truyền thông đại chúng ở Việt Nam đồng thời nắm vững, hiểu và lý giải được sự hình thành, đặc trưng đặc điểm loại hình và xu hướng phát triển của các loại hình truyền thông đại chúng ở Việt Nam, hiểu được vị trí và vai trò của truyền thông đại chúng trong đời sống xã hội Việt Nam. Sinh viên cũng hình thành kỹ năng nhận diện hoạt động của các loại hình truyền thông đại chúng ở Việt Nam, vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn để lý giải cho sự vận động và phát triển của lĩnh vực truyền thông đại chúng ở Việt Nam.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/18		
35.	Tổ chức sự kiện	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK6	
36.	Kinh tế du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK6	
37.	Văn hóa du lịch		3	HK6	
38.	Các vấn đề toàn cầu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK6	
39.	Chính sách công của Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK6	
40.	Hành vi con người và môi trường xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Công tác xã hội	3	HK6	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>52</b>		
<i>V.1.</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>20</b>		
41.	Các tộc người Việt Nam	Học phần này cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về dân tộc học và về các dân tộc Việt Nam. Ở phần dân tộc học, học phần này trang bị kiến thức đại cương như khái niệm, nhiệm vụ, một số phương pháp nghiên cứu trong dân tộc học, cung cấp kiến thức cơ bản về các chủng tộc và các hệ ngôn ngữ chính trên thế giới, các tiêu chí phân loại tộc người. Về phần các dân tộc Việt Nam, môn học trình bày về cách phân nhóm các dân tộc Việt Nam theo ngữ hệ, sau đó, giới thiệu sơ lược về từng dân tộc, với các nội dung cụ thể là văn hóa sản xuất, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa vật chất.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



42.	Du lịch Việt Nam	Môn học nhằm trang bị cho người học những vấn đề cơ bản của Du lịch Việt Nam: định nghĩa, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, tổng quan về du lịch Việt Nam, tài nguyên du lịch, trên cơ sở đó giúp người học xác định được những đặc điểm cơ bản của các vùng du lịch, các điểm du lịch tiêu biểu, các loại hình du lịch chính ở Việt Nam.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Địa lý Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về địa lý tự nhiên, xã hội của Việt Nam trong cái nhìn tổng quan về Việt Nam học. Học phần cũng cung cấp những kiến thức chi tiết về các vùng địa lý tự nhiên của Việt Nam.	2	HK1	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Làng xã Việt Nam	Trang bị kiến thức về Làng xã Việt Nam như quá trình hình thành và phát triển làng xã trong lịch sử, hiểu rõ những đặc điểm về bộ máy quản lý làng xã, mối quan hệ giữa làng và nước, cư dân, kết cấu kinh tế, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng trong làng xã. Từ đó, sinh viên có thể nhận rõ vai trò của làng xã trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
45.	Mỹ thuật và kiến trúc Việt Nam	Trang bị những kiến thức cơ bản về kiến trúc mỹ thuật Việt Nam truyền thống và hiện đại trên các phương diện: khái niệm, lược sử Mỹ thuật và Kiến trúc qua các thời kỳ lịch sử, các loại hình Mỹ thuật và kiến trúc	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam	Cung cấp hệ thống kiến thức nền tảng, chuyên sâu và cách tiếp cận chuyên ngành, liên ngành về nghệ thuật biểu diễn truyền thống của Việt Nam, giúp sinh viên nhận diện, phân biệt và có thể nghiên cứu được một số thể loại nghệ thuật biểu diễn truyền thống tiêu biểu ở các miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Việt Nam và Đông Nam Á: Những vấn đề lịch sử, văn hóa và xã hội	Những vấn đề lịch sử, văn hóa và xã hội: Môn học cung cấp cho sinh viên những đặc điểm chung của các nước trong khu vực Đông Nam Á và những đặc điểm đặc thù của mỗi nước, làm nổi bật tính đa dạng của văn hóa Đông Nam Á. Từ đó lý giải những đặc điểm xã hội để nhận thức được về vị thế của Việt Nam tổng cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2.	<b>Các học phần bắt buộc cho hướng</b>		<b>18</b>		

<b>CNA(SVNN)</b>					
48.	Tiếng Anh chuyên ngành Việt Nam học 1	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Việt Nam học, đồng thời giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh như một phương tiện tiếp cận, nghiên cứu những sách báo, tài liệu chuyên ngành Việt Nam học bằng tiếng Anh	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
49.	Tiếng Anh chuyên ngành Việt Nam học 2	Môn học là phần tiếp theo của môn tiếng Anh chuyên ngành Việt Nam học 1 nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Việt Nam học, đồng thời giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh như một phương tiện tiếp cận, nghiên cứu những sách báo, tài liệu chuyên ngành Việt Nam học bằng tiếng Anh	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Tiếng Anh chuyên ngành Việt Nam học 3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Việt Nam học, đồng thời giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh như một phương tiện tiếp cận, nghiên cứu những sách báo, tài liệu chuyên ngành Việt Nam học bằng tiếng Anh	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Hà Nội học	Trang bị cho người học tri thức cơ bản về Hà Nội học như: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các vấn đề cơ bản của Hà Nội học trong mối tương quan với Việt Nam học trên các phương diện: vị trí địa lý, lịch sử hình thành và phát triển con người, kinh tế, ngôn ngữ và văn hóa Thăng Long – Hà Nội	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Marketing du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK4	
53.	Nhập môn Quản trị văn phòng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK7	
V.2.	<b>Các học phần bắt buộc cho hướng CNB (SVNN)</b>		<b>18</b>		
54.	Tiếng Việt chuyên ngành 1: Văn hoá - Lịch sử.	Học phần “Tiếng Việt chuyên ngành 1 (văn hóa – lịch sử) cung cấp và trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về văn hóa – lịch sử của đất nước Việt Nam thông qua những bài đọc tiếng Việt. Ngoài những tri thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cơ bản, học phần này còn trang bị cho người học vốn từ vựng và những cấu trúc ngữ pháp phổ biến, thường xuất hiện trong các văn bản về văn hoá – lịch sử. Các bài đọc tiếng Việt về văn hóa – lịch sử	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Việt Nam được biên soạn theo xu hướng mở, nên bên cạnh việc học tiếng Việt chuyên ngành trên lớp, các sinh viên còn tham gia các buổi thảo luận xung quanh các vấn đề về lịch sử và văn hoá mà họ đã học và được tham gia các buổi học dã ngoại, thăm các viện bảo tàng lịch sử, bảo tàng văn hoá, giao lưu với người Việt Nam để nâng cao trình độ tiếng Việt và hiểu biết thêm về đất nước và con người Việt Nam.			
55.	Tiếng Việt chuyên ngành 2: Ngôn ngữ - Văn học.	Thông qua các bài đọc cụ thể, học phần cung cấp và trang bị cho người học những kiến thức nhập môn về văn học và ngôn ngữ học theo định hướng: a) bổ sung vốn từ thường dùng trong chuyên ngành ngôn ngữ học nói chung, trong ngành Việt ngữ học nói riêng và b) vốn từ thường dùng trong văn học và nghiên cứu văn học, đồng thời giới thiệu một số đặc trưng nổi bật của ngôn ngữ văn học về cách biểu đạt, miêu tả, ... tạo điều kiện cho người học có thể tiếp xúc với các văn bản nghiên cứu, sáng tác văn học thuộc các thể loại tiêu biểu nhất. Do mục tiêu quan trọng nhất của học phần là cung cấp kiến thức nhập môn về ngôn ngữ học và văn học nên bài giảng được xây dựng như những bài học tiếng Việt chuyên ngành, trên quan điểm “tạo môi trường cho sự xuất hiện, sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành” chứ không phải là những bài giảng chuyên ngành về ngôn ngữ học, hay văn học.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Tiếng Việt chuyên ngành 3: Kinh tế - Xã hội.	Học phần Tiếng Việt chuyên ngành : kinh tế - xã hội cung cấp và trang bị cho sinh viên vốn từ vựng và những cấu trúc cơ bản về các chủ đề có liên quan đến xã hội, chính trị, kinh tế, pháp luật, du lịch, môi trường, hệ thống giáo dục của Việt Nam, truyền thông, khoa học kỹ thuật, thể thao, ngoại giao, những tác động đối với Việt Nam trước sự thay đổi về khí hậu cũng như toàn cầu hoá, các khó khăn thách thức mà quốc gia cũng như Việt Nam phải đối mặt trong thời kỳ hiện nay. Học phần cũng trang bị cho người học những phong cách ngôn ngữ cơ bản của mỗi loại hình văn bản liên quan đến các chủ đề, cách sử dụng các thuật ngữ, các từ chuyên biệt, các kết cấu đặc trưng của mỗi loại văn bản. Qua đó, rèn luyện kỹ năng viết các bài chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên cách thức tổ chức mô hình học tập theo nhóm qua các buổi thảo luận, các kỹ năng về thuyết trình, điều tra thông tin và tra cứu thông tin trên trang Web nhằm giúp các em	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		học có hiệu quả hơn....			
57.	Ngữ âm tiếng Việt thực hành	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về ngữ âm và cơ cấu ngữ âm tiếng Việt, nhất là những đặc trưng âm thanh của một ngôn ngữ có thanh điệu như tiếng Việt. Đồng thời, thông qua việc hiểu và nắm vững kiến thức ngữ âm tiếng Việt, từ góc độ thực hành môn học còn trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để người học có thể tự điều chỉnh năng lực sử dụng tiếng Việt trên bình diện phát âm. Trong đó, học phần đặc biệt chú ý đến việc giới thiệu những nội dung liên quan đến các đơn vị ngữ âm tiếng Việt ở cấp độ trên âm tiết (thuộc bình diện sản sinh ngôn ngữ hay lời nói), chẳng hạn các đơn vị như trọng âm, nhịp và ngữ điệu ... v.v.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
58.	Ngữ pháp tiếng Việt thực hành	Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt, trên các địa hạt của ngữ pháp như: + Từ loại và chức năng ngữ pháp của từ. + Từ pháp + Cú pháp	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Từ vựng tiếng Việt thực hành	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của từ vựng tiếng Việt như từ đơn, từ ghép, từ láy, thành ngữ, từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ địa phương... - Trang bị cho người học một số vấn đề về việc dùng từ, nhằm giúp cho người học biết cách sử dụng từ ngữ tiếng Việt một cách chính xác, phù hợp, tránh những lỗi dùng từ không đáng có.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.4</b>	<b>Các học phần tự chọn chung</b>		6/18		
60.	Các chương trình quan hệ công chúng	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK7	
61.	Phương pháp giảng tiếng Việt cho người nước ngoài	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy tiếng trên thế giới và ứng dụng vào việc dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. Đồng thời giúp sinh viên hiểu được quá trình phát triển của ngôn ngữ học dạy tiếng và nội dung các phương pháp dạy tiếng: Phương pháp ngữ pháp – dịch, Phương pháp trực tiếp, Phương pháp nghe – nói,...	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	Môn học trang bị những kiến thức bổ trợ cho sinh viên chuyên ngành Việt Nam học. Môn học này trang bị những kiến thức cơ	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

		bản về văn hóa ẩm thực của Việt Nam dưới tiếp cận khu vực học. Môn học này cung cấp các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, xác định được vị thế và đặc trưng của văn hóa ẩm thực vùng miền ở Việt Nam và những yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến ẩm thực			Thi cuối kỳ: 60%
63.	Motif văn học dân gian Việt Nam và Đông Nam Á	Sinh viên nắm được kiến thức dẫn luận về văn học dân gian, hệ thống khái niệm cơ bản của khoa học nghiên cứu Văn học dân gian và folklore, các phương pháp, các thao tác khoa học để tiếp cận đối tượng văn học dân gian. Trang bị kiến thức cho sinh viên về khoa học phân loại, phân kì, phân vùng văn học dân gian người Việt cũng như kiến thức bước đầu về văn học dân gian các tộc người khác của dân tộc Việt Nam thống nhất. Trang bị cho sinh viên kiến thức về các thể loại thuộc các loại hình tự sự, trữ tình và sân khấu dân gian.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
64.	Chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới	Mục tiêu chính của học phần là cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn Đổi mới bao gồm cơ sở lý luận và thực tiễn, nguyên nhân, những nội dung chính của chính sách đối ngoại đổi mới và kết quả thực hiện, từ đó giúp người học hiểu được bản chất hòa bình, độc lập tự chủ, đa phương hóa-đa dạng hóa của chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
65.	Đô thị và biến đổi đô thị ở Việt Nam	Mục tiêu chính của học phần là nhận diện và làm rõ các quá trình đô thị hóa và biến đổi đô thị ở Việt Nam. Phân tích các nghiên cứu quan trọng của các nhà khoa học và tư tưởng kinh điển, đương đại liên quan đến nghiên cứu đô thị trên thế giới và ở Việt Nam. Phân tích các chủ đề quan trọng, các thảo luận lý thuyết trong nghiên cứu về đô thị và thành phố, như quy hoạch, phát triển kinh tế, giao thông, lối sống, di sản văn hóa, môi trường, sức khỏe, các vấn đề xã hội và tội phạm, v.v.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.5	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		8		
66.	Thực tập, thực tế	Học phần mang đến cho người học cơ hội kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn. Trên cơ sở những kiến thức đã được trang bị từ các	3	HK7	

		học phần trong chương trình đào tạo, người học sẽ được thực tập các nội dung cơ bản trên thực tiễn của ngành, nghề thông qua một số các hình thức: 1: đi thực tế tập trung tại các địa danh văn hoá và các di tích lịch sử để tìm hiểu về đặc trưng văn hoá các vùng, miền, các tộc người ở Việt Nam; 2: thực tập tại các công ty, cơ quan, viện nghiên cứu liên quan đến ngành đào tạo Việt Nam học; 3: thực tập dạy tại các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài; 4: thực tập tại các công ty và các dự án du lịch. Do đó, mục tiêu học phần nhằm mở rộng, bổ sung kiến thức về di tích lịch sử, văn hoá của địa phương, so sánh về đặc trưng văn hoá các vùng, miền, tộc người ở Việt Nam; hỗ trợ người học vận dụng được lý thuyết vào nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề thuộc Việt Nam học.			
67.	Khoá luận tốt nghiệp		5	HK8	
	<i>Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>				
68.	Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	Sinh viên nắm được các đặc điểm cơ bản của tiếng Việt về các phương diện như: Đặc điểm loại hình tiếng Việt, đặc điểm hệ thống ngữ âm tiếng Việt, đặc điểm hệ thống từ vựng tiếng Việt, đặc điểm hệ thống ngữ pháp tiếng Việt. Về văn hoá, sinh viên sẽ hiểu biết sâu thêm các nội dung của văn hoá Việt Nam về các lớp văn hoá như: Lớp văn hoá bản địa, lớp văn hoá giao lưu với văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ, lớp văn hoá giao lưu với phương tây và thế giới, vấn đề văn hoá truyền thống và xã hội Việt Nam hiện đại	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
69.	Một số vấn đề Việt Nam đương đại	Sinh viên được trang bị kiến thức một cách hệ thống về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam (hoàn cảnh, diễn trình, nguyên nhân thành bại); tác động của những điều kiện địa-chính trị, địa-kinh tế, địa-văn hoá,... của xã hội đương thời với các cuộc kháng chiến chống xâm lược đó; và những đặc điểm nghệ thuật quân sự nổi bật của dân tộc. Đồng thời sinh viên được trang bị các kiến thức về một số vấn đề nổi bật trong xã hội Việt Nam đương đại	3	HK8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

### C17. Khoa Xã hội học

## 1. Cử nhân Công tác xã hội

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Tiếng Anh B1		5		
7.	Tiếng Trung B1		5		
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
8.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1				
10.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2				
11.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		

13.	Công tác xã hội đại cương	Học phần cung cấp cho người học những nội dung kiến thức chung nhất và cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành nghề CTXH, người học nắm được lịch sử hình thành và phát triển CTXH trên thế giới cũng như ở Việt Nam cũng như cung cấp các cơ sở khoa học của ngành CTXH dựa trên những lý thuyết khoa học xã hội và các phương pháp, kỹ năng CTXH được sử dụng trong các lĩnh vực thực hành CTXH trên các nhóm đối tượng yếu thế. Từ đó hình thành thái độ và đạo đức của người làm CTXH.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Học phần giúp sinh viên hiểu được về dữ liệu, quy trình xử lý dữ liệu và sử dụng được những tính năng cơ bản của phần mềm xử lý số liệu SPSS để tự mã hóa, nhập, biết cách xử lý dữ liệu, đọc và phân tích được dữ liệu đã xử lý. Sinh viên cũng nắm được cách thức trình bày và diễn giải dữ liệu đã xử lý trong báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp hay nghiên cứu khoa học.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
III.2	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/27</b>		
15.	Dân số học đại cương	Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần xã hội học dân số học, nắm được các khái niệm cơ bản về dân số, các học thuyết về dân số, vận dụng được các lý thuyết để giải thích các vấn đề dân số.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
16.	Gia đình học	Học phần gia đình học sẽ giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm và lý thuyết cơ bản của chuyên ngành nghiên cứu gia đình, phân biệt được các cách tiếp cận khác nhau nghiên cứu về gia đình, vận dụng các quan điểm lý thuyết để giải thích các vấn đề liên quan đến gia đình; sử dụng được các phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu gia đình và có khả năng đánh giá tác động của gia đình đối với cá nhân và xã hội.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
17.	Tâm lý học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK4	
18.	Tâm lý học giao tiếp		3	HK4	
19.	Các lý thuyết quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK4	



20.	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK4	
21.	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	
22.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
23.	Quan hệ công chúng đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quan hệ công chúng	3	HK4	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<i>IV.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>9</b>		
24.	Hành vi con người và môi trường xã hội	Hoàn thành môn học sinh viên nắm được các khái niệm, định nghĩa, nêu được các quan điểm, lý thuyết, phương pháp, các nguyên tắc nghiên cứu hành vi con người trong môi trường xã hội. Trên cơ sở đó, sinh viên biết nhận xét, đánh giá các ưu, nhược điểm trong tiếp cận nghiên cứu hành vi con người. Sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt các cách tiếp cận, các kiến thức đã học khi phân tích hành vi con người trong các nhóm đối tượng yếu thế.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25.	Phát triển cộng đồng	Trang bị cho người học những nội dung kiến thức chung nhất và cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành nghề Phát triển cộng đồng - một ngành nghề trong hệ thống các Khoa học xã hội và nhân văn.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26.	Chính sách xã hội	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận cơ bản liên quan đến chính sách xã hội và kiến thức có tính hệ thống về xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Học phần cũng đặt mục tiêu giúp sinh viên hiểu sâu một số chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<i>IV.2</i>	<i>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</i>		<b>6</b>		

	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		6/12		
27.	An sinh xã hội	Học phần giúp cho sinh viên hiểu lịch sử và khái niệm về hệ thống an sinh xã hội, tính chất của bộ máy an sinh xã hội quốc gia, sự cần thiết của hệ thống an sinh xã hội trong 1 quốc gia nhằm không chỉ giải quyết mà còn phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của các vấn đề xã hội trong bối cảnh phát triển xã hội. Nắm bắt được hệ thống an sinh xã hội nước ta, một số chính sách an sinh xã hội cụ thể.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Quản lí ca	Học phần giúp cho sinh viên hiểu lịch sử và khái niệm về hệ thống an sinh xã hội, tính chất của bộ máy an sinh xã hội quốc gia, sự cần thiết của hệ thống an sinh xã hội trong 1 quốc gia nhằm không chỉ giải quyết mà còn phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của các vấn đề xã hội trong bối cảnh phát triển xã hội. Nắm bắt được hệ thống an sinh xã hội nước ta, một số chính sách an sinh xã hội cụ thể.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Công tác xã hội trong trường học	Khóa học giúp học viên có khả năng ứng dụng các kiến thức, kỹ năng, giá trị và đạo đức nghề nghiệp của CTXH trong môi trường học đường. Trong khóa học này, người học sẽ được làm quen với đặc thù của lĩnh vực CTXH trong trường học, các kiến thức và kỹ năng giúp người học tiếp cận và làm việc với học sinh ở các độ tuổi khác nhau, nhận diện các vấn đề phổ biến trong trường học Việt Nam hiện nay; học cách vận dụng một cách thực tế và thấu đáo các mô hình can thiệp phổ biến hiện nay trong CTXH tại trường học, rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, sự cam kết với nguyên tắc đạo đức và cách giải quyết với các thách thức về đạo đức nghề CTXH nói chung cũng như đạo đức nghề CTXH trong môi trường học đường nói riêng trong các tình huống thực tế.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
30.	Công tác xã hội trong bệnh viện	Học phần giúp sinh viên có khả năng ứng dụng các kiến thức, kỹ năng, giá trị và đạo đức nghề nghiệp của CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe (CSSK). Trong khóa học này, người học sẽ được làm quen với đặc thù của lĩnh vực CTXH trong Y tế nói chung và trong bệnh viện nói riêng, các kiến thức và kỹ năng giúp người học tiếp cận và can thiệp với các nhóm bệnh nhân	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		khác nhau, nhận diện các vấn đề phổ biến trong chăm sóc sức khỏe ở Việt Nam hiện nay; học cách vận dụng một vào thực tế các các mô hình CTXH phổ biến hiện nay trong lĩnh vực này; đồng thời rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, sự cam kết với nguyên tắc đạo đức và cách giải quyết với các thách thức về đạo đức nghề CTXH nói chung cũng như đạo đức nghề CTXH trong môi trường y tế nói riêng trong các tình huống thực tế.			
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/24		
31.	Tham vấn nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK5	
32.	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn		3	HK5	
33.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Sinh viên nắm được các mô hình của truyền thông và truyền thông đại chúng, các chức năng của truyền thông đại chúng và tác động của nó đến dư luận xã hội, các hướng nghiên cứu trong xã hội học về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
34.	Nhân học sinh học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK5	
35.	Tâm lý học phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK5	
36.	Tâm lý học quản lý		3	HK5	
37.	Tâm lý học lâm sàng		3	HK5	
38.	Xã hội học tôn giáo	Học phần Xã hội học tôn giáo sẽ giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm và lý thuyết cơ bản của chuyên ngành xã hội học tôn giáo, phân biệt được cách tiếp cận xã hội học tôn giáo và các cách tiếp cận của các khoa học khác cũng nghiên cứu về tôn giáo, vận dụng các quan điểm lý thuyết xã hội học để giải thích các sự kiện, hiện tượng tôn giáo trong xã hội, sử dụng được các phương pháp thu thập thông tin của xã hội học trong nghiên cứu tôn giáo và có khả năng đánh giá tác động của xã hội tới tôn giáo và tác động của tôn giáo tới xã hội.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>50</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>31</b>		
39.	Lí thuyết công tác xã hội	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức về các lý thuyết và mô hình của công tác xã hội, qua đó sinh viên biết cách áp dụng lý thuyết công tác xã hội vào phân tích và lập kế hoạch can thiệp cụ thể với các thân chủ, với các nhóm và cộng đồng. Đồng thời, qua việc xem xét đánh giá những lý thuyết và mô hình khác nhau trong công tác xã hội, sinh viên sẽ biết cách đưa ra những cách thức lý luận khác nhau, áp dụng các mô hình lý luận khác nhau về hoạt động thực hành của công tác xã hội; học cách vận dụng một cách thực tế và thấu đáo các các mô hình can thiệp phổ biến hiện nay trong CTXH, rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, sự cam kết với nguyên tắc đạo đức và cách giải quyết với các thách thức về đạo đức nghề CTXH trong khi phân tích và áp dụng các lý thuyết và mô hình CTXH.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Đạo đức nghề nghiệp	Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức về những giá trị, nguyên tắc đạo đức của công tác xã hội với tư cách một khoa học và một nghề chuyên môn. Các tình huống nhạy cảm đạo đức trong bối cảnh Việt Nam và những hướng giải quyết phù hợp sẽ được phân tích trong các tình huống thực tế, góp phần giúp người học có năng lực giải quyết các vấn đề của thân chủ một cách đúng nguyên tắc trong thực tiễn. Thông qua học phần, người học cũng hiểu được tầm quan trọng của việc tuân thủ giá trị, nguyên tắc nghề nghiệp đối với sự an toàn cho bản thân và thân chủ.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

41.	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu công tác xã hội, việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng vào nghiên cứu những giải pháp cho những vấn đề của con người và xã hội, hướng đến mục tiêu nhận diện những vấn đề xã hội và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn xã hội liên quan đến các cá nhân, nhóm cộng đồng yếu thế trong thực tiễn xã hội hiện nay.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Công tác xã hội với cá nhân	Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu hơn về phương pháp can thiệp với cá nhân trong Công tác xã hội. Trong khóa học này, sinh viên sẽ được tìm hiểu và vận dụng các kiến thức về tiến trình CTXH cá nhân, các lý thuyết, mô hình, kỹ năng và kỹ thuật ứng dụng trong can thiệp với cá nhân. Đồng thời, sinh viên cũng được học cách vận dụng những kiến thức đã học vào can thiệp một trường hợp trong thực tế, rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp với sự cam kết và đảm bảo nguyên tắc đạo đức nghiệp.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Công tác xã hội với nhóm	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về năng động nhóm, các giai đoạn và tiến trình công tác xã hội nhóm. Người học có khả năng phát hiện, chẩn đoán những vấn đề của các nhóm xã hội có thể ứng dụng cách can thiệp của tiến trình công tác xã hội nhóm một cách hiệu quả. Người học có khả năng vận dụng các bước của tiến trình công tác xã hội nhóm cũng như các kỹ năng và kỹ thuật trong trị liệu nhóm vào giải quyết những vấn đề xã hội liên quan đến các cá nhân, nhóm, cộng đồng yếu thế, dễ bị tổn thương trong thực tiễn xã hội hiện nay.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Tham vấn trong công tác xã hội	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học tham vấn và các liệu pháp trị liệu tâm lý, trong đó chú ý đến việc nâng cao các kiến thức về mối quan hệ giữa nhân viên CTXH với thân chủ, các kỹ năng tham vấn cơ bản và chu trình thực hiện các bước trong một quá trình tham vấn, trị liệu trong CTXH. Thông qua những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể thực hành các bài tập trải nghiệm quá trình làm tham vấn, trị liệu với đối tượng	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		của CTXH.			
45.	Thực hành công tác xã hội cá nhân	Học phần nhằm giúp người học áp dụng những kiến thức, lý thuyết, kỹ năng, kỹ thuật can thiệp trong phương pháp CTXH cá nhân vào một trường hợp thân chủ cụ thể trong thực tế tại các cơ sở thực tập. Đó cũng là cơ hội để người học rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp với sự cam kết và đảm bảo nguyên tắc đạo đức nghiệp	3	HK hè sau kỳ 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Thực hành công tác xã hội nhóm	Học phần này nhằm mục đích giúp cho sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý thuyết, các phương pháp, kỹ năng, kỹ thuật của công tác xã hội nhóm trong việc xây dựng và thực hiện một kế hoạch can thiệp ở cấp độ nhóm với những vấn đề xã hội của những cá nhân, nhóm và cộng đồng xã hội yếu thế.	3	HK hè sau kỳ 5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Thực hành phát triển cộng đồng	Học phần này nhằm mục đích giúp cho sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý thuyết, các phương pháp, kỹ năng, kỹ thuật của phát triển cộng đồng trong việc xây dựng dự án phát triển cộng đồng và thực hiện tiến trình phát triển cộng đồng để giải quyết vấn đề ưu tiên của cộng đồng.	4	HK hè sau kỳ 4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Quản trị ngành công tác xã hội	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng trong công tác quản trị một tổ chức (tổ chức xã hội/cơ sở xã hội) cung ứng dịch vụ phục vụ nhân sinh. Giúp sinh viên hiểu và vận dụng các lý thuyết quản trị trong việc thực hiện chức năng quản trị và tiến trình quản lý của một cơ sở (tổ chức) dịch vụ xã hội và những quan tâm của các cơ sở (tổ chức) xã hội trong việc quản trị các dịch vụ CTXH.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/27</b>		

49.	Công tác xã hội với người khuyết tật	Học phần này sẽ giúp cho người học có kiến thức, có hiểu biết về người khuyết tật, những khó khăn mà người khuyết tật gặp phải, quyền của người khuyết tật, mô hình chăm sóc, giáo dục người khuyết tật qua đó người học biết cách áp dụng lý thuyết, kỹ năng, phương pháp công tác xã hội khi làm việc với người khuyết tật.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
50.	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mục đích, nhiệm vụ của nhân viên CTXH làm việc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần. Cụ thể, cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành Chăm sóc sức khỏe tâm thần nói chung thông qua kiến thức được cung cấp: Khái niệm về SKTT, nguyên nhân và các phương pháp can thiệp và điều trị các rối loạn tâm thần nhằm phục hồi chức năng cho người bệnh tâm thần. Người học có được các kiến thức cơ bản về các rối loạn tâm thần thường gặp: Rối loạn tâm thần thực tổn, rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất gây nghiện, rối loạn phân liệt, rối loạn cảm xúc, rối loạn liên quan đến stress .... Thông qua những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể thực hành các bài tập trải nghiệm tiến trình chăm sóc SKTT với đối tượng tâm thần.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Công tác xã hội với trẻ em	- Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các kiến thức cơ bản, một cách có hệ thống về trẻ em, trẻ có nguy cơ, trẻ bị tổn thương, đặc tính tâm, sinh lý của trẻ, những nhu cầu của trẻ, Các vấn đề xã hội và chính sách xã hội, pháp luật dành cho trẻ; các mô hình, dịch vụ dành cho trẻ em; vai trò của NVCTXH trong làm việc và triển khai CTXH với trẻ em.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Công tác xã hội với người cao tuổi	Cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác xã hội (chủ yếu là các vấn đề liên quan đến sức khỏe) với người cao tuổi ở tầm vi mô và tầm vĩ mô nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi qua đó huy động được sự đóng góp của người cao tuổi cho xã hội.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Công tác xã hội với người có hành vi lệch	Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu biết về bản chất, phạm vi của những hành vi lệch chuẩn, những tác động của bối cảnh văn	3	HK6	Thường xuyên: 10%

	chuẩn	hóa- xã hội tới các cá nhân từ đó gây nên ở họ có những hành vi lệch chuẩn, các phác đồ đánh giá để hiểu vấn đề, cũng như các phương pháp can thiệp ở nhiều cấp độ trong trợ giúp những người có hành vi lệch chuẩn này. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng tiếp cận và làm việc với trẻ em, nhất là những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nhận diện các vấn đề phổ biến trong trẻ em Việt Nam hiện nay; học cách vận dụng một cách thực tế và thấu đáo các mô hình can thiệp phổ biến hiện nay trong CTXH dành cho trẻ em, rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, sự cam kết với nguyên tắc đạo đức và cách giải quyết với các thách thức về đạo đức nghề CTXH trong các tình huống thực tế. Học phần giúp sinh viên phát triển thái độ khách quan, khoa học, đúng đắn trong can thiệp và trợ giúp trẻ.			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
54.	Công tác xã hội với người nghèo	Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức về nghèo đói, một vấn đề gốc gây ra nhiều vấn đề khác trong xã hội. Thông qua môn học, tình hình nghèo đói trên thế giới và Việt Nam sẽ được mô tả, phân tích. Các đặc trưng tâm lý xã hội, nhu cầu của người nghèo ở Việt Nam cũng như hệ thống các chính sách, mô hình trợ giúp người nghèo được cung cấp với sự so sánh, tìm kiếm lỗ hổng giữa nhu cầu và chính sách, dịch vụ được cung cấp sẽ giúp sinh viên có những hiểu biết toàn diện về nghèo đói, từ đó lồng ghép, xây dựng các dự án để trợ giúp người nghèo, góp phần đảm bảo an sinh xã hội	3	HK hè sau kỳ 6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
55.	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu và các nan đề thường gặp ở nhóm đối tượng người nghiện ma túy, mại dâm, nhiễm HIV/AIDS. Đồng thời cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành CTXH với người nghiện ma túy, mại dâm, nhiễm HIV/AIDS. Thông qua những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể thực hành các bài tập trải nghiệm quá trình làm CTXH với đối tượng.	3	HK7, 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Công tác xã hội trong lĩnh vực Bình đẳng giới và Phòng chống bạo lực gia đình	Giảng dạy và truyền thụ cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng những kiến thức cơ bản về CTXH với bình đẳng giới, PCBLGD bao gồm các kiến thức, các khái niệm cơ bản và các văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến PCBLGD; một số	3	HK7, 8	Tiểu luận điểm toàn phần 100%



		yêu cầu và lý thuyết ứng dụng cơ bản; các phương pháp CTXH trong lĩnh vực PCBLGD và các mô hình can thiệp, tư vấn trong lĩnh vực này.			
57.	Kiểm huấn trong công tác xã hội	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản kiểm huấn trong công tác xã hội; Phân tích các chức năng của kiểm huấn; mô tả và ứng dụng mô hình và phương pháp kiểm huấn công tác xã hội.	3	HK7, 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>13</b>		
58.	Kiến tập	Học phần nhằm giúp người có những tiếp xúc thực tế đầu tiên với các nhóm đối tượng yếu thế trong các mô hình đặc trưng của Việt Nam như trung tâm BTXH, trung tâm CTXH, các nhà dưỡng lão, trung tâm điều dưỡng thương binh, người có công... Từ đó, có những sự hiểu biết ban đầu về hoạt động Công tác xã hội, góp phần định hướng nghề nghiệp và quá trình học tập trong các năm học tiếp sau.	3	HK hè sau kỳ 2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
59.	Thực tập tốt nghiệp	Tăng cường hiệu quả trong việc rèn luyện kỹ năng thực hành công tác xã hội của sinh viên, giúp sinh viên ứng dụng kiến thức, kỹ năng trong việc giải quyết các vấn đề thực tế thông qua việc thực tập một vị trí công việc mang tính chất công tác xã hội. Đồng thời, thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên mở rộng mạng quan hệ xã hội, làm quen với môi trường làm việc thực tế, tạo điều kiện cho việc xác định công việc và tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.	5	HK7, 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60.	Khóa luận tốt nghiệp		5	HK7, 8	Tiểu luận điểm toàn phần 100%
	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		5		

61.	Thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các bước trong qui trình thiết kế một nghiên cứu Công tác xã hội. Các nội dung kiến thức được cụ thể hóa từ việc sinh viên biết cách thao tác để thiết kế một đề cương nghiên cứu CTXH, các bước tiến hành nghiên cứu đơn và thiết kế nghiên cứu nhóm trong công tác xã hội. Cụ thể hơn, sinh viên có hiểu biết về các dạng thiết kế nghiên cứu cơ bản trong Công tác xã hội và ứng dụng lựa chọn các thiết kế nghiên cứu vào từng vấn đề nghiên cứu cụ thể.	2	HK7, 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Thiết kế can thiệp trong công tác xã hội	Giảng dạy cho sinh viên những khái niệm công cụ, tích hợp những bước cơ bản để xây dựng và tiến hành một dự án can thiệp trong công tác xã hội: cách can thiệp cá nhân, cách can thiệp nhóm và cách can thiệp cộng đồng. Học phần tập trung chú ý đến khối kiến thức phương pháp nghiên cứu can thiệp.	3	HK7, 8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

## 2. Cử nhân Xã hội học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.	Triết học Mác - Lê nin	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
6.	Tiếng Anh B1		5		
7.	Tiếng Trung B1		5		

<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>27</b>		
III.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
8.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	4		
9.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1				
10.	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2				
11.	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 2		5		
12.	Khởi nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3		
13.	Công tác xã hội đại cương	Học phần cung cấp cho người học những nội dung kiến thức chung nhất và cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành nghề CTXH, người học nắm được lịch sử hình thành và phát triển CTXH trên thế giới cũng như ở Việt Nam cũng như cung cấp các cơ sở khoa học của ngành CTXH dựa trên những lý thuyết khoa học xã hội và các phương pháp, kỹ năng CTXH được sử dụng trong các lĩnh vực thực hành CTXH trên các nhóm đối tượng yếu thế. Từ đó hình thành thái độ và đạo đức của người làm CTXH.	3	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Học phần giúp sinh viên hiểu được về dữ liệu, quy trình xử lý dữ liệu và sử dụng được những tính năng cơ bản của phần mềm xử lý số liệu SPSS để tự mã hóa, nhập, biết cách xử lý dữ liệu, đọc và phân tích được dữ liệu đã xử lý. Sinh viên cũng nắm được cách thức trình bày và diễn giải dữ liệu đã xử lý trong báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp hay nghiên cứu khoa học.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
III.2	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/27</b>		
15.	Dân số học đại cương	Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần xã hội học dân số học, nắm được các khái niệm cơ bản về dân số, các học thuyết về dân số, vận dụng được các lý thuyết để giải thích	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		các vấn đề dân số.			
16.	Nhân học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK4	
17.	Tôn giáo học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK4	
18.	Tâm lý học xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK4	
19.	Báo chí truyền thông đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Báo chí	3	HK4	
20.	Các lý thuyết quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị văn phòng	3	HK4	
21.	Chính trị học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Chính trị học	3	HK4	
22.	Khoa học quản lý đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK4	
23.	Nhập môn khoa học du lịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3	HK4	
24.	Nhập môn Việt Nam học và Khu vực học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Việt Nam học	3	HK4	
25.	Văn hóa, văn minh phương Đông	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Đông phương học	3	HK4	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>15</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
26.	Hành vi con người và môi trường xã hội	Hoàn thành môn học sinh viên nắm được các khái niệm, định nghĩa, nêu được các quan điểm, lý thuyết, phương pháp, các nguyên tắc nghiên cứu hành vi con người trong môi trường xã hội. Trên cơ sở đó, sinh viên biết nhận xét, đánh giá các ưu, nhược điểm trong tiếp cận nghiên cứu hành vi con người. Sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt các cách tiếp cận, các kiến thức đã học khi phân tích hành vi con người trong các nhóm đối tượng yêu thế.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

27.	Xã hội học quản lí	Học phần Xã hội học quản lý sẽ giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm và lý thuyết cơ bản của chuyên ngành xã hội học quản lý, phân biệt được cách tiếp cận xã hội học quản lý và các cách tiếp cận của các khoa học khác cũng nghiên cứu về tổ chức, quản lý; vận dụng các quan điểm lý thuyết xã hội học để giải thích các sự kiện, hiện tượng, hoạt động và quá trình quản lý cụ thể.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Chính sách xã hội	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận cơ bản liên quan đến chính sách xã hội và kiến thức có tính hệ thống về xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Học phần cũng đặt mục tiêu giúp sinh viên hiểu sâu một số chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV.2</b>	<b><i>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</i></b>		<b>6</b>		
	<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		6/12		
29.	Xã hội học tôn giáo	Học phần Xã hội học tôn giáo sẽ giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm và lý thuyết cơ bản của chuyên ngành xã hội học tôn giáo, phân biệt được cách tiếp cận xã hội học tôn giáo và các cách tiếp cận của các khoa học khác cũng nghiên cứu về tôn giáo, vận dụng các quan điểm lý thuyết xã hội học để giải thích các sự kiện, hiện tượng tôn giáo trong xã hội, sử dụng được các phương pháp thu thập thông tin của xã hội học trong nghiên cứu tôn giáo và có khả năng đánh giá tác động của xã hội tới tôn giáo và tác động của tôn giáo tới xã hội.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
30.	Phát triển cộng đồng	Trang bị cho người học những nội dung kiến thức chung nhất và cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành nghề Phát triển cộng đồng - một ngành nghề trong hệ thống các Khoa học xã hội và nhân văn.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

31.	Xã hội học khoa học và công nghệ	Xã hội học về khoa học và công nghệ là học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về các khía cạnh xã hội của khoa học và công nghệ; quan hệ tương tác giữa khoa học và công nghệ với xã hội; cộng đồng khoa học và công nghệ như một nhóm xã hội; các khía cạnh tổ chức và chính sách khoa học và công nghệ.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Sinh viên nắm được các mô hình của truyền thông và truyền thông đại chúng, các chức năng của truyền thông đại chúng và tác động của nó đến dư luận xã hội, các hướng nghiên cứu trong xã hội học về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội.	3	HK3	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>		6/18		
33.	Tâm lý học phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tâm lý học	3	HK6	
34.	Công tác xã hội với người nghèo	Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức về nghèo đói, một vấn đề gốc gây ra nhiều vấn đề khác trong xã hội. Thông qua môn học, tình hình nghèo đói trên thế giới và Việt Nam sẽ được mô tả, phân tích. Các đặc trưng tâm lý xã hội, nhu cầu của người nghèo ở Việt Nam cũng như hệ thống các chính sách, mô hình trợ giúp người nghèo được cung cấp với sự so sánh, tìm kiếm lỗ hổng giữa nhu cầu và chính sách, dịch vụ được cung cấp sẽ giúp sinh viên có những hiểu biết toàn diện về nghèo đói, từ đó lồng ghép, xây dựng các dự án để trợ giúp người nghèo, góp phần đảm bảo an sinh xã hội	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
35.	Các phương pháp nghiên cứu nhân học	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Nhân học	3	HK6	
36.	Khoa học chính sách	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Khoa học quản lý	3	HK6	
37.	Các vấn đề toàn cầu	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Quốc tế học	3	HK6	
38.	Lễ hội trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong CTĐT cử nhân Tôn giáo học	3	HK6	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>50</b>		

<i>V.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>28</b>		
39.	Lý thuyết xã hội học	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các lý thuyết xã hội học cơ bản một cách có hệ thống.	4	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
40.	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	Học phần cung cấp cho người học toàn bộ kiến thức, kỹ năng và khả năng vận dụng tri thức xã hội học cho việc giải quyết một vấn đề xã hội cụ thể của thực tế xã hội, thông qua việc thiết kế nghiên cứu, tổ chức điều tra thu thập, xử lý và phân tích thông tin trong một nghiên cứu xã hội học thực nghiệm.	4	HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41.	Xã hội học giới	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về giới từ cách tiếp cận xã hội học. Giới thiệu những khái niệm, lý thuyết xã hội học được vận dụng vào nghiên cứu giới. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu mối quan hệ giới trong một số lĩnh vực: giáo dục, lao động, sức khỏe, gia đình, quản lý, v.v.	3	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42.	Xã hội học gia đình	Học phần gia đình học sẽ giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm và lý thuyết cơ bản của xã hội học gia đình, phân biệt được các cách tiếp cận khác nhau trong nghiên cứu xã hội học gia đình, vận dụng các quan điểm lý thuyết xã hội học gia đình để giải thích các vấn đề liên quan đến gia đình; sử dụng được các phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu xã hội học gia đình và có khả năng đánh giá tác động của gia đình đối với cá nhân và xã hội.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
43.	Xã hội học nông thôn	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Xã hội học Nông thôn, bao gồm khái niệm, lý thuyết và phương pháp cùng những tri thức về các chủ đề quan trọng của Xã hội học Nông thôn.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
44.	Xã hội học đô thị	Học phần Xã hội học đô thị sẽ giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm và lý thuyết cơ bản của chuyên ngành xã hội học đô thị, phân biệt được cách tiếp cận xã hội học đô thị và các cách tiếp cận của các khoa học khác cũng nghiên cứu về đô thị ; vận dụng các quan điểm lý thuyết xã hội học để giải thích các vấn đề đô thị cụ thể.	3	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

45.	Xã hội học dân số	Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần xã hội học dân số học, nắm được các khái niệm cơ bản về dân số, các học thuyết về dân số, vận dụng được các lý thuyết để giải thích các vấn đề dân số.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
46.	Xã hội học môi trường	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Xã hội học Môi trường, bao gồm: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử phát triển, cơ sở lý thuyết, và các chủ đề quan trọng trong Xã hội học Môi trường. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức truyền thông môi trường, cũng như những vấn đề môi trường nổi bật ở Việt Nam hiện nay.	2	HK4	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47.	Xã hội học văn hóa	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các lý thuyết xã hội học và Văn hóa học cơ bản, một cách có hệ thống.	2	HK5	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
48.	Xã hội học giáo dục	Học phần Xã hội học giáo dục sẽ giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm và lý thuyết cơ bản của chuyên ngành xã hội học giáo dục, phân biệt được cách tiếp cận xã hội học giáo dục và các cách tiếp cận của các khoa học khác cũng nghiên cứu về giáo dục. Học phần còn giúp người học vận dụng các quan điểm lý thuyết xã hội học để giải thích các sự kiện, hiện tượng giáo dục, phân tích và lý giải các mối quan hệ xã hội trong các hoạt động giáo dục, và các mối quan hệ của giáo dục với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Học phần cũng giúp người học sử dụng được các phương pháp thu thập thông tin của xã hội học trong nghiên cứu giáo dục và các mối quan hệ qua lại giữa giáo dục và xã hội.	2	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/27</b>		
49.	Xã hội học thanh niên	Giảng dạy và truyền thụ cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng những kiến thức cơ bản về thanh niên như (vị thế, vai trò của thanh niên, văn hoá thanh niên, mối quan hệ giữa thanh niên và các thiết chế trong xã hội, định hướng giá trị, chuẩn mực xã hội trong thanh niên...)	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



50.	Xã hội học kinh tế	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức sâu rộng và hệ thống hóa các lý thuyết xã hội học nói chung và xã hội học kinh tế nói riêng từ cổ điển đến hiện đại.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51.	Xã hội học chính trị	Học phần Xã hội học chính trị sẽ cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về xã hội học chính trị, về đối tượng của môn học, về quá trình hình thành và phát triển của xã hội học chính trị, một số khái niệm và nội dung cơ bản của xã hội học chính trị, một số nét đặc thù của xã hội học chính trị Việt Nam. Qua đó sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn xã hội hiện nay.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
52.	Xã hội học du lịch	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, chuyên sâu và hệ thống hóa các lý thuyết xã hội học ứng dụng trong phân tích hoạt động du lịch.	3	HK7	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
53.	Xã hội học sức khỏe	Học phần Xã hội học Sức khỏe sẽ giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm và lý thuyết cơ bản của chuyên ngành xã hội học sức khỏe, phân biệt được cách tiếp cận xã hội học và các cách tiếp cận của các khoa học khác cũng nghiên cứu về sức khỏe, vận dụng các quan điểm lý thuyết xã hội học để giải thích các sự kiện, vấn đề liên quan đến sức khỏe, bệnh tật, sử dụng được các phương pháp thu thập thông tin của xã hội học trong nghiên cứu sức khỏe và có khả năng đánh giá tác động của sức khỏe, bệnh tật đối với cá nhân, gia đình và xã hội.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
54.	Xã hội học pháp luật và tội phạm	Khóa học này nhằm giúp sinh viên làm quen với một lĩnh vực nghiên cứu chuyên biệt trong xã hội học là vấn đề tội phạm và pháp luật. Khóa học cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản cũng như những lý thuyết kinh điển và hiện đại, giúp giải thích về pháp luật với tư cách một thiết chế xã hội, và tội phạm với tư cách một sản phẩm xã hội. Khóa học cũng giúp sinh viên hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa pháp luật, tội phạm và xã hội, từ đó giúp sinh viên nhận diện được những tiến trình và tổ chức xã hội tác động lên quá trình hình thành pháp luật, quá trình xã hội phân loại hành vi nào được coi là tội phạm, cũng như cách thức xã hội tạo thành và kiểm soát tội phạm.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

55.	Xã hội học tổ chức và quản lí nguồn nhân lực	Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống hóa các lý thuyết xã hội học tổ chức ứng dụng trong quản lý nguồn nhân lực.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
56.	Xã hội học cộng đồng	Học phần Xã hội học cộng đồng sẽ giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm và lý thuyết cơ bản, cách tiếp cận và các phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu của chuyên ngành xã hội học cộng đồng. Người học có thể vận dụng kiến thức đã học để thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn như nghiên cứu một đề tài về cộng đồng, viết dự án địa chí cộng đồng, phân tích cộng đồng để xây dựng các dự án phát triển, huy động nguồn lực cộng đồng vào việc thực thi các dự án phát triển.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
57.	Lồng ghép giới trong các dự án phát triển	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học về lồng ghép giới trong nghiên cứu khoa học, chính sách và các dự án phát triển; Giúp sinh viên tiếp cận phương pháp lồng ghép giới để phân tích, thiết kế, đánh giá các nghiên cứu và dự án phát triển có trách nhiệm giới. Học phần nhằm giúp sinh viên hiểu được bản chất của lồng ghép giới trong nghiên cứu khoa học, chính sách và các dự án phát triển. Giúp sinh viên nắm vững được kỹ năng lồng ghép và biết trình bày một thiết kế nghiên cứu và phân tích dự án có trách nhiệm giới.	3	HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.3	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>13</b>		
58.	Thực tập phương pháp	Mục tiêu của đợt thực tập nhằm giúp cho người học nhận biết, phát hiện các vấn đề của thực tế xã hội; khả năng vận dụng những kiến thức đã học cho việc phân tích, giải thích các vấn đề của hiện thực xã hội, đồng thời qua đó thực hành các phương pháp nghiên cứu xã hội học, so sánh phương pháp nghiên cứu xã hội học với các phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và biết cách xử lý, đánh giá, tổng hợp các dữ liệu để hoàn thành một báo cáo khoa học.	5	kỳ hè sau HK6	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

59.	Thực tập tốt nghiệp	Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức xã hội đã được học vào nghiên cứu thực tế đời sống xã hội hoặc áp dụng kiến thức xã hội học đã được học vào thực hiện các công việc cụ thể.	3	HK7,8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
60.	Khóa luận tốt nghiệp		5	HK7,8	Tiểu luận điểm toàn phần 100%
	<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>				
61.	Thiết kế nghiên cứu xã hội học	<p>Đây là học phần được thiết kế cho đối tượng các sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp cuối khóa, tiếp tục học thêm các học phần, để tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định. Vì vậy, học phần nhằm mục đích giúp người học có thể vận dụng và các kiến thức tổng hợp của khóa học, và trải nghiệm một nghiên cứu khoa học thực sự.</p> <p>Học phần thiết kế nghiên cứu xã hội học sẽ giúp cho sinh viên vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để có thể thiết kế một nghiên cứu dưới các tiếp cận xã hội học.</p> <p>Cụ thể, giúp sinh hệ thống lại phương pháp luận nghiên cứu khoa học vận dụng trong nghiên cứu xã hội học; biết xác định vấn đề nghiên cứu từ việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, đề lập kế hoạch thực hiện và sử dụng những phương pháp thu thập thông tin cụ thể để tiến hành nghiên cứu. Học phần giúp người học có thể hiểu và vận dụng được lý thuyết trong nghiên cứu xã hội học; biết viết một báo cáo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học dưới dạng bài thuyết trình. Học phần cũng giúp người học hiểu kỹ biết cách thể hiện được đạo đức trong nghiên cứu xã hội học.</p>	3	HK7,8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
62.	Lý thuyết xã hội học kinh điển	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các lý thuyết xã hội học kinh điển cơ bản, một cách có hệ thống.</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng lựa chọn, xác định, vận dụng các lý thuyết xã hội học kinh điển để phân tích, đánh giá đời sống xã hội, nguyên nhân và hệ quả của hành vi con người; từ đó đề xuất các giải pháp đối với các vấn đề, sự kiện, hiện tượng, quá trình xã hội.</p>	2	HK7,8	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

Hà Nội ngày 31 tháng 12 năm 2021

TL HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO